

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

P. J. B. TRƯỜNG

VĨNH KÝ

(1837 – 1898)

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

BAN KHOA HỌC XÃ HỘI THÀNH ỦY  
TP. HỒ CHÍ MINH

*Trình bày bìa* : ĐỖ DUY NGỌC

**KÍNH TẶNG**

*Bà con hai tỉnh*

*Vĩnh Long*

*Bến Tre*

*và les Anciens du Lycée Petrus Ký.*

PHẦN MỘT

**Tiểu sử**

## LỜI GIỚI THIỆU CỦA MỘT TƯ VẤN PHÍA BẮC

Từ trước tới nay đã có không ít người viết bài hoặc bằng cả sách, về thân thế và sự nghiệp của Petrus Trương Vĩnh Ký, song không phải đã không có những nhận định và đánh giá chưa nhất trí bất đồng và điều đó không chỉ diễn ra trong giới viết lách mà có ngay cả trong dư luận của đông đảo người đời qua nhiều thế hệ khác nhau.

Vậy con người thật của P. Trương Vĩnh Ký là như thế nào nhất là con người ấy trên chính trường ? Câu hỏi đặt ra từ lâu và đã đến lúc cần được giải đáp.

«*Trương Vĩnh Ký, con người và sự thật*» của bác Nguyễn Văn Trấn cuốn sách biên khảo nhằm góp phần giải đáp câu hỏi đó.

Vốn là học viên cũ trường trung học Trương Vĩnh Ký những năm 1930 ở Sài Gòn rồi vào đời hoạt động chính trị, từng là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước ta, một bậc lão thành cách mạng đã 80 tuổi, tác giả «*Logique học*» (Nhà Xuất bản Sự thật Hà Nội — 1960) với vốn hiểu biết sâu sắc và từng trải, với cách suy nghĩ khoa học và làm việc nghiêm túc, thận trọng, tác giả đã cung cấp cho chúng ta một cuốn sách chính quy, đầy đủ và trọn vẹn về thân thế và sự nghiệp của «*Người Thầy giáo Nam Kỳ*»

Con người thật của Trương Vĩnh Ký ngoài tinh chất là một nhà văn hóa với nhiều công trình và hoạt động có tính khai phá cách đây đã hàng trăm năm, được tác giả trình bày về mặt tư tưởng, chính trị qua hoạt động với tư cách là nhà phiên dịch cự phách giữa Pháp và Nam Triều, rồi sung chức Hàn Lâm Thị giảng, vào viện Cơ Mật, làm việc giữa quan cao cấp nhất của Pháp với các Vua và quan lại

Nam Triều v.v... là một con người chân chính, một con người yêu nước thương dân, hiểu rõ thời thế và biết khôn khéo «lựa chiều cảm xoang» trong bối cảnh và hoàn cảnh hoạt động bị điều kiện hóa vẫn uyển chuyển tìm cách giữ cho được ý tưởng chân chính của mình ở mức cần thiết có thể.

Nêu lên điều vừa nói trên không phải là chúng tôi có dụng ý muốn bảo vệ cuốn sách, bảo vệ tác giả mà sự thật là nội dung của cuốn sách được lý giải sắc sảo bằng chứng cứ, bằng tư liệu, văn bản sưu tầm được khá chính xác và đầy đủ, được cách nhìn khoa học có lập luận và phân tích, trích dẫn kinh điển làm sở cứ mang sức thuyết phục đầy tính logic (tác giả vốn là nhà lôgic học mà ! ) hơn nữa với văn phong dí dỏm, hóm hỉnh rất chân chất, dân dã đến là thú vị (một phong cách rất khó và ít có ở các công trình biên khảo về danh nhân) càng làm cho nội dung cuốn sách càng dễ lòi cuốn hơn).

Cuối cùng, nói cho hết lẽ, qua cuốn sách, không chỉ trên lĩnh vực chính trị mà về phần văn hóa và các hoạt động khác của Trương Vĩnh Ký cũng bộc lộ phẩm chất đứng đắn của con người thật của ông, một con người chân chính «mặt trong» của ông (theo ý lời tác giả) là mặt thật và hầu như không tách rời trên từng lĩnh vực và cả trên hai lĩnh vực chủ yếu trong một con người mà tác giả cũng rất khiêm nhường khi giải bày những nhận định và đánh giá của mình đối với tiền nhân.

Chúng tôi có hơi nhiều lời trong việc giới thiệu cuốn sách. Bởi thế, có thể có bạn đọc chưa nhứt trí thật cao với chúng tôi. Vậy mong bạn đọc góp cho nhiều ý kiến bổ ích để bổ sung cho cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 1992.

PHAN XUÂN HẠT

# KÍNH CẢN MẤY LỜI thay TỰA

Dưới mắt bạn, đây là tập tiêu sử và hành trạng của một nhà yêu nước, một bác học, triết gia, một danh nhân của nước Việt Nam ta.

Có ba tấm hình ...

Các thế kỷ của một dân tộc là những trang của một cuốn sách.

Những người sống trước đã quý yêu cái TRÍ TRI, cái hiểu biết đến nơi đến chốn, và cái CHÍ THIÊN là làm lung giời dang, dưới hình dạng của thời buổi họ, mà xây dựng một kho tàng những hiểu biết và chân lý.

Cuốn sách sử ấy, người trước viết, người sau viết tiếp theo cùng trong một đà nhân văn chủ nghĩa.

Phàm là người nhân ái, ai cũng nghĩ, những dân tộc hoặc con người riêng lẻ, đều phải được đánh giá trước hết bằng sự say đắm của họ phục vụ một lý tưởng, cứu cánh của một đời người.

Cho nên có viết lại hành trạng của tiên hiền, thì phải là nói họ đã làm gì, hoặc đang nhắm tới sẽ làm gì, cho đời sống được đẹp hơn, tức là cho sự hiểu biết được thêm rộng, cho học thuật được chính xác, cho lao động có kết quả ứng ý là sản xuất tăng, cho công lý được ngày càng có lý và công bằng.



Tôi ngắm tiêu tượng của Trương Vĩnh Ký.

Tấm hình khăn đóng, áo dài, có Mề đay điệu Bắc đầu Bội tinh. Tôi nói trong bụng bằng tiếng Tây, câu nhớ sách «*C'est digne de Lui pour la Raison*», thật đáng hãnh diện cho Ông về Lý trí.

Bạn xem ! tấm hình áo mao cân đai, coi bạn có nói như tôi không. Thật đáng hãnh diện cho Ông về Cơ trí. *C'est digne de Lui pour l'Esprit*.

Và tấm hình «Thế giới thập bát văn hào» lưu niệm một niềm vinh diệu rất lớn cho cả dân tộc.

Tôi cảm viết, ngưỡng đầu đón lấy ân huệ của quá khứ và làn gió mát chủ nghĩa nhân văn.

Nay kính,  
Nguyễn Văn Trấn.

# TRƯƠNG VĨNH KÝ

Sanh ngày 16 tháng chạp, năm 1837 tại Cái Mơn, làng Vĩnh Thành, tổng Minh Lệ, huyện Tân Minh (hồi đó thuộc tỉnh Vĩnh Long, nay Bến Tre) .

Cha là Trương Chánh Thi, võ quan hai trào Minh Mạng và Thiệu Trị.

Mẹ, Nguyễn Thị Châu, vốn nghiệp «coi nhà»

Có chị, có anh. Chị chết sớm, Anh, Trương Chánh Sử, học hành đủ để làm một vị quan làng nho nhỏ, không tiếng tăm. Minh là em út. Mẹ cha, sao lại lót cho chữ Vĩnh, chẳng theo dòng ?

Trương Vĩnh Ký được cho vô đạo mà có tên rửa tội là *Jean Baptiste* và tên thêm sức là *Petrus*.

Người đời gọi ngọt ngào : Ông Petrus Ký.

Bạn tư văn khắp nước rất lấy làm ái mộ Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký, một bút hiệu, một chí hướng cao cả của một cuộc đời.

Mô coi cha hồi **TUỔI LÊN BA.**

Phụ thân lãnh mạng triều đình, làm sứ thần bên cạnh vua Cao Miên, đóng quân ở phụ cận Nam Vang, không may mà chết ở đó, bởi ma thiêng nước độc.

Quán quít trong chum mẹ, **TUỔI LÊN NĂM,** được cùng trẻ xóm «học giả hảo» với một ông đồ.

**NĂM 1846**

tuổi đã lên chín. Bỗng có một cha cố An Nam, tên là Cổ Tám, trên đường lảnh xăng truyền đạo, ghé nhà.

(Xin lỗi ! Chữ *lãng xãng* này đáng dùng trong một tình hình ... ) .

Số là từ 1825 năm thứ sáu triều đại của mình, Minh Mạng đã ra chiếu chỉ cấm đạo. Đến năm thứ 14 (1833) lại còn hạ chỉ «*sát tả*» Cho rằng :

*«Đạo Tây là tà đạo, làm mê hoặc lòng người và hủy hoại phong tục cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chánh đạo»*

Quan lại triều đình vốn ít ai muốn cho đạo Dato bành trướng như đó làm già, diệt cha cố, hại giáo dân.

Trong tình thế hiểm nghèo như vậy mà «*lãng xãng*»... thiệt là lòng nhiệt thành tôn giáo đã khích lệ mục sư gan góc (truyền đạo đáng khen) .

Cố Tám ghé nhà. Ông này, ngày trước có nhờ ông Chánh Thi mà thoát một cuộc vây bắt. Nay thấy tình cảnh mẹ vá, con cô, bèn nghĩ xin Vinh Ký, đem về cho ăn học, mà đền ơn muôn một. Người mẹ hiền rút ruột.

Cố Tám dắt Vinh Ký về giáo đường, sớm tối cho đọc kinh mà nhìn học chữ An nam, lúc đó đã có rồi, viết bằng chữ cái La tinh.

Rồi Cố Tám chết, như mọi người đều phải chết. Một linh mục khác, bên Tây qua, được phái về giáo phận Cái Nhum, lấy tên theo ta là cố Long.

Trong cơn đạo bị cấm ngặt nghèo, e cho vừa học mà vừa như chạy giặc thì còn học với hành gì. Cố Long ta mới na Vinh Ký lên Nam Vang. Cho vào trường *Pô-nhia* Lư. Ông đốc trường này là Cố Hòa, là Tây, tên *Belleveaux*.

Hay cho cái dịp !

Ở chung với bạn thuộc nhiều sắc tộc dân, Vinh Ký hầu như đã dành trọn giờ chơi cho việc học. Học tiếng nói của bạn bè, người của khắp các miền trên bán đảo Đông Dương. Miền có, Lào có, có cả Xiêm La và Trung Quốc ...

Vinh Ký đã học nói được mấy thứ tiếng của những anh em kia, và từ khẩu ngữ mò ra ngữ phạm, cất đó làm vốn để ngày sau viết sách ngữ pháp của những thứ tiếng ấy.

#### NĂM 1851 LÊN 14 TUỔI.

Vinh Ký học hết lớp của Pô - nhia Lư. Nhà trường xét, nên cho chú bé sáng dạ và rất siêng năng này học cao lên, kéo uông...

Lại cũng Cố Long túm «trong vạt áo thụng» Vinh Ký và mấy cậu nữa, nhằm mang đến cù lao *Penang*, cho vào cái trường Nhà chung nổi tiếng, *Seminaire général des missions étrangères en Extrême Orient*.

Du học, du hành. Một cuộc đi lặn lội. Trốn chui trốn nhui. Lạc lối lâm đường. Nhưng trên hành tinh này đâu cũng có người tốt ở. Mà «Đường đi là ở trong miệng» Người dân bốn địa họ hát hàm, cứ theo đó mà đi. Tựa như bần nạng con cá lóc mắc cạn luôn luôn nó lóc về cái hướng có sông. Thiệt y, ra khỏi rừng, ngược đầu lên, đoàn người đi, thấy trước mặt là... Sài Gòn.

Thôi, ba bảy cũng một liêu về đó.

Bến Nghé đóng buồm. Họ đến *Penang*.

Ngày sau Petrus Ký có viết lại bằng thơ lục bát cuộc đời sống, vén mây này. Cái gian nan in dấu vào tuổi trẻ, dấu ấy ăn sâu. Đối với mỗi con người cảnh ngộ của thời thơ ấu góp phần quan trọng trong sự rèn luyện tánh tình, tánh nết,

tánh khí, tánh cách và sức năng nổ trong sự đeo đuổi và thực hiện ước mơ. Chúng ta sẽ xem ở Vinh Ký của chúng ta.

### NĂM 1852, VINH KÝ 15 TUỔI.

Làm tu sinh ở Penang, học thần học, học triết học, bắt đầu học chữ Hy Lạp và không ngớt trau dồi La tinh «Người ta» nói, trong một kỳ thi luận văn, bằng chữ La tinh, đầu đề là «*le Fils de l'Homme est-il Dieu ?*» (Đức Kitô có phải là Chúa không?) Vinh Ký được chấm nhứt và được giải thưởng 100 đồng của ông quan, người Anh cai trị *Singapour*.

Địp này cũng như ở Pố-nhia Lư.

Trường đạo Penang là một trường lớn, có dạy nhiều môn học. Học trò Âu Á có số hơn 300. Cơ hội ở chung này nữa đã cho Vinh Ký học được tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hin du. Và cũng chỉ là học miêng.

Nơi đây người ta đã lấy một giai thoại mà tưới cho cây non (nói như Tây, *la renommée est une plante arrosée d'anecdotes*, danh tiếng là một loài thảo mộc được tưới bằng giai thoại).

Ngày nọ thơ thần trong sân trường, Vinh Ký lượm được một tờ giấy có chữ viết tay. Cầm coi một hồi rồi tự hỏi, thứ chữ này là chữ gì mà mình chưa biết? Mà sao nó hao hao chữ La tinh? Cũng vì là các thứ chữ bên Âu đều có cội rễ la tinh, nên Vinh Ký dò ra mà biết đây là một lá thơ, ai gửi cho thầy học của mình. Bèn cầm thơ về địa chỉ. Ông thầy nhận thơ, lấy làm ngạc nhiên cho cái thiên tư của đứa học trò. Sau đó, thầy tìm sách Pháp mà dạy cho trò thêm sanh ngữ ấy.

NĂM 1859, MÃN KHÓA TÁM NĂM,  
rèn luyện thánh giáo ở Penang, Trương Vĩnh Ký *im lặng* về  
nước. (chữ «im lặng» này là chính của Vĩnh Ký, mà chúng  
ta sẽ còn gặp lại đằng sau) .

Cửa Hàn (Dà Nẵng) giặc Phangsa đã chiếm.  
Về nơi quê mẹ ... Mẹ đã cõi hạc rồi.  
Năm này Trương Vĩnh Ký 22 tuổi.

Chúng ta đang ở dưới triều Tự Đức.  
Ngược nhìn về Minh Mạng (1820 — 1840)  
thấy cảnh «sát tã»  
Tới Thiệu Trị (1840 — 1847) ban đầu, đối  
với Thiên Chúa giáo, ít ác hơn cha. Nhưng  
nạn ngoại xâm ngày càng lộ rõ :

Ngày 27 - 01 - 1843 chiến thuyền của  
Pháp đã kéo tới Cửa Hàn. Ban đầu chúng  
còn bán chỉ thiên, đủ cho rung động ngại  
vàng của Thiệu Trị. Sau rồi, chúng bán  
thắng, làm chìm mấy mươi chiến thuyền  
của hạm đội Đại Nam.

Sự gây hấn ấy làm cho Thiệu Trị giận mà  
ra sắc lệnh, bắt được đâu giết đó, bất cứ  
đứa Tây dương nào leo hành trên «bờ cõi  
của ta»

Tới đời Tự Đức (1847 — 1883) cuộc chiến tranh  
chống Phang sa xâm lược đã như lửa cháy mảy.  
Luật lệ của triều đình đối với người có đạo càng  
gắt gao, « *Việt Nam sự kiện lịch sử* » viết :

«Tháng Năm năm 1859, triều đình Tự Đức  
đề ra một số biện pháp để quản lý giáo

dân ở Gia Định đã bị giặc dụ dỗ làm tay sai cho chúng. Bắt giam cha mẹ, vợ con của những kẻ đã thực sự làm tay sai cho giặc và buộc họ phải gọi chúng về. Đối với bọn cường hào đầu mục theo đạo, phải quản thúc chặt không cho chúng tự do đi lại, sáp nhập người già, phụ nữ trẻ con đã theo đạo mà có thái độ trông chờ quân Pháp, vào các xã thôn không có người theo đạo để tiện quản lý, ngăn chặn không cho dân đạo tiếp xúc, liên hệ với Pháp ; đối với dân theo đạo đã bỏ đạo ra thú, thì cho phép xã sở tại được nhận về để quản thúc nhưng với điều kiện xã ấy phải ở xa nơi Pháp đóng chiếm, trường hợp xã ở gần đồn binh Pháp thì không được nhận, mà phải chuyển giao cho các xã ở xa đồn binh Pháp nhận quản thúc họ»

Tháng Mười năm 1859.

«Tự Đức ra dụ cho các quan lại hàng tỉnh Nam Kỳ và Bắc Kỳ phải khẩn cấp thi hành mọi biện pháp nghiêm ngặt để xử lý dân theo đạo, như : Bắt giam những giáo dân có hành động khích động dân chúng, tịch thu tài sản của những giáo dân phạm tội ; ghép số giáo dân có thái độ trông ngóng quân Pháp, vào các xã thôn không có người theo đạo để tiện việc quản lý chúng, binh, dân phải có trách nhiệm phát giác và bắt nộp cho quan địa phương những giáo dân có hành động chống đối triều đình, ai bắt được bọn đạo trưởng hay bọn đầu mục gian ác đã theo đạo, sẽ được khen thưởng hoặc bỏ cho

*quan tước, tỉnh nào thi hành chậm trễ, hoặc thi hành trái với dụ này sẽ chiêu theo quân luật trị tội»*

Vĩnh Ký đang ở Cái Mơn.

Xóm làng quanh quē. Tai vẳng nghe hai tiếng chuông. Một tiếng chuông Nhà Thờ. Một tiếng chuông gọi vào đời. Nghe theo tiếng chuông nào ? Vĩnh Ký đã có ý định sẵn. Chúng ta sẽ đọc thấy ông viết : Giữ gìn tánh đạo tìm ra được đời. Đạo và đời quyện vào nhau làm một. Đạo gì đây ?

Bây giờ thì hãy làm việc trả nghĩa ơn. Như bất cứ cậu trai trẻ nào có ăn học, về làng, cũng đều ham đem sở học của mình mà bày cho cô, bác, đem ba cái chữ, bỏ vào sọ dừa khô của đám trẻ con không được học hành. Vĩnh Ký tiêu khiển, làm ông giáo làng ở trường Cái Nhum, trường lớp đồng ấu ngày xưa của chính mình.

Có thể coi đó là một sanh hoạt tạm thời.

Sao mà rằng tạm ?

Với Trương Vĩnh Ký thì phải tính theo như vậy :

Sử gia Pháp, ông C. Jullian nói :

*«Sự văn minh phát xuất từ một nguồn gốc thị thành (la civilisation sortait d'une origine municipale) tượng thánh, tranh vẽ hay thi ca, khoa học, công nghiệp hay thương mại mà có là nhờ có những thị thành đồ sộ xây bằng đá, gạch, bằng cẩm thạch» .*

Ông Ăng-ghen có nói về Phơ-bách :

*«Người trí thức cùng cực lắm mới chịu sống cô quạnh ở thôn quê, nơi đó, người học giả làm thế nào có thể theo dõi những tiến bộ của khoa học một cách đầy đủ được ? »*



Thi Trương Vĩnh Ký làm sao lại chịu chôn chửng, bó gói nơi sấn dã ?

Ngôi dạy học trò làm vui, đầu óc rạo rức như nổi cơn sôi ... Dân lành cho hay : Quan lại triều đình đánh hơi có cuộc họp của cha cố Tây dương ở Cái Nhum, nên sắp đặt một cuộc vây bắt.

Vĩnh Ký nghe lời đồng bào biểu trốn đi. Lặn ngụp theo hang chôn, ở rần năm tháng ròng mới về tới Sài Gòn. Nơi thị thành.

Tá túc nhà Giám mục Lefebvre. Có Linh mục Đoàn làm bạn. Từ nhà này Vĩnh Ký nhảy vào đời.

(Chuyện đó, dễ đó. Đây ngoái nhìn lại sự kiện 27-01-1843)

Chiến thuyền Pháp đột nhiên kéo tới bắn cửa Hàn. Bắn thì rồi bỏ đi. Sự sanh chỉ tới mức đó. Cho đến ...

Ngày 1 tháng chín năm 1858 quân Pháp do *Rigault de Genouilly* chỉ huy có quân Y Pha Nho trợ lực, đã trở lại đánh chiếm Cửa Hàn. Rồi quay vô Nam.

Trên sông Sài Gòn, tàu Pháp lân lượt hạ các đồn thủ ngữ và chiếm Sài Gòn — tỉnh thành của Gia Định, thủ đô của triều đình Huế, ở phía Nam.

Ngày Sài Gòn mất là 17 tháng 02 năm 1859

Sau đó, ngày 20 tháng 04, R. de Genouilly trở ra Cửa Hàn, mưu việc đánh Huế. Việc ở Sài Gòn giao cho Jauréguiberry, quan ba hải quân.

Khi Sài Gòn thất thủ, quân An nam ta rút ra xây đồn lũy Chí Hòa. Còn quân Phang sa cũng sợ, mà phá hủy tỉnh thành, đốt hết kho tàng, rồi rút ra ngoài xây những pháo đài, ngựa quân ta đánh úp.

Tháng 12 — 1859 Jauréguiberry trở vào nội thành, mở rộng diện chiếm đóng ra Chợ Lớn.

Nó thiếu một thông ngôn và cây Giám mục Lefebvre tìm. Ông này chỉ Trương Vĩnh Ký.

Trương Vĩnh Ký đưa tay.

Chính Trương Vĩnh Ký đã ghi trong tập hồi ký của mình, đó là năm ra làm việc với Tây.

(Kính thưa độc giả,

Chúng ta hãy ngậm ngời đoạn văn này. Các Mác viết kết luận bài «*Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ*», của ông.

«Vấn đề là ở chỗ, nếu không có cuộc cách mạng căn bản trong các điều kiện xã hội của châu Á thì liệu loài người có thể hoàn thành được sứ mạng của mình không? Nếu không thì nước Anh mặc dù tất cả những tội ác của nó cũng đã là công cụ không tự giác của lịch sử khi thực hiện cuộc cách mạng đó.

Nhưng trong trường hợp ấy, dù cảnh tượng tàn phá của thế giới cổ xưa có đáng buồn đối với tinh cảm của chúng ta như thế nào chăng nữa, thì xét theo quan điểm lịch sử chúng ta cũng có quyền kêu lên cùng với GOETHE rằng :

*«Nếu như sự đau khổ ấy làm cho chúng ta thêm vui sướng.*

*Thế thì đau khổ vì nó làm chi?*

*Phải chăng sự thống trị của Ti-mua.*

*Đã không xé nát vô vàn sinh mạng?»*

NĂM 1861.

Trương Vĩnh Ký lập gia đình. Linh Mục Đoàn làm mai Vĩnh Ký cưới thiếu nữ Vương Thị Thọ, con gái của ông Vương Văn Ngươn, thầy thuốc làm chức hương chủ trong làng Nhơn Giang (Chợ Quán).

Trương Vĩnh Ký là một người trí thức lớn, loại mà nước ta chưa từng có. Ông đưa tay lại là người thứ nhứt nắm lấy tay Tây thì tâm can không thể không nhức nhối bởi những giá trị tinh thần yêu nước, đang nêu cao trên đất Nam kỳ lúc bấy giờ.

Xin kể chừng ba chuyện :

Chuyện một. Bài phú «*Mẹ của Vương Lăng*»

Vương Lăng là một người nước Sở có hiếu, mưu lược và võ dũng lại đang phò Hán đánh Sở. Vua Sở bắt mẹ Vương Lăng, giam cầm và cho đeo gươm kê cổ, để dụ Vương Lăng trở về Sở đầu hàng. Vương Lăng hay biết tin ấy, cho người về thăm mẹ. Mẹ của Vương Lăng tiếp sứ và hỏi :

— Ông là người ở đâu ?

Sứ đáp : «Vương tướng công, con trai bà, nghe bà bị bắt, bị giam để kêu gọi con về hàng phục vua Sở Hạng Võ, sai tôi đến đây cho rõ thiệt hư. Nếu mẹ muốn gặp con thì viết cho vài chữ, tôi cầm về. Con sẽ đến gặp mẹ ngay.»

Vương mẫu nghe tới đó liên hét :

— Con tôi đương phò vua Hán, là làm điều phải đạo. Về nói với nó, có thương mẹ thì cứ trở tài diệt Sở, già này có chết cũng nhắm mắt, cam lòng.

Nói vậy rồi Vương mẫu cầm mũi gươm đang đeo mà đâm cổ.

Nho sĩ Nam Kỳ lấy tích Tàu ấy viết thành một bài phú truyền đọc trong dân gian. Thuở ấy lúc đó có một số người Nam Kỳ ra «làm việc với tân trào». Bà mẹ miền Nam, khi lác vớng đưa con đã lấy bài phú kia mà ru nhắc nhở : đừng làm như con hươu gặm cỏ không biết mấy cụm đồng !

Chuyện hai là, sĩ phu trong nước có những nhà «nho học thượng lưu» không chịu thấy chế độ vua quan nhà đà rệu rã. Cứ một mực «trung trinh» cho rõ mặt nhà Nho. Đứng trước cái chết phải đạo, không hề đắn đo. Nhận ngay cái chết để đền bồi ngọn rau, tác đất. Lấy điều như nghĩa nêu gương cho đời.

«Sông có phép mà chết cũng có phép, sống giúp cho đời rồi chết như đi chơi về nhà. Chớ người thượng lưu ai lại, thấy nghịch cảnh mà chạy đi cho khỏi kéo âu tới mình ! »

Chuyện ba là, nghĩa khí của người dân thường, căm thù giặc nước, chung đức tinh hoa của người Nam kỳ. Loại chuyện này xảy ra rất nhiều. Sau đây là lấy một chuyện viết sẵn.

## HAI ANH EM

Hồi năm 1862. Chúng tôi được lệnh đi dẹp loạn ở Rạch Giá.

Ông Tư Linh V ... sai viên hải quân, trung úy M. đi chặn đường bọn làm giặc bị thua.

Lúc mặt trời chen lặn M. trở về với toán lính, sức đuối và mình đầy bùn lấm. Thấy không có tù binh mà mặt mày của họ xuôi xị thì chúng tôi biết ngay là việc chẳng lành. Hai người dẫn đường, mắt dòm xuống, tay bị trói, đi tới, có bốn tên lính bông súng kèm hai bên. Minh trần của họ còn lộ những dấu đòn rành rành.

M ... bước tới trước mặt quan Tư linh và áp úng :

— Bẩm quan Tư linh, từ ban mai bọn dẫn đường dắt chúng tôi lội bùn tới rún, mà chẳng thấy một cọng ma nào trốn hết.

— Biết sao bây giờ ! Chẳng phải lỗi của tướng quân.  
Cho lính đi ăn đi.

Tiếc thay ta đã để xảy mất một cơ hội tốt.

— V ... gọi thầy thông ngôn Paulus lại, nói vài câu rồi  
ngồi trước cái bàn nhỏ, trong chòi lá, cho đòi hai tên Việt Nam.

Chúng là anh em ruột, chắc chắn như vậy, vì chúng  
giống nhau như tạc. Người anh trả lời một mình cho những  
câu hỏi của quan Tư lịnh.

— Bây biết chớ, bây đã thú nhận như vậy ?

— Chúng tôi biết.

— Tao đã cắt nghĩa kỹ càng với bây, phải đem lính đi  
đâu và phải làm cách thế nào. Bây đã khai rằng hiểu ý tao ?

— Chúng tôi đã hiểu.

— Tao có nói với bây chớ. Nếu bây dắt lính ta tử tế bây  
sẽ được toàn thân, bằng như bây dắt đi bây, bây sẽ bị  
chết hẳn ?

— Quan có nói như vậy.

— Và bây lại cố ý đem chúng nó đi lạc trong ao lầy.

Hai người trẻ tuổi lặng thinh.

— Lúc ra đi tao có cho bây biết trước, hay không ? Bây  
sẽ bị bắn nếu bây không dẫn đường một cách thiệt tình. Trả  
lời đi.

— Quan có cho chúng tôi biết trước, người anh trả lời,  
sau một giây do dự.

— Nếu vậy bây quyết lòng chớ chết hẳn, phải không ?

— Chúng tôi chớ đây.

(Người dân Nam kỳ trả lời câu ấy, thần nhiên, nhẫn nại theo lối Á Đông.

Hai anh em thấy hỏi xong thì vái chào) .

V ... gọi một thầy lính tập Phi Châu.

— Dem bốn lính ra sau trại, bắn hai tên tù binh này.

Thầy đội ngoắt. Hai người Việt Nam đi theo không than trách, không do dự. Một chập sau, một loạt súng nổ báo cho chúng tôi biết rằng chúng đã bị hành hình. Quan Tư lệnh xây lại phía chúng tôi, mặt đỏ bừng bảo rằng :

«Chúng nó là anh hùng ... Nếu ở Hy Lạp thì tất cả được dựng hình ... tôi ... tôi lại đem ra bắn»

*(Đoàn Quan Tân dịch của thiếu tá hải quân Réveillère).*

Vĩnh Ký học xong, về nước, nước đã bị xâm lăng. Bằng lòng đưa tay cho giặc nắm. Một sự hiến thân ... Hiến thân, liều thân với chí định rõ ràng. Nhưng phải chịu một sự mất mát lớn quá. Mang tiếng đời ! Mà khổ ! hiến thân như vậy, chớ nhân tiên có mong thấy, lấy lại được cái gì không ? Từ ly rượu đến môi, khoảng cách này xa lắm. Vĩnh Ký có than với bạn như vậy. Và đối với sự dân vật của tình đời, thì lương tâm có thể tự an ủi bằng cái suy tư triết học, như Các Mác nói mà thôi !

*«Dường như là thoát tiên, lịch sử cần phải làm mê muội cả một dân tộc rồi mới có thể thức tỉnh được nó khỏi cơn mê muội lâu đời .»*

TỪ 1860 ĐẾN 1863.

Những trang đầu lịch sử của Trương Vĩnh ký hợp tác với Phang sa sắp mở, thì cũng nên nhắc lại ...

Trong những ngày đầu Sài Gòn bị chiếm, người An nam ta, ra ngoài xây lũy Chí Hòa. Thuở bấy giờ đó là một công trình vĩ đại.

Quân Phang sa đốt thành, cũng ra ngoài đóng giữ, sợ quân ta đánh úp bất ngờ. Nhưng chúng không khời lâm vào hoàn cảnh, bị bao vây. Vả lại lực lượng Phang sa bấy giờ cũng mỏng. Vì, nói riêng ở Viễn Đông, Pháp đang vấp vào chiến tranh với Tàu. Quân binh của triều đình Huế, coi vậy chớ mà tương đối mạnh, có đủ sức bóp hẹp vùng Sài Gòn bị chiếm đóng, rồi phục kích, bắn tỉa.

Đến tháng 2 — 1861, đồn Chí Hòa vừa mới xây xong, đô đốc Charner đem quân từ mặt trận Tàu về Sài Gòn, đánh và làm chủ, ngày 26 tháng 2, 1861.

Sau trận quyết liệt đó, quân Pháp chiếm luôn 3 tỉnh :

— Định Tường (Mỹ Tho) ngày 12-04-1861.

— Biên Hòa ngày 09-12-1861.

— Vĩnh Long (Long Hồ) ngày 26-03-1862.

Trong thời kỳ đó, qua những ngày đổ máu của Chí Hòa, Vinh ký 24 tuổi, làm thông ngôn ở Soái phủ Sài Gòn.

Tất nhiên là Tây cũng biết dùng người mà không dùng thông ngôn Petrus như thông ngôn Paulus.

Ngồi bên cạnh Pháp soái, người như Petrus Ký, nếu không làm thì thôi, còn đã làm thì ra làm, với học lực và sự cần mẫn của mình. Petrus Ký được Tây khen :

«Sự hợp tác của Trương Vinh Ký được mền phục. Ông là một phụ tá đặc biệt quý báu đối với quan chỉ huy quân đội Pháp đang tổ chức và bình định những vùng mới chiếm được» (J. Bouchet) .

Vào năm 1862, Trương Vĩnh Ký được Tây giao cho trọng trách :

Sau trận Chí Hòa, quân Pháp chiếm luôn ba tỉnh. Triều đình Huế mở lời hòa nghị. Một hiệp ước đã ký tại Sài Gòn, ngày 05 tháng 06 năm 1862, giữa :

Đại diện triều đình Huế, Phan Thanh Giản, Hiệp biện Đại học sĩ, Lễ bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện Đại Thần, và Lâm Duy Nghĩa, Binh bộ Thượng thư, khâm sung Nghị hòa thượng thư, đặc mạng của triều đình Huế.

Về phía Pháp : Phó đô đốc Bonard.

Hòa ước này chấp nhận, nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Gia Định, Định Tường, Biên Hòa ;

Bãi bỏ lệnh cấm đạo trên toàn đất nước ;

Chấp thuận việc buôn bán tự do. Và, ba cửa khẩu, Cửa Hàn, Ba Lạt, Quảng Yên được mở cho thương thuyền Pháp và Y- Pha- Nho, Triều đình Huế phải bồi thường chiến phí.

Trương Vĩnh Ký được Tây giao trọng trách là đi Huế, trên chiến thuyền Forbin, với thuyền trưởng Simon, trao thơ đòi bồi thường : đòi vua Tự Đức đóng vào kho bạc Pháp và Y- Pha- Nho 4 triệu đồng bạc con cò Mỹ-Tây-Cơ.

*«Sự hợp tác của ông lại càng rất quý, ông đã làm cho những tay điều đình Pháp lẫn quan lại An nam phải cảm phục cái giản dị, cái thẳng thắn, cái có mức độ, cái biết điều về khả năng và về ranh giới thỏa thuận của đôi bên»*

Và Trương Vĩnh Ký được Phan Thanh Giản chú ý.



Năm 1863, triều đình Huế cử một phái bộ qua Pháp để thương lượng chuộc lại bằng tiền, ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường.

Phái đoàn do Hiệp biện Đại học sĩ Phan Thanh Giản làm chánh sứ,

Tả tham tri Bộ lại Phạm Phú Thứ làm phó sứ.

Phan Thanh Giản đã xin được Trương Vĩnh Ký làm thông ngôn.

Ngày 4 tháng 7 phái đoàn xuống tàu Européen, rời bến Sài Gòn.

Ngày 11 tháng Chín, tới Marseille.

Ngày 13 tháng Chín, đoàn đến Paris.

Ngày 7 tháng Mười, hoàng đế Napoléon III cho đoàn vào chầu.

Phái đoàn ta nhìn cung điện Tuileries mà ngợp mắt. Cả dinh thân lẫn hoàng đế Pháp khen dài cái «anh chàng Ba Tư», học ở đâu mà nói tiếng Pháp rất trôi chảy và thanh tao.

Sự ăn nói giỏi giang, lịch lãm đã dọn đường cho Vĩnh Ký làm bạn với nhiều danh nhân, văn hào của Paris.

Làm phận sứ giả rồi, Phan Thanh Giản cùng cả bầu đoàn làm một chuyến châu du. Họ đi thăm nhiều tỉnh của Pháp. Sau rồi họ đi Bồ Đào Nha và Y- Pha- Nho. Họ đã viếng những thành thị lừng danh của hai nước ấy.

Alicante, Barcelone, Madrid.

Họ thăm Gênes, Florence, Rome, và được Giáo hoàng tiếp.

Họ lại đi Xante, Messine, Alexandrie.

Chuyến đi Tây này cho Phan Thanh Giản thấy được Tây kinh mà thất kinh về tàu lại với Tự Đức :

*«Bá ban xảo kế tế thiên địa,  
Duy hữu tử sanh tạo hóa quyền »*

(Sự giàu có mạnh mẽ và các việc khôn khéo không lường được, trăm nghề khéo léo bằng trời đất, duy có việc sống chết là còn thua tạo hóa mà thôi).

Đối với Petrus Ký chuyến đi này là sự kiện quan trọng nhất đời.

Ở Penang là một khóa học Tám Năm.

Thăm Paris, lại là khóa học Tám Tháng.

Tám tháng ấy, Petrus Ký biết nước Pháp, biết cái nổi văn minh của châu Âu, mà trước đây chỉ mới biết trong sách vở. Vinh Ký đã được đi khắp vùng bờ biển Méditerranée. Người ham học đi đâu mà chẳng học !

Về tám tháng này Petrus Ký đã nói :

«Trong dịp đó tôi trở về với tâm hồn sung sướng vô cùng Thành phố Ba Lê một đô thị uy nghi nhất hoàn cầu mà tôi có dịp thăm viếng vào năm 1863 và tôi cũng đã gặp gỡ nhiều thân hữu danh tiếng và bác học, nhất là văn học và khoa học.

Khi xa rời những buổi học tập cao quý đó, tôi đã thu thập nhiều kinh nghiệm và nhiều kiến thức»

Trong nhiều thân hữu danh tiếng đó có :

Victor Hugo.

Littre.

Ernest Renan.

Paul Bert ...

Riêng với E. RENAN, Vinh Ký có nhiều điểm giống. Giống về giáo lý. Về sự biểu hiện tài năng và cả về thị hiếu (le goût). Thương cho Renan, hễ có dịp là khen bạn Petrus Ký hết lời. Hai người này cũng đồng đạo Thiên Chúa.

Thấy Sainte-Beuve nói : «Dis-moi qui t'admire, et je dirai qui tu es» (Nói coi ai ca ngợi anh, tôi sẽ nói anh là ai) . Chúng ta lấy Renan để biết thêm ra Trương Vinh Ký là ai.

## **ERNEST RENAN.**

Sanh năm 1823, vùng duyên hải Bắc nước Pháp.

Chết năm 1892, tại Paris.

Học trường đạo ở tỉnh nhà, rồi được học bổng vào một tiểu chủng viện ở Paris. Từ đó qua nhiều trường, lên đại chủng viện. Và rồi, bỏ nơi đó, vì không chịu được cách giảng môn thần học bằng kinh thánh. Đi làm thầy dạy học ở trường nội trú Creuzet. Ở đây được làm quen với nhà hóa học Berthelot và được hướng dẫn cho về khoa học tự nhiên.

Năm 1848 đỗ thạc sĩ triết học và viết « *Tương lai của Khoa học* » (l' *Avenir de la Science*) . Tới năm 1890 tác phẩm này mới xuất bản, trong đó nổi rõ nét độc đáo về trí tuệ và về tinh thần của Renan.

Năm 1851, làm việc ở Thư viện quốc gia, cộng tác viên của *Revue des deux mondes*.

Năm 1852, đỗ tiến sĩ văn chương.

Năm 1855, cộng tác viên của tạp chí *Débats*.

Năm 1860 - 61 khởi thảo tác phẩm «*La vie de Jésus*»

Năm 1862 được phong giáo sư dạy tiếng hébreu cho Cao đẳng Pháp quốc (Collège de France). Nhưng mới lên lớp bài đầu thì đã bị cách chức vì đã nói : « *Jésus est un homme incomparable* (Jésus là một con người khó bì). Cái vận rủi này đã cho ông nhàn rỗi hoàn thành tác phẩm «*La Vie de Jésus*»

Những sự kiện 1870 - 1871 đã gợi ý ông viết tác phẩm «*Cải cách trí tuệ và đạo đức*»

Năm 1884, được bầu vào Hàn lâm viện, nhờ đó mà được trở lại Collège de France, lần này làm hiệu trưởng.

Là nhà ngôn ngữ học Renan đã khảo cứu nhiều vấn đề và viết ra, rất chính xác về kỹ thuật mà còn rất hoa mỹ về câu kệ. Ông đã dịch quyển Cựu ước, thành ba tập, có lời nói đầu có tánh chất nghiên cứu rất có giá trị.

Vê sử, ông có tác phẩm « *Tạp biên sử học* » đã in ra được ba tập, hai tập cuối là di cảo. Trong đồng di cảo của ông còn có «*Nghiên cứu về chính trị, tôn giáo dưới thời đại Philippe le Bel*» Là nhà triết học và luân lý học, Renan đã viết «*Souvenirs de la Jeunesse*» (*Kỷ niệm về tuổi thanh xuân*) và nhiều ấn phẩm thuộc nhiều loại, dưới dạng sách mỏng.

Khi tuổi đã bóng xế, Renan tiêu khiển viết chơi những vở kịch xoay quanh đề tài «*Câu chuyện triết học*» có tư tưởng phóng khoáng giọng trớ trêu mà cảm động.

Sau khi ông chết, người ta tìm thấy nhiều tiểu luận viết tay. Văn của ông có những so sánh rất hấp dẫn và kêu gọi. Văn của Renan sắc sảo, bay bướm, không dễ bị bố cục gò bó, nói được những sắc thái tế nhị của tư tưởng. Miêu tả của Renan

thì màu sắc còn mờ. Nhưng Renan không nặng về màu sắc lắm mà chỉ chăm sóc sao cho «*cánh gợn tình*».

Ảnh hưởng tư tưởng của Renan thật là rất lớn đối với những nhà văn, những người hai mươi tuổi vào thập kỷ 1880. Người ta biết về cái triết lý về phần cuối đời ông, đã nhận ra ông là một người duy lý vĩ đại, con người không chịu để cho những suy đoán lẫn những định kiến của mình nằm trong trạng thái hoài nghi.

Điều mong muốn cuối cùng của đời ông là tìm cho ra cách phân biệt «*những tôn giáo*» với Tôn giáo. Ông đã chỉ ra nguồn gốc hình thành của «*những tôn giáo*», bằng sự giải thích tâm lý của hiện tượng tín ngưỡng. Ông đã đứng về với Phê phán, với triết học quyết định luận và với nguyên tắc không có Khải thị, cũng không có thần quyền.

Những công trình khoa học tôn giáo đó, Renan lại tiến hành với thái độ sùng đạo. Ông không muốn xúc phạm đến đạo, coi như một phạm trù lý tưởng. Đối với ông phạm trù này thay chỗ của Chúa trong lòng ông. Chính với tinh thần ấy, ông là người, sau Voltaire có danh tiếng trong sự truyền bá lịch sử của Tôn giáo.

*(Lấy trong từ điển Larousse).*

Thôi già bạn.

Trương Vĩnh Ký về với đoàn tới Sài Gòn, ngày 18 tháng 3 năm 1864. Tiếp theo đây là chặng đường từ

**NĂM 1864 ĐẾN 1875.**

Ngao du một chuyến về,

Trương Vĩnh Ký trở lại chức phận thông ngôn ở Soái phủ Sài Gòn.

Người ta giao ông dịch tài liệu cho tờ công báo, chữ Tây, *Le Courrier de Saigon*. Số đầu ra ngày 1 tháng Giêng 1964.

Người ta cũng đã cho Petrus Ký làm trợ bút tờ *Gia Định báo*. Làm từ 1866 tới 1868 được nhắc lên làm Chủ bút. (Quyết định của Pháp soái Dupré, ký ngày 16 tháng Chín 1868).

Đồng thời Petrus Ký được phong giáo sư và rồi cũng trở thành ông đốc Trường Thông ngôn. (Mở từ 16-7-1864) .

Năm 1870, một phái bộ Y Pha Nho được gọi đến với triều đình Huế để xin mở nghị ước hữu hảo và buôn bán. Phái bộ này ghé Saigon xin Petrus Ký làm thông ngôn. Người Pháp cho, xét thấy đó có phần vinh dự của họ.

Ngày 1 tháng Tư năm 1870, Petrus Ký đi với phái bộ ra Huế. Và đây là lần thứ hai Petrus Ký bệ kiến Vua mình.

Phái bộ này lắm được chuyện, người ta nói là nhờ sự khôn khéo chánh trị, cái phép giải bày nửa Âu nửa Á, với tinh thần ngoại giao mà người thông ngôn trẻ đã trình bày tâu xin.

Nhiệm vụ đó xong. Còn có ngày giờ ... Petrus Ký xin được đi thăm miền Nam Trung Quốc, lấy dịp tìm hiểu những điều gì đó thuộc thổ ngữ Trung Hoa.

Về Sài Gòn lần này,

Petrus Ký được phong giáo sư trường Sư phạm thuộc địa (1-1-1871) và, cùng ngày được phong chức Huyện, ngày 1-6-1872, được cử làm thơ ký của «phái đoàn Thành phố Chợ Lớn».

Năm 1873, được giao nhiệm vụ điều hành Trường Tham biện hậu bổ.

Với bao nhiêu chức tước ấy, Petrus Ký lãnh lương một tháng 9.000 quan, theo quyết định ký gộp của Dupré :

- Lương Huyện 2.400 quan.
- Lương ông đốc trường Sư Phạm 3.600 quan.
- Lương giáo sư Trường Tham biện hậu bổ là 3.000 quan.

(Rất tiếc là không thấy nơi nào nói giá trị lúc ấy của đồng franc (quan)).

Lương hưởng thì như vậy còn về danh vị :

— Được hưởng khuê bài Đông sĩ Cứu thế (1-10-1868) và từ năm 1871, được cử làm Hội viên của :

- Hội nhân văn và khoa học vùng Tây Nam nước Pháp.
- Hội Nhân chủng học.
- Hội về giáo dục.
- Hội Á châu.

Làm thông tin viên cho trường ngôn ngữ Á đông và của

- Hội Địa lý Paris.

Danh dự lớn nữa là năm 1874, Trương Vĩnh Ký vừa được phong Giáo sư ngữ ngôn Á Đông, thì thế giới có cuộc bầu chọn «Toàn cầu bác học danh gia» Trương Vĩnh Ký được cử, đứng vào thứ 17 trong 18 «Thế giới thập bát văn hào».

Năm nay, Trương Vĩnh Ký 27 tuổi.

Nói về «Sự nghiệp trước thơ lập ngôn» của người Nam kỳ 27 tuổi này. Trương Vĩnh Ký nói, mình bắt đầu viết năm 1863. Vậy là đến 1875, mười hai năm ấy ông đã viết và được in ra một loạt sách, «dạy trò ta, dạy trò Tây» .

Năm 1864, tác phẩm «Yếu lược về văn phạm An nam» và «Văn phạm tiếng Pháp» ra đời, đạt kết quả vang dội.

Năm sau ra đời những :

*Bài học thực hành tiếng An nam.*

*Sơ học văn tân.*

*Bài giảng về địa dư Nam kỳ.*

*Bài giảng về lịch sử An nam (1875) .*

Có vị mục sư Tây nào đó nói : «Ecrire, c'est prêcher» (Viết, là truyền giáo) .

Cụ Đồ Chiêu nhà ta nói, viết là chở đạo. «Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm».

Sĩ tãi Trương Vĩnh Ký viết. Đạo cốt của ông là chở học trò ? Là lý do hiến thân cay đắng của ông.

Sách viết dạy Tây, Tây có khen rằng :

«Người ta đã nói về ông, và nói cũng đúng, rằng ông là người An nam thứ nhất và duy nhất đã để công trong nhiều năm, để đặt trong tâm tay đồng bào của mình những yếu nghĩa của ngôn ngữ Pháp, trong những quyển sách học, được nghiên cứu một cách tuyệt diệu và hoàn toàn có thể phục vụ lợi ích của nền văn hóa Pháp và cũng phải nhận ra rằng, song song đó, con người không biết mệt mỏi này đã đem lại cho những người cai trị vào buổi đầu, những cống hiến quan trọng nhất, bằng những bản dịch khéo léo những tích sử An nam, bằng sự trình bày gọn gàng và rành mạch về địa lý của đất nước Nam kỳ».

Còn trong sách viết cho học trò ta.

Ở hầu hết các lời tựa, lời dẫn, Trương Vĩnh Ký đều đem ruột gan của mình, để vào những lời ân cần khuyến học. Coi đây, lời nói đầu của quyển «*Bài giảng về lịch sử An nam*».



## CHO HỌC TRÒ.

*Các trường đất Nam kỳ.*

*Ở các trò trai, ta xin kiêng sách này cho các trò, vì làm ra nó là làm cho các trò coi. Dùng tiếng Pha lang sa là tiếng đã rộng mà lại hay, chép truyện đất nước ta ra cho anh em coi cho quen thuộc tiếng ấy, trông rằng lấy cái tiếng anh em đang lo học mà thuật lại truyện anh em đã biết thì sẽ giúp anh em cho dễ thông ý chí lắt léo và hiểu rõ cốt cách tiếng ấy hơn.*

*Nói tắt một lời, ta muốn làm ích cho anh em, chớ chi ước vậy mà được như làm vậy ...*

*Đến sau khi anh em đã học thành tài, biết bắt, biết hạch được thì hãy dung thứ cho kẻ lớp trước anh em, vì những kẻ ấy thuở trước chẳng có được những phương tiện mà học hành như anh em bây giờ, nhờ Nhà nước đây lòng lo lắng để liệu biện cách rộng rãi cho làm vậy đâu.*

Tại Chợ Quán, ngày 25 tháng Hai năm 1875.

P. J. B. TRƯƠNG VINH KÝ.

Thử hỏi cái tinh thần ham học của những lớp người Nam kỳ sanh vào đầu thế kỷ XX này, có phải là chịu ảnh hưởng rất lớn của Sĩ tài Trương Vinh Ký không ?

Ngoài những sách đó, viết trong chức phận của ông thầy giáo, Trương Vinh Ký còn có những công trình nghiên cứu khoa học, gởi cho Ủy Ban công nghệ và Nông nghiệp Nam kỳ. Có thể nói TRƯƠNG VINH KÝ đã phóng túng nghiên cứu nhiều mặt, như về tre trúc, về các loại tàu thuyền, về con kiến vàng và con kiến hôi v. v ...

Ông đã bắt tay làm quyển Tự điển Pháp-Việt và Việt-Pháp, năm 1872 khởi thảo, đến 1878 xong.

Một người Pháp khen ... Vĩnh Ký đáp :

*«Tôi chỉ có thể làm cho hai dân tộc Pháp-Nam hiểu nhau và yêu nhau, vì vậy luôn luôn tôi đã dịch tiếng Nam ra tiếng Pháp và tiếng Pháp ra tiếng Nam, tin rằng sau tiếng nói, chữ viết một ngày kia sẽ có cả ý tưởng, và sau cùng có sự hấp thụ văn minh của các Ngài» .*

(Xin ai nấy cùng nhau đọc kỹ, nhà giáo dục học, nhà triết học Nam kỳ mới 27 tuổi, vào nửa phần đầu của thế kỷ XIX này ! ).

NĂM 1876 - NĂM ẤT HỢI.

### CHUYẾN ĐI BẮC KỲ.

Đang ngồi viết ngon lành, lại để viết xuống mà đi !

Đi đâu vậy ? Ai sai ? Đi làm gì ? Mà cái ông này cũng «hứa chơn» , ông đi cho sự khát khao hiểu biết của ông chăng ?

Ta dọn lại vài trang lịch sử, rồi hãy theo Vĩnh Ký đi Bắc kỳ.

*Tình hình lịch sử ở Nam kỳ.*

Đô đốc Charner cướp đồn Chí Hòa, tháng Hai 1861, mở rộng chiếm đóng ra tới Tây Ninh và Mỹ Tho. Bọn Pháp không những đòi, cho tàu thuyền được vào ra buôn bán, mà còn đòi cho giáo sĩ Pháp và Y Pha Nho được tự do truyền đạo.

Pháp lại đòi ta nhượng trọn tỉnh Gia Định, thị thành Mỹ Tho và thị thành Thủ đầu Mọt.

Tháng Sáu 1867, đô đốc De Lagrandière chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây :

Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, làm ra cả cái miền bị chiếm là Nam kỳ lục tỉnh.

Và ở Bắc kỳ.

Nói từ 1873,

Có tên Dupuis, bất kể lệnh cấm của triều đình Huế, nó cho một đoàn tàu buôn vào Cửa Cấm (Hải Dương) rồi đi Bắc Ninh, Hà Nội sang Vân Nam bằng đường Sông Hồng. Triều đình Huế làm ngơ. Tên lái buôn Tây này, khi quay về Hà Nội, được bọn lái buôn Tàu kết lữ, sanh sự với quân binh của nhà Vua.

Tháng Tư năm 1873, phía Pháp muốn đưa quân ra Bắc kỳ, mạo cớ giúp triều đình Huế bình định vùng giáp giới với Tàu. Triều đình Huế không chịu.

Tháng Mười một, Dupré lệnh cho thiếu tá hải quân Francis Garnier rời Saigon ra Bắc, cũng mạo cớ giải quyết vụ Jean Dupuis.

Dupré còn báo cho triều đình Huế biết, F. Garnier có nhiệm vụ ở lại Bắc kỳ cho tới khi nào vấn đề khai thông đường Sông Hồng và mở cảng Hà Nội được giải quyết.

Trên đường đi Hà Nội, Garnier ghé Đà Nẵng để thương lượng với triều đình Huế, hiệp ước đặt Bắc kỳ dưới sự bảo hộ của Pháp. Triều đình Huế chỉ nói một câu :

— Hãy tống khứ tên Dupuis ra khỏi Bắc kỳ, đi đã !

Ngày 3 tháng Mười một 1873, Garnier vừa ra tới Hà Nội thì Nguyễn Tri Phương gửi thư thúc :

— Nhiệm vụ của ông đến Bắc kỳ là kéo cổ tên Dupuis đi.

Nguyễn Tri Phương lại ra lời kêu gọi toàn dân chống Pháp. Garnier hai lần gửi tới hậu thư buộc Nguyễn Tri Phương hạ khí giới.

Đến ngày 20 trong tháng, Nguyễn Tri Phương chỉ huy quân dân Hà Nội anh dũng chiến đấu chống giặc Pháp đã mở đầu xâm lược Bắc kỳ.

Thành Hà Nội thất thủ. Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, vẫn ở trong thành, cự tuyệt sự điều trị của giặc và mất ngày 20-12-1873.

Quân Pháp lần lượt đánh chiếm phủ Hoài Đức, thuộc tỉnh Hà Nội rồi phủ Lý Nhân, Phủ Thượng, Phủ Bình, Hoài Yên.

Chúng chiếm tỉnh thành Hưng Yên. Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương và Ninh Bình, rồi ngày 10 tháng Mười hai, đổ bộ chiếm Nam Định.

Ngày 27 tháng Mười hai 1873, đại diện của triều đình Huế là Nguyễn Văn Tường ; đại diện của Soái phủ Sài Gòn, thiếu tá hải quân Philastre, rời Đà Nẵng ra Bắc kỳ để giải quyết vụ gây rối của Dupuis và Garnier.

Cuộc hiệp thương này đã đi đến quyết định giải thể 12.000 quân binh, phần lớn là người có đạo, vừa qua đã tháp tùng F. Garnier mà phá rối khắp nơi.

Và ngày 5 tháng Giêng 1874, cuộc hiệp thương đã qui ước 2 khoản :

1. Pháp phải giao trả tỉnh thành Ninh Bình cho triều đình Huế vào ngày 8 tháng Giêng năm 1874.

2. Triều đình Huế không được thêm quân vào các tỉnh thành đó, phải để cho số quân Pháp hiện có ở Bắc kỳ, được đi lại tự do trên các tuyến đường thủy cũng như bộ ; phải

tuyên bố ngày ân xá tất cả những người vừa qua đã cộng tác với Pháp.

Tháng Ba, Philastre về Saigon chuẩn bị hiệp ước, để ký chánh thức.

Coi như cuộc tấn công, đợt thứ nhất của giặc Pháp đánh Bắc kỳ tới đó là dừng.

Triều đình Huế lâm vào cảnh bó tay, không biết làm gì để đối phó một mặt với giặc Pháp, mặt khác với sự sôi sục thù hiềm giữa giáo và lương.

Trong tình hình như vậy sử gia Petrus Ký làm một «*chuyến đi Bắc kỳ*». Và có viết thành một tập sách mỏng. Rồi từ trong tập sách du ký đó ông có rút ra viết như thể báo cáo, một bức thư gửi tham mưu trưởng Regnault de Promesnil, để chuyển cho Thống đốc Duperré đã yêu cầu được cho biết.

Chúng ta đọc bức thư.

Saigon ngày 28 tháng Tư, 1876.

Thưa Tham mưu trưởng,

Tôi xin gửi đến ông bản báo cáo mà ông cần. Về tình hình chánh trị ở Bắc kỳ, mà tôi vừa đi xem.

(Lược phần tường thuật hành trình N. V. T).

Tôi đi vào cái gì quan hệ đặc biệt tới chánh trị.

Tôi xin phép được nói thật thà, có sao nói vậy, và lại tôi cũng phải bảo vệ danh dự của tôi là người được hỏi.

Tôi sẽ không nói những xích mích dường như đã xảy ra giữa người bốn xứ theo đạo, với giáo xứ. Những cái đó tôi không được rõ lắm.

Trước hết cho tôi nói sự kinh ngạc của tôi đối với cảnh thảm hại hận thù tôn giáo, họ ghét nhau dữ lắm. Và trong những việc vừa xảy ra, nếu những nho sĩ và những người khác bên lương đã làm những tội ác ghê gớm thì, sự thật là những người bên giáo cũng chẳng vừa gì trong việc báo thù... Khi tôi đến thăm các giáo xứ, tôi có bày tỏ với các ngài nỗi lo sợ của tôi. Tôi cố gắng làm cho họ thấy trước, tai hại đối với giáo dân, gây ra bởi hành vi thiếu suy nghĩ của vài người bên giáo. Tôi còn cho rằng giới giáo sĩ đi quá xa trong quyền lợi của họ, và khư khư đòi đền bồi thiệt hại trước thái độ biết điều của những nhà chức trách bên lương—tôi dám nói rằng họ lắm khi cũng chịu khổ từ phía những người xấu bên đạo. Về điều này tôi chỉ xin kể việc ông Tổng đốc Nam định đã nhìn làng mạc nhau rún bị cướp, bị đốt và một số người trong gia đình chết thê thảm bởi hành vi của những người Cơ-rê-chiêng. Thôi cho tôi phủ một tấm vải che lên cảnh thảm khốc của cuộc chiến tranh tôn giáo.

Còn như cái cảnh mà tôi sắp trải ra trước mắt ông, cũng không kém buồn thương. Thú thật, ngực tôi phập phồng, lòng tôi buồn bực trước cảnh đói khổ đang nhiều hại đám dân đau khổ này của xứ Bắc kỳ.

Tôi đã nghiên cứu kỹ các tầng lớp xã hội, rồi một nỗi thương đau chiếm ngập lòng tôi. Nhưng ở đây hãy để cho tôi nói mấy lời cảm cảnh với các nhà cầm quyền địa phương. Họ biết tôi là một người khách, có trùm đầu bằng cái áo hộ mạng của nhà nước Pháp, mà họ vẫn tiếp niềm nở, đàng hoàng, lễ phép chơn chất.

Tôi có nói chuyện rất nhiều với những ông quan chủ yếu. Tôi xét thấy, hầu hết họ đều chán địa vị của họ. Bởi vì họ bị bắt buộc phải tuân theo như tôi tố, những thói quen cũ rích, không còn phù hợp — nếu không nói là trái ngược

lại — với tiến trình thực tế của những tư tưởng về tân bộ với sự quan hệ với người ngoại quốc. Những tư tưởng mới, triều đình cũng muốn chấp nhận, gạt bất lực, để cho thiện chí bị mai một bởi thế lực của một số nhơn vật ương ngạnh và rất thù địch với những học thuyết chánh trị mới.

Tuy vậy, về phía khác, người thông minh thì không thiếu. Không phải không có những ông quan cai trị có tài. Họ cảm thấy lối thoát nằm trong một cuộc canh tân đường lối chánh trị của nước nhà. Và những người đó đấu tranh, với tất cả sức mạnh của niềm tin, của ý chí, của uy tín của họ để cho con đường chánh trị của triều đình quay theo chiều hướng của họ. Cho đến nay họ là những người lép vế, yếu thế. Phạm Phú Thứ, người mà phe chống đối sợ, đã bị chúng tống ra miền Bắc để tránh xa. Chính Phạm Phú Thứ và một số người khác đã dâng sớ tâu xin những canh tân, đề nghị những phương sách và những cải cách thích hợp hơn, đúng đắn hơn những thói cũ của nhà nước An nam, trước sự thế lúc bấy giờ. Nhiều vị thượng thư cũng khẩn khoản theo hướng đó. Nhưng đức Vua bị trào thần o ép. Mà cũng có là sợ xa rời nguyên tắc hiến chương của Vương quốc. Nên ban đầu cũng muốn thoái thân, nhưng Vua yêu cầu, họ ở lại. Và họ mà ở lại cũng là vì luyến tiếc chức trọng quyền cao, vinh vang của phẩm trật. Lương bổng của họ ít ỏi. Thực phẩm được ban phát thì ăn một năm no, hai ba năm đói. Việc chạy ăn cho cảnh nhà túng thiếu không khỏi làm cho họ hư đời. Họ phải tìm những nguồn lợi mà một nền cai trị trong sạch không tha thứ.

Thu nhập lớn nhất của họ là từ những món thuế dị kỳ, thâu tùy tiện và bỏ túi ung dung. Coi họ cấp giấy phép mở môn bài ... Có thể thấy sự buôn bán của người Tàu là con bò sữa để nuôi một chế độ quan liêu cửa quyền.

Hơn nữa, cái lấy thuế ấy thi hành trên khắp các bậc thang. Từ ông Tổng đốc đến ông hương làng hạng chót, mỗi người mỗi lấy thuế theo ý mình. Thành thử, anh không phải là một viên quan lại há ? Anh không phải một Nho sĩ, không phải là ông xã, ông làng, cũng không phải xui gia với người vai vế nào đó há ? Thì tội nghiệp cho anh ! Anh bị lột da không thương xót.

Người có tiền có của, run sợ mà giấu giếm huê lợi của họ. Người buôn bán thì trốn chui trốn nhủi. Người công kỹ nghệ âu lo, bởi vì, gia tài của Ất, của Giáp đều như phú thác cho tham ô, của cả một guồng máy quan liêu.

Trong khi ấy, đông đảo người dân — những người không có ai coi ra gì — người thợ ư ? người lao công, cày ruộng ư ? đều rên xiết vì nghèo khó tột cùng và đang trải qua những ngày dài không cơm ăn, không việc làm.

Và sự đói nghèo trong dân đã quá mức, khắp nơi rống tiếng hét gào sửa đổi, đòi một sự cai trị đủ sức trị an, để đem ngày mai lại cho dân, để đảm bảo quyền sở hữu để đem lại cho công nghệ và thương mại sự an toàn và sự hoạt động cần thiết cho chúng sống. Tóm lại là, kéo lên khỏi vực thẳm, kéo ra khỏi nạn đói, dân đen đang hấp hối.

Nếu bây giờ tôi nhận xét tánh cách của người dân ấy, tôi quả quyết rằng người dân đó, nó không đáng chịu hoạn nạn hơn bất cứ người dân nơi nào khác. Người dân đó hiền hòa, biết nghe, siêng năng. Nhưng, tự nhiên nó chịu ảnh hưởng của tình hình rối loạn, mà sống không có ngày mai, gục đầu sợ sệt, bị giặc giã ám, sống không yên, người dân ấy rất ít trung thành với người đứng đầu họ. Những người mà thường thấy không đủ sức bảo vệ họ. Người dân ấy chỉ thấy chỉ có một quyền hành lành mạnh, công bằng, chánh



trực, khéo sắp đặt, thì mới có thể làm cho những khổ đau dai dẳng của dân chấm dứt. Chính từ điểm ấy tôi hiểu ra, vì sao những kẻ quyền uy tham vọng và phiêu lưu, họ đã dễ dàng chiêu mộ được nghĩa binh, lập ra bè đảng ngầm giúp giặc giả phe phái, v. v ... và người dân khao khát một sự lãnh đạo trong sạch, mà cũng vì khao khát quá, cho nên luôn luôn bị thất vọng, mà chẳng thất kinh, cứ trao số phận của mình, hết cho người liều mạng này đến người mạo hiểm khác, chỉ là vì hy vọng, làm sao cuối cùng họ được chở che. Và vậy nên không phải là không thêm thường mà họ ngóng về số phận của đồng bào họ ở Nam kỳ.

Những vị quan lại thường hay hỏi, có phải là Pháp muốn xâm chiếm nước ta ? Tôi đã trả lời rằng, không. Tôi nói vậy là dựa vào hiệp ước hòa hảo và thương mại, và dựa vào những điều lợi mà những hiệp ước ấy đảm bảo cho nước An nam. Và chẳng lãnh sự Pháp và quân trú phòng có mặt ở Bắc kỳ đã là một đảm bảo lớn cho nhà nước An nam được bình yên và cho những người dân lán giêng cũng được an cứ. Chỉ nội sự có mặt của người Pháp cũng đủ lùa ra xa bờ biển, những đám giặc cướp Tàu, bấy lâu nay khuấy nhiễu vùng duyên hải và khắp cả nước. Điều đó chứng minh rằng bây giờ mới có cái an ninh hằng mong ước. Chung quanh những quán sù và quân trạm, sự bán buôn sẽ trở lại và con người có công ăn việc làm.

Người ta còn hỏi :

— Vậy phải xử sự thế nào với người Pháp để được lợi nhứt ?

Tôi trả lời :

— Dạ thưa, quý vị nên nghĩ rằng, nước Pháp muốn chiếm nước này, thì nó làm việc đó lâu rồi, và cũng dễ. Vì vậy các vị chịu là mình yếu, đến đời muốn đứng lên phải có người

đỡ. Các vị chỉ cần tin cậy vào những người đồng minh có danh tiếng của các vị, và thật thà đưa tay cho họ kéo đứng lên. Nhưng phải thật thà không ngoại ý, không ám muội, đưa cả hai tay, chớ không phải đưa tay này mà giữ tay kia. Bằng không nước Pháp thấy các vị do dự, ngờ vực mà có thể thối chí, mà không giúp đỡ các vị để cho các vị xuôi theo phần số của mình.

Để cho đúng hơn, tôi xin đưa ra đây hình ảnh thân mật mà tôi đã dùng. Nếu một bàn tay, anh nắm lấy tay ai đó, còn bàn tay kia anh lại chọc lét người ta, thì người ta sẽ giật cánh tay, và anh sẽ bị hất một cái, làm cho anh bị té sấp, hầu như không còn đứng lên nổi nữa.

Đó là những nét nổi bật nhứt mà tôi đã vạch ra, nhưng trong chi tiết câu chuyện nói qua nói lại, tôi nhận thấy, nói chung là những ông quan ấy, trừ những thành kiến, những khó khăn vật chất, họ không đòi hỏi gì hơn là đi đến với những tư tưởng mới. Nhưng tập quán còn thảng thệ. Họ lại sợ mất sự kính trọng của người xung quanh. Và lại họ cũng đều nhận rằng, không thể kháng cự lại với người Pháp, và nếu nước Pháp muốn lấy nước này thì nó có thể lấy không khó khăn và cũng không mấy tổn hao. Tôi cũng có chú ý trong cuộc đàm đạo, không lần nào nghe họ mở miệng nói với tôi tên một dân tộc nào khác hơn là tên dân tộc Pháp.

Trong giao lưu giữa lãnh sự Pháp với nhà đương cuộc An nam, lâu lâu cũng gặp khó khăn và phiền hà nho nhỏ, nhưng thường là được dàn xếp thuận thảo liền, mà theo tôi, đó là bởi sự đời còn mới và cũng bởi các đường mòn xưa của nền cai trị An nam, chớ không phải bởi ác ý gì.

Nhưng đối với tôi, không có gì nghi ngờ, ảnh hưởng của nhà nước Pháp sẽ gây được không mấy khó khăn và sẽ có sức nặng trong sự thi hành những cải cách cần thiết : cải

cách chánh trị, cải cách kinh tế, cải cách trong chánh sách cai trị, trong tài chánh và trong luật pháp.

Trong lòng tôi đọng lại niềm tin thắm thiết rằng Triều đình Huế, nếu không có sự giúp đỡ, thì không đủ sức làm cái công việc đồ sộ như vậy và chỉ có nước Pháp là có sức đỡ dân dân tộc đang héo hắt này, nếu Triều đình thiết lòng tin cậy vào sự giúp đỡ, bảo hộ của nó.

Thưa Tham mưu trưởng,

Đó là những nhận xét chung mà tôi có bốn phần trình bày với Ông.

Cuối cùng tôi mong rằng Quan Toàn Quyền đã có chú tâm rất lớn đến quyền lợi của dân chúng khốn khó, thì hãy ban cho các câu chuyện mà tôi vừa kể, một sự rộng xét và tin tưởng nó là kết quả của một sự xem xét cẩn thận cho sự học riêng của tôi, trong khi tôi làm một nhiệm vụ nhỏ nhoi.

P. Trương Vĩnh Ký.

Có lẽ ta nên đọc lại vài lần bức thư đó ...

Nó là những «lời viết» (paroles écrites) từ những «lời suy nghĩ trầm tư» (paroles pensées) về sự an nguy của dân, của xứ sở.

Sau đây là chặng đường từ.

NĂM 1876 ĐẾN 1886.

Đi Bắc kỳ về vào lúc Sài Gòn tổ chức Xã Tây (municipalité française).

Qui chế nó là : Mười ông hội đồng Tây được bầu, cộng với bốn ông không phải là dân Tây, được quan Toàn quyền phong bổ. Trương Vĩnh Ký là một trong bốn vị này.

Bên Pháp Hội Á Châu chấp thuận lời đề cử của hai ông Renan và Garrez, nhận Petrus Ký làm hội viên.

Ở Sài Gòn, Petrus Ký lại được cử vào «Ủy Ban cao đẳng quốc gia giáo dục».

Trên cương vị mới này, Trương Vĩnh Ký có những kiến nghị hữu ích. Như về việc bắt quan lại hậu bổ người Pháp học tiếng An nam :

— Về chương trình dạy tiếng Pháp cho học trò nhỏ An nam ;

— Về cấp học bổng và bắt buộc thanh niên đi học bên Pháp. (Do đó mà ở Nam kỳ ngày xưa, có chuyện địa chủ sợ con mình phải đi học tận bên Tây, bèn mượn con nhà nghèo đi học thế. Nghe nói đâu, nhà trí thức Nam kỳ Lưu Văn Lang là một học trò đi học mượn ấy) .

Trăm năm trong cõi người ta ! Mà cái tuổi 40 là tuổi làm nên nhiều việc của người cường tráng, có chí và giỏi giang. Petrus Ký có viết trong một tác phẩm của mình lời «dân» như vậy :

*«Sức học được chừng nào thì khuyên hãy học mãi cho kiệt lực, trọn đời cũng chưa tới đâu là đâu, vì rừng nhu biển thánh mệnh mông, đồ ai lặn lội cho cùng vậy vậy»*

Trương Vĩnh Ký đã coi sự chăm lo học vấn cho trò nhỏ mai sau của xứ sở đối với mình là một cái đạo. Hiến thân mình vì đạo cả ấy, há không tìm thấy vui sướng thiêng liêng sao ?

Ông cũng đã trải qua mấy cơn buồn. Félix Trương Vĩnh Ký chết, tuổi mới lên ba (1881) , và Trương Vĩnh Tiên chết chưa kịp có tên rửa tội (1882) .

Tâm thân vừa khuấy khỏa với việc bên Pháp phong cho chức «Hàn lâm», rồi với sự ra đời của Trương Vĩnh Tống, đứa con thứ chín, thì cũng ngay ngày hôm ấy, ngày 12 tháng Ba năm 1884, quân Pháp chiếm Sơn Tây và Bắc Ninh.

Buồn nỗi Tự Đức băng hà (19-07-1883) mà không có con kế vị. Triều thần lộn độn trong việc nối ngôi, lại ngoan cố trong sai lầm và vụng về, e cho Bắc kỳ sẽ mất, sơn hà xã tắc của tổ tiên để lại sẽ teo đi.

(Petrus Ký đã ghi nỗi lòng đó trong tập hồi ký «*Sự kiện trong đời*» của ông).

Những nỗi buồn, có thể làm cho lòng con người tan nát, mà cũng có thể thử thách cho cứng rắn trái tim ! Trương Vĩnh Ký ngồi trong im lặng, lâm lý mà viết. Bất giác, giọt nước mắt cha khóc con rơi trên giấy. Cũng có tin đưa tới chậm, làm nên hưng phấn của tinh thần :

Trong báo cáo thường niên, đọc ngày 10-06-1880, ở Hội Á châu, E. Renan đã khen như vậy về người bạn An nam của mình, về quyển sách học *Lịch sử nước An nam* :

«*Ông Trương Vĩnh Ký trình bày với chúng ta một cách sáng sủa những tư tưởng mà người An nam đã có từ trong lịch sử của họ. Người ta ngạc nhiên mà thấy trong quyển sách nhỏ của ông một sự hiểu biết rõ ràng, một sự vô tư, không có một chút nào tánh chất Á Đông. Nhiều dân tộc châu Âu không có cho các trường sơ học của họ một quyển sử yếu hay bằng của ông Trương Vĩnh Ký*»

Em hát, chị vỗ tay cũng nức lòng !

Từ năm 1882, Trương Vĩnh Ký có những công trình rất độc đáo thú vị xứng đáng làm cho tên tuổi ông gắn liền với người khoa học vĩ đại

Công trình ấy gồm : tùy bút triết học, bản dịch những bài văn An nam và Trung Hoa, phê bình sách, chớ không còn là những luận văn thông thái của một nhà ngôn ngữ học hoặc một sử gia.

Công trình ấy là công trình «tiếp cận» , là những khai tâm hương vị ngọt ngào, là những lời dặt dắn cần thiết, đối với người Pháp giúp họ thâm nhập vào văn hiến An nam, còn đối với đồng bào thì đuối theo mục đích làm cho dân chúng, nhận cái tự mầu la tinh, cái «thứ chữ cồng queo» là quốc ngữ, hạn chế việc sử dụng chữ nôm bằng việc ào ạt xuất bản sách quốc ngữ.

Trong chặng đường đời này, Trương Vĩnh Ký đã chuyển sang quốc ngữ bài văn tế khốc Nghĩa quân Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu, để dạy học trò và chuyển sang quốc ngữ Lục Vân Tiên và truyện Kim Vân Kiều, in thành sách và phổ biến trong dân gian.

Sách quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký đã được in ra :

*Trương lưu-hậu phú.*

*Chuyện giải buồn.*

*Kiếp phong trần.*

*Bất cương cầu.*

*Gia huấn ca, Nữ tác-Huấn nữ ca.*

*Thơ mẹ dạy con, Thơ dạy làm dâu.*

*Học trò khó phú.*

*Bài hịch con quạ.*

*Minh tâm bửu giám.*

*Lục Vân Tiên (in lần đầu tiên tại Paris, 1873).*

*Kim Vân Kiều (xuất bản năm 1875) .*

Đối với tương lai của đất nước, Trương Vĩnh Ký đã lập một kỳ công hiển hách.

Đó là **CUỐN VẦN QUỐC NGŨ.**

Để nó đó chúng ta còn nói tới ...

Giờ thì đã đến chặng đường rất là quan trọng của đời ông.

Bên Tây gửi Paul Bert qua, làm Toàn quyền.

Hỏi Larousse ... được trả lời :

## **PAUL BERT.**

Một nhà sinh lý học và một tay chánh trị, sanh năm 1833 tại Auxerre và chết tại Hà Nội năm 1886.

Bác sĩ y khoa và tiến sĩ khoa học, trở thành giáo sư trường Đại học Bordeaux, sau dạy ở Paris môn tâm sinh vật học.

Sau cuộc Cách mạng 1870, làm Tổng thư ký của hạt Yvonne, quận trưởng quận Nord, được bầu nghị sĩ quốc hội năm 1872 và liên tục được tái cử, đã góp phần vào các Cải cách Giáo dục, đặc biệt là sự miễn học phí và sự học sơ cấp bắt buộc.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục trong chánh phủ Gambetta, từ 14 tháng 01 năm 1881 đến 26-01-1882, đề xướng đường lối chánh trị phản đối Giáo đạo và đề xướng Giáo dục thế tục (enseignement laïque) .

Tháng Giêng năm 1886 được cử làm toàn quyền xứ An Nam và Bắc kỳ, Paul Bert đã khởi sự một loạt cải cách quan trọng về mặt cai trị và về thương mại. Ông đã chết vì kiệt lực.

Paul Bert là một bác học chơn tài.

Năm 1882 là hội viên Viện Hàn lâm khoa học.

Ông đã để lại nhiều công trình khảo cứu khoa học, nhất là về Tâm sinh vật học.



Nếu đằng trước đã có nói, khi đi Pháp về, Petrus Ký, thường thơ đi thơ lại với văn hữu Âu châu ...

Thì với Renan là trao đổi quan điểm khoa học tôn giáo, với Littré là về chuyện từ điển, (Petrus Ký đã bắt tay vào một công trình cực nhọc, dịch tự điển Littré, dịch tới chữ «cheval» thì ông mất).

Với Paul Bert ... Một vị Bộ trưởng của Gambetta, mà cái ông Thủ tướng này đã từng đứng trên diễn đàn Quốc hội hét lên rằng : «*Le cléricalisme, voilà l'ennemi*» (chủ nghĩa đạo hóa, kẻ thù là nó đó). Petrus Jean Baptiste Trương Vĩnh Ký mà kết thân với Paul Bert, thật đáng cho ta suy gẫm từ câu ngạn ngữ chánh công của Pháp (xem lại đằng trước nhà văn Sainte - Beuve đã nhại) : « *Dis moi qui tu hantes je dirai qui tu es* (Nói coi, anh lân la với ai, tôi sẽ nói anh là ai) .

Paul Bert sang nắm vận mạng nước Đại Nam ta. Chúng ta cũng cần ngoảnh lại bối cảnh.



Tự Đức băng hà ngày 19-07-1883, tại ngôi được 36 năm.

Tự Đức không con, ngôi truyền cho cháu.

Ngày 20-07 Ưng Châu Nguyễn Dục Đức lên ngôi.



Ứng Châu lên ngôi trọn vẹn ba ngày, chưa kịp đặt niên hiệu, đã bị phụ chính đại thân hạ bệ để đưa em của Tự Đức là Hồng Dật lên ngôi. Ứng châu bị giam và chết đói trong ngục.

Hồng Dật lấy niên hiệu là Hiệp Hòa. Nhưng tới ngày 29 tháng 11 lại bị Hội đồng phụ chính bắt uống thuốc độc chết. Ứng Đăng thay, năm 1884 lấy niên hiệu là Kiến Phúc.

Chính Kiến Phúc đã ngự việc ký hiệp ước 1884 với Pháp.

Ngày 31 tháng 07 năm 1884, Kiến Phúc chết, triều đình đưa Ứng Lịch lên, tức là vua Hàm Nghi.

Khi Tự Đức thắng hà hai nước Pháp — Nam lại thất hòa.

Pháp đem binh sang, lần lượt hạ hết các tỉnh hai kỳ Trung Bắc.

Tình hình trong nước thì như trên vừa nói, đại thân bắt vua bỏ ngục. Kiến Phúc án giá. Hàm Nghi bỏ ngôi, chạy đi dấy động phong trào Cần Vương. Chánh phủ thực dân Pháp lập vua Đông Khánh, ngày 01 tháng 09 năm 1885. Sử sách Việt Nam cận đại gọi Đông Khánh là vua bù nhìn.

Khi ấy như tình kinh nghi, giáo lương hiềm khích, văn thân khởi nghĩa, nước Đại Nam ta thành một trường đại loạn.

Sử gia Trương Vĩnh Ký viết trong sách dạy về Sử An nam của mình (*Cours d'histoire annamite* như vậy :

«Bây giờ dưới mắt chúng ta có một cảnh tượng không làm chúng ta an lòng về những việc mà Gia Long và những người kế vị, những người chủ mới của Vương quốc, đã làm.

Sự ương ngạnh mù quáng của họ đã làm mất xứ Nam kỳ, sự cai trị tồi tệ của họ đã làm cho Bắc kỳ mất lòng đối với họ. Riêng đối với Nam kỳ thì những tai nạn thiên nhiên, sự khủng hoảng mà người dân phải chịu đựng, sự bạo ngược và tham tàn của quan lại các cấp đã quá rõ, vậy nên nói lại là thừa.

Tại Huế, nếu người ta muốn nước An nam sống với đời sống chánh trị của những dân tộc giỏi giang, nếu nhà Nguyễn muốn duy trì triều đại của mình, thì nó phải tìm đường đi của nó và kiên quyết đi theo đó. Còn đối với chúng tôi, sử gia trung thực và tận tụy, chúng tôi hằng tôn trọng quá khứ, và công minh đối với nó, chúng tôi không thể quên rằng, người An nam của nước Pháp hay người An nam của Nam kỳ và của Bắc kỳ chúng tôi đều có cội nguồn chung. Dầu cho có bị rẽ phân bởi vận mạng chính trị, chúng tôi cũng sẽ mạnh dạn chống lại cái cơ chế cai trị sai lầm, trái nghịch với nền kinh tế chánh trị lành mạnh, cái cơ chế chánh trị coi dân như đàn trâu, bầy bò, của những ông vua. Cái cách cai trị ấy chỉ là một sự khoét đẽo vụng về và tội lỗi của bọn quan lại tham nhũng và hám chức, đối với một dân tộc.

Chúng tôi không ngại thú nhận là trong khi đó, sự tổ chức chánh trị tốt đẹp của những dân tộc Tây phương mà đứng đầu là dân tộc Pháp, đã cảm dỗ tâm trí chúng tôi, đã chinh phục lòng yêu chuộng kính mến và trung thành của chúng tôi, cũng như nó biết gây cảm tình với những sắc dân mà nước Pháp đã sáp nhập vào bá quyền của nó. Những dân chúng ấy bắt phải sống sót mà thấy mình được tự do như vậy được bình yên như vậy, được bảo bọc như vậy, là nhờ những người chủ mà trước kia mình coi là những kẻ thù (kể cũng là lôgich).

(Tôi xin lỗi về cái nghị luận lạc đề này mà sự khảo sát những sự kiện lịch sử đã dẫn đến. Người ta đâu nỡ trách tôi, nếu một cảm giác u buồn, chua chát xâm chiếm lòng tôi, khi tôi nhìn thấy xứ sở này đã ra thân như thế nào, mà đáng lẽ nó đã có thể được ra như thế nào rồi T. V. K).

Đọc thấy có thương không, hỡi người đọc giả chăm chỉ ?

Hãy đọc thêm trang «khảo sát» này nữa ... (cũng trong *Cours d'histoire annamite* ).

«Thiệu Trị khi còn là hoàng tử thì đã có vợ, tên là Hằng, con gái Gò Công. Cô này được người dì làm mai. Bà mai lại tốt tuổi, nên như cô Hằng, dì cháu một lượt mang bầu. Dì sanh Hoàng Bảo. Cháu đẻ ra Hoàng Nhậm. Hoàng Nhậm này kế vị, xưng hiệu là Tự Đức.

Hoàng Bảo hụt làm vua, giận lắm, mưu loạn, bị bắt và tự thắt cổ trong ngục.

Trước đây vào cuối đời mình, Gia Long đã lựa người nối ngôi là Hoàng Đĩnh, con của một tỳ thiếp, người Gia Định, đẻ Đĩnh ra ở Gia Định.

Hai vị lão thần, bạn chiến đấu trong gian truân là Nguyễn Văn Thiêng và Lê Văn Duyệt can gián, thuận lẽ trời và phép nước người nối ngôi phải được chọn trong dòng lớn. Và hai ông đề cử con trai đầu lòng của Đông cung Cảnh.

Gia Long đáp : «con nợ mà chết, thì chủ nợ có đòi nợ thì đòi ở bây con, chớ bao giờ lại đòi ở đám cháu ? Ta truyền ngôi cho con chớ không cho cháu !».

Vậy là người được nối ngôi là hoàng tử Đờm. Vua đó là Minh Mạng.

Minh Mạng làm vua trong nơm nớp lo sợ, sợ trong dòng họ có người chực giành ngôi ... Trong khi đó thì ở Bắc kỳ, dòng dõi nhà Lê, bắt đầu lợi dụng sự bất bình trong dân. Nhưng Minh Mạng sợ nhất là sợ «dòi trong xương». Đông cung Cảnh đã chết, để lại vợ và hai con trai. Minh Mạng là em ruột một cha khác mẹ của Cảnh, là chú ruột của hai đứa cháu mồ côi mà «sở Nam tào đã giữ». Người ta nói, Minh Mạng «đi lại» với chị dâu góa. Và chị có thai. Khi cái bụng không còn ém được người đàn bà bị kết tội lang chạ và thọt tử hình, chết với hai đứa con trai, với cái ơn vua là tự lựa chọn trong «tam ban trào điên»

Rảnh tay với hai đứa đích tôn, Minh Mạng quay sang hai ông lão, đại thần quang vinh, có quyền uy, bạn tử sanh của tiên đế.

Về số phận của Nguyễn Văn Thiêng, đang là Phó vương ở Bắc kỳ :

Minh Mạng vô đạo đã gây ác kế, vu cho hai vị đại thần này mưu phản. Minh Mạng mua lòng đám thơ lại và người giữ ấn dấu của hai lão quan. Những tên tở phản chủ đã mạo tuồng chữ của con Ông Nguyễn Văn Thiêng và dùng con dấu của ông. Rồi thì một bức thơ giả đã bị bắt, dâng lên vua. Bức thơ kêu gọi nổi loạn, viết tuồng chữ của con ông Nguyễn Văn Thiêng và có đóng dấu ấn của ông. Lập tức ông Nguyễn Văn Thiêng bị gọi về triều. Chối cãi làm sao nổi, dấu ấn của ông và chữ viết của con ! Hai cha con ông Thiêng tự vận một lượt, theo ơn vua.

Lê Văn Duyệt đang có mặt, thấy vậy, ngán ngẩm tim đen của Minh Mạng, bèn lừa dịp tâu xin cho mình vào Nam kỳ, đang có nạn phù thu lạm bổ, để dẹp trừ. Minh Mạng không giữ lại, mà cũng mừng thầm cái sự xa lánh ấy nên cho Lê Văn Duyệt vào Gia Định làm chức Phó Vương»

Thưa các bạn,

Vừa rồi, sở dĩ để nghe Trương Vĩnh Ký nói nhiều «khảo sát» về việc tâm tở trong triều là để ngẫm nghĩ về khái niệm «tổ quốc» trong lòng mọi người dân thường (kể cả Petrus Ký) đã bị xúc phạm, đã bị xuyên tạc đến bực nào. Chúng ta nhìn qua lăng kính của mấy câu nói này mà suy nghĩ thêm. Câu nói của.

J. J. ROUSSEAU :

*«Từ rày tôi chỉ còn nghĩ tới tổ quốc xa xưa của tôi với tấm lòng hờ hững ... Đó không phải tôi cho rằng đã rảnh nợ với nó rồi. Người ta có chết mới hết nợ với tổ quốc mà thôi. Tôi đang còn có nhiệt tình với bốn phận, nhưng lại đã mất đi cái nhiệt tình triu mến. Thử hỏi cái tổ quốc ấy nó ở đâu ? Nó có còn không ?*

*Đâu phải những tấm vách, lại nào phải con người đã làm ra tổ quốc. Tổ quốc đó là những luật lệ, những phong tục, tập quán, và đó là nhà nước, là hiến pháp, là cách cư xử tuân theo những cái đó mà ra Tổ quốc là ở trong quan hệ giữa quốc gia và thành viên của nó ; khi những mối quan hệ đó thay đổi hoặc tự hủy thì tổ quốc tiêu điều».*

CHATEAUBRIAND :

«*Khi mà tự do cho sự phát triển, nảy nở của con người mà không còn, thì cái còn lại chỉ là một xứ sở, chứ không còn tổ quốc*».

Vấn đề tổ quốc, như các vấn đề trừu tượng và có tánh chất luân lý khác, chúng ta có nói đến nên nói trong bình tĩnh, trong nhận chơn sự chú ý của mình không thiên lệch.

Chúng ta cũng nên để vài giây nghĩ đến những anh, chị, em bỏ «*tổ quốc*» ra đi, rồi chúng ta theo dõi Trương Vĩnh Ký đi huề đi Huế với bạn Paul Bert.



Paul Bert tới Sài Gòn vào tháng Hai, và ra tới Hà Nội, ngày 06 tháng Tư năm 1886.

Những ngày mới tới Sài Gòn, Paul Bert đã đến thăm gia đình Trương Vĩnh Ký. Từ lúc biết nhau ở Paris và tiếp tục thơ từ qua lại, P. Bert đã tìm thấy ở Petrus Ký một người bạn thân, hiểu mình, đồng tình với mình, để nói lời nói chung với mình, một khi được đặt bên cạnh vua Đồng Khánh.

Khi Paul Bert đến nắm vận mạng nước An nam này thì thơ từ giữa hai người bạn ấy càng quện chặt vấn đề đường lối chánh trị, biểu hiện sự gắn bó Pháp Nam.

Chúng ta đọc những bức thơ :

PAUL BERT GỎI PETRUS KÝ :

*Sai gon, ngày 22 tháng 3, năm 1886.*

(Lấy lời dịch của Đặng Thúc Liêng) .

Kính Tiên sanh,

Tôi vui lòng nhận lời Tiên sanh mời tôi và gia quyến, ngày thứ hai tới, và tôi xin có lời thân ái cảm ơn.

Bây giờ vì lời viết đẹp trong thư, ông đã coi là bằng hữu nên tôi tự cho phép nhờ ông hai việc, trong đó một việc trước mắt đối với tôi là quan trọng. Tôi cậy Ông lập Sổ biên tên những người An nam trên khắp xứ An nam có thể làm người thông ngôn tốt để ở bên cạnh những công sứ của tôi. Tôi chắc ông thông thạo để làm việc tiến cử ấy.

Sau đó bởi vì Ông muốn đi theo ông bạn Pène ra Huế để xem xét hiện trạng của những hồ sơ lưu trữ quốc gia An nam, và tìm trong đó những gì giúp cho sự phân định ranh giới và những vấn đề khác thì tôi xin Ông hãy tìm một số bạn sáng suốt và chắc chắn để tiến hành dưới sự chỉ đạo của Ông, những phó thác cần thiết mà chúng ta đã nói với nhau trong lần gặp mặt đầu tiên.

Chúng ta có thể đi chung trên chuyến tàu, tuần tới, và tôi sẽ rất sung sướng mà có được Bà Trương Vĩnh Ký đi theo với những đứa con trai lớn của Ông. Vì như vậy Ông vẫn như ở trong gia đình, cũng như tôi đã làm như vậy cho tôi.

Tôi được biết rằng Ông đang tiếp tục nghĩ đến tôi về bài hịch. Tôi xin cảm ơn Ông. Xin Ông hãy một lần nữa nhận những tình cảm thân mến và quý trọng của tôi.

PAUL BERT.

Xin vui lòng miễn thứ cái tuồng chữ rất xấu của tôi. Tôi để lạc cặp kính nên không thể đọc cái gì tôi viết.

## PETRUS KÝ TRẢ LỜI PAUL BERT

Chợ Quán, ngày 27 tháng 3 năm 1886.

Tướng công đại nhân các hạ.

Đọc bức thư Đại nhân rồi, tôi càng thêm thấy Đại nhân lấy thật tình mà đãi tôi, và tỏ dấu chiếu cố đến phận tôi. Tôi thừa dịp này mà trả lời bức thư trước của Đại nhân.

Đại nhân cậy tôi hai việc. Việc thứ nhất là lập sổ biên tên mấy người dùng làm thông ngôn, thời tôi đã lập xong, còn việc thứ nhì là tính đem gia quyến tôi theo, thời tôi làm được mới có phân nửa mà thôi, vì hai thằng con tôi chuyến này không thể đi theo tôi được, bởi vì vợ chúng nó, một đứa thì đẻ mới có ba, bốn ngày rày, còn một đứa thời gần ngày sanh thai. Ấy vậy có một mình tôi đi theo Đại nhân mà thôi. Tôi sẵn lòng đi với ít người bằng hữu đáng tin cậy, đi tạm một ít lâu, rồi tôi sẽ trở về lo phận sự nhà Nho, cũng như ông Cincinnatus ngày xưa lo về cày cấy vậy».

Tôi tưởng có lẽ tôi với ông Pène Siefert và mấy người bằng hữu nữa của tôi có thể ruộng mở chông gai, dựng giải quyết cái vấn đề của nước An nam đương trông đợi đó.

Chiều mai tôi sẽ cho Đại nhân lời dụ của tôi đã thảo ra trong tuần này, và tôi đã dịch ra đủ ba thứ chữ. Tôi sẽ trao não tờ mời nhóm Hội cố vấn nghị viên và mấy con số thống kê.

Cúi xin Đại nhân chứng lòng thành kính của tôi,

P. TRƯƠNG VINH KÝ.

P. BERT GỎI PETRUS KÝ

Sai gon, ngày 31 tháng 3 năm 1886.

Kính Tiên sanh.



Tôi đã ngỡ lời với nhà cai trị thuộc địa, xin người ta  
tạm thời giao Ông cho tôi. Người ta đã bằng lòng.

*Hẹn lát nữa sẽ gặp nhau.*

PAUL BERT.



Vài ngày sau, Petrus Ký với mấy người bạn xuống tàu  
đi với Paul Bert.

Chuyến đi này, về phía Phang sa, có lời bình thuật :

«Để tăng cường những phần tử trong triều, bao  
quanh vua, ông Paul Bert đã cho vào Cơ mật một  
nhà học thức có danh tiếng rất lớn của nước Nam  
kỳ thuộc Pháp, tên là Trương Vĩnh Ký. Đây là một  
con người được người ta bàn tán, tranh cãi đặc biệt  
và có những ý kiến quá trớn»

Từ thân phận là người Thiên chúa giáo, từ sự hiểu  
biết uyên thâm của ông về nền văn minh và ngôn  
ngữ của chúng ta, kể cả những học vị của ông đều  
không thể thu phục cảm tình của mấy trào cai trị  
đã kế tiếp nhau trên đất Nam kỳ.

Nhưng sự hiểu biết phổ bác của ông, sự thu nhận  
tinh tế của ông về những sắc thái tinh vi của ngôn  
ngữ Pháp, và ngay cái tánh chất là người Nam kỳ  
của ông có thể làm cho ông trở thành một trợ thủ  
vô cùng quý báu ở Huế, và ông Paul Bert đang chú  
tâm vào sự chiêu mộ nhân viên bằng những biện  
pháp khoa học thực nghiệm, ông cho rằng mình sẽ  
không làm được tròn nhiệm vụ, nếu nghe theo thiên

kiến, mà thiên kiến thì nói chung đều mơ hồ, để mất một người cộng tác quan trọng cỡ ấy».

Trích dịch «*Paul Bert au Tonkin*» của Chailley.

Ta lại đọc phía ta. Vị «háo hiên», Huyền Mặc đạo nhân viết trong tập san *Đông Nai* (1933) :

«Bên Pháp phái Paul Bert sang ...

Khi tàu vào đậu bến Sài Gòn là vô Chợ Quán thăm lom ... Rồi lệnh cho Thống đốc Nam kỳ triệu Petrus Ký tùy hành ra Huế.

Nghĩ rằng :

Nước mình gặp vận gian nguy, mà đối với người thì thế lực bất địch. Tuy rằng nghĩa phần là lòng chung của kẻ trung thần chí sĩ, nhưng không lương lực, đạo nghĩa mà xuất ý làm liều, thì chẳng khỏi hại nước hại dân, mà chung quy vô ích. Vậy biết thời vụ, ở tuấn kiệt, trong cơn ngộ biến, âu phải tòng quyền.

Chủ ý đã định rồi, bèn cùng quan Toàn quyền xuống tàu ra Huế. Tiên sanh phu trần phương lược ... điều đình với Nam trào, lập đàn diễn thuyết tại Đô môn. Tiên sanh hộ giá Đông Khánh hoàng đế cùng quan Toàn quyền lên đàn.

(Petrus Ký thay P. Bert đọc bài hịch bình định).

Trong lời diễn thuyết hiếu dụ sĩ dân, tỏ nghĩa hòa bình hai nước, phân trần lợi hại, hết dụ lại hăm rất là khái thiết tương minh, thính giả coi ý có nhiều bề cảm động.

Xong rồi quan Toàn quyền trẩy tàu ra Bắc, lưu tiên sanh ở lại phò tá Hoàng thượng. Hoàng thượng rất

gia lễ mạo, muốn trao trọng quyền, song Tiên sanh cố từ mà xin lãnh chức «Cơ Mật viện tham tá, đặng phò Hoàng thượng tiến hành điều độ sự nghị».

Ông Đặng Thúc Liêng, trong «*Trương Vĩnh Ký hành trạng*» có nói bài hịch ấy và bảy điều :

- 1) Bày tình Pháp - Việt nhứt gia.
- 2) Rộng mở sự Giáo dục.
- 3) Giữ gìn quyền lợi lý tài nước ta.
- 4) Khai khoán (mỏ than, đồng ... ) .
- 5) Khuyên đừng bạo động.
- 6) Không tăng thuế.
- 7) Lập nghị viện.

với lời phẩm bình :

«Dem chánh sách công bình, đồng lực, hiệp tác ước sẽ thực hành, mà tuyên bố cho công chúng. Trung Bắc lưỡng kỳ nghe rồi thấy đều duyệt phục. Dụ ấy chỉ dùng lẩy quốc văn mà nghị luận kinh tế đủ điều : ai còn gọi tiếng An nam rằng «nghèo» ? mà mấy ai được biết Vĩnh Ký đã từng giảng giải sự trị quốc».

Đặng đàn bày tình và sách dụ xong, Paul Bert ra Bắc.

Ở lại Huế với bạn Pène Siefert, Trương Vĩnh Ký được đưa vào Cơ Mật viện đã mau chóng gây được cảm tình với triều thần, đã được dự các cuộc họp triều chánh. Và ông đã viết thư báo cáo công tác với Paul Bert.

PETRUS KÝ GỬI PAUL BERT :

*Huế, ngày 10 tháng 5 năm 1886.*

(Cũng y lời dịch của Đặng Thúc Liêng).

Tướng công Đại nhân các hạ,

Chắc ông bạn Pène của chúng ta đã trình cho Đại nhân tờ phúc của tôi về các sự hư hại trong thành phố Huế vì cái vận hội xảy ra ngày 5 Juillet đó. Tôi tưởng bao nhiêu đó và một ít điều tôi sẽ đối diện mà bày tỏ thêm cho Đại nhân rõ nữa, thì Đại nhân sẽ để mà gỡ rối và để mà lo chấn chỉnh sự bảo hộ cho xứng đáng với cái trách nhiệm của nhà triết học và cũng là nhà chánh trị là Đại nhân đó vậy.

Tôi cũng gắng công, nhưn chỗ quyền thức của tôi mà làm cho Đại nhân rõ được cái tình hình quốc sự thêm nữa. Tôi hết lòng khâm phục cái việc ông Pène tính dùng người bốn xứ, nên tôi liền tâu cho Hoàng thượng và trình với Cơ Mật làm theo liền. Phần tôi cũng như người dân lộ, nên tôi cho ruộng đường cho Đại nhân, đi đến đâu tôi cũng tôn trọng cái danh giá của Đại nhân cho thiên hạ phục tùng.

Tôi vẫn biết mấy ngày rày, bên Tòa sứ có khuyên triều đình Nam đừng có làm theo ý đã định đó, chắc là Tòa sứ có tính kế nào khác nữa chớ chẳng không.

Vậy xin Đại nhân so sánh hai kế ấy, rồi Đại nhân liệu định lấy. Tôi tưởng mấy việc nhỏ mọn đó đã hoàn thành rồi hết và tôi với ông Tạo có lẽ đã xuống tàu mà về Saigon rồi, nếu tôi không tính nấn ná mà từ biệt Đại nhân là người có lòng chiếu cố tôi hồi tôi ở Chợ Quán, việc ấy tôi không thể nào mà quên được. Gia quyền tôi trông đợi tôi, mà tôi lại quen thói bình tịnh, nên tôi cũng trông được ở an yên ổn nữa lắm.

Khi chiếc tàu Léon đến đây thì chúng tôi tìm tàng việc của chúng tôi đã xong rồi hết, nên tôi tưởng có lẽ chúng tôi sẽ đi Bắc kỳ ở ít ngày được, vì ngoài ấy tôi có bằng bối nhiều. Nhưng mà thôi để khi khác sẽ đi.

Hôm trước tôi có gửi cho Đại nhân một bức thư riêng bằng chữ La tinh. Tôi không thấy trả lời, nên tôi không biết Đại nhân có tiếp được hay không. Nhưng trong khi chờ đợi ngày tàu chạy, mà tôi có thể làm gì cho Đại nhân thì tôi sẽ làm nhậm lệ và trung thành. Tôi dám bảo kiết rằng những tình bằng hữu của người An nam cũng vững chắc như tình bằng hữu Lang sa.

Ông Pène có dọ ý tôi, muốn cho tôi làm việc gì khác nữa đó không biết. Và tôi bị nhiều người đại dột hoặc hung ác họ ganh ghét nữa. Vậy tôi muốn về lập tức, bởi vì nếu kiên trì thì e chẳng khỏi ông Pène dụ dỗ, khiến cho tôi làm việc bậy bạ. Ông Pène thật là đáng vô tư cứ lo cho bằng hữu mà thôi. Ông có nhiều cái lý thuyết tân kỳ, trí ý của ông lạ lùng lắm. Có nhiều chỗ người ta không biết đâu mà rõ, mà đến ông thì dễ như chơi. Ông thấy xa, liệu đúng, mà lại tính mau nữa. Tại Huế ai nghe ông nói chuyện đều té ngửa. Ban đầu họ đến viếng là viếng tôi, mà bây giờ họ cũng viếng luôn ông ấy, đâu có việc gì, họ cũng đến hỏi ông.

Tuy vậy mà tôi muốn đến viếng quý quyền một lần, đặng tôi tỏ lòng ái kính, vì quý quyền đã có lòng đối tượng đến tôi. Quý quyền muốn cho phép tôi đến ngày nào cũng được.

Còn phần tôi đối với Đại nhân thì tôi vẫn giữ một lòng thành kính luôn luôn.

P. TRƯƠNG VINH KÝ

(Ở đây cần một chú giải Về cái «vận Hội 5 Juillet»

Sách «Việt Nam — Những sự kiện lịch sử» ghi :

Đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7 1885 ; 0 giờ 40 phút Tôn Thất Thuyết cùng Trần Xuân Soạn chỉ huy Phấn nghĩa quân mở cuộc tấn công quyết liệt vào đồn Mang Cá, khu nhượng địa, khu sứ quán của thực dân Pháp ở Huế . Cuộc chiến đấu diễn ra vô

cùng ác liệt. Tảng sáng, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm nghi cùng tam cung rút khỏi kinh thành và sau đó phát động phong trào Cần Vương).

#### PAUL BERT GỎI PETRUS KÝ :

*Huế, ngày 10 tháng năm, 1886.*

*Kính Tiên sanh,*

*Tôi có lời với Tiên sanh rằng tôi lấy làm vui lòng và lấy làm cảm ơn Tiên sanh với lệnh mụi phu (beau frère) đã quyết định như vậy. Nay Tiên sanh muốn trở về Saigon ít ngày, vậy tôi hơn dịp này mà xin Tiên sanh tỏ lại giùm với quý quyền rằng tôi gửi lời thăm.*

*Tôi đây cũng là người trong quý quyền, bởi vậy nên tôi vẫn biết tình thân ái nó thường làm cho mình thêm sức mà đởm đương với đời.*

*Tôi ước trông Tiên sanh về nhà rồi, càng thêm sức nữa và quý quyền thuận tình giúp đỡ Tiên sanh, trong lúc này là lúc Tiên sanh quyết định Đại sự là giúp cho nước Pháp và nước Đại Nam.*

*Bạn yêu dấu,  
PAUL BERT*

Petrus Ký về Sài gòn vài ngày, có lẽ cũng để phân phiên với người nhà «thuận tình» cho cuộc lại ra đi, chuyến này có lẽ hơi lâu. Trở ra Huế, Petrus Ký thơ ngay cho P. Bert.

#### PETRUS KÝ GỎI PAUL BERT.

*Huế, ngày 17 tháng 6 năm 1886.*

*Tướng công Đại nhân các hạ,*

Đại nhân lấy tình bằng hữu, lấy lòng khoan nhưn mà đái tôi đến việc mây múnng Đại nhân cũng ân cần cố cập.

Ông Pène nói chuyện với tôi. Ông thường khen Đại nhân lắm. Mà theo trí tôi xét thời Đại nhân còn cao hơn lời nói của ông Pène nữa. Bởi vậy tuy là tôi bị đau rét, tọa sàng cho đến ngày tàu chạy, song tôi cũng rán làm cho tròn phận sự, dẫu sống thác không cần.

Bữa nay trong mình tôi đã khá rồi, tôi ở lại đây. Tôi sẽ lo khảo cứu nhưn vật, đặng chứng nào Hoàng thượng hỏi trào, chúng ta có thể đi vào giai đoạn tổ chức và canh cải với một số người xứng với trách nhiệm.

Tôi sẽ bỏ dẹp bọn sàm nịnh hết thảy. Tôi đã lựa những người thiệt có tài kinh tế mà hầu cận giúp cho Hoàng thượng và sung vào Cơ mật viện.

Những người có tài không thiếu gì, cứ chọn trong đám nho học theo Đạo Khổng, là chỗ tôi thường trông cậy để lo diu dất xã hội.

Những đạo giáo những suy đỏi của cuộc sống xã hội, muôn sanh tồn được ấy là nhờ các cái nguyên tắc luân lý mà thôi, mà dẫu tôn giáo nào cũng gồm chung những nguyên tắc ấy, chớ không có chi lạ. Trong đạo trị nước, nếu biết nghĩ như thế, thời tức nhiên phận sự hoàn toàn chẳng có chi khó, nếu các tôn giáo không làm chi náo động dân chúng, thời nhà nước cứ giữ địa vị trung lập mà điều đình. Tôi nói đây là có ý muốn cho Đại nhân biết rằng, hệ luận đến quyền lợi quốc gia thời tôi không kể đến cái đức tin riêng của tôi. Trong bộ sử ký tôi viết, thời tôi cũng đã có to cái ấy rồi.

Rồi đây tôi sẽ rán mà diên giải cho các nhà Nho họ hiểu rằng : «Nếu không có Pháp quốc thời An nam không

làm nên riêng được, mà chống cự với Pháp quốc cũng không nổi, bởi vậy phải tay nắm tay, đừng có chút ngoại ý, đã có sẵn người hảo tâm như Đại nhân, cứ nương lấy đó mà cậy nhờ»

Tôi đã khởi đầu viết một quyển sách tựa đề «Tân thời đại» quyển sách ấy bắt đầu nói từ khi Đại nhân mới đảo nhậm, rồi lần lần diễn giải các cuộc chinh đốn của Đại nhân, mỗi cuộc tôi đều chỉ cho nước An nam làm gương mà noi theo. Xin Đại nhân biên cho biết công trình của Đại nhân ngoài Bắc kỳ ra thế nào, đặng tôi viết cho đúng và cho đủ. Lại tôi đã lãnh chủ nhiệm tờ Công báo, vậy xin Đại nhân gửi cho tôi những nhật báo như *l'Avenir du Tonkin*, v.v...

Ngức dưng lòng ái kính  
P. TRƯƠNG VINH KÝ.

Nói thêm : — Hoàng thượng đã di giá, hồi sớm mới này. Ông Touté và ông Falais đến trễ vài giờ đồng hồ, vậy tối nay hai ông sẽ thừa dịp trăng tỏ mà đi với ông Pène đặng theo hộ giá.



Xem thơ này, ta thấy...

Petrus Ký ra Huế lần này là đi bước thứ hai, trong phận sự «làm môi giới» của mình.

Bước thứ nhất thay lời Paul Bert (mà cũng là nói lòng mình) về chánh sách thái bình, thanh vượng cho đất nước An nam.

Bước thứ hai này, giúp vua sắp xếp đình thần và chánh sự, chấn hưng kinh tế. Trước mắt là dẹp yên



«cuộc chiến tranh tôn giáo» nó đang dây dưa gặm mòn đất nước.

Bức thơ ngắn mà rõ, Petrus Ký thủy chung nhứt quán với lý trí chánh trị của mình. Cái câu : « ... đã có người hảo tâm như Đại nhân, cứ nương lấy đó mà cậy nhờ » không chỉ là lời khuyên cáo nhà vua và trào thần An nam, mà cũng là lời nhắc nhở ông bạn Paul Bert, người của Pháp quốc»

Đã nói, bước thứ nhứt Petrus Ký thay Paul Bert mà «truyền hịch», lại vừa thấy trong thơ này có câu : «hệ luận đến quyền lợi quốc gia, thời tôi không kể đến đức tin riêng của tôi» nên xin chép tháp vào đây một bài văn, lục thấy trong di cảo của Petrus Ký. Đây là :

### CHẤP BÀI HỊCH THIẾU

*Trước rạch lời văn,  
Đất Nam kỳ từ thuở trung hưng.  
Dân Gia Định cũng dòng nghĩa khí.  
Bốn bảy Nam dương phò vạc Hán.  
Hội rồng mây đua chen gót truy tùy.  
Năm ba Đông thổ chống loài Châu.  
Cơn mưa tuyết chẳng trừ dằng chinh dịch.  
Thơ sơn khoán sắc dấu cũ rành rành.  
Họ cả, nhà sang cây cao vôi vôi.  
Đã chắc là mấy người trung liệt.  
Dạ sắt vàng bao quân bước chông gai.  
Song còn thương những kẻ hôn ngu.  
Thầy Cân phá khá ngại phiên miệng lưỡi.*

Vào những da tê các xóm.  
Dấu tích xưa quê vức vốn người Châu.  
Vào là chệc khách mấy ban.  
Trú ngụ đó cửa nhà nơi đất Hán.  
Trước sợ phố phường tan nát.  
Giả dạng quan thông.  
Xưa làm thuốc trăm mê.  
Quên đàng hiếu thuận.  
Sao chẳng thấy nguy Khôi năm trước.  
Mưu mô ấy mà gan dạ ấy.  
Mã biên tru còn để đó làm gương.  
Chẳng xem đồ Dương tặc bấy lâu.  
Cửa nhà người cùng vợ con người.  
Lòng tham dục biết bao nhiêu đây túi.  
Chi bằng theo đàng chánh đạo.  
Thú trước hiên môn.  
Đứa datô khác lòng xưa.  
Biết chuyện thiên đàng là dối thế.  
Phường chệc khách đành theo đất cũ.  
Coi người dị vức chớ nên thân.  
Đất phong lưu chi nữ để làm than.  
Dẹp xú loại mặc an nơi cương ngữ.  
Người trung nghĩa đã đành lòng hăm hờ.  
Dân nước trong mà rửa đám quan son.  
Ai có công triều cũng không quên.  
Tranh lân các phần son thêm rức rở.  
Người ở phải trời dành cho phúc.  
Nhà ô y lan ngọc cũng sum vầy.  
Nếu bằng quen thói chấp nê.  
Cứ dường mọi giặc.  
Bóng dương hé giá sương bên được mây.

*Chắc sau nhờ chỉ đứa gian hùng.  
Lửa cơn phừng đá ngọc nát như không.  
Hay trước liệu khỏi điều hậu hối.  
Hịch Vua Tông đến truyền khắp gần xa.  
Mấy lời tạc dạ cặn kẽ ghi lòng.*

Chúng ta trở lại với bức thư.

Paul Bert đọc, thấy có việc diễn giải với các nhà Nho, bèn nói giúp vào, bằng một bức thư đường lối chánh sách, nhân văn thông thái và tri bí.

PAUL BERT GỬI PETRUS KÝ :

*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 1886.*

*Kính Tiên sanh,*

*Ý kiến của Tiên sanh đã tỏ trong bức thư trước thật là cao thượng lắm, nhưng mà tôi vẫn biết Tiên sanh, nên tôi chẳng lấy chi làm lạ. Tôi biết Tiên sanh ngồi trên cao mà nghị luận Tông giáo, là vấn đề mà xưa nay thường phân rõ, thường gây ác cảm cho người tầm thường lắm.*

*Tông giáo nào cũng vậy, ấy là nhà trường lớn chuyên dạy luân lý. Nếu có chỗ không hay, thời tại người thay mặt cho Thần, Thánh, Phật, Trời, chớ không phải tại Đạo. Vậy mình có trách thời trách thầy tu, chớ không ai dám trách Đạo.*

*Tuy vậy ... mà thôi ... để dẹp triết học lại đó dựng lo quốc sự, để tính coi phải làm thế nào giải quyết vấn đề Tông giáo trong nước An nam trong buổi này. Tôi lấy làm vui lòng mà hay Tiên sanh cũng đồng một ý kiến với tôi trong việc ấy. Tuy vậy mà, xin để cho tôi bày tỏ tư tưởng của tôi ra đây cho rõ ràng.*

*Thuở xưa Pháp quốc tưởng mình là nước có trách nhiệm bảo hộ cho các môn đệ của Thiên chúa giáo, bởi vì Pháp quốc*

tin chắc rằng đạo Thiên chúa là cao thượng hơn các đạo khác của dân ngoại quốc nên mới dùng các thế lực mà giúp cho đạo Thiên chúa bành trướng ra.

«Phận con gái đầu lòng» của Thiên chúa giáo, thời tức nhiên giúp với họ mà thu phục hoàn cầu, dựng cả thanh danh, cả và khí giới cho Thiên chúa giáo và cho các thầy tu dùng. Bởi vậy cho nên việc gì của Pháp quốc làm là Đức Chúa Trời làm hết thảy ! *Gesta Dei per Franco.*

Dân Pháp quốc cách mạng lập hiến từ năm 1789 thời đã bỏ cái lý thuyết ấy rồi. Pháp quốc không được tưởng mình có quyền truyền đạo nữa. Pháp quốc không công nhận đạo nào là đạo của quốc gia.

Pháp quốc còn giúp tiền cho Thiên chúa giáo mà thôi, mà giúp đó cũng như giúp cho Tin lành, đạo Á rập, đạo Hồi hồi đó vậy.

Ấy vậy, ở ngoại quốc thời nước Pháp cũng không lo giúp mà truyền đạo Thiên chúa bao giờ. Pháp quốc có cái nghĩa cao thượng hơn nữa. Pháp quốc lo giữ gìn, bảo hộ cho mọi người được thông thả tin mà tín ngưỡng đạo nào tùy ý. Dầu trong nước của mình hay là trong nước nào mà Pháp quốc có chút ít quyền thế, thời Pháp quốc không chịu để cho một người nào vì lòng tín ngưỡng tôn giáo mà bị ai hà hiếp, bức bách. Nếu có vậy thời nước Pháp tự nhiên phải ngăn cản, phải kêu nài, mà kêu nài là kêu nài cho mọi người được hưởng sự đồng đẳng, công bình mà thôi, chứ không phải biểu tư vị ai.

Chủ nghĩa cận thì của tôi là vậy đó. Luật pháp của Pháp quốc đều lấy chủ nghĩa ấy mà làm gốc.

Tôi vẫn biết người ta ít chịu do chủ nghĩa đó mà thi hành : như là trong xứ của Tiên sanh đây, từ trước đến bây giờ môn đệ của Thiên chúa giáo họ tưởng rằng họ nhờ có

Pháp quốc bảo hộ, nên họ được hưởng cái địa vị cao riêng và được quyền đặc biệt, còn người không phải đạo ấy họ lại sợ giựt lân lân hết quyền của Triều đình đi.

Mấy điều ấy đã đổi rồi, đổi thiệt, đổi hết. Pháp quốc lập «Cộng hòa dân chủ» thời đã lấy những chủ nghĩa cách mạng hồi năm 1789 mà thi hành. Chánh phủ tôi đang thay mặt tại đây mà phần riêng tôi cũng vậy, chúng tôi quyết định noi theo chủ nghĩa ấy. Tôi cứ kêu nài với Triều đình An nam đặng cho môn đệ Thiên chúa giáo được hưởng đồng quyền với hàng dân khác của Vua. Mà tôi cũng cứ nói cho môn đệ Thiên chúa giáo họ biết rằng nếu họ muốn hưởng được quyền ấy, thời trước hết họ phải tuân theo lệ luật trong xứ, phải phục tùng các quan lại thi hành luật lệ ấy. Nếu họ muốn lập luật lệ riêng, nếu họ không muốn nộp thuế cho quan, nếu họ muốn lập riêng nhiều nước nhỏ trong nước lớn này, thời tôi không bình ực cho họ được. Tôi sẵn lòng làm theo luật pháp, chớ không chịu tư vị ai.

Tôi sẽ dùng hết nghị lực của tôi mà bảo hộ họ khỏi bị giết như việc đã xảy ra ở Bình Định và Thanh Hóa, là việc làm mang tiếng cho Vua mà cũng mang tiếng cho Pháp quốc nữa. Tiên sanh hãy tỏ ý ấy cho các nhà Nho họ biết. Hãy chỉ rõ cho họ hiểu rằng hiện thì, lấy cơ tông giáo mà sanh giặc là phi lý và hữu tội.

Tôi chẳng hề để cho họ làm như vậy bao giờ. Tiên sanh cũng nói cho họ hiểu rõ cái điếm tôi đã nói với Tiên sanh ngày nọ đó.

Nói như vậy :

Pháp quốc không bao giờ chịu bỏ xứ này mà về đâu, đừng có trông mong như vậy mà làm lạc. Quyền lợi của chúng tôi ở xứ này đã nhiều rồi, nên đâu phương Tây có nổi giặc, chúng tôi cũng không lui bước được. Có lẽ chúng tôi sẽ rút

bớt binh lính, bỏ chút đỉnh phân đất của chúng tôi đã chiếm, mà chừng thời bình rồi, thời chúng tôi sẽ chinh phục lại, còn dư dôi hơn nữa.

Đã vậy mà đâu có vận hội gì khiến cho nước Pháp phải bỏ xứ này mà đi chằng nữa, các ông tướng nước Việt Nam được độc lập tự chủ như hồi đời Gia Long và Minh Mạng vậy sao ? Sái xa lắm Dân Anh Kiệt Lợi, dân Tây Ban Nha, nhứt là dân Đức quốc sẽ đến đây liền. Chừng ấy nước Việt Nam so sánh mới biết, thay đổi như vậy là lợi hay là hại ! Các ông sẽ thấy tánh cường bạo của quân lính nước Đức là như thế nào ?

Phải ! Dầu thế nào cũng vậy, hễ Pháp quốc mà bỏ nước Việt Nam thời sẽ có một nước khác bên phương Tây vào đây mà chiếm cứ Tại sao vậy ? Bởi vì trong lịch sử của các dân tộc có nhiều điều cần yếu và nhiều việc xảy ra mình không thể chống chỏi ngăn ngừa được. Vậy nếu mình có lòng ái quốc thời phải biết lợi dụng mấy vận hội ấy.

Cách 400 năm trước Đức Chúa trời giáng sanh, lúc ấy tổ tiên ta còn hái trái cây rừng trong xứ Gaule mà ăn. Lúc ấy Khổng phu tử còn đang làm bộ «Thư kinh» , có một đạo chiến thuyền bên Trung Hoa qua chiếm bờ cõi xứ này, đem dạy đàn dân quê kịch nào là học thức văn minh, nào là kỹ thuật, nào là khoa học, nào là cang thương luân lý : nhơn, nghĩa, lễ trí, thời tự nhiên ảnh hưởng của Trung Hoa chiếm trị một thời kỳ rất lâu. Rồi bây giờ đây, vận hội lại xây đổi đi. Mấy Đại quốc bên phương Đông, ban đầu tấn hóa sớm, mà rồi sau lại ngưng bước. Cuộc văn minh Ấn Độ, Xiêm La Việt Nam, Trung Quốc cứ ở một mức y như hai ngàn năm trước. Còn chúng tôi ? Chúng tôi lại tấn bộ. Hồi trước chúng tôi chậm trễ hơn mấy nước phương Đông, bây giờ chúng tôi lại đi trước mấy nước ấy xa rồi, nhứt là về khoa học kỹ thuật, kỹ nghệ, thời chúng tôi hơn nhiều lắm. Còn như vậy nữa.

Mấy nước ấy lại sụt lùi và đã mấy thế kỷ rồi họ chỉ ngắm nghĩa mà sừng sờ như vật kỷ niệm, cái quang vinh xa xưa của họ.

Theo lẽ tự nhiên của trời đất, thời bây giờ tới phiên chúng tôi. Chúng tôi đem tàu bè, khí cụ đến, hoặc hòa, hoặc chiến, và chúng tôi tính bình cang và diu dặt. Chúng tôi phải diu dặt bao lâu ? Điều ấy tôi không hiểu được. Nhưng mà tôi tưởng những dân tộc Á đông đã chỉ đường cho chúng tôi, gần gũi với chúng tôi, rồi đây họ cũng tỉnh giấc mà vẫy vùng. Chẳng ai dám biết trước, coi những chủng tộc châu Âu và những chủng tộc châu Á hiệp lực nhau, ở gần gũi nhau, tranh cạnh với nhau, rồi nảy ra một cuộc văn minh tấn hóa đẹp đẽ thế nào.

Dầu mình có muốn hay là không gì, cuộc vận động ấy cứ lừng lẩy thêm mãi. Ấn Độ đã từng quyền Anh Kiệt Lợi, Miến Điện cũng vậy, Xiêm La thời đang tìm thầy mà học tập, Nhật Bản thì đang sửa soạn cải cách lấy mình, Trung Hoa thời phải chịu để cho việc học thuật Âu Tây tràn vào. Máy xư ở mấy cù lao lớn kia thời phải chịu cho nước Hà Lan diu dặt. Tôi vẫn biết chắc việc ấy không lẽ bền vững đời đời được, song phải chịu như vậy. Nước Việt Nam không thể nào tránh khỏi cuộc tuần hoàn ấy.

Máy cho Việt Nam gặp được một dân tộc ôn nhu, quảng đại, biết ái trưất kẻ thua mình. Pháp quốc không hề tàn bạo, chẳng hề hủy phá bao giờ. Lúc ban đầu mới đến chiếm trị, phải hùng bạo chút đỉnh, nên các ông phiên trách cũng phải dó chút. Nhưng mà việc đã qua rồi, bây giờ tôi đến đây đứng mà trừ cái tệ hung bạo ấy, rồi đổi cách thức cai trị, làm cho thích hợp với tài trị nước của nước tôi.

Người An nam thiệt có lòng ái quốc, vậy thời hết thầy phải giúp tôi đứng làm cho hoàn toàn cái trách nhiệm của tôi. Nếu cứ kháng cự hoài thời đã vô ích, mà lại còn làm

cho nước điều tàn và làm cho sanh điều hung bạo nữa ; ấy là các điều hễ kháng cự thời sanh ra như vậy đó.

Tôi vẫn yêu cái chí khí của những người kháng cự ấy, nhưng mà kháng cự là quấy lắm, vì đã vô công, mà lại còn làm hại thêm cho quê hương Việt Nam.

Còn như trong nước trở nên thời bình, thời các ông cũng biết Pháp quốc chỉ muốn có một điều mà thôi, là diu đất và làm cho Việt Nam thanh vượng. Các ông cũng biết chúng tôi không muốn mà cho có muốn đi nữa cũng không có thể chiếm trọn quyền cai trị, như vận hội đã buộc chúng tôi phải làm trong Nam kỳ đó vậy được. Bực Nho học là hạng rất cứng cỏi, không khép kín, trong dân giả ai có tài là vào hạng người ấy được hết thảy. Bởi vậy quyền cai trị, tự nhiên phải giao cho họ, và quan trường cũng nhờ họ giúp dùm. Bức thư này là dài, nên tôi tóm tắt lại như vậy, xin Tiên sanh nói lại với bằng bối trong cửa Khổng với bực cao kiến trong Việt Nam biết rằng về sự thi hành mấy lời giao ước, họ chẳng nên sợ mất thể thống của họ. Họ đừng có rảo khắp thôn quê mà xúi giục dân làm điều mất nhà, vong mạng. Bất luận về phương diện nào họ cũng có thể đặc chí về công trình của họ và về thân phận của họ nữa.

Nguyễn nhứt tâm thành tín,  
PAUL BERT.

Tiếp liền ngày hôm sau,

PAUL BERT GỎI PETRUS KÝ

Hà nội, ngày 23 tháng Sáu, 1886.

Kính Tiên sanh,

Tôi xin Tiên sanh làm ơn răn lo dùm, dạy dỗ ông hoàng ngự đệ. Dầu thế nào cũng phải dạy cho ông ta học chữ Pháp.



À ! Nếu Tiên sanh tâu làm sao cho Hoàng thượng chịu học chữ Pháp thì quý biết chừng nào. Tiếc là, hôm trước tôi không kịp nói với Hoàng thượng.

PAUL BERT.

Nói thêm : Hoàng thượng đã ra chỉ dụ đặc biệt ban cho kinh lược Bắc kỳ toàn quyền đại diện công việc của triều đình. Tôi cho rằng tốt hơn nên đổi ra chức gì đặt vào việc mới đề cử ấy.

Tôi có đọc quyển «Lịch sử An nam» của ông mà thấy nhiều quan chức lớn như Lê Văn Duyệt chẳng hạn mang một chức vị mà ông đã dịch là vice - roi. Chức vị ấy là gì ? Nó có cao hơn kinh lược không ? xin ông trả lời về vấn đề này cho tôi rõ, tôi cảm ơn vô cùng. P. B.

PETRUS KÝ GỬI PAUL BERT

Huế, ngày 7 tháng Bảy, 1886.

Tướng công Đại nhân các hạ,

Trong bức thư ngày 29 tháng Sáu, Đại nhân có tỏ ý cao thượng về vấn đề tông giáo và về vận mạng nước Việt Nam. Đọc thư ấy, tôi càng thêm thấy, trí rộng tài cao của Đại nhân nữa. Thật Đại nhân là nhà chính trị mà cũng là nhà triết học và bác học nữa.

Tôi đã dịch bức thư ấy gửi cho Hàn lâm viện rồi. Tôi chắc nó sẽ được hoan nghinh và sẽ làm cho vừa lòng các nhà Nho học. Hễ Hàn lâm viện coi rồi thì tôi đệ đến thánh cung cho Hoàng thượng ngự lãm, và tôi cũng dưng luôn bức thư của Đại nhân gửi cho tôi đó nữa, đặng cho Hoàng thượng coi lấy đó mà thảo một tờ hiểu dụ.

Ông Hoàng ngự đệ theo họ giá Hoàng thượng. Trước khi khởi hành Hoàng thượng có triệu tôi với ông Pène vào châu. Hoàng thượng có nói rằng, nếu ngài có thời giờ rảnh, thời ngài sẽ học chữ Pháp. Đó cũng là một điều lành và cũng đủ biết ý ngài muốn dùng tiếng Pháp mà tiếp chuyện với người Pháp. Tôi sẵn lòng mà dạy ngài học đọc, học viết chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Ngài còn trẻ tuổi, vậy tôi sẽ dùng phép riêng của tôi mà dạy. Phép ấy là phép Roberson và Ollendorf nhập lại, rồi chế sửa cho thích hợp với cơ trí của học trò An nam.

Cái chức vị phó vương (vice — roi) mà tôi dùng trong quyển sử của tôi là mượn của tác giả Âu châu, chức ấy nghĩa An nam là đặc phái viên, thanh tra đại quan. Đó là một chức nhậm bất thường, có quyền vô hạn nhưng tạm thời. Còn Lê Văn Duyệt được phong là thống lãnh sáu tỉnh Nam kỳ, với chức là Tả quân. Những tác giả châu Âu thấy quyền hành của ông trùm lên một quốc thổ rộng như một hầu quốc nên kêu ông là phó vương.

Tôi nghĩ rằng chức kinh lược thích hợp hơn, ngoại trừ cái quyền hành sự mà người ta ban cho. Chức ấy nói lên một quyền hành vô hạn về thời gian. Chức khâm sai là một nhiệm vụ tạm thời như một ủy viên đại biểu cộng hòa dưới thời Hội nghị khế ước. Đó là chức mà ông Hector đã phong cho Phan Liêm trên địa hạt Quảng Nam.

Ông Pène có thuật cho tôi nghe những chuyện họ bàn gian dối với Đại nhân về Năm Ngoạn và Cả Tuân. Họ do tôi tuyển cử cho ông Pène. Tôi có nói rằng hai người ấy gốc ở Chợ Quán cứ giữ lòng thành thật lại bãi buổi nữa. Họ thấy hai người ấy được địa vị tự do, họ ghét nên thêu dệt nhiều lời, cũng như ngày trước lúc đám cưới con tôi ở Sài Gòn, họ đồn huyên rằng, môn đệ Thiên chúa giáo sẽ kéo nhau làm khó cho tôi vậy.

Ở đời có nhiều việc phi lý lắm, mà cũng may, vì những kẻ bày điều đặt chuyện và đồn huyên như vậy, thường người ta thấy rõ trí ý của họ liền. Người ta bỏ qua không ai thêm tin, rồi thời, lời đồn sẽ coi như không có chi hết.

Kỳ trung tôi cũng mừng lắm, vì Đại nhân có danh giá là một nhà tâm lý học không hạ mình mà dùng một người hiêm nghèo như độc dược (Pène Siefert) với một tên phản thân (Trương Vĩnh Ký) Đại nhân dùng hai tên này, ấy là Đại nhân muốn làm theo lời tục của La tinh nói «người nghịch là người làm nên cho mình» (*contraria contrariis curatur*).

Tôi nhân dịp này mà tỏ cho Đại nhân hay rằng, Đại nhân đã gửi gắm tôi cho quan Thống đốc Sài Gòn, mà ngày ra đi (7 Juin) ông Villard là quan quyền Hiệp lý lại ra một nghị định, cho tôi nghỉ ba tháng không có lương.

Tôi tỏ việc này với Đại nhân là có ý muốn cho Đại nhân thấy có nhiều người ganh ghét tôi, ngu ngốc mà lại hung ác, như tôi đã nói với Đại nhân. Bọn đó có thể là biết cách làm hại tôi. May mà tình bạn sáng ngời của Đại nhân đã báo cái thù ấy cho tôi rồi.

Tôi có được tin nhà, gia quyến tôi đều bình yên. Vợ của Trương Vĩnh Viết, mới cưới được một năm, hôm 16 Juin này đã sanh được một trai.

Gia quyến tôi đồng hiệp với tôi mà cầu cho Đại nhân được công thành danh toại và xin Đại nhân trao lời lại với linh phu nhân quý quyến rằng chúng tôi kính chúc mạnh giỏi.

P. TRƯƠNG VĨNH KÝ.

★

★ ★

Sau đó,

Trong thượng tuần tháng Bảy này, Trương Vĩnh Ký nài nỉ tâu xin với vua cho mình về Saigon làm ẩn sĩ.

Sách « *Trương Vĩnh Ký* » của Khổng Xuân Thu có «Thư của Vua Đồng Khánh gửi J. B. P. Trương Vĩnh Ký» (Nicolas Trương Vĩnh Tống dịch từ chữ nho).

Trích ra đây mấy vắn, để xác định thời gian :

Đương nay vận nước nhiều nan.  
Vì ta giúp đỡ lo toan những điều.  
Việc kia nổi nọ cũng nhiều.  
Vừa trong tháng sáu thấy đều đặn an.  
Mãn vui nghe chuyện luận bàn.  
Không dè từ tạ vội vàng hồi hương.

Người ta sẽ thấy vua tôi chia tay bịn rịn, qua những lời này bằng lời dịch của Huyền Mặc đạo nhân. (Trong *đặc san Đông Nai* 1933) .

Thái thượng Hoàng đế Đồng Khánh ngự tứ

«Sắc chỉ Nam trung ẩn sĩ Trương Vĩnh Ký, nguyên chức Cơ Mật viên tham tá hiện sung chức Hàn Lâm viện thị giảng học sĩ, nay cố thỉnh hồi hưu. Vậy đặc ban các hạng bữu vật, tiền về ; nhưn thành bài thơ trường luật, để ghi lòng tưởng nhớ về sau»

## LỜI TỰ

Sĩ quân tử làm cho đời quý trọng, chẳng chi bằng cang thường. Người đời xưa đọc sách trong chốn ruộng nương nhưng tưởng như vui đó suốt đời. Một ngày kia nhắc mình đứng dậy là để đạt hành cái nghĩa vua tôi vậy.

Trương sĩ tái người trong cõi Nam, sanh ra sẵn có tánh chất thông minh, học rộng nghe xa, các nước Âu Á gót du hầu khắp ; chữ tiếng, phong, vật đâu đó đều hay. Mà chưa hề nhận một chức gì sẽ trái lìa nước cha mẹ. Về thi ở ẩn dạy học, chẳng chịu lụy với đời.

Mới đây nghe kinh thành có việc, liền cỡi gió rẽ sóng tới đây, vì nước quên nhà vì công quên tư, giảng điều tin mục, đem lòng thành cảm động đặng người. Đang khi vận nước nhiều nạn, mà vì trăm giúp việc, châu toàn đâu đó, chỉ trong sáu tháng mọi sự lân rồi, thiệt là hạng người bực nhứt vậy.

Ôi ! Đất Nam từ đây tuy thuộc nước nhà, song văn hóa quốc trào ít phần kịp tới, mà Trương quân có tài hơn người như vậy há chẳng phải khí thiêng non nước đúc nên, giáo trạch tiên trào để lại, mà đặng vậy sao ? Trăm mừng đặng Trương quân, mà lòng càng cảm kính.

Trước kia từng bạt thọ chức «Hàn lâm viện Thị giảng Học sĩ» hằng ngày châu chực chốn ngự diên, giảng bàn tự thoại, diễn cổ các nước. Trăm toan những vui đó, chẳng biết chán mỗi ; còn mong mở hết mưu lược để giúp vực cho trăm cho trọn buổi gian nan này. Nào dè đâu chuyện vui chưa được bao ngày, đã vội xin về. Trăm nay tác nghĩ chơn thành, không bao giờ đã !

Nay đặc ban cho những bửu vật như vậy.

1. Một cây lương ngọc như ý.
2. Chục lượng Nam kim.
3. Một cây tê dác.
4. Bốn cây gấm Tàu.
5. Tám tấm sa Tàu.
6. Hai khẩu súng cổ.
7. Một chiếc hộp xà cừ.

Và một bức chơn dung của quả nhơn, cùng một mặt ngọc khánh, trong khắc bốn chữ : Hiếu, Đễ, Trung, Tín là vật của Đức Hoàng khảo ân tứ trăm từ lúc mới sanh để lưu tâm lo thế bửu. Nay đem tặng cho Trương quân dạng xứng đáng tấm lòng yêu chuộng người hiền, từ lâu của Trâm.

Vì đó dọn nên một bài thơ trường luật, để ngụ tâm tình Người cùng con người nên để lòng thế tất lời đó. Cổ nhơn có câu «Trước sau trọn hết nghĩa vua tôi, nội ngoại chớ quên tình ưu ái» Trâm cũng đem kỳ vọng cho người, ngỏ hầu chẳng lãng tình xưa nghĩa cũ. Một lời lãnh ý, xin mãi ghi lòng, Trâm cũng dạng hưởng cái phước «Đãi hiền» vậy.

Ngoài dặm biển sóng còn đang rội.

Trong kinh kỳ lửa khói vừa tàn.

Thương ôi cảnh ngộ gian nan.

Nỗi lòng uất ức biết bàn cùng ai.

Gặp vận rủi trông tài mưu lược.

Cậy tay già vực bước diên nguy.

Non sông đức khí linh kỳ.

Cây ăn màu đất từ khi đượm nhuân.

Đông Nai nọ là phân đất cũ.

Gò Mai kia ấy chủ nhà tiên.

Từ lâu nghe tiếng anh hiền.

Một ngày phút thấy phi nguyên ước thay.

Tài thông đạt đời nay khó được.

Chí học hành người trước ở chung.

Thổ âm uốn lười dịch thông.

Dấu chơn trái khắp Tây Đông các miên.

Chống bột sắt màn liên về đóng.

Mở lòng son thềm ngọc tới châu.

Chỉ hiem nay mới thấy nhau.

Xin bày lòng buổi ban đầu mười phân.

Miền đất nước tám ơn mong trả.  
Mùi đình chung tác dạ nghĩ chi.  
Họ Trương chàng cũng Trương Nghi.  
Kinh sơn hải định qui vi phú cường.  
Trương Khiên với Trương Lương từ thuở.  
Cỡi bè cùng mượn đũa đưa hay.  
Người tài nước Sở về tay.  
Cơ đô nước Tấn chỉ ngày phục hưng.  
Làng tài đức ai chững tri kỷ.  
Áng thình danh riêng quý một đời.  
Nhành Nam chim Việt về nơi.  
Cá xuôi gặp hội nước khơi vẫy vùng.  
Mà sao chẳng gắng công cho trọn.  
Luống để ai riêng món bát bình.  
Gặp nhau nào phải thình linh.  
Phút đầu đã vội dứt tình lia nhau.  
Làn sóng bạc biển sâu vừa lặng.  
Trận gió vàng đất phẳng thổi luôn.  
Người sao phơi phới cánh chuồn.  
Nặng trao nay náy dạ buồn cho tạ.  
Đường đất đầu cách xa dặm nghêo.  
Tâm thần nên gấn nẻo sân rồng.  
Tiễn đưa một chén rượu nồng.  
Đường chia đôi ngã tác lòng ngổn ngang.  
Dấu ghi tạc giọng vàng khan giọng.  
Tình biệt ly lời ngọc nghẹn lời.  
Còn mang trung tín chẳng đời.  
Tiếng khen để mãi trên đời dài lâu.

(Sắc Ngự tiên Thị giảng trị sự chí.

• Nam trung ẩn sĩ Trương Trượng nhưn.

Đông Khánh nhị niên, lục ngoạt, sơ nhứt nhựt).



Cơ Mật viện tham tá sung  
Hàn lâm viện thị giảng học sĩ.



(Ở đây có một đoạn thơ vò. Bởi những tập tiểu sử đã được tham khảo ít lưu tâm đến sự chính xác niên biểu).

Có thấy nói, sau bức thư gửi P. Bert, đề ngày 7 tháng 7, Petrus Ký về Saigon.

Đặng Thúc Liêng, trong « *Trương Vĩnh Ký hành trạng* » cũng có nói thượng tuần tháng 7, Petrus Ký về Saigon trị bệnh khái huyết.

Vừa chuẩn bị ra về trị bệnh vừa « cố thỉnh hồi hưu » với Đông Khánh.

Từ lúc ấy bắt vô âm tín với Paul Bert.

Bài thơ trường luật bịn rịn của Đông Khánh đề ngày : lục nguyệt sơ nhứt nhứt cũng là vào tháng « 7 tay » ấy.

Vậy thì sao ? Có bức thư của Petrus Ký, viết từ Thuận An gửi « *Tàu Hoàng Thượng* » đề ngày 27 tháng 9 ? Trùng tiệp với ngày Vua Đông Khánh và triều đình thân làm lễ :

Trọng thu ngày ấy vừa cân  
Ngày hai mươi bảy nhạc quân tiên hành,

(Coi trong « *Trương Vĩnh Ký* »  
của Khổng Xuân Thu)

Vậy là Huế đã gọi Petrus Ký ra chăng ?

Người « háo hiên » sẵn lòng tin rằng, Petrus Ký về Saigon, bịnh tình tạm ổn, không khỏi nao nao nhớ đất nước và Vua, nên ra Huế « kiến thiên nhan » vào tháng 9. Lần này là đi *bước thứ ba* ra Huế của Petrus Ký, để tâm tư cho Vua nghĩ trước « năm mươi khoản ước » để sắp tới đối diện với Paul Bert, nghị ra một « thỏa hiệp án về chế độ bảo hộ đối với triều đình N... ».

Trong thư của Đồng Khánh (Nicolas Trương Vĩnh Tống dịch) có câu này nói rõ :

Ấy là cạn tâm lòng son  
Để toan mưu chước chớ đèn nghĩa ngay.

Xin thông báo như vậy để người đọc giả chăm chỉ, đọc «bức thư quan yếu của Trương Vĩnh Ký gửi lên Vua Đồng Khánh» sau đây ... ) .

Ngày 27 tháng Chín 1886.

Tâu Hoàng thượng,

Chuyến này tôi ra châu Hoàng thượng, đã hơn bốn tháng rồi. Vợ con cũng xin ra theo hơn một tháng rưỡi nay. Nay vì đến lúc phải ẩn mặt một hồi cho được việc cho nước nhà, cho Hoàng thượng. Bây giờ có khi Hoàng thượng chưa có thấy rõ là cần phải như vậy, rồi sau mới biết là mưu. Bước chun ra đi, vợ lịu địu nước mắt không ráo tròng, tám phần luyến chúa, hai phần tư gia, dùng dằng biếng bước muốn dừng, mà cơ quan khiến như thế biết sao. Lại thấy lòng Hoàng thượng cao minh quảng đại, ban đô trân bửu, ngự bút thơ v. v ... lại càng hổ trong lòng, vì thời thế chưa cho làm cái gì cho đáng cơ mưu cho Hoàng thượng nhờ, mà Hoàng thượng hậu đãi như thế ấy, thì đêm ngày ngồi đứng chẳng quên đặn, những trông cơ trời xoay lại cho mau, cho âu vàng vững đặt, cho ngôi báu bền yên, nước an nhà lợi, biển lặng sông trong, thời mới thỏa chút tâm trung trình.

Xuống cửa Thuận An, mắc trời động, xuống tàu không được, cũng là cuộc hay, vì Toàn quyền xuống tìm mà bàn tính các việc quan trọng cho nước nhà ta, thời hai bên hợp ý nhau để tính cho nên việc. Lành ý rồi hoặc tôi đi ra Bắc bàn việc cho rõ ràng sự tình, tới đó có sẵn tàu mà về Nam cho luôn trót thế, cũng là thiên chi đại chung.

Việc gấp có mấy điều kể sau đây :

1. Làm ra năm, mười khoản ước cho rõ nước mình với nước Đại Pháp bảo hộ (Tôi xin quan Toàn quyền cũng làm một bốn dạng nhà nước ta nghị ra một bốn) để sau nghị lại mà tính với nhau.

2. Hễ dó ra mà đào kinh nhỏ biệt sở Mang Cá ra, thì xin cho dân đào cho đông mà làm cho mau, dạng cho mau thông thả cho Hoàng thượng cùng triều đình.

3. Hễ ra công làm đường Quảng Nam xin bắt xâu cho nhiều, mà làm cho mau, cho tiện đường ra vô chớ chuyên trong mùa khô này.

Xin nhắc lại Hoàng thượng học tiếng, học chữ Đại Pháp cho. Xin chúc Hoàng thượng muôn năm ... Cùng trông ít lâu nữa tôi lại được thừa thiên nhan, vì có chia rồi mới có hiệp. Xin nhớ việc này về ông ân sĩ, lại cho một ít cấp bằng Hàn lâm viện cho một ít người ân sĩ xin bên Tây để cho đông vây cánh mình.

*(Cuối thơ không thấy có lời «bái biệt» theo lệ thường)*



Ngày 23 tháng Chín, Paul Bert gửi cho Petrus Ký một bức thư đề từ Huế, nói những khó khăn, cực nhọc của mình (Có điều gì ? không biết tại sao, trước đây thì gọi Petrus Ký là Cher lettré mà Đặng Thúc Liêng dịch là «Kính tiên sanh» còn bây giờ thì Mon Cher Monsieur.

## PAUL BERT GỬI PETRUS KÝ

Huế, ngày 25 tháng Chín, 1886.

*Mon Cher Monsieur,*

Tôi vừa nghe chính nhà Vua nói, hai anh em họ Phan đã đặt vào tay nhà Vua một cái não viết về hòa ước. Ý chánh của dự thảo án ấy là sự nối rộng sự độc lập của Bắc kỳ đối với Vương quyền để đổi lại một hoạt động rộng lớn hơn của Vương quyền trên 12 tỉnh của lãnh thổ An nam, và quyền lợi của những tỉnh ấy sẽ lân lân tách ra.

Trừ những chi tiết còn phải bàn cãi, những ý kiến đó, theo tôi là những ý kiến hướng dẫn đường lối chánh trị của chúng ta, trên quyền lợi chung của cả đôi bên, An nam và Pháp quốc. Ảnh hưởng ngày càng lớn của chúng tôi trên 13 tỉnh Bắc kỳ là sự đền bù xứng đáng những hy sanh lớn lao mà chúng tôi đã bỏ ra. Còn về phía bên kia là uy quyền của Hoàng thượng được thi thố tự do hơn trước trên các tỉnh An nam.

Ông là đại diện có thẩm quyền ở ngay trong Cơ Mật viện của đường lối chánh trị thỏa hiệp các quyền lợi tôi xin ông lấy ảnh hưởng của mình mà tán trợ những ý kiến chung mà anh em họ Phan đã đề ra. Tôi coi sự gạt bỏ những đề nghị đó, là một lỗi lầm, một sai phạm và một thất bại trong chánh trị của tôi. Ấy vậy, tôi mong ông sẽ khuyển cáo Hoàng thượng và triều thần, chỉ ra cho họ thấy những cái lợi của một cơ chế, cái cơ chế này bề ngoài coi như bắt họ hi sanh, nhưng cơ chế ấy sẽ đem lại cho họ ở An nam một điều thiết thực. Một bức thơ, một bức điện, báo tin ông sẽ trở ra, có thể tránh cho Hoàng thượng những âu lo.

Nếu ông không nhớ thì tôi xin nhắc, ông phải viết thơ cảm ơn ông Freycinet về cái khuê bài mà ông đã nghĩ lầm

rằng nhờ Đô đốc Aube nên ông mới được. Kỳ thiệt là nhờ riêng tôi ... với thủ tướng Freycinet.

Tôi có viết thư cho Thống đốc Nam Kỳ, về chuyện riêng của ông, theo ý ông...

Tôi nhắc lời ông hứa, là khuyên Hoàng thượng thôi học chữ Anh. Tôi lưu tâm vấn đề đó lắm. Tôi đã tiếp được một bức thư rất lạ kỳ của Cơ Mật viện, xin một ngàn quan để trang trải chi phí những buổi lễ misa ở Quảng Trị. Chánh phủ An Nam không bị bắt buộc phải trả lương cho đạo Thiên chúa. Người ta đã biếu năm ngàn quan cho những môn đồ Thiên chúa giáo ở Quảng Trị trong những điều kiện mà tôi đã lưu ý Hoàng thượng. Tôi xin ông hãy canh chừng đừng để cho những tư tưởng kỳ quái, như là đên thiệt hại cho những linh hồn xuất hiện trong những cuộc thảo luận trong cơ chế mà ông có ảnh hưởng chánh đáng.

Hoàng Kế Viêm đã bắt đầu cuộc dã ngoại, từ Quảng Bình nhắm về hướng Bắc.

Người rất trung hậu với ông,  
PAUL BERT.

Rõ ràng là Paul Bert không biết Petrus Ký đã có mặt ở Huế đang bàn bạc với Vua và có ý định nhận lễ biệt ly của Đông Khánh rồi sẵn tàu đi luôn ra Bắc để «bàn việc cho rõ ràng sự tịnh» với Paul Bert, như mình đã tâm tư với nhà Vua.

Vậy nên tiếp theo bức thư trên, Paul Bert lại điện, nhờ Công sứ ở Huế chuyển cho Petrus Ký :

«Tôi khẩn thiết yêu cầu ông lập tức ra ngay ở cạnh bên Vua. Ông có mặt là sự rất cần không phải vì linh mục Hoàng đã ra đi, mà vì phải giữ vững tinh thần của Vua cho thắng lợi của đại cuộc. Hãy gấp rút kêu gọi sự trung thành ái quốc của dân»

Và tình cờ ngày 27 tháng Chín, Paul Bert nghe được mà xuống Thuận An, tìm Petrus Ký (như đã viết trong thơ «Tàu Hoàng thượng»).

Paul Bert và Petrus Ký, hai người bạn gặp nhau, lần này là lần chót ...

Petrus Ký về Saigon lần này có sách viết là vào ngày 11 tháng Mười. Cái đó không đúng. Vì về Saigon Petrus Ký có viết cho Paul Bert một bức thư đề ngày 5 tháng Mười.

Người lưu trữ bức thư này cho rằng nó thật đáng «đề đời», vì bài học mà nó chứa đựng và cũng vì là ít khi thấy được ở một người An nam trong thời buổi bấy giờ, một sự am hiểu, một sự minh mẫn, một tầm nhìn xa rộng như vậy.

PETRUS KÝ GỎI PAUL BERT :

*Saigon, ngày 5 tháng Mười 1886.*

*Tướng công Đại nhân các hạ,*

*Về tới Saigon, tôi ngã bệnh, tọa sàng hết hai tuần. Nay đã lại người. Tôi đã viết thư, như Đại nhân nhắc, cảm ơn ngài thủ Tướng Freycinet.*

*Tôi đang lo về hiệp định và những kế hoạch khác cho Triều đình. Tôi chỉ chờ đợi sự bình định để đi vào nhiệm vụ đặc biệt thích hợp với tôi là phục vụ cho hai đất nước. Cái cơ chế mà Đại nhân đã nói với tôi là Đại nhân sắp thi hành ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh là cái duy nhất, chỉ có nó mới đem lại cho Đại nhân kết quả như ý muốn.*

*Vậy thì cần kíp lập ra các khinh bộ binh và võ trang cho chúng. Đại nhân không phải e ngại, mặc kệ đám quân nhân, họ nói gì họ nói. Bởi vì súng đạn do Đại nhân cung*

cấp, hoặc cho mượn, hoặc bán, đều là dưới trách nhiệm trực tiếp của nhà Vua và của Nhà nước An nam, và sau cuộc chiến dữ dội ngày 5 Juillet họ chỉ có con đường giải thoát, bằng sự giúp đỡ của nước Pháp.

Xứ An nam mà Đại nhân sẽ cho tự trị thì nhất định sẽ phải nhờ sự giám hộ của người bảo hộ nó với cái thế song trùng của nước Pháp ở phía Bắc và ở phía Nam, thì những phương sách làm cho tâm phục sẽ thành đạt chắc chắn. Tôi am hiểu tâm sự chơn thật của người An nam để dám cam đoan với Đại nhân rằng, đường lối chánh trị ấy là đường lối tốt hơn hết.

Bởi vì là :

Một mặt Đại nhân sẽ thu hồi và gìn giữ cho nước Pháp sự yêu chuộng và lòng tin, nó đã mất trong mấy năm qua.

Mặt khác Đại nhân sẽ tìm thấy những cái lợi không kém thực tế cho các người đông bang của Đại nhân, trong cái xứ Bắc kỳ giàu có này, mà sự an ninh của nó tùy thuộc một cách đương nhiên vào sự bình yên ở An nam Trung kỳ và ở biên giới phía Bắc.

Như vậy là có lợi mà giữ lời hứa cung cấp súng ống cần thiết cho sự bình định và cho sự duy trì giữ vững, một khi mà sự yên tịnh đã đạt được. Phải để cho Nhà nước ở Huế có thời giờ tự thấy ra mình, phải có cách của mình lo lấy những cái cách và những bắt chước cần thiết. Nếu không làm như vậy mà cứ dùng cách can thiệp liên miên, hằng ngày, vào công việc của nó thì làm cho nó mất chí hướng về mặt này.

Luôn dịp, tôi cho rằng bổn phận của tôi là cho Đại nhân rõ :

Một là dư luận của người An nam kháng cự, mà tôi đã tìm hiểu, suốt dọc đường, những nơi tàu đậu lại.

Hai là dư luận của công chúng người Âu ở Saigon về sứ mạng và chánh sách cai trị của Đại nhân ở Nam kỳ.

Nhiều lần tôi có nói với Đại nhân, những người kháng cự họ có lý do cho chủ nghĩa yêu nước của họ. Một là sự thù hằn đối với đám chrétiens mà họ coi là những người chạy qua hàng ngũ người Pháp làm người điếm chỉ, dẫn đường. Hai là sự ngờ vực người Pháp tráo trở như úp ngựa bàn tay, coi mình như là những ông chủ của đất nước An nam, họ có mặt khắp nơi trong thành quách bị chiếm đóng, họ đuổi quan lại An nam ra khỏi nha môn, và khi ấy mấy ông quan này, mất hết quyền thế, tinh thần, nên hút gió thổi cho ngọn lửa kháng cự.

Họ bất đếm vua nào hơn vua nào. Chỉ có đám thượng quan là chúa tể. Trừ ra, như trong thời kỳ hiếm hoi, có những người lập quốc, đầu của họ vượt cao hơn trung bình, đứng ra tái thiết tương lai trên những mảnh nát của quá khứ suy đồi và sụp đổ, họ thờ ơ với kẻ đứng đầu triều đình, chỉ cần ông này là một ông «coi được» trong con mắt của đám thượng quan là xứng đáng làm nguyên thủ một quốc gia chánh thức và vững mạnh. Ai còn không biết, Hàm Nghi là được hai thượng thư phụ chánh toàn quyền đặt lên ngai vua giấy, để củng cố thế lực của họ. Bởi vì Hàm Nghi không hề được dạy làm vua, cũng không phải là con nuôi của vua Tự Đức. Ba người con nuôi của Tự Đức là Dục Đức, Đồng Khánh (đang làm vua) và Kiến Phước. Kiến Phước đã được các phụ chánh bế lên ngôi, mà hễ vua còn nhỏ quá thì dễ bề cho đám phụ chính nhơn danh «vua con» mà thực tế trị vì. Dục Đức thì có chính hơn, cũng đã biết tỏ ra «như ta đây» thì đã bị bọn phụ chánh truất ngôi, như Hiệp Hòa.



Đám kháng cự thì không có gì đáng sợ. Họ chỉ có những khí giới cổ lỗ của nhà nước An nam và vài món mua của bọn buôn lậu Trung Hoa. Cái cơ chứng minh là việc ở Quảng Trị, đã hai lần mà không cắt nổi đường dây thép nói. Làm cho họ hao mòn mà quy thuận thì không khó quý hồ là làm cho họ thấy, quả thật ở Huế quyền bính là ở trong tay người An nam. Coi như Hoàng Kế Viêm. Dễ mà ông ta chịu ra tay, nếu như không thấy vua Đồng Khánh đích thân tuần thủ, ngự hành từ Quảng Trị có sự kiến nghị của ông Pène và ba quân phò tá. Chỉ có chánh sách đó là chánh sách đúng và tốt, ngặt nó không vừa «khẩu vị» của đám quan binh.

Đại nhân thừa biết, người Saigon bấy lâu mơ ước, họ sẽ vui mừng được thấy lập thành đế quốc Đông Dương, lấy Saigon làm thủ đô và đặt dinh Toàn quyền tại đó. Người ta sẽ cấp niên phí một triệu cho vua An nam. Xứ Bắc Kỳ sẽ đứng vào liên bang, cùng với An nam và Cao Miên, và sẽ có một phó Toàn quyền.

Người ta trách Đại nhân xài quá nhiều tiền và đã đem nhiều người từ Pháp sang, vào thẳng bộ máy cai trị của Đại nhân họ ngỡ ngáo trước công việc của bốn xứ, trong khi có bao nhiêu người Nam kỳ có tài, ngồi đó, không ai coi ra gì ! Người ta luận xét, Đại nhân có chánh sách thiên vị và không để tâm vào phía Nhà nước. Tôi mong được thấy các ngài giám sát ghé mắt.

Song tất cả những cái đó thúc đẩy tôi tận tâm lo liệu cho cái hiệp ước mà Đại nhân muốn Nhà nước An nam sớm chánh thức đưa ra, để giải quyết tình hình và định ra chánh sách cho sau này. Vì vậy tôi xin nhắc Đại nhân cái dự án bình định với những phương cách hành động mà chúng ta đã hiệp ý để đạt tới sự mong ước. Chỉ cần nóng chí thêm lên thì sứ mạng của Đại nhân coi như đã thỏa. Về phần tôi,

Đại nhân hãy cầm chắc sự giúp đỡ (không được bao nhiêu) của tôi, vì mỗi tình từ buổi sơ giao đã trở thành chơn tình trung hậu của tôi đối với Đại nhân.

P. TRƯƠNG VINH KÝ.

Sau đây có một bức thư nữa, Petrus Ký gửi Paul Bert để nói những nhận xét của mình về bản thảo ước mà P. Bert có gửi cho Petrus Ký một bốn sao.

PETRUS KÝ GỬI PAUL BERT :

Saigon, ngày 4 tháng Mười một, 1886.

Thưa Thống sứ,

Mấy ngày rày người tôi đã đỡ, mà có thể dốc sức đọc cái dự thảo về thỏa hiệp ước mà Ngài gửi cho tôi một bốn sao.

Tôi xin gửi đến Ngài những nhận xét của tôi về một vài điều khoản có trái ý với điều khoản căn bản.

1. Điều V — Điều này nói ngược lại điều II. Vì đã có chuyện quan trọng, trước hết là chuyện can thiệp của nước Pháp. Nếu để cho chính nhà Vua, dựa vào đề nghị của Thống sứ đích thân trình ra trước quân thần cái hiệp ước, thì có phải là hơn không ? Điều đó đúng với tinh thần khoản IV của hiệp ước Patenôtre. Nói cho cùng, cũng là một việc như nhau, nhưng hình thức dịu dàng, đãi buổi lòng tự ái của người An nam, cũng cần làm như vậy đối với các công sứ và các phó sứ (vice - résident) nếu người ta muốn đặt sự can thiệp cho mỗi tỉnh, ngoài các điểm trạm quan thuế. Giới quan lại đã thường coi đó là một sự đi lân đến sự thôn tính, là một lối dò thám nền cai trị của họ. Tóm lại, hoặc dẹp bỏ ngạch quan lại An nam đi — nếu ngài đủ sức thay đổi nó —

hoặc là vốn nó làm sao giữ y như vậy, rồi dung hòa với nó như người ta đã từng làm từ bao thế kỷ nay.

2. Ở điều IV tôi thấy Ngài quên đi một việc chánh yếu. Đó là sự đền bồi cho khoản nhượng đất đai, do nhà nước An nam làm ở điều II mà tôi nhớ rằng Ngài đã hứa với nhà Vua và triều thần vào tháng Năm vừa qua ... Biết rằng tài chánh và những dự trù ngân sách chưa cho phép quyết định khoản đền bù ấy, thì ít ra người ta cũng phải thêm vào ở điều IV : «cái còn dư lại của ngân sách các sắc thu của Bắc kỳ bảo hộ (protectorat du Tonkin) hàng năm sẽ giao tận tay nhà Vua An nam, coi như cái cơ bản, hoặc coi như cái phụ vào niên phí của nhà Vua).

Tốt hơn là nên gộp điều IV và điều V lại làm một mà chỉ đề chín khoản, a ha, cái con số chín này cũng hòa hiệp với chữ «cửu trùng». Tôi sẽ dịch bốn thảo án ra chữ nhu, theo ý nghĩa ấy mà trình lên Hoàng thượng và triều thần.

Ngài cũng thừa biết như tôi rằng, sự tách ra 13 tỉnh Bắc kỳ làm rướm máu con tim của nhà Vua và của người An nam, nhưng họ cũng đành nén lòng, dầu cho có chết trong lòng cũng còn bảo toàn được An nam - Trung Kỳ cái tiềm thế được độc lập giải quyết việc nội trị.

Tôi sẽ đem hết sức mình để trình cái thảo án ấy và làm cho nó được chấp nhận, như ý muốn của Ngài. Tôi sẵn sàng «chẻ tôi ra làm bốn» cho sự thành đạt của nhiệm vụ cao cả của Ngài. Tôi càng không ngần ngại khi trình bày với Ngài những nhận xét trên, mà đó là nền tảng của những cuộc trao đổi ý kiến đầu tiên giữa chúng ta ở Saigon như ở Huế, và riêng tôi, tôi thấy nước Pháp không thể làm khác.

Xin Ngài tin tôi là người giúp việc tận tụy của Ngài.

P. TRƯƠNG VINH KÝ.

Bức thư này, không biết Paul Bert có nhận được không, Paul Bert chết ngày 11 tháng Mười Một. Chết ở Hà Nội trong nhiệm vụ bình định xứ Bắc Kỳ mà đường lối chánh sách đã cùng Petrus Ký ý hiệp.

Paul Bert chết, Petrus Ký mất người bạn tâm đầu, yên ổn trở về với phận sự nhà Nho, có khi rảnh rỗi bút nghiên cũng nhìn gần vào vận nước mà,

«câu trông cho những viên cai trị khác sẽ phóng tâm mắt riêng của họ để nhìn cái đáng quý trọng mà văn minh của nước Pháp đem lại cho nước An nam, cho bán đảo Đông Dương này»

Tuy nhiên Petrus Ký cũng có viết thư cho Thủ tướng Freycinet hỏi ý kiến về số phận. Không có hồi âm.

Lại gửi cho P. Vial một bức thư, cũng trên ý ấy, và được trả lời như sau.

P. VIAL TRẢ LỜI PETRUS KÝ :

*Hanoi, ngày 11 tháng Mười hai, 1886.*

*Ông Petrus Trương Vĩnh Ký.*

*Trả lời thư đề ngày 23 tháng Mười một vừa qua của Ông, tôi vội vàng cho Ông biết, tôi đã cho Công sứ ở Huế những dạy bảo cần thiết để cho tình hình của những tên Cương, Thế và Phải được giải quyết theo ý Ông và để cho mấy đứa ấy được gởi trả về Sài Gòn.*

*Cũng như Ông đã tuyên bố với tôi rằng nhiệm vụ tạm thời của Ông ở Huế đã mãn, sau khi Thống sứ Paul Bert qua đời, tôi cũng đã điện cho Thống đốc Nam kỳ để ông ta sẽ cho Ông biết chuyện này.*

Vậy thì tốt hơn là Ông không nên trở ra Huế nữa, vì xét về mặt quyền lợi của đất nước, thì cần thiết nước Pháp phải được thay mặt ở thủ phủ ấy bằng một người duy nhất, đại diện chánh thức, mà không có nhưn vật quan trọng nào khác ở bên cạnh vị đại diện ấy để hưởng một thế lực, đến lúc nào đó lại trái ngược ảnh hưởng của người đại diện chánh thức ấy.

P. VIAL.

PETRUS KÝ TRẢ LỜI P. VIAL :

Saigon, ngày 18 tháng 12, 1886.

Ông Chủ sự,

Tôi lấy làm vinh hạnh tiếp được thông báo của ông vì tôi không ham cái nhiệm vụ khó khăn ấy, mà người ta đã cho tôi.

Tôi tự tách rời đất nước Nam kỳ với nỗi niềm bất hạnh. Nhưng chỉ vì tình bạn của ông Paul Bert mà tôi nhận lãnh đó thôi. Chánh trị mà tôi theo đuổi trên cương vị khó khăn của tôi ở Huế, cũng chẳng qua là chánh trị của ông Paul Bert. Thiếu điều là ông đọc cho tôi làm, tôi đã làm theo những chỉ biểu cần thiết. Tôi không ngạc nhiên mà thấy người ta bài xích chánh trị ấy, bởi tôi thấy rằng người ấy bị phỉ báng trên nuốm mồ.

Lại càng ít lấy làm lạ kỳ, đối với tôi, mà biết rằng xung quanh ông ta có những xung đột dằng co, có sự bất bình của những quan viên hành chánh và sĩ quan dưới quyền. Ấy cũng là.

*«quid tibi prodest, statie, cum urbem loetam fecisti  
esuris ? Mutaris nomine, heu ! Fabula de te  
narratur ! »*

*một phản ứng hoàn toàn tự nhiên ! Đó là cú đá của con lừa.  
(Sự lạng mạ đối phương «thất thế» NVT) .*

*Bữa hôm nọ, sợ làm rộn Ông, trong cơn Ông rộn ràng  
bàn giấy nên tôi không dám xin Ông bức điện nói về tôi.  
Tôi sẽ vô cùng biết ơn, nếu Ông cho tôi một bản sao nội  
dung bức điện, và cho tôi biết, điện ấy là của quyền Thống  
sứ ở Hanoi, hay là của ông Thống sứ thiết thọ. Ông làm ơn  
lớn lắm đối với tôi.*

*Bề tôi trung thành của Ông,*

*P. TRƯƠNG VINH KÝ.*

Cũng nên biết, cái P. Vial này, trước đây đã được điều  
ra Hanoi làm Công sứ Bắc kỳ, nên khi Paul Bert chết, quyền  
Thống sứ. Đó là một người mà Paul Bert đã từng nói «người  
dưới quyền ngồi bên cạnh, làm khó khăn cho mình»

Và nếu đằng trước có lấy lời của Chailley, nói Petrus là  
người được đem ra bàn tán, tranh cãi dữ dội, thì một phe  
là dám nghi ngờ trong đó có P. Vial. Ý ngồi bên cạnh Paul  
Bert nên biết được đề nghị của Petrus Ký, thành lập khinh  
bộ binh, để mà về sau, trong quyển sách nói về Bắc kỳ của  
y, có viết :

«Chúng tôi nghĩ rằng người ta đã phạm lỗi lầm là tìm  
cách thay những thân binh bằng những binh cơ người bản  
xứ, tổ chức hoàn toàn theo lối Âu châu ... Đến một lúc nào  
đó chúng nó quay súng lại chống chúng ta, thì chúng nó trở  
thành tay chực đáng sợ của những người kháng cự».

Giã từ Đông Khánh mà về, từ ngày đó, Petrus Ký không còn vì chánh sự gì mà ra Huế nữa. Về Saigon lân này. Ông bị đám quan viên Tây làm khó dễ. Chúng định bãi chức ông tuốt luốt. Nhưng may, những người thân hữu bên Tây can thiệp, nên ông còn giữ được chức dạy học, lãnh đồng lương gầy, 1.880 quan một năm.

Về đồng lương, Ông cũng đã có thư cho P. Vial, chua xót mà kêu hãnh :

«Tôi tớ cũ của nhà nước, tôi làm việc và trông đợi tăng lương chớ có đâu phải chịu sụt lương. Tôi không cần nói thêm, đồng bào tôi coi như vậy là tôi bị trừng phạt cho «đáng đời».

Vui sướng trở về với Nam kỳ, đang thung dung trong đoạn cuối đời, hằng hái tiếp tục lấy văn hóa, văn học mà phụng sự nước nhà, thì Petrus Ký được quan Tây không thể không cậy nhờ «con người am hiểu» Số là người kế vị Paul Bert sắp qua đến Saigon. Tay Hiệp biện Noel Pardon (người thay cho P. Vial) viết cho Petrus Ký một bức thư cậy nhờ (nên lễ phép) :

NOEL PARDON GỬI PETRUS KÝ :

*Saigon, ngày 15 tháng Giêng, 1887.*

*Thưa Ông,*

*Trong dịp ngài Thống Sứ An nam và Bắc kỳ đi ngang Saigon, tôi nghĩ cũng cần phải trình bày cho ông ta, nếu ông ta muốn, và với tánh cách cung cấp tình hình, những đánh giá về mọi mặt mà những quan viên của Nam kỳ, trước đây được tách ra để phục vụ cuộc bảo hộ với tư cách nào đó,*

có thể đề ra về tình hình chung hoặc về chi tiết của sự cai trị.

Theo tôi, những đánh giá sẽ càng được chú ý, nếu chúng nó được cung cấp bởi những người hoàn toàn vô tư và chơn thành, bởi những người từng có kinh nghiệm lâu đời về dân tình, về sự cai trị và về chánh sách của Đông dương, những người đó lại có phần đóng góp cá nhân tích cực vào sự phát triển của sự thống trị của chúng tôi.

Chính trên ý nghĩ đó, thưa Ông, tôi xin Ông vui lòng gửi đến cho tôi, càng sớm càng tốt, trong một bản báo cáo rõ ràng, tất cả những tin tức mà địa vị lúc trước của Ông cho phép Ông thu lượm được về sự làm việc của bộ máy cai trị mà Ông có phần dính vào cùng với những nhận xét riêng của Ông về những cải cách mà theo ý Ông, phải được đem vào những công vụ ấy.

Ông sẽ kèm theo, nếu Ông thấy là cần, những nhận xét chung về sự hiểu biết của Ông về đất nước, về dân tộc An nam và về những cung cách thi hành ở Nam Kỳ.

Xin biết cho rằng, tôi hoàn toàn không dám vạch cho Ông một chương trình về những vấn đề mà Ông sẽ đề cập trong bản báo cáo ấy mà ngược lại nó có thể bao gồm những chỉ dẫn với ý nghĩa rộng rãi nhất mà Ông thấy bổ ích cho ông Thống sứ.

Đâu có cần đòi Ông bày tỏ với sự độc lập hoàn toàn, những các nhận xét mà Ông đưa ra chắc chắn sẽ có giá trị, nếu chỉ nhằm những sự việc cụ thể và chính xác.

Hãy nhận nơi đây cảm tình nồng nhiệt của tôi.

NOEL PARDON.



Saigon, 19 tháng Giêng, 1887.

Thưa Chủ sự,

Tôi có được thư Ông, đề ngày 13 tháng này tôi lật đật trả lời. Không đi vào những nhận xét liên quan đến sự vận hành của nền cai trị Bảo hộ (điều đó đòi hỏi nghiên cứu dài) tôi chỉ hạn chế mà vạch lại trong vài chữ sự tiến triển của đường lối chánh trị mà chúng tôi, ông Paul Bert và tôi, đã theo đuổi và qua đó tôi chỉ ra cho Ông thấy cái mà tôi cho rằng là chánh trị mà người ta cần phải tiếp tục.

Trước hết lấy khoan nhượng mà đi tới một sự thỏa hiệp giữa hai nước, làm dịu sự sôi sục của đôi bên, làm nguôi căm thù của những nhà ái quốc có uy tín, và như Ông biết, đó là mục tiêu chánh của ông Paul Bert trong sứ mạng của ông ở Bắc kỳ và ở An nam. Ông Paul Bert có lòng cho tôi được dự phần công tác và lấy đó mà khéo léo ép tôi vào Cơ Mật viện của nhà Vua. Từ chỗ đó, ra công khó đợi chờ, đạt cho được mục đích : một hiệp ước mới và chung cuộc, giữa hai nước.

Những biện pháp đề ra để đi đến mục tiêu đó là :

- 1) Hủy bỏ phụ ước của tướng De Courcy.
- 2) Hiệp ước dựa trên hòa ước Patenôtre.
- 3) Thêm một điều khoản phụ cho nước Pháp được quyền kiểm soát và điều khiển sự cai trị xứ Bắc kỳ, không có sự can thiệp của nhà cầm quyền An nam.

Tôi xin nói rõ :

Hòa ước Patenôtre (điều 3 — 4 và 5) để quyền tự trị cho 12 tỉnh của An nam — Trung Kỳ, gồm những tỉnh từ Bình

Thuận tới Ninh Bình. Nhà Vua và triều đình trực tiếp cai trị những tỉnh ấy, không có sự can thiệp của nước Pháp.

Bản hiệp ước mới nói thêm, nước Pháp có quyền bảo hộ thật sự 13 tỉnh của Bắc kỳ và cai trị những tỉnh ấy không có sự can thiệp của chánh phủ An nam.

Nhưng cái điều quan hệ cho sự bảo hộ thật sự xứ Bắc kỳ là xứ này rộng lớn. Ai dám mơ màng rằng sự ngoại trị không sanh bất bình thậm chí nổi loạn, mà hiện nay với bấy nhiêu người và súng ống ấy thì không dẹp loạn nổi.

Vậy tốt hơn là, về tất cả các mặt nên thi hành sự cai trị gián tiếp bằng những Công sứ, đặt ở mỗi tỉnh. Họ kiểm soát và điều khiển việc làm của những quan viên cao cấp bốn xứ. Tôi cho như vậy ít chạm tự ái dân tộc.

Trở lại hiệp ước Patenôtre.

Điều 15 nói, sự bình định xứ An nam và xứ Bắc kỳ là thuộc phần của Bảo hộ phải lo. Và một điều khoản trong bản dự thảo hiệp ước có ghi.

Chánh phủ An nam chỉ có thể được sắm súng qua trung gian của nước Pháp. Nhưng bởi vì trước mắt, việc bình định đặt ra trên hết, thì hoặc là phải trao cho xứ An nam những phương tiện để tự vệ, hoặc là cứ bình định mà không cho nước này dính vào. Bất cứ cách nào cũng đều, trước hết, đạt cho được sự bình định tuyệt đối trên khắp xứ, rồi giao 12 tỉnh xứ Trung kỳ cho Chánh phủ An nam, và sau cùng, thực hiện cơ chế cai trị gián tiếp như trong cách kiểm soát 13 tỉnh Bắc kỳ.

Đó là những kiến giải trước đây và hiện nay của tôi về tiến trình phải đeo đuổi ở Bắc kỳ và ở An nam. Phần tôi, được cho vào Cơ Mật viện của nhà Vua, vai trò của tôi là cho nhà Vua và hoàng triều tin ở những ý muốn tốt lành của Chánh phủ Pháp đối với họ, và hảo ý muốn hướng dẫn đường lối chánh trị của họ rập theo nước Pháp. Còn về những vấn

đề công vụ hành chánh thì tôi xa lạ hoàn toàn, nên không nói đến.

*Thưa Chủ sự,*

Chắc Ông cũng biết vì sao tôi phải nói sơ lược mà trình với Ông một bản sơ khảo, mà nhứt định nó phải được nói rộng thêm ra. Tuy vậy, tôi hoàn toàn đặt mình dưới quyền sai cắt của ngài Thống sứ, để đối diện nói với ngài tất cả những tin tức mà ngài muốn hỏi tôi về những cách nhìn của Chánh phủ An nam về tình hình tư tưởng và nguyện vọng của dân.

*Xin ...*

*P. TRƯƠNG VINH KÝ.*

Cái thông tin trên đây là đã leo qua năm 1887.

Giờ thì, để cho Petrus Ký đi chặng đường cuối đời mình.

**CHIẶNG 1887 - 1898**

Năm nay, 1887, Trương Vinh Ký, năm mươi một tuổi.

«Ngũ thập nhi tri thiên mạng». Sách xưa nói như vậy.

Ông Đặng Thúc Liêng có viết :

«Vinh Ký có ý thương đời vì đương cơn thế loạn, đạo nghĩa tro tàn, cho Nam kỳ ta, những nhà đạo đức văn chương thế chẳng khỏi càng ngày càng suy bại. Bởi vậy cho nên lo trước thơ, lập ngôn mà tùy thời sắp đặt sự dạy dỗ người, chẳng chia vì người Âu kẻ Việt, coi đồng một bực. Miễn là duy trì được còn lại trong Nam kỳ muôn một là may !

Hỡi ôi ! Chìm thuyền giữa dòng nước, được một cái bầu nổi, cầm đáng ngàn vàng» .

Trong đoạn đời này Trương Vĩnh Ký hi hục viết BA MƯỜI TÁM tác phẩm. Có cái đã được in ra. Có cái còn là bản thảo. Không kể những công trình nghiên cứu dở dang — vì vội «ra đi».

Những tên sách ấy sẽ có nói trong «thơ mục» ở sau.

Điều chúng ta để ý đây là sự chuyên tâm của Trương Vĩnh Ký, viết sách với tư cách người «thầy giáo». Cái mà ông gọi là phận sự nhà Nho, chính là viết sách dạy đạo Nho.

Nhớ đâu, Trương Vĩnh Ký có nói, trong người ông có tổ chất đạo Khổng.

Vậy coi, Petrus Ký hiểu cái đạo Nho như thế nào, rồi làm ra cái Đạo của mình.

Trong đống di cảo mà gia đình ông còn giữ, có một tờ giấy có chữ viết tay. Viết chữ Tây. Dưới đây là lời dịch.

«Đạo Nho (đạo của người Nho sĩ) một loại Đạo thiên nhiên giáo lý (luân thường) của Khổng tử mà Nho sĩ tuân theo (đạo của gia tộc, trong gia đình, đạo thờ phụng tổ tiên) .

Mục đích thực tế của triết gia sáng lập ra Đạo ấy là một *mục đích chánh trị và xã hội* , đề ra những nguyên tắc bền vững để diu dắt con người trong những mối quan hệ của họ với đời, với gia đình (trong đó có Nhà nước — gia đình của các gia đình) và với cuộc sống xã hội»

Nói thêm cho tường ý niệm của Petrus Ký về cái Đạo Nho.

Đối với Đạo Nho có những cuốn sách gốc : *Đại học, Trung dung, Tứ thư, Ngũ kinh* .

Sách Đại học đứng đầu, bàn về cái học cao rộng của người quân tử.

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

Sách này nói mở đầu :

Đại học chi đạo.

Tại minh minh Đức.

Tại tân dân.

Tại chỉ ư chí thiện.

Nghĩa là, cái đạo của con người theo đòi học Đại học là khai sáng cái đức tỏ, tốt đẹp, tại làm cho mới người dân, mà cũng là thân gần với dân, cốt đứng lên trên chỗ «*chí thiện*» tức là «rất giỏi».

Muốn đạt đến rất giỏi thì phải «cách vật», thấu lẽ của mọi vật và «trí tri» hiểu biết tới nơi tới chốn.

Ernest Renan có câu :

«Cũng là có dụng ý mà tôi dùng chữ «khoa học» để gọi cái mà người thường gọi là «triết học».

Thì ông bạn Petrus Ký, lấy Đại học của Khổng tử, khai thác nó với tinh thần mới để hòa đồng triết học (của Khổng tử) với Khoa học và tôn sùng *khoa học* như tôn sùng *đạo* — tôn giáo của các tôn giáo — nên đã lấy sự viết sách làm bổn phận thiêng liêng. Và sự sùng Đạo một cách thành kính đã biểu hiện ra qua trên 120 tác phẩm, cặm cụi trong ba mươi năm trời, chia thành hai thời kỳ ấu thơ và tri thiên mạng.

Sách nào của Trương Vĩnh Ký cũng đều có lời tựa hoặc lời dẫn là lời khuyên học. Coi như ở sách «*về phép dạy học chữ nho trong Nam, ngoài Huế, ngoài Bắc*» ông viết :

«*Sự học đời nay tủa ra nhiều tua nhiều nhánh không phải là học chữ một mình mà thôi, cái chi cũng học học cho trí tri cách vật mới nên người thành thực lịch sự*»

Như lời dân vào sự học Đại học, viết bằng thơ lục bát, đọc thú vị và nghe quyển rữ biết chừng nào.

### ĐẠI HỌC TIỂU DÂN ĐOAN CA

Người đời trăm việc chi đầu.  
Việc chi có học mới hầu dặng nên.  
Nhứt là học đạo thánh hiền.  
Nên người vả lại nghề trên mọi bề.  
Có văn có chất nhiều bề.  
Nước nhà mọi lẽ nào hề ở đâu.  
Vậy nên nghề học phải cầu.  
Câu chằng ở sách mới hầu làm xong.  
Từ nay gặp chút thông dong.  
Mượn trang văn học để lòng yêu chung.  
Dịch làm các thứ người dùng.  
Giữ gìn tánh đạo mới mong tìm đời.  
Có mình chớ lấy làm chơi.  
Phải toan học lấy làm người như xưa.  
Tiểu học sách ấy cũng vừa.  
Còn công Đại học phải lựa âu lo.  
Nay ta chữ nghĩa dặng cho.  
Tứ thơ lẽ nhiệm cũng lo cho mình.  
Đại học một sách thiên danh.  
Mười chương là truyện thầy Tăng thuật lời.  
Thánh môn trao chịu đạo người.  
Dạy mình rồi mới dạy đời dặng hay.  
Bực nào cũng phải học thay.  
Lấy mình làm gốc nước hay trăm lành.  
Ba điều cang lãnh ở mình.  
Minh tâm chí thiện là tình người ta.  
Sao cho tại chí như là.

Cửa nèn vào đúc, hóa ra gương lành.  
Gia công cũng ở trí năng.  
Vật kia vật nọ đạo hằng gần thay.  
Tám câu điều mục thế này.  
Công trong thuận nghịch lo hay cho mình.  
Học cho tỏ rõ phân minh.  
Mới hay gốc ngọn ở mình mà ra.  
Dầu chẳng hậu bạc ấy là.  
Ai ai theo việc coi mà chung thân.  
Ấy kinh thì thánh dạy răn.  
Truyện sau theo đó rõ phân các lời.  
Dẫn kinh làm chứng lời người.  
Rằng người rằng của phải chơi đâu là.  
Việc chẳng nước cũng như nhà.  
Có người thời mới có ta trăm dùng.  
Cho nên cố ý dạy chung.  
Những điều tâm pháp để trong nhiệm mầu.  
Nghĩa lời biện bạch để sau.  
Cũng là cố ý tỏ đâu tánh gương.  
Học xem mọi truyện mọi chương.  
Chi lòng để dạ cho tường đục trong.  
Còn như Luận ngữ, Trung dung.  
Chẳng qua ý dạy cũng trong gương lành.  
Xét xem trong lẽ học hành.  
Hay suy hay nghĩ mới thành thân danh.  
Học thì nghĩa lý cho mình.  
Lời ta cũng muốn đình ninh với người.  
Nên chẳng cố ý tìm tòi.  
Hết lòng ra sức với đời dạy nhau.  
Nêu ra ơn đội cao sâu.  
Trăm năm chẳng phải làm đâu một ta.



Lời thơ «*hết lòng ra sức với đời dạy nhau,  
giữ gìn tánh đạo, tìm ra được đời*»

đã được đời đáp ứng tức thì !

Nho sĩ, tư văn khắp nước một lòng ái mộ lo cho có tiền  
để sách Sĩ tải được in ...

Một cái gọi là «*Hữu nhân cuộc*» được lập ra. Điều lệ như  
vây :

HỮU	友	NHÂN	仁	CUỘC	局
Alliance		littéraire.		annamite.	

Quảng Nam Hữu nhân cuộc, chánh cuộc viên.

PHAN HI TÔ.

Coi sách Trương Sĩ Tải chẳng nệ tốn hao mỗi một gia  
công sắp đặt mượn in ra để cho con trẻ học chữ phang sa,  
chữ quốc ngữ và chữ nho thấy xa, cứ mỗi cang thường, cho  
còn lại góp nhóm truyện tích cổ kim so sánh thiệt hơn mà  
giữ phong hóa.

Ấy cũng là một cái viên đồ chi kế nên ta hiệp nhau mà  
lập ra Cuộc Hữu nhân.

以文會友以友輔仁

Dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân. mà phụ cái chí ấy  
cho con cháu ta cùng kẻ hậu sanh được nhờ sự đã học về  
sau.

## CHƯƠNG TRÌNH

1 — Chánh ý Cuộc hữu nhân là dang tay nhau ra mà  
giúp trong việc tốn phí mà in sách vở ra cho người ta học  
cho tiện, cho mau theo đời nay.

2 — Ai vào Cuộc hữu nhân thi cũng đặn, miễn là ưng góp tiền đông niên.

Hạng nhứt mỗi năm là 15 đ.

Hạng nhì 8 đ.

Hạng ba 5 đ.

Còn hoặc có người rộng rãi xuất ra từ 50 đ. sắp lên mà phụ cuộc đông chí này thì lại biệt ra một dạng, đâu có khuất đi nữa thì đời sau cũng còn con được lãnh các bốn sách in.

3 — Nội trong bốn hạng ấy, mỗi cuộc viên được lãnh mỗi thứ sách in ra từ ngày lập cuộc về sau, mỗi người mỗi thứ một bản.

4 — Cuộc viên ai nấy có phép mà gởi những truyện tích thổ âm, phương ngôn, tục ngữ, phong tục, lễ tiết, thơ phú hoặc cũ, hoặc mới mà chưa có in ra, hoặc của mình làm ra cho được đem vô sách *Thông loại khóa trình* mỗi tháng có phát ra, có tên tuổi mình đứng vào đó. Nhưng mà chẳng nên đàm đạo bao biếm việc Triều đình, việc Nhà nước, chỉ về cuộc giáo huấn, huấn hối mà thôi.

5 — Có chánh cuộc, phó cuộc viên : chánh cuộc viên tại Quảng Nam ; phó cuộc viên tại Hà Nội để thu lãnh lấy bạc góp cùng là thơ tập của thuộc cuộc viên gởi, mà gởi về Gia Định chuẩn xuất mà in ra mà phân phát cho các thuộc viên ở các nơi. Tiên sở phí mà gởi sách vở các nơi thì các ông chánh phó cuộc viên lấy trong tiền góp ấy mà chuẩn biện.

6 — Ông làm chánh cuộc viên ở Quảng Nam.

Ông làm phó cuộc viên ở Hà Nội.

Ông Trương Sĩ Tài lãnh làm chánh tổng tài tại Gia Định, lo sắp đặt in sách ra.

7 — In rồi gởi cho mỗi cuộc viên mỗi người một cuốn. Còn dư lại thì Chánh tổng tài dự trữ mà bán để

nổi làm vốn ... Mà cứ 100 chiết ra 3 trong tiền bán sách được để riêng ra làm của chung trong cuộc hữu nhân để mặc ý Cuộc chuẩn biện.

- 8 — Giáp một năm thi thuộc cuộc viên hạng nhất, mỗi người sẽ được cuốn *Thông loại giáo trình*, đóng tốt, gộp 12 số làm một.
- 9 — Mỗi năm cuối năm mỗi số in ra một bản, có liệt kê tên tuổi những thuộc cuộc viên nội năm ấy mà phát ra cho các thuộc viên mỗi người mỗi cuốn.
- 10 — Người ở ngoại cuộc đâu người Nam quốc hay là ngoại quốc cũng đều mua được sách *Thông loại khóa trình* in ra mỗi năm 12 bản, định giá là 5đ. (định giá hoa viên là 1 đ 50) còn các sách chi khác in ra thì cứ y giá mỗi thứ mà mua.
- 11 — Cuộc thành rồi cứ hễ 3 năm một kỳ hội đồng lại, như cuộc viên vào đồng thì bớt số bạc góp xuống, như ít thì tăng lên.

Bằng như nội trong ba năm ấy sách vở in ra đủ việc dùng rồi, thì các cuộc viên hoặc muốn bãi cuộc đi hay là làm ra chuyện khác tùy tiện thì mặc ý. Còn tiền bán sách 100 lưu lại 3 đã thâu trừ bấy lâu nay thì xin giao cho cuộc viên chiếu biện.

*Đông Khánh tam niên, thập nhị nguyệt, thập  
ngũ nhật.*

Cái thông loại khóa trình này đã phát hành, đổi một cái tên Tây ? *Miscellanées*. Vào đầu năm 1888.

*Miscellanées* có nghĩa xưa là, thật chặt khúc, rô ti, làm cái ăn bồi sức cho những tay đấu kiếm.

Nghĩa ở đây của nó là tập văn, trích diễm, góp nhặt văn, thơ, chuyện cổ tích, v. v ... đọc giải trí, mở mang.

Đây là đoạn cuối đời Trương Vĩnh Ký. Đâu hãy nhìn Ông lại một lần, qua câu nói của Renan :

«Ấy đó, những gì dính liền với cuộc sống cao thượng của con người, một cuộc sống mực thước mà con người lấy để phân biệt con người, con thú, cái đó là thiêng liêng, cái đó đáng cho những tâm hồn cao thượng say mê.

Một tình cảm tốt đẹp ngang giá với một tư tưởng tốt đẹp ; một tư tưởng tốt đẹp ngang giá với một thơ ca ; một thơ ca ngang giá với một phát minh khoa học ; một cuộc khoa học có giá như một cuộc sống đức nghĩa. Con người hoàn mỹ thì phải là con người thi sĩ, triết gia, bác học, hiếu đức, mà lại còn, những tố chất ấy không phải là những cái rời rạc, cách phân khi có cái này lại không có cái kia (nếu vậy thì con người ấy là con người rất tâm thường) những cái đó phải diễn ra thống triệt vào nhau, sâu sắc và cùng một lúc thấm thấu vào cuộc sống của con người ấy ... lúc đó nó vừa là thi sĩ, vừa là triết gia vừa là nhà bác học. Tóm lại, ở con người ấy những tố chất của nhân loại hội tụ lại trong sự hài hòa cao cả, như chính bản thân nhân loại là hài hòa cao cả vậy»

Ta nhìn thấy lại Trương Vĩnh Ký đang ở Chợ Quán trông coi thợ xây sanh phân.

Ngày 1 tháng chín năm 1898, P. J. B. Trương Vĩnh Ký qua đời thọ 61 tuổi.



# DE PROFUNDIS

«Tang trí kỳ ai»

Báo Courrier de Saigon, ra ngày 7 tháng Chín có bài  
điều mà Đặng Thúc Liêng dịch :

«Hôm qua có xảy ra một đám tang rất long trọng  
là cuộc tống chung Ông Petrus Trương Vĩnh Ký nơi  
phân mộ tại Chợ Quán.

Trong lục châu đều có đủ mặt người Nam và Pháp  
đến đưa linh cữu của Ngài, rùm tai tiếng khóc than  
người Danh sĩ vội vã theo thuyên tạo hóa khéo sớm  
rước đi xa, nghĩ càng thấm thiết !

Từ bữa thứ sáu cái thờ phòng của Trương Tiên sanh  
đã cải ra là một cái nhà thờ nho nhỏ, ngày đêm  
mùi hương sức nước, lạp chúc rờ ràng.

Trong ba ngày rày tựu hội tại Saigon các Thượng  
quan Lang sa và bốn quốc, một là bằng bồi của Tiên  
sanh, hai là môn đệ của Tiên sanh thầy đều giọt  
lụy chứa chan, đứng nhìn nhau tuồng ngơ ngẩn.

Ngoài ra những người lạ chẳng luận đạo nào cùng  
các nhà Công, Thương, Hào phú Trung Hoa ở Chợ  
Lớn, Sài Gòn đều có gởi thơ chia buồn và làm  
lễ điều.

Những người Âu Tây làm lễ rất kính, còn người An  
nam cứ lạy ba lạy. Nhiều ông xin tang chủ dạng  
chịu tang phục trong một tháng để tỏ lòng sùng  
bái vĩ nhân.

Trong cái quan tài kín mít, ráp lại bằng bốn tấm ván coi như gỗ, như lim chi chi mà người đạo đức văn chương đành ngủ nơi đó một giấc ngàn thu, đau lòng biết mấy ?

Trước ngực Tiên sanh chiếu sáng rõ cái mè đay điều, đó là chỉ rõ cái công lao phò tá lưỡng bang chánh phủ.

Theo phong tục nhà Nam, khi nào có ai lìa cõi thọ thời các nhà Nho đều làm thơ hoặc phú dạng tỏ cái hành trạng của người trong lúc sanh tiền.

Môn đệ của Trương Tiên sanh đều là người tài danh cả, như Ông Trương Minh Ký, Ông Diệp Văn Cương, và Ông Nguyễn Trọng Quản đồng đặt một bài văn mà tế Thầy.

Các người Âu châu đã lâu năm cư ngụ tại Nam bang và các ông thân bằng cố hữu của Trương Tiên sanh ơi ! Các Ông hãy đọc bài văn tế đó của chúng ta lựa rút đăng sau này, hầu để làm kỷ niệm.

(Tôi cũng mời người đọc mà chép đây. Mà khổ ! văn xưa, có chữ tôi không hiểu nên có thể chép sai. Xin ai thấy sai thì sửa N.V.T)

#### VĂN TẾ :

Thương thay ! Thầy ta là quan lớn  
Sĩ Tái Trương Vinh Ký

Nhớ Thầy xưa,  
Nên đáng thông minh.  
Thiệt trang văn phú.

Sang dương ấy, trọng dương ấy.  
Ngó công danh, trong mắt như không.  
Kiêu chẳng hề, lẩn chẳng hề.  
Xem tánh hạnh trong đời ít có.

Việc chữ nghĩa nhọc lòng biên đặt  
lắm thuở công phu.

Dạy học hành ra sức vun trồng  
nhiều lời khuyên dỗ.

Ôi !

Tưởng còn lâu hưởng lộc trời.

Nay đã sớm lia cõi thọ.

Bướm Trang sinh một giấc mình cõi chốn vi cơ.

Hạt Đinh linh trăm năm hồn nường nơi vân vụ.

Người tuy mất mà danh chẳng mất, tiếng hầy còn đây.

Coi sách Thầy mà học ở Thầy, hình như Thầy có.

Hỡi ôi ! Tiếc thay ! Hỡi ôi ! Thương thay.

Môn sanh : Trương Minh Ký,

Diệp Văn Cương,

Nguyễn Trọng Quản,

dâng đồng bái.

4 Septembre 1898.

★  
★ ★

Trương Sĩ Tài tiên du.

Hỡi ôi !

Nước sông Hà leo lẻo.

Xưa nay trông thấy có bao nhiêu.

Đá non Thái trây trây.

Phút chốc tan tành không mấy lát.

Nhớ Tôn hiền xưa.

Đáng bực thông minh, nên người khoát đạt.

Nợ tang bồng vương vấn.

chung vui giữa cuộc lâu dài.

Nên đạo nghĩa vững bền.  
nào phụ những ngày lê hoắc.  
Đêm sách đèn đợi sáng thức khuya.  
No lòng gói ghém văn chương.  
Ngày cơm nước quên xơi biếng khát.  
Sắp cuốn này, chua cuốn khác, phí lương tiền phó tử.  
Nào An nam lễ tiết, nào huân nữ cách ngôn.  
Nào địa dư danh hiệu, dạy người đường chẳng mồi.  
Nhắm nay làm ít kẻ ra công.  
Tiếng nước nọ, chữ nước kia, rộng kiến thức tập thành.  
Nào Tự vị giải âm, nào học qui thông khảo.  
Nào văn tự nguyên lưu, trí nhớ rất lạ thường.  
Sách xưa học mấy người đặt báo.  
Mưa phải se sua đất Bắc.  
Nam kỳ đà rõ mặt non sông.  
Lựa là rạng tỏ phương Đông.  
Tây vực cũng khen người tài đức.  
Trên sang cả lễ nghi gìn giữ.  
Cùng người chẳng nét kiêu ngoa.  
Dưới nhỏ nhen nhân nghĩa vô về.  
Với trẻ quên mình tuổi tác.  
Người ấy tài đức ấy.  
Nhứt trình nghe bịnh ước xảy qua.  
Dè dàu, thỉnh linh đầu.  
Dây thép đánh lòng dường tan nát.  
Ôi !

Sao Bắc đầu lờ mờ.  
Cõi Nam thiên man mác.  
Văn bửu viên thấp cao thất thắm.  
Sách xưa còn bút tích rõ ràng.  
Nhơn giang thôn cây cỏ giảng sâu.



Mây tối giục như tình bát ngát.  
Tướng dẫu tướng một phương trời chia kiêm cố.  
nương cánh thân, về tới thành.  
biết bao vui về linh hồn.  
Thương là thương ba tác đất lấp văn chương.  
khi gió thắm lúc mưa sâu.  
ước dựng nhẹ nhàng phân xác.  
Đâu dám trách dấng chí tôn rằng hẹp.  
Sanh cũng ngoài sáu chục.  
Cớ gì phần Bành tổ quá lâu ?  
Nhưng mà than người quân tử chẳng nao.  
Biết cũng phải một lần.  
Việc chi cửa Vêrô vội khóa ?  
Vội vội người tuy mất đó.  
Sách dọn đã rã tay.  
Sờ sờ đạo cũng còn đây.  
Gương soi đường thấy mặt.  
Khôn cùng lời thương tiếc.  
Văn vài câu sống sót về vang.  
Xin chứng lễ ngay tin.  
Lòng một tấm trước sau ghi tạc.

Hỡi ôi thương thay !

Hỡi ôi tiếc thay !

Văn sanh.

Nguyễn Khắc Hòe khóc điệu.

*Khóc quan Đốc.*

*Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký*

Hỡi ôi !

Bắc đẩu lờ mờ.

Thái sơn tan tác.

Mây lấp mịt mù cõi thụ.  
Đánh hồ lạng lẽ vắng hơi rồng.  
Trăng soi quạnh quẽ đêm thu.  
Huê biểu nghêu ngao nghe tiếng hạc.  
Sông Tương lao xao sóng dợn.  
Mắt gươm linh khó nổi mò sâu.  
Nước Nam lối xố dậu leo.  
Xiêu cột cả biết đâu cho mát.

Nhớ linh xưa.

Nét đất văn chương.  
Tánh trời minh đạt.  
Có vẻ người quân tử, nức danh thơm  
quế phúc lan phương.  
Nên đứng bực trượng phu đôi tiết rạng  
kim truy ngọc trác.

Lời riũ rít ở cùng chòm xóm.  
Chẳng cậy mình sang trọng mà kiêu căng.  
Lòng thình thịch giúp những con em.  
Chẳng thấy kẻ khó hèn mà khi bạc.  
Bên chỉ dạy người chẳng mỏi.  
Ôn tác thành nhiều lớp nhiều công.  
Để lòng coi sách không quên.  
Nghề văn học một ngày một bác.  
Mấy pho sách văn chương sắp đặt.  
Phòng mở mang cho kẻ hậu sanh.  
Bao nhiêu quyền quý ra vào.  
Thầy kính mến là người tiên giáo.  
Vưng sứ tiết thưở trông chừng Tây địa.  
Hết sức tài bồi quốc mạch.  
Giao hòa xong Càn hải sóng êm.  
Phụng loan âm khí tới phủ Thừa Thiên.

Ra tay trừ toán miếu đường.  
Công tích để Bình san đá tạc.  
Thông dịch đều Đông địa Tây bang.  
Thiệt nên người bác sĩ danh nho.  
Chiêm ngưỡng khắp Nam kỳ Bắc hải.

Ôi !

Lánh mình đương hưởng cuộc vinh hoa.  
Giúp nước những từ khi khai thác.  
Tử sanh đô thị mạng.  
Cửa phù sanh bóng ác chạy vo vo.  
Vinh tụy các hữu kỳ.  
Đường nghịch lữ gió cu qua thoát thoát.  
Đêm đêm ngóng vào nơi bửu viện.  
Bàn ngòi khêu leo lét đèn chông.  
Chiêu chiêu trông về chốn văn phòng.  
Sách để lật lao xao gió khoác.  
Cầm động cỏ huê sâu héo hắc.  
Ngậm ngùi trông tượng vẽ bóng in.  
Mến yêu già trẻ khóc dầm dề.  
Đau đớn tới lòng người nước khác.  
Trăm năm tuổi ở đời bào ảnh.  
Luống tiếc trong miền Nam địa, cố sao  
mất kẻ tư văn.  
Ngoài sáu mươi về chốn ngọc lâu.  
Riêng than trên cõi thiên đàng, để thiếu chi  
người bất trác.

Tôi nay

Học hành theo bốn thiện chi sơ.  
Quen thuộc ở hà phu chi mạc.  
Thăng mảnng đáp tình chưa dạng toại.  
Mắc việc quan ngàn dặm phui pha.

Bơ thờ nghe bịnh tướng đã an.  
Thấy đây thép chín chiều sản lạc.  
Tạm thảo bày lòng hèn mọn.  
Khôn cùng đoạn thâm sông non.  
Kính dựng khóc kẻ cao xa.  
Xin chứng chút tình cỏ rác.

Hỡi ôi ! Thương thay !

Hà Đăng Đăng.

Thầy dạy chữ nhu tại trường Bến Tre.

ĐIỀU TỪ CỦA M. PICANON,  
Thống đốc Nam kỳ  
(Đặng Thúc Liêng dịch)

Vì quan Toàn quyền, vì thuộc địa và lại vì tôi đứng giữa đây đặt tỏ lời từ giả một đáng vĩ nhân, là Giáo sư Kiến thức, Ông quan trung tín của xứ Nam kỳ đã mất rồi.

Đã hèn lâu Trương Tiên sanh hết lòng giúp đỡ Pháp quốc và thuộc địa. Vậy nên Pháp quốc và Thuộc địa hằng ghi tạc ơn nghĩa của Tiên sanh. Tôi xin tỏ cùng bửu quyền của Tiên sanh cái tấm lòng thành thật của tôi, và tôi xin tỏ ý chắc những người giúp việc cho Chánh phủ thấy đều đau đớn, yêu mến Tiên sanh như tôi vậy.

Từ rày sắp về sau Trương Tiên sanh đã bỏ trống cái ngai dạy dỗ tiếng Á đông đi rồi ! Ngày sau ai mà đáng lãnh cái chức trách ấy nữa ?

Chắc khi Tiên sanh cũng đem theo vào mồ nhiều sự tình yêu mến của các người đã từng quen thuộc với Tiên sanh, mà đã biết Tiên sanh là nhà Đạo đức văn chương.

Trương Tiên sanh ôi ! Từ đây vĩnh biệt,  
hết trông gặp mặt nhau rồi.

PHẦN HAI

# **Tư duy và Môi trường**

Trong các tác phẩm của mình, Ăng-ghen đã vạch ra một cách sâu sắc phép biện chứng của tư duy toàn nhân loại.

Tư duy của con người có phải toàn năng không ?

Ăng-ghen hỏi, và nói :

«Trước khi trả lời là «phải» hay «không phải» trước hết phải xem tư duy của con người là cái gì đã. Nó có phải là tư duy riêng của một cá nhân không ? không phải.

Nhưng nó vẫn chỉ tồn tại là tư duy cá nhân của hàng ức triệu con người trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Như vậy tư duy của con người không phải là tư duy của từng người riêng lẻ, nhưng nó chỉ được thực hiện thông qua tư duy cá nhân.

Trong lịch sử khoa học, rất thường gặp tình trạng một quan niệm mới, một lý thuyết mới được con người đương thời tiếp nhận một cách thù địch hoặc là bị lờ đi, bị coi thường, thành ra giá trị của nó chỉ được phát hiện ra sau khi tác giả qua đời».

*(Lịch sử phép biện chứng mác-xít)*

Theo «đường chỉ đỏ» đó, đọc mấy tư liệu sau đây, ấy là lấy  *tinh thần lịch sử* (esprit historique) , xét về thời điểm và thủy thổ mà rõ ra Trương Vĩnh Ký.

## TÀI LIỆU 1.

PHAN THANH GIẢN  
(1796 — 1867)

Gia đình ông gốc ở làng Hội Trung, huyện Bông Sơn, tỉnh Bình Định, năm 1770 chạy loạn vào Nam.

Khi ông ra đời gia đình ngụ ở làng Bảo Thạnh, quê Ba Tri tỉnh Bến Tre. Cha của ông là một viên chức nhỏ. Nhà ông dòng dõi nho gia, thanh bản.

Năm 1825 đỗ cử nhân ở trường Gia Định.

Năm 1826 cả khoa thi hội chỉ có 9 tiến sĩ. Vua thấy từ Thừa Thiên trở vào không có ai đỗ, mới lấy thêm một người. Ông là vị tiến sĩ đầu tiên ở Nam kỳ.

Làm quan từ 1826 đến 1853 làm chánh nhất phẩm, năm lần bị giáng chức, một lần bị cách lưu, và cuối cùng sau khi đã chết bị truy đoạt chức tước, phẩm hàm, đục bia tiến sĩ.

### THỜI ĐẠI

Đời hoạt động của ông (1826 — 1867) nằm trong thời kỳ cực thịnh của chủ nghĩa tư bản, thống trị gần toàn thế giới, ở một nước quân chủ thủ cựu, ngoan cố bám lấy chế độ phong kiến lỗi thời đứng ngoài và chống lại trào lưu khoa học kỹ thuật, kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của thế giới.

Một nhà văn nào đó đã viết một bài hát về tình trạng nước ta hồi đó :

Sắn bút đây ta tâ.

Để ghi lại vài câu.

Cho ngàn vạn năm sau.

Biết cảnh tình cơ cực.

Trong cái đời Tự Đức.

Vợ con thì nheo nhóc.

Chông lại phải phu phen.

Những muốn vạch trời lên.

Kêu gào cho hả dạ.

Cơm khoai thì nở có.

Rau cháo lại cũng không.

Còn một bộ xương sống.  
Vợ vất đi ăn mày.  
Chết xó chợ lùm cây.  
Quạ kêu vang tứ phía.  
Xác quăng đầy nghĩa địa.  
Thây vứt thối bên cầu.  
Trời âm đạm u sầu.  
Cảnh hoang tàn đói rét.  
Người dân nghèo cùng kiệt.  
Đành lưu lạc tha phương.  
Để chết chợ chết đường.  
Trừ bọn lòng lang dạ thú không thương.  
Ai ai cũng đau lòng xót dạ.

Thời ấy ai là người biết nguồn gốc của cái nghèo, cái yếu của nước ta, cái giàu cái mạnh của các nhà tư bản, lại có điều kiện, đủ tài trí, đảm lược để hướng nước ta đi vào con đường duy tân ? Đúng như Nguyễn Trãi nói, nhân tài thực tế vắng vẻ, như sao buổi sớm, như lá mùa thu.

### BA CÁI MỐC LỚN CỦA ĐỜI PHAN THANH GIẢN

Từ năm 1853 ông đã làm quan đến nhất phẩm, là người mà Tự Đức đã cho rằng :

*« Học rộng nét tốt đáng làm mô phạm. Trung thành cần mẫn, trong sạch, tận tụy lam hết phận sự ... »*

và có nói thêm :

*« Tài năng kém và cố chấp »*

Ba cái mốc lớn của đời ông tập trung bộc lộ từ năm 1862 đến 1867. Những năm ấy ông được giao những việc khó khăn nhất và bị lên án nặng nề nhất, đến chết vẫn chưa thôi. Nhiệm vụ khó khăn là thương lượng với tư bản Pháp



đề, ở trên bàn hội nghị, giành lấy những cái đã bị mất trên chiến trường.

### *Cái mốc thứ nhất*

Năm 1861 quân Pháp đánh chiếm bốn tỉnh miền Đông : Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và Vĩnh Long. Tự Đức cử ông và Lâm Duy Hiệp đi thương nghị : «Cố gắng đạt được đình chiến» (16-05-1862). Ngày 5-6-1862, hiệp ước được ký kết trên tàu Dupré. Pháp trả lại Vĩnh Long, ta nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông và Côn Đảo, đền chiến phí cho Pháp 4 triệu đồng bạc con cò. Tự Đức vốn hy vọng đòi được đất nên đã thống trách : «Ôi con dân mấy triệu, tội gì mà khổ thế ? »

Thật đau lòng ! Hai người không chỉ là tội nhân của triều đình mà còn là tội nhân của muôn đời ! Câu «Phan, Lâm mãi quốc triều đình khí dân» là của một nho sĩ nào đó nói, là nói Tự Đức trách Phan, Lâm là bán nước, sao không nghĩ đến, ta có mấy triệu dân, làm gì mà chịu xuôi tay ! Ở một phạm vi nào câu nói được lưu truyền mà có sử gia hiểu lệch.

### *Mốc thứ hai.*

Đi sứ cũng với mục đích thương thuyết chuộc 3 tỉnh. Pháp đồng ý cử Aubaret thay mặt Pháp đình, sang ký hiệp ước (15-07-1864) sau đó Pháp lại hủy hiệp ước này. Khi ở Pháp về, Phan Thanh Giản, đã tận mắt nhìn thấy một nước tư bản, đã thấy Pháp giàu có, hùng mạnh, trí xảo như thế nào, đã phải thốt lên :

*«Bá ban xảo kế tề thiên địa*

*Duy hữu tử sanh tạo hóa quyền»*

Phan đã trình bày nhận thức của mình với Vua và triều thần, đã đề nghị ta cử người xuất dương du học, đồng thời

mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước châu Âu. Nhưng ông lại phải than thở :

*Từ ngày đi sứ tới Tây Kinh  
Thấy cảnh châu Âu phải giết mình.  
Kêu rú đông bang mau thức dậy.  
Hết lời năn nỉ chẳng ai tin.*

*Mốc thứ ba .*

Mất ba tỉnh miền Tây. Đối với chánh sách vừa đàm vừa đánh, quân triều không đánh, nhưng khuyến khích nhân dân khởi nghĩa. Thực dân Pháp dễ chịu bó tay. Tháng 10-1866, Pháp xin mua ba tỉnh miền Tây để nối liền ba tỉnh miền Đông với Cao Miên đã thành thuộc địa của Pháp và để dễ bình định, Lagrandière nói thật với Phan, nếu không mua được, sẽ đánh chiếm. Máy lân thương thuyết thực dân Pháp và triều đình Huế mỗi bên vẫn giữ ý mình. Phan năm ấy xin nghỉ vì già yếu. Tự Đức không cho, còn trách : «Khanh chưa làm xong sứ mạng ta giao, nghĩ thế nào mà lại xin như vậy ?»

15-06-1867 Lagrandière chiếm Mỹ Tho.

20-06-1867 chiếm Vĩnh Long.

21-06-1867 chiếm Châu Đốc.

24-06-1867 chiếm Hà Tiên.

Phan Thanh Giản ra ở ngôi nhà tranh xưa của ông ở ngoại ô Vĩnh Long, xếp triều phục, ấn triệu, 23 đạo bằng sắc, gửi về nộp Tự Đức kèm theo một lá sớ :

«Gặp thời bĩ, việc dữ nổi lên trong cõi, khí xấu hiện ra ngoài biên thùy. Việc Nam kỳ đến thế này, không thể ngăn nổi. Nghĩa đáng chết, tôi không dám cầu thả sống để nhục đến quân phụ. Hoàng thượng rộng xét cổ kim, hiểu rõ lẽ trị

loạn, có người hiền giúp đỡ, kính phép trời, thương người cùng khổ, lo trước tính sau thay dây đổi bánh, thế lực còn có thể làm được. Thần đến bước cùng, nghẹn ngào không biết nói gì, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến trông mong khôn xiết» .

Ông «quyến luyến trông mong khôn xiết» nhưng đến ngày 19 tháng 7 vẫn không có hồi âm. Ông bắt đầu tuyệt thực. Đến ngày 2 tháng 8, 1867 vẫn không chết. Ông bèn uống thuốc phiện với dấm thanh. Ngày 4 tháng 8 năm 1867 ông tử trần.

## BÌNH LUẬN

Vua Tự Đức (21-10-1867) :

«Phan Thanh Giản thủy chung lời nói không xứng với việc làm, học vấn danh vọng một đời đổ sạch xuống biển Đông thật là tán tận lương tâm ... »

Tự Đức (1868) « ... đi sứ không có công, giữ chức kinh lược để mất ba tỉnh, hai tội đều nặng, tuy đã chết cũng phải truy đoạt chức tước phẩm hàm, đục bia tiến sĩ»

Trong bản án nghị sử của các đại thần có trích dụ của Tự Đức nói về Phan Thanh Giản :

«Phan Thanh Giản là người học rộng, rất tốt đáng làm mô phạm cho đời, trung thành, cần mẫn, trong sạch, tận tụy làm tròn phận sự. Trẫm đã biết từ lâu và rất chú trọng. Riêng nói về tài thì hơi kém, không đủ thao lược ứng biến, lại còn cố chấp ... cho nên đến việc lớn thì vấp ngã»

## NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU điếu :

Non nước tan tành hệ bởi đâu.  
Dầu dầu mây bạc côi Ngao Châu.  
Ba triệu công cán vài hàng số.  
Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu.  
Ai Bắc ngày chiêu, tin điệp vắng.  
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.  
Minh sinh chín chữ lòng son tạc.  
Trời đất từ đây mặc gió thu.

Ông Đồ Chiểu lại có một bài thơ chữ Hán, Thượng Tân Thị dịch :

Minh trong sạch trải thờ ba chúa.  
Không ông, ai che chở dân lành.  
Long Hồ phụ lão thơ sinh.  
Ở nơi phụng cái, không đành làm quan.  
Cần Tiết, nhọc sống chàng Phú Bật.  
Hết nguy sao giận mất Trương Tuân.  
Mất còn sáu tỉnh trời phân.  
Thung dung tựu nghĩa làm thân khó thay.

### TƯ VĂN NAM KỲ

Chín tuổi vẫn cấm loài giặc dữ.  
Một nhịn lo tròn sáu tỉnh dân.

### TƯ VĂN TRUNG KỲ

Ba triệu gấn bó lo tròn việc.  
Một lão thương thay chẳng sống thêm.

## TƯ VĂN BẮC KỲ

Trong Nam lại thấy Văn thừa tướng.  
Ngoài Bắc còn ghi Quách tử Nghi.

### PHẠM PHÚ THỨ VIẾNG :

(Dịch đại ý lời chữ Hán).

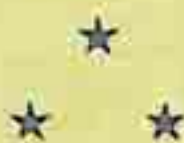
«Một thân thờ ba triều, làm quan hơn 40 năm, già hơn 70 tuổi, rất từng trải kinh nghiệm, ngoài được tôn trọng và tin cậy, trong triều cũng như trong nhân dân.

Ngoài học rộng phẩm cách tuyệt vời, dù hoàn cảnh trái ngược đến bao nhiêu Ngài cũng không bao giờ là người hại nước. Bất kỳ cảnh đời ngang trái thế nào Ngài vẫn giữ trọn tấm lòng cao thượng. Những bọn hèn đứng thấp chẳng thấy gì, la hét nhảy nhót như mê như say, nào có biết đau tình thế của nước nhà. Tôi tiếc cho chí của Ngài không đạt, bụi ngùi thương xót gửi lòng vào ngọn gió thu !»

Thời đại như thế, sự việc như thế, con người như thế, người cùng thời khen chê như thế.

Đến nay đã hơn 100 năm người ta vẫn bêu môi, châu mày nghiên răng mà chê, mà giận. Người ta lại cũng dầu dầu thương cảm trong hoàn cảnh ông ấy biết, mà chẳng làm được gì, đành bó tay đứng trong hàng ngũ đình thần, cuối cùng phải mượn chén thuốc độc để yên sinh.

TRẦN MAI



## TÀI LIỆU 2

### THIÊN HẠ ĐẠI THỂ LUẬN

(Bàn về những tinh thể lớn trong thiên hạ) .

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

Tôi là Nguyễn Trường Tộ, bề tôi nước Đại Nam đã từng trốn ra nước ngoài, xin đem những điều mà tôi đã biết và thấy một cách chính xác về sự thể trong thiên hạ, mạo tội kính bẩm.

Trộm nghĩ, việc trong thiên hạ chỉ có «thế» mà thôi. Chữ «Thế» là nói bao gồm cả thiên thời, nhân sự. Cho nên người biết rõ «thế» thì không trái trời, không mất thời, chẳng hại người, không hỏng việc.

Hãy nói về thiên đạo trước. Khi đất là từ Bắc đến Nam, vận trời từ Tây sang Đông, theo Hồ đồ thì thủy ở về phương Bắc, hỏa ở phương Nam, kim ở về phương Tây, mộc ở về phương Đông. Thủy thì diệt hỏa, kim diệt mộc, ấy là lẽ tự nhiên của trời đất luôn luôn như vậy.

Ngày xưa các nước phương Tây, đã bạo chiếm suốt từ Tây Nam cho đến Đông Bắc, toàn lãnh thổ Châu Phi cho tới Thiên Phương. Thiên Trúc,

Miến Điện, Xiêm La, Tô Môn, Đấp Lạp, Trảo Oa, Lữ Tống, Cao Ly, Nhật Bản, Trung Quốc và các đảo ở ngoài biển, kể cả Tây châu, không đâu là không bị họ chèn họng, bám lưng. Nước Nga thì từ Tây Bắc đến Đông Nam gồm tất cả các nước Đái Uyên, Cốt Lợi Cán, Mông Cổ và các sứ ở phía Bắc Mãn Châu, không đâu là không chiếm đất và nô dịch dân những nơi đó. Ở trên lục địa, tất cả những chỗ nào có xe thuyền đi đến, con người đi qua, mặt trời mặt

trăng soi chiếu, sương mù thấm đọng thì người Âu đều đặt chân tới, như tầm ăn cá nuốt, ở đâu thuận với họ thì phúc, chỗ nào trái với họ thì họa, ai hòa với họ thì được yên, ai cự lại thì dùng binh lực giao tranh ; trong thiên hạ không ai dám kháng cự lại họ. Như thế nếu đó không phải là ý trời định, địa thế xoay vần, thì sao không lấy số đông của bốn đại châu mà kháng cự lại người Tây phương ? Huống hồ nước Việt ta là một nước bé nhỏ, tại sao lại muốn trái đạo trời mà làm những việc thiên hạ khó làm được ?

Đến như địa thế Trung Hoa chiếm một phần ba Đông phương, nhân số đến 360 triệu, uy thế lấy lừng, ai cũng phải thần phục họ cả, thế mà từ thời Minh về sau, người Tây phương vượt biển sang Đông, hai bên đánh nhau thây chất thành đống, sau phải giảng hòa không biết bao nhiêu lần. Còn như ta là một xứ nóng, gần kề Quế Hải. Con giao long khi thấy đâm vực thì nghĩ cách đâm mình chớ không thể nào chịu bỏ đi.

Mới đây người Pháp thừa thế đánh xong tỉnh Quảng Đông đã đưa quân tinh nhuệ xuống phía Nam, làm Đà Nẵng thất thủ khi ấy giả sử ta có 10 vạn quân, cũng không đánh nhau được với họ Phàm việc binh cốt ở thần tốc, họ đã biết rõ rằng quân ta, mới nghe thanh thế họ, đã phách lạc hồn xiêu rồi. Hơn nữa cảng Đà Nẵng cách các doanh trại ta chẳng bao xa, thế tại sao họ không thừa thế chẻ tre, xua quân tinh nhuệ tiến tới, mà lại thôi ? Sao cứ thông dong nhân hạ không cần lợi dụng thế tốc chiến ? Hay vì họ nghĩ rằng ta phòng bị chưa kiên cố. Bởi lẽ ta càng phòng bị kiên cố chừng nào thì càng tỏ rõ được cái năng lực công phá của họ chừng ấy. Họ không cần thừa chỗ sơ hở mà đánh xuất kỳ bất ý như đối với địch có thế lực ngang ngửa với họ. Hơn nữa người Pháp đến đây, một là hỏi ta vì sao giết hại giáo

sĩ, hai là hỏi vì sao không chịu giao thiệp, ba là xin ta cắt cho vài chỗ để làm đường giao thông như các nước thường làm. Lúc đầu họ không có ý đi cướp nước người. Nếu những yêu sách của họ được thỏa mãn, họ sẽ chấm dứt những hành động gây hấn như đã ước định, chứ đâu đến nỗi dây dưa lan rộng như thế. Cũng ví như nước lụt, người hiểu biết thì thuận theo thế nước mà cho chảy xuôi, để nước chảy về sông về biển thì hết, nếu ngăn đọng lại thì úng núi ngập gò, tắc lại thì trôi nhà trôi cửa. Cho nên người khéo trị lụt, thì việc làm hết sức đơn giản.

Hiện nay quân Pháp đã chinh cư thành Gia Định và các phủ, huyện thuộc hạt, họ đào kênh, đắp lũy trừ kế lâu dài để tỏ ra không chịu đi, như hổ đã về rừng, rồng đã xuống biển. Bây giờ như ta muốn cố thủ thành trì đợi cho họ tê liệt thì thật chẳng khác nào muốn quét sạch lá rừng, tát cạn nước biển. Không hòa mà chiến, khác nào cứu lửa đổ thêm dầu, không những không cứu được mà còn cháy nhanh hơn nữa.

Tôi thường nghiên cứu sự thế trong thiên hạ mà biết rằng hòa với Pháp là thượng sách. Hơn nữa ở châu Âu việc võ bị chỉ có nước Pháp là đứng hạng nhất không thua ai cả. Họ lại có tính khảng khái, hiếu chiến, với uy phong của một quân đội có xe sắt. Tuy dụng binh cũng biết trọng nghĩa giữ lời, không như các nước chỉ chuyên thủ lợi. Khi kéo quân đi đánh thì khí thế hiên ngang thái độ hân hoan. Khi lâm trận thì xông pha tới trước, không chịu tụt lùi. Khi thắng trận thì cả nước hoan hô, có tổn thất nghìn muôn người cũng chẳng tiếc, chỉ sao cho uy danh hùng tráng, quốc thể được bảo toàn làm trọng. Các tướng thì gan dạ, nhiều mưu trí, thạo binh pháp, thủy chiến, lục chiến đều rất giỏi. Thật đúng như sách «doanh hoàn chỉ lược» đã chép vậy.



Nếu ngày kia Pháp đem quân đến thì việc vượt biển cũng như đi trên đất bằng, trèo non như đi trên đường bộ. Nước ta tựa núi kê biên, địa thế như một con rắn dài. Nếu họ dùng hỏa thuyền chia nhau đánh cắt các tỉnh dọc bờ biển, lại cho các tàu đậu ngoài cửa sông lớn để triệt sự vận tải đường biển của ta, lại cho một đạo quân đóng giữ ở Hoành Sơn để chặn đường tiếp tế bằng đường bộ và cắt đường qua lại của đội quân Cần Vương, rồi lại đổ bộ tiến đánh các chỗ xung yếu gấp rút truyền hịch khắp Nam Bắc, chiêu mộ bọn giặc cướp ẩn náu dùng làm bọn dẫn đường, thì thủy binh của ta sẽ trở thành vô dụng. Bộ binh thì đại lộ không thông. Chỉ còn đường Vạn Tượng, Ai Lao, Trấn Ninh và đất Cao Miên thì lại hiểm trở khó đi, mất nhiều ngày tháng *đầu đuôi không liên lạc được với nhau. Nếu họ đánh một trận thì ta đã bị cái thế chia năm xẻ bảy.* Dù cho có trí dũng cũng không kịp ra mưu. Đại thế đã mất, lòng quân sĩ đã lìa thì còn ai đánh giặc nữa ? Địa lợi như thế thì không thể trông cậy vào đâu được.

Quân lính của ta lại chuyên dùng gươm đao, gậy gộc không thạo súng ống, dù phục binh cái bẫy, những trận đồ như vậy chỉ hợp cho những tình thế không cấp bách, chỉ đánh được gần chứ không đánh được xa. Nếu họ dùng súng trường từ xa bắn tới, thì quân ta chưa giáp trận mà gươm giáo đã tan tành. Khi họ đến gần thì dùng lưới lê xung phong, một người đương được cả 100 người xông lên như nước sông chảy xiết. Lúc ngừng lại thì như núi dựng, xông vào chẳng qua cũng như chuồn chuồn lay cột đá mà thôi.

Hơn nữa họ đã lão luyện chiến trận những phương pháp của Đông phương như dụ địch, kiêu binh, địa lôi, hỏa công, sập hầm, thuốc độc họ đều biết cả, dù có người trí xảo đến mấy cũng không giữ họ được. Huống chi việc thắng bại do

ở nhuệ khí. Họ từ xa đến, dấn thân vào chỗ chết với khí thế một ra đi là không trở về. Còn quân lính ta xưa nay vốn nhát gan, lại chưa quen đánh trận với nước khác, một ngày kia gặp phải quân địch mạnh mẽ, tuy có lòng dũng cảm nhưng khí thế đã suy, lại đánh đầu thua đó, vừa nghe bóng nghe gió đã mất hết hồn vía, tham sống sợ chết là lẽ thường tình. Chỉ trước khi ra trận mà có lòng quyết thắng địch thì mới khỏi chết. Nay đã biết họ có thể tất thắng, ta có cơ dễ thua lại không biết phép ra quân của họ biến hóa như thế nào mà đem quân nhút nhát của mình ra đánh lại quân vô địch của họ thật chẳng khác nào như bắt muối đội núi, đem dê đấu hổ. Rõ ràng là lối tấn công như vậy không dùng được nữa.

Theo binh pháp, muốn cố thủ phải có hai điều kiện : một là thành trì, hai là nhân tâm. Lúc địch mới đến thì phải gấp rút chặn những chỗ xung yếu mà đuổi nó đi. Nếu kẻ địch đã thọc sâu vào cứ điểm, thì phải có thành cao, hào sâu để hãm kẻ địch một mối. Đó là thượng sách. Ngày nay quân Pháp có hỏa thuyền để vận tải, thì việc vượt muôn dặm cũng bằng chèo một mái chèo mà thôi. Nếu ta muốn ngăn bẻ để tuyệt lương của họ cũng không thể được. Họ muốn tăng thêm quân sang ta thì theo đường biển đó thì có bốn, năm tuần là đến nơi. Nếu cần lắm thì gọi giầy xin quân Anh đóng ở Ấn Độ, Túc Dực, Hương Cảng, Thượng Hải ... thì sớm chiều là có thể đến nơi để giúp. Lại có quân của Y Pha Nho ở Lữ Tống, đến đôn sức tấn công.

Quân Pháp đánh thành không cần dùng những phương pháp bắc thang, đường hầm, xe kiếm, bao đất, mà đại pháo bắn ra thì núi lở gò sập, thành đã vỡ, thì ta tuy có lương tiền nhiều, gươm giáo sắc và có phương pháp giữ thành cũng trở nên vô dụng. Hơn nữa người Pháp đánh ta, trèo thành như lên đệm gối, sở dĩ lâu nay họ chưa dùng đến là vì cắt

cổ gà cần gì phải dùng dao mổ trâu. Nếu gặp đối thủ thì như trận đánh ở Biển Đen năm trước, Tây Ba Sĩ Đa Đốc Lô là một thành kiến cố nhất thiên hạ. Nga là một nước cường địch bậc nhất trong thiên hạ có trăm vạn quân, đã giữ vững trong hai năm thế mà rồi cũng bị hãm. Lấy ta so sánh với Nga cũng như lấy Đằng, Tiết mà so sánh với Tân, Sở. Nga như thế mà chống không được còn bị đánh tan tành, ta đâu có đủ sự hiểm yếu nào có thể mong cậy được.

Hiện nay tình hình trong nước rối loạn. Trời thì sanh tai biến để cảnh cáo, đất thì hạn hán tai ương, tiền của sức lực của dân đã kiệt quệ, việc cung ứng cho quân binh đã mệt mỏi, trong Triều đình quân thần chỉ làm trò hề cho vui lòng vua, che đậy những việc hư hỏng trong nước, ngăn chặn những bậc hiền tài, chia đảng, lập phái khuynh loát nhau, những việc như vậy cũng đã nhiều ; ngoài các tỉnh thì quan tham lại những, xưng hùng xưng bá, tác phúc tác oai, áp bức tàn nhẫn kẻ cô thế, bòn rút của dân, đục khoét tùy nước việc đó đã xảy ra từ lâu rồi. Những kẻ hận đời ghét kẻ gian tà, những kẻ thất chí vong mạng, phần nhiều ẩn núp nơi thảo dã, chính là lúc Thắng, Quảng sẽ thừa cơ nổi dậy. Thế mà sao đối ngoại thì không có cách nào để động đến một mây may lông của quân Pháp, cũng chẳng thuyết phục được ai để giải vây cho, lại đi tàn sát dân mình, giận cá chém thớt khiến cho dân bị cái hại «cháy nhà vạ lây» Thật đúng như câu nói «đào ao đuổi cá» «nổi giáo cho giặc» Cây cối trước hết tự nó hư mục sau mới bị sâu đục ; nước mình trước hết không biết tự giữ thể diện thì người ta mới khinh mình ? Dân loạn bên trong, rồi kẻ đại địch mới nhân đó mà vào. Như thế, loạn không phải từ bên ngoài mà ở ngay trong nước vậy.

Than ôi ! Dân chúng phụng sự quan trên, đóng thuế nạp tô để mong được sống yên thân, thế mà bây giờ lại lấy

những thứ nuôi sống người đó để làm hại người, nữ khiến dân chúng vấp phải vạ binh đao, nữ tranh giành cái nhỏ mà bỏ cái lớn, cũng như muốn bảo tồn cành lá mà đem dẫn cả cội gốc. Cho nên mới nói : không sợ thế giặc ngang tàng, mà sợ lòng người rời rạc. Lòng người đã rời rạc, đã muốn chóng mất thì dù có thành trì bằng kim loại, có ao nước sôi cũng phải bỏ mà chạy, ai ở đó chịu chết mà giữ cho !

Sự thể hiện nay chỉ có hòa. Hòa thì trên không cưỡng lại ý trời, dưới có thể làm cho dân khỏi khổ, chấm dứt được sự dòm ngó của bọn gian nghịch, ngăn chặn được sự tranh giành của nước ngoài, thật là không kể xiết. Còn việc binh đao thì thật là tai họa, nó làm cho vợ góa con côi, tổn thương hòa khí của trời đất, sinh ra hạn hán lụt lội. Thánh nhân bất đắc dĩ mới dùng binh dẹp loạn. Nếu không đánh mà khuất phục binh lính người, mới là đánh giỏi. Nay có đánh họ cũng không đi, họ chỉ xin mình miếng đất mà thôi, nếu cứ kiên quyết không cho họ sẽ lập mưu cướp hết, từ khách quay lại làm chủ. Như thế là tiếc một hai mảnh đất mà đem cả nước trao cho họ. Nếu biết rõ họ đã đến là không đi, họ ỷ thế vào những nước khác thì đánh với họ tức là mất cái lớn không đáng mất mà còn tỏ ra mất đó là vì bất lực, không hợp tình, không kêu nài gì được, chi bằng hòa mà chịu mất cái nhỏ không thể không mất mà còn tỏ ra mình ngoại giao biết điều và là việc hợp tình hợp lý có hơn không ? Nếu bảo quân ta mạnh, lúa gạo ta nhiều chưa chi đã vội hòa sợ thiên hạ cười chê chang ? Nói như thế tức là không chịu nhịn nhục việc nhỏ để hồng việc lớn vậy. Không thấy một nước Trung Hoa to lớn là thế mà còn phải cắt đất cầu hòa. Lại nữa như Thái vương bỏ đất Mân, Câu Tiên thờ vua Ngô, việc hóa thân của Hán, việc cống nạp của Tống, tất cả đều lấy việc không đánh là hơn, mà còn coi trọng sinh mệnh nữa. Luận việc này có ai cho là thất sách đâu ?

Hoặc giả có người nói đất đai tổ tiên để lại không được đưa gang tấc nào cho kẻ khác. Như vậy là quá câu chấp mà để hồng việc nước. Sao không xem xưa nay có ai là chủ giang sơn mãi dâu. Nhà Tân bị Hồ gây loạn, Tống mất vào tay Nguyên, Minh mất vào tay Thanh, họ này thay thế họ kia chẳng phải do số trời sắp đặt đó sao ? Vả lại Quảng Nam xưa là đất của Chiêm Thành, Gia Định xưa là cố đô của Chân Lạp, dâu phải là đất của Bản triều ? Ta chiếm đoạt của người thì cứ sao người lại không thể chiếm đoạt của ta ? Từ xưa các bậc đế vương mỗi khi thay họ đổi ngôi thì con cháu không có đất cắm dùi, đều do tiếc cái ít để mất cái nhiều.

Hơn nữa thiên hạ là của chung của thiên hạ, các bậc đế vương dĩ nhiên không thể đem thiên hạ mà cho ai, chỉ có điều là biết không thể cho được rồi sau mới có thể cho được. Nếu không tùy thời liệu định cho để mà giữ, chẳng may thế sự chuyển dời thì rõ ràng là phải đem hết tất cả cho người ta. Thế nên Câu Tiên chịu nhân nhục để được còn nước Việt, Vua Văn Hoàng mượn binh để lập nghiệp, đều là muốn bảo toàn thiên hạ cả. Xưa nay chưa có ai không ỷ nhân việc nhỏ mà làm nên việc lớn bao giờ.

Theo cách ngày nay thì nên để quân lính nghỉ ngơi, rồi làm theo chức Hán cao tổ cắt Quang Trung cho Hạng Võ ngày xưa để họ giữ bờ cõi cho mình, như có hổ báo trong rừng thì chồn cáo không dám bén mảng tới. Thế nhượng một tấc đất mà nhân dân lợi vô cùng. Như thế chẳng phải làm việc chung cho thiên hạ đó sao ? Người xưa cũng làm như thế thôi, không thể bỏ cách đó mà theo mưu khác được. Thế là xoay chuyển một cái mà kẻ sống người chết đều chịu ơn, thật là sáng rõ, rõ như ánh lửa rọi, chẳng còn hình tích gì đáng nghi nữa cả. Dân đã yên sau sẽ khiến kẻ hiền tài vượt biển, sang các nước lớn học cách đánh trận giữ thành, học tập trí xảo của thiên hạ, giao thiệp với họ lâu dài, mới

biết lường sức đo tài, biết hết tình trạng của họ. Học cho tinh vi mới sinh kỹ xảo, rất mực kỹ xảo mới mạnh bây giờ sẽ dưỡng uy sức nhuệ, đợi thời hành động, mất ở phía Đông thì lấy lại ở phía Tây cũng chưa muộn gì.

Vả lại những điều mà nước Pháp xin, chẳng qua là để mở bến tàu, lập phố xá, thông cửa bể để buôn bán, lập nhà thờ để giảng đạo mà thôi. Lẽ thường những nơi có buôn bán, thế tất không thể không mở thương trường, lập cơ xưởng. Như người Trung Hoa ở nước ta cũng vậy, lấy có đổi không, khiến Nam Bắc hòa hợp, của cải hàng hóa lưu thông, tiêu dùng tiện lợi, cuộc sống đầy đủ đều nhờ ở đó cả. Xưa nay chưa có ai buôn bán mà âm mưu chiếm nước người ta bao giờ. Còn như giáo sĩ thì họ chỉ lấy việc mở rộng đạo giáo chống lại gian tà, làm trách nhiệm, chẳng liên quan gì đến những việc tranh thành, tranh đất cả. Sở dĩ họ xin bỏ việc cấm đạo chẳng qua là để cho sự truyền đạo được dễ dàng mà thôi. Nếu nói họ có âm mưu gì khác thì Đức Thế Tổ Cao hoàng đế đã ở với Giáo sĩ lâu ngày tướng cũng đã biết ít nhiều hành động của họ. Nếu quả như người ta nói, tại sao không đề phòng ngăn cấm trước, để chi đến nay mới cấm, khiến người Pháp mượn cớ trách ta ? Nếu nói họ dụ dỗ giáo dân trước rồi mới gây hấn với ta, thì sao họ không thừa cơ khi ta mới bắt đầu dựng cơ nghiệp mà đem quân cả nước đánh lấy cả Nam Bắc, phải đợi đến hàng chục năm dài về sau mới tính mưu ? Phải chăng vì họ chưa được thông thương cho nên chưa lập mưu lấy nước ta, thế thì ngày nay họ đã thông thương được với nước ta đâu mà có thể thắng được ta ? Nếu họ quyết ý chiến thắng thì dễ như lấy vật trong túi, đời nào lại chịu giảng hòa với ta. Những việc đó đã quá rõ, không đợi phải nói mới biết được. Còn ta nếu không chịu hòa thì họ xưa nay vốn hiếu thắng, đời nào lại chịu thôi. Cho nên đó đã quá rõ, không đợi phải nói mới biết được. Cho

nên tôi nói hòa với họ là tiện lợi, là một việc rất tốt phù hợp với lẽ trời đất. Trời đất hòa mới có mưa móc tưới nhuần Bốn mùa hòa, vạn vật mới sinh nở. Hai nước hòa, bờ cõi mới an ninh. Triều đình hòa, trăm việc mới chỉnh đốn xưa nay chưa có khi nào bất hòa mà làm xong việc được.

Vậy kính thưa Đại nhân tâu lại đây đủ.

Cho họ một miếng đất thì chẳng những các sĩ phu trong thiên hạ muốn làm quan ở triều đình mình, người buôn bán trong thiên hạ đua nhau đến buôn bán trong nước mình mà nước nhà sẽ vững như bàn thạch, là dân sẽ tránh được khổ lâm than, để giữ vững cơ nghiệp.

Tôi ở nước ngoài đã lâu biết rõ sức của họ, tình tường tình hình của họ. Xưa Hàn Vũ có nói: «Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không nói hết là bất nghĩa» Vì vậy tôi nay thân giang hồ mà lòng vẫn ở nơi đế khuyết. Thật không nỡ lòng thấy đất nước bị chia cắt, trăm họ lìa tan, cho nên không nghĩ mình ở địa vị thấp hèn, dám cả gan nói ra. Nếu như lời tôi là gian trá hoặc có ai xuôi khiến tôi nói, thì tôi xin nạp mình trước cửa đế đô, để làm chứng sau này.

Tôi xin gửi kèm theo đây một bản đồ để chú giải rõ, những điều nói trên đây.

Kính xin soi xét. Sau này nếu được yên, tôi xin đích thân bày nỗi lòng riêng, bấy lâu ấp ủ của tôi.

Nay bái bẫm,

Ngày ... tháng ... năm ... Tự Đức 16.

NGUYỄN TRƯỜNG TÔ ký

Chú — Có thể bản trần tình này viết gửi Phạm Phú Thứ.

(Lấy trong « Nguyễn Trường Tô, con người và di cảo » của Trương Bá Cẩn).

### NƯỚC GAULE — ROMAINE

(Thế kỷ I trước, và thế kỷ IV, sau J.C).

Tiếp liền theo sau một cuộc chiến tranh xâm lược khốc liệt Rome đã thi hành chính sách đồng hóa có nghĩa có nhân. César chỉ đòi ở những người thua trận một món triều cống nhẹ nhàng cho có vậy thôi. Ông đã biết làm cho tướng sĩ gaulois trai tráng gắn bó với mình mà thành lập một binh đoàn tinh nhuệ.

Trong những dân tộc gôloa, những tộc chính (Eduens, Arvernes, Séquanés...) được tuyên bố là đồng minh của Rome, những tộc khác thì được coi như tự do, phần lớn là chư hầu. Dưới sự giám sát chặt chẽ của Rome tất cả đều được giữ các lối cai trị và phong tục của họ. Chính hoàng đế Auguste, trong một chuyến du lịch ở xứ Gaule đã ấn định những ngạch quan lại cho xứ này.

Xứ Gaule cho đến lúc bấy giờ là một xã hội thôn dã, liền thấy được, dưới quyền hành của Rome, một nếp sống thị thành.

Người La mã bắc cầu, xây cất thành lũy những aqueducs cầu dẫn nước. Cái aqueduc nổi tiếng, bắc qua sông Gard là một di tích cầu dẫn nước thành Nimes, dài ngót 50 km. Họ làm cho xứ Gaule một hệ thống đường xá dày đặc. Những con đường ấy làm ra trước hết là theo ý đồ quân sự, nhưng ai cấm nó hóa thành những trục lộ thương buôn ? Những con đường ấy không ngót được tu bồi, trong hai thế kỷ gần đây cũng có sửa đổi đôi chút, nhưng nói chung nó vẫn giữ tình trạng ban sơ cho đến Trung thế kỷ.



Sự chinh phục của Rome đưa nước Gaule gia nhập nền kinh tế Địa trung hải. Khắp cả nước bỗng chốc dập diu ngang dọc những lái buôn và những người kinh doanh ... Họ không chỉ là người từ Rome tới mà còn là người từ nhiều vùng của đế quốc La mã. Trong đó người ta thấy ra rất nhiều người Syri và người Á đông. Nước Gaule xuất khẩu lúa mì, ngũ cốc, dầu ăn và tơ sợi. Nếu những mỏ bạc và mỏ vàng đã bị khai thác gần kiệt trong thời kỳ bị chinh phục thì trái lại nước Gaule hãy còn những mỏ sắt rất quan trọng. Những xí nghiệp luyện kim, những lò rèn và lò đúc đã có rồi ở Lyon, Bourges. Kỹ nghệ pha lê hồi đầu thì còn phải nhập, nhưng không bao lâu đồ gốm sành sứ phát triển đặc biệt mạnh và cạnh tranh nổi với nước Ý.

Sau sự chinh phục của La mã, nghề trồng nho được truyền khắp nước Gaule, từ đó biết làm rượu nho, chỗ trước kia chỉ uống một thứ bia gọi là Sython.

Nhờ đường xá La mã mà vùng này, vùng nọ của nước Gaule bấy lâu sanh sống cô lập, nay đi vào một cuộc bán buôn sầm uất. Chung quanh những trại lính, chợ đã mọc ra.

Ở Bordeaux người ta thấy có những thương buôn đi ghe, trên bờ có người kéo. Những người từ Rhénanie tới. Họ là những người Bellevaques, người Parisiens, người Séquanés.

Nước Gaule ngày càng giàu thịnh, đã tiêu thụ ngày càng nhiều những xa xỉ phẩm từ Á đông đưa tới (thảm, chăn, đồ gia vị, dầu thơm và đồ trang sức quý).

Từ thế kỷ đầu của dương lịch, ông vua Hérode Agrippa đã có thể nói đến nước Gaule như một nước «tràn trề phồn vinh về mọi mặt» và còn nói thêm rằng, nước Gaule đã cho sản phẩm của mình ngập tràn thế giới.



## NỀN VĂN MINH GÔLOA-LA MÃ.

(La civilisation gallo-romaine) .

Sự đồng hóa về chính trị đi đôi với sự phồn vinh ấy. Và César đã làm cho một số rất đông người gô-loa thành những công dân La mã thậm chí thành những thượng nghị viên. Điều này đã làm cho người La mã con dòng cháu giống, xâm xì, nhất là khi thấy danh tướng gô-loa bại trận, Vercingétorix ngòi ngựa đi trước chiến xa của người thắng trận, thì thiên hạ ó lên :

«À, té ra Ông đã bắt những tên tù binh gô-loa, đem về theo cuộc khai hoàn của Ông là để đưa chúng nó vào thượng viện, làm thượng nghị sĩ, phải không ông César ? »

Rất mau chóng, số đông người gô-loa đã khuây nỗi nhớ đến sự độc lập của xứ sở mình, và cảm thấy rất sung sướng mà hưởng cái «hòa bình la mã» , đã chấm dứt sự rối loạn, chấm dứt những chiến tranh huynh đệ tương tàn. Những dân tộc khác nhau trong một nước giờ đây đua tranh khôn khéo và trung thành, mong sao cho thái ấp của mình, từ chỗ là thái ấp chư hầu, trở thành thái ấp giải phóng nếu không nói hơn nữa là «thái ấp la mã» mà nhiều nơi đã sáp nhập vào như Narbone, Bézien, Orange, Préjus, Vienne, Valence, Lyon...

Năm 12 trước công nguyên, Drusus rể của Auguste đã khánh thành một đền thờ ở Lyon, dựng lên để tôn thờ Rome và vị anh quân Auguste. Đó là tượng trưng của sự đồng hóa la mã. Hàng năm những dân tộc gô-loa gởi đại diện đến viếng thần điện uy nghi ấy, như một cuộc hành hương trọng thể. Sử gia Albert Grenier nói :

«Từ cuộc hội ấy toát ra một tình cảm tập thể tôn sùng huyền bí và tri ân đối với Hoàng đế ban ân, và đối với Rome khai hóa văn minh».

Người la mã không can thiệp trực tiếp vào những việc thuộc lễ nghi tôn giáo của người gô-loa (mà chỉ cấm những cuộc đem con người ra mà tế sống, và thay vào đó sự thờ phụng hoàng triều) . Đẳng cấp tăng lữ gô-loa xưa mất dần ảnh hưởng tinh thần đối với dân chúng. Người gô-loa đồng hóa chư vị thần của họ với thần La mã, Visusius với Mercure, Montagus với Apollon, Smertruis với Mars, v. v ...

Người gô-loa biểu thị trung thành đến nỗi làm cho Rome đã nhanh chóng rút hết quân đội của mình ra khỏi xứ này để tập trung ở biên giới sông Rhin.

Sách «*Bách khoa về sử*» của Pháp có viết :

«Khi nói về con người thuở ấy, chúng ta hãy nói «cân nhắc kỹ rồi, thì họ là Gaulois, thì họ là Romains ? Nhưng một người gô-loa la mã, nó thấy giản đơn là nó có ba Tổ quốc. Nó yêu Autun, hoặc Bordeaux, hoặc Narbonne «thái ấp» của nó. Nó yêu đất nước Gaule, nó lại yêu Rome. Giữa ba tình cảm ấy không có sung đột. Nhà thơ Ausone nói «Bordeaux là tổ quốc của tôi, nhưng Rome là ở trên các Tổ quốc ! Tôi yêu Bordeaux, tôi lại có lòng thờ phụng Rome».



## TÀI LIỆU 4 :

### NHỮNG KẾT QUẢ TƯƠNG LAI của sự THỐNG TRỊ CỦA ANH Ở ẤN ĐỘ.

CÁC MÁC.

Luân đôn, ngày thứ Sáu, 22 tháng Bảy 1853.

Trong bài này, tôi có ý định tổng kết những nhận định của tôi về Ấn độ.

Sự thống trị của Anh ở Ấn độ đã được lập nên như thế nào ? Quyền lực tối cao của đại Mô-gôn đã bị những tổng đốc của y lật đổ. Quyền lực không hạn chế của các tổng đốc đã bị người Ma-ra-then đập tan. Thế lực của người Ma-ra-then đã bị những người Áp-ga-ni-xtan đập tan và trong lúc tất cả bọn họ đang hỗn chiến với nhau thì đột nhiên người Anh xông đến và chinh phục tất cả bọn họ. Một nước mà ở đó sự thù nghịch không những xảy ra giữa người Hồi giáo và người Ấn độ giáo, mà còn xảy ra giữa bộ lạc này với bộ lạc kia, giữa đẳng cấp này với đẳng cấp kia ; một xã hội mà toàn bộ cơ cấu của nó dựa trên một loại thế quân bình do sự bài xích lẫn nhau một cách phổ biến và do sự cách biệt cố hữu của mọi thành viên của nó quyết định, — lẽ nào một nước như vậy và một xã hội như vậy lại không trở thành miếng mồi của kẻ đi chinh phục ? Ngay dù chúng ta không biết gì hết về lịch sử quá khứ của Hin-du-xtan, nhưng lẽ nào một sự kiện quan trọng và không thể chối cãi được là ngay cả hiện nay, nước Anh vẫn còn nô dịch Ấn độ bằng quân đội của Ấn-độ, do Ấn-độ dài thọ-lẽ nào sự kiện ấy lại không đủ làm cho chúng ta rõ hay sao ? Như vậy Ấn độ đã không thể tránh được số phận bị chinh phục, và toàn bộ lịch sử quá khứ của Ấn-độ — Nếu nói chung Ấn độ có một lịch sử là lịch sử của những cuộc chinh phục nối tiếp nhau

mà Ấn độ đã phải chịu đựng. Xã hội Ấn độ không có một lịch sử nào cả, hay ít ra là nó không được chúng ta biết đến. Cái mà chúng ta gọi là lịch sử của Ấn độ thì chẳng qua chỉ là lịch sử của những kẻ đi chinh phục nối tiếp nhau, đã xây dựng đế chế của mình trên cơ sở thụ động của cái xã hội bất động, không hề phản kháng ấy. Vì vậy, vấn đề không phải là ở chỗ nước Anh có quyền chinh phục Ấn độ hay không, mà ở chỗ chúng ta có cho rằng Ấn-độ bị người Thổ nhĩ kỳ, người Ba tư, người Nga chinh phục thì tốt hơn là bị người Anh chinh phục hay không ?

Người Anh sẽ phải hoàn thành hai sứ mệnh ở Ấn độ sứ mệnh phá hoại và sứ mệnh xây dựng—một mặt là phá hoại xã hội cũ của châu Á, và mặt khác là đặt cơ sở vật chất cho xã hội phương Tây ở châu Á.

Người Á-rập, người Thổ-nhĩ-kỳ, người Tác-ta, người Mô-gôn nối tiếp nhau chinh phục Ấn độ, đều nhanh chóng bị Ấn độ hóa, bởi vì theo một qui luật bất di bất dịch của lịch sử, chính bản thân những người man rợ đi chinh phục lại bị chinh phục bởi nền văn minh cao hơn của nhân dân những nước mà họ nô dịch. Người Anh là những kẻ chinh phục đầu tiên có một trình độ phát triển cao hơn, vì vậy họ không chịu ảnh hưởng của nền văn minh Ấn độ. Họ đã thủ tiêu nền văn minh đó, bằng cách phá hủy các công xã địa phương, xóa sạch nền công nghiệp bản xứ, và san bằng tất cả những gì vĩ đại và cao đẹp trong xã hội Ấn độ. Ngoài sự tàn phá ra thì những trang sử về sự thống trị của người Anh ở Ấn độ vị tất đã nói lên một cái gì : công việc xây dựng của họ hầu như không có gì rõ nét đằng sau cái đồng hoang tàn ấy. Tuy nhiên công việc ấy cũng đã bắt đầu.

Sự thống nhất Ấn-độ về mặt chính trị, một sự thống nhất vững chắc hơn và bao trùm một đất đai rộng lớn hơn bất cứ một thời kỳ nào dưới triều đại Mô-gôn, đã là tiên đề

đầu tiên cho sự phục hưng của Ấn-độ. Sự thống nhất ấy được thực hiện với lưỡi kiếm của người Anh, giờ đây sẽ được củng cố và sẽ được củng cố mãi mãi bằng điện tín. Quân đội Ấn độ do một hạ sĩ quan người Anh, tổ chức và huấn luyện — là *sine qua non* để cho Ấn độ tự giải phóng bằng lực lượng của bản thân mình và không còn là miếng mồi cho bất kỳ kẻ ngoại xâm nào. Báo chí tự do, lần đầu tiên được du nhập vào trong xã hội châu Á và chủ yếu do những người lai Âu và Ấn lãnh đạo, là một nhân tố mới và mạnh mẽ để cải tạo xã hội đó. Ngay các chế độ Đa-min-đa-ri và Ra-i-át-va-ri dù có xấu xa đến thế nào chăng nữa, cũng là hai hình thức tư hữu về ruộng đất, nghĩa là cái mà xã hội châu Á đang rất khát khao. Từ trong số dân cư bản xứ Ấn độ mà người ta miễn cưỡng cho phép được có học vấn, trong một phạm vi rất nghèo nàn, dưới sự kiểm soát của người Anh ở Calcutta, đã xuất hiện một loại người mới, có những kiến thức cần thiết để quản lý đất nước và để tiếp xúc với khoa học châu Âu. Hơi nước đã đem lại khả năng liên lạc một cách đều đặn và nhanh chóng giữa Ấn-độ và châu Âu, đã nối liền tất cả các hải cảng chính của Ấn độ với tất cả các hải cảng của các biển ở phương Nam và phương Đông, và do đó đã đưa Ấn độ ra khỏi tình trạng cô lập, vốn là cơ sở chủ yếu của sự đình trệ đã thống trị ở Ấn độ. Chẳng bao lâu nữa sẽ đến ngày mà nhờ sự kết hợp giữa hệ thống các đường sắt và các đường thủy, khoảng cách giữa Anh và Ấn độ đo bằng thời gian sẽ rút xuống 8 ngày đường, và một nước trước kia có tánh chất thân thoai sẽ thật sự nối liền với thế giới phương Tây.

Các giai cấp thống trị Anh từ trước đến nay chỉ thỉnh thoảng, tạm thời và trong trường hợp ngoại lệ, mới quan tâm đến sự phát triển của Ấn-độ. Giai cấp quý tộc muốn chinh phục Ấn-độ, giai cấp tài phiệt muốn cướp bóc Ấn-độ, còn bọn

đầu số công nghiệp thì muốn khuất phục Ấn độ bằng hàng hóa rẻ của mình. Nhưng hiện nay tình hình đã biến đổi. Bọn đầu số công nghiệp đã phát hiện ra rằng lợi ích thiết thân của chúng đòi hỏi phải biến Ấn độ thành một nước sản xuất, và muốn thế, trước hết phải cung cấp cho Ấn độ những công trình thủy lợi và những con đường giao thông trong nước. Giờ đây, các nhà công nghiệp có ý định tạo ra một mạng lưới đường sắt ở Ấn độ. Họ sẽ làm việc đó, và việc đó nhất định sẽ đem lại những kết quả không lường được.

Ai cũng biết rằng những lực lượng sản xuất của Ấn độ đã bị tê liệt bởi tình hình hoàn toàn thiếu phương tiện vận tải cần thiết để vận chuyển và trao đổi những sản phẩm nhiều vẻ của nó. Không ở nơi nào trên thế giới mà người ta lại thấy một tình trạng xã hội nghèo nàn trong sự phong phú của thiên nhiên như của Ấn độ ; và sở dĩ có tình trạng đó là vì thiếu những phương tiện trao đổi. Năm 1848 trong một tiểu ban của Hạ nghị viện Anh người ta đã xác định rằng

«Trong lúc mà lúa mì bán từ 6 đến 8 si-ling một quác-tơ ở Candesch, thì ở Puna, lúa mì bán từ 64 đến 70 si-ling một quác-tơ, và nhân dân ở đó bị chết đói trên các đường phố vì không có khả năng mua các thứ lương thực ở Candesch, do đường lầy lội không thể đi lại được».

Việc xây dựng các đường sắt có thể được sử dụng một cách dễ dàng cho các mục đích nông nghiệp, cụ thể là cho việc xây dựng những hồ chứa nước cho những địa phương nằm dọc các đường sắt. Bằng cách đó có thể mở rộng rất nhiều hệ thống tưới nước nhân tạo, điều kiện *sine qua non* của nông nghiệp ở phương Đông, và có thể ngăn ngừa tình trạng đói kém tái diễn thường xuyên ở các địa phương do thiếu nước gây ra. Xét theo quan điểm đó, rõ ràng là đường

sắt có một tầm quan trọng phổ biến, nếu chúng ta nhớ rằng ngay cả ở những vùng liên với dãy núi Ghat, người ta phải trả tiền thuế gấp ba lần cho những ruộng đất được tưới nước, rằng trên những ruộng đất đó số người làm việc đông gấp 10-12 lần, và chúng đem lại lợi nhuận gấp 12-15 lần so với những ruộng cùng diện tích như thế nhưng không được tưới nước.

Các đường sắt sẽ đem lại khả năng giảm bớt qui mô của bộ máy chiến tranh và những chi phí để duy trì bộ máy đó. Viên đại tá Warren, chỉ huy pháo đài St. William, đã phát biểu ý kiến như sau trong một tiểu ban đặc biệt của Hạ nghị viện:

«Khả năng có thể nhận được những tin tức từ các miền xa xôi trong nước trong mấy giờ thôi, trong lúc mà hiện nay điều đó đòi hỏi phải mất mấy ngày, hay thậm chí mấy tuần lễ nữa, khả năng có thể gửi chỉ thị cùng với các đơn vị quân đội và lương thực, đạn dược đến nơi trong một quãng thời gian ngắn hơn — ý nghĩa của những tình hình quan trọng đó khó mà đánh giá được hết. Các đơn trú sẽ có thể được bố trí ở những vùng khí hậu tốt hơn so với hiện nay, và vì vậy sẽ tránh được chết chóc cho nhiều người hiện nay đang phải chết vì bệnh tật. Người ta sẽ cần ít dự trữ hơn ở trong các kho tàng, và do đó sẽ có thể tránh được những sự mất mát vì mục nát và vì ảnh hưởng tàn phá của khí hậu. Số lượng quân đội cũng có thể giảm xuống theo cùng với cái tỉ lệ tăng sức mạnh chiến đấu của những quân đội ấy».

Ai cũng biết rằng tổ chức tự trị và cơ sở kinh tế của các công xã nông thôn đã bị phá vỡ, nhưng nét xấu nhất của chúng, cụ thể là sự phân chia xã hội thành những nguyên tử đồng nhất, không gắn liền với nhau, thì hãy còn tồn tại. Sự cô lập của các công xã nông thôn đã để ra tình trạng không có đường xá ở Ấn-độ, còn tình trạng không có đường



sá thì lại duy trì mãi mãi sự cô lập của các công xã. Trong tình hình ấy, công xã tồn tại ở một mức sống thấp nhất định, gần như không giao dịch với các công xã khác, không thể hiện một sự mong muốn nào đối với sự tiến bộ xã hội và không hề có một sự cố gắng cần thiết nào để đạt tới sự tiến bộ đó. Ngày nay, khi người Anh đã đập tan cái quán tính tự túc của các công xã nông thôn thì các đường sắt sẽ tạo ra nhu cầu mới về giao dịch và trao đổi. Ngoài ra,

«một trong những hậu quả của sự phát triển ngành đường sắt sẽ là : nó sẽ làm cho mỗi làng mà nó đi qua hiểu biết được sự cải tiến và những thiết bị thực tiễn đã được áp dụng ở các nước khác, sẽ làm cho việc phỏng theo những cái ấy, dễ dàng đến mức là những thợ thủ công cha truyền con nối, và do các công xã nông thôn trả công ở Ấn độ, thứ nhất, có thể hoàn toàn tỏ rõ những năng lực của mình, và thứ hai, có thể bồi bổ những chỗ thiếu sót của mình».

(Chapman-Bông và thương nghiệp của Ấn độ).

Tôi biết rằng khi muốn xây dựng các đường sắt ở Ấn độ, bọn đầu sỏ công nghiệp Anh chỉ đơn thuần muốn làm giảm bớt giá vận chuyển bông và các nguyên liệu khác cần thiết cho những công xưởng của chúng. Nhưng một khi các anh đã đưa máy móc làm phương tiện vận chuyển vào một nước có sắt và than đá, thì các anh sẽ không thể ngăn cản được nước ấy tự sản xuất ra những máy móc đó. Các anh sẽ không thể duy trì mạng lưới đường sắt trong một nước rộng lớn, mà không tổ chức ra ở nước ấy những quá trình sản xuất cần thiết để thỏa mãn những nhu cầu trực tiếp và hàng ngày của ngành vận tải đường sắt, và điều này sẽ đưa đến việc sử dụng máy móc cả trong các ngành công nghiệp

không liên hệ trực tiếp với ngành vận tải đường sắt. Vì vậy, đường sắt ở Ấn độ sẽ thật sự trở thành người báo trước sự ra đời của công nghiệp không liên hệ trực tiếp với ngành vận tải đường sắt. Vì vậy, đường sắt ở Ấn độ sẽ trở thành người báo trước sự ra đời của công nghiệp hiện đại. Điều đó lại càng đúng bởi vì người dân Ấn-độ, theo sự thừa nhận của chính các nhà cầm quyền Anh có một năng lực thích ứng đặc biệt với những loại lao động hoàn toàn mới và hấp thụ những tri thức cần thiết để điều khiển máy móc. Bằng chứng hùng hồn về sự thật đó là năng lực và sự thông thạo công việc của những người thợ cơ khí Ấn-độ phục vụ trong nhiều năm những máy hơi nước trong xưởng đúc tiền ở Calcutta, cũng như lao động của dân cư địa phương làm việc bên cạnh các thợ máy hơi nước ở những vùng than Hardwar, và nhiều thí dụ khác nữa. Bản thân ngài Campbell, dù có bị nhiệm phải những thành kiến của Công ty Đông Ấn như thế nào chăng nữa, cũng buộc phải thừa nhận rằng.

«Quần chúng nhân dân đông đảo ở Ấn-độ có một *tinh lực công nghiệp* to lớn, họ rất có năng lực tích lũy tư bản, có nếp nghĩ toán học và có năng lực xuất sắc về tính toán và về các khoa học chính xác». (Ông ta nói tiếp) «Trí tuệ của họ thật là tuyệt diệu».

Công nghiệp hiện đại, kết quả của việc xây dựng các đường sắt, sẽ dẫn tới chỗ làm tan rã chế độ phân công lao động cha truyền con nối — trở lực chủ yếu trên con đường tiến bộ và hùng cường của Ấn độ — làm chỗ dựa cho các đẳng cấp ở Ấn độ.

Tất cả những gì mà giai cấp tư sản Anh chắc chắn sẽ buộc phải thực hiện ở Ấn-độ, sẽ không đem lại tự do cho quần chúng nhân dân và sẽ không cải thiện một cách căn

bản địa vị xã hội của họ, bởi vì cả hai điều đó không những phụ thuộc vào sự phát triển của các lực lượng sản xuất, mà còn phụ thuộc vào chỗ là nhân dân có nắm được các lực lượng sản xuất đó hay không. Nhưng cái mà giai cấp tư sản Anh nhất định sẽ làm, đó là tạo ra những tiên đề vật chất để thực hiện cả hai điều nói trên. Nhưng có bao giờ giai cấp tư sản đạt được sự tiến bộ, mà lại không bắt buộc các cá nhân cũng như cả một loạt các dân tộc phải đi theo con đường gian khổ của máu và bùn, của nghèo nàn và sỉ nhục ?

Chứng nào mà ngay ở nước Anh, các giai cấp cầm quyền hiện nay chưa bị giai cấp vô sản công nghiệp lật đổ, hay chứng nào mà bản thân người Ấn độ chưa đủ mạnh để có thể vĩnh viễn vứt bỏ ách áp bức của người Anh, thì người Ấn độ sẽ chưa thể hái được kết quả của những yếu tố của xã hội mới mà giai cấp tư sản Anh đã gieo vào trong họ. Dầu sao, chúng ta cũng có thể chờ đợi một cách chắc chắn rằng, trong một tương lai hoặc sớm hoặc muộn, đất nước vĩ đại và thú vị ấy cũng sẽ được phục hưng, một đất nước mà dân cư cao thượng của nó, ngay cả trong giai cấp thấp nhất, theo lời của công tước Xan-tư-cốp, cũng đều «plus fins et plus adroits que les Italiens» ; một đất nước mà dân cư của nó thậm chí còn lấy tinh thần cao thượng trăm tinh để làm thẳng bằng sự thuần phục của họ, và mặc dù bản tính chậm chạp, họ cũng đã làm cho các sĩ quan Anh phải kinh ngạc về sự dũng cảm của họ ; một đất nước vốn là chiếc nôi của các ngôn ngữ, các tôn giáo của chúng ta, một nước mà nhìn vào bộ lạc Giát, chúng ta có thể thấy kiểu người Đức cổ đại, còn nhìn vào người Bà-la-môn thì có thể thấy kiểu người Hy Lạp cổ đại.

Tôi không thể rời bỏ đề tài về Ấn độ mà không có một số nhận xét kết thúc.

Sự giả dối thậm tệ và tinh dã man vốn có của nền văn minh tư sản sẽ lộ ra trần truồng trước mắt chúng ta, khi chúng ta không quan sát nền văn minh ấy ngay ở chính quốc, là nơi mà nó mang những hình thức đáng kính, mà quan sát nó ở các thuộc địa, nơi mà nó lộ rõ một cách không che đậy. Giai cấp tư sản làm ra vẻ mình là kẻ bảo vệ tài sản, nhưng thử hỏi, đã bao giờ có một đảng cách mạng nào thực hiện những cuộc cách mạng ruộng đất như những cuộc cách mạng ruộng đất ở Bengale, ở Madras và ở Bombay ? Phải chăng ở Ấn độ giai cấp tư sản ấy — nói theo lời của chính ngay huân tước Clive, con ác thú lớn ấy — lại không dùng đến sự cưỡng đoạt tàn nhẫn ở những nơi nào mà sự mua chuộc đơn thuần tỏ ra không đủ để đạt tới những mục đích ăn cướp của nó, hay sao ? Trong lúc mà ở châu Âu, giai cấp tư sản bàn suông về cái tính chất thiêng liêng bất khả xâm phạm của quốc trái, thì giai cấp đó há lại không tịch thu những khoản tiền lãi cổ phần của các Rát-gia là những kẻ đã đem tiền tiết kiệm riêng của mình ra mua tín phiếu của chính ngay Công ty Đông Ấn, đó sao ? Trong lúc mượn cơ bảo vệ «tôn giáo thiêng liêng của chúng ta» để đấu tranh chống cách mạng Pháp, giai cấp tư sản há lại chẳng ngăn cấm việc tuyên truyền đạo Cơ đốc ở Ấn độ đó sao ? Và vì mục đích bòn rút tiền của những người đi trẩy hội các đền Orissa và Bengale, nó há chẳng biến sự giết người và nạn mai dâm ở đền Giac-giéc-nau-tơ thành một nghề nghiệp đó sao ? Những người bảo vệ «tài sản, trật tự, gia đình và tôn giáo» là như thế đó !

Tác động tàn phá của nền công nghiệp Anh đối với Ấn độ, một nước xét về qui mô thì không nhỏ hơn châu Âu và có một lãnh thổ 150 triệu a-cơ, thật là hoàn toàn rõ rệt, và đáng ghê sợ. Nhưng chúng ta không được quên rằng tác động ấy chỉ là một kết quả hữu cơ của toàn bộ hệ thống sản xuất đang tồn tại hiện nay. Nền sản xuất đó dựa trên sự

thống trị toàn năng của tư bản. Sự tập trung của tư bản đã tuyệt đối cần thiết để cho tư bản tồn tại với tư cách là một lực lượng độc lập. Ảnh hưởng có tính chất hủy hoại sự tập trung đó đối với thị trường của tất cả các nước chỉ biểu lộ với một qui mô to lớn những qui luật nội tại hữu cơ của khoa kinh tế chính trị, những qui luật này đang tác động hiện nay trong bất kỳ một thành phố văn minh nào. Thời kỳ tư sản của lịch sử có sứ mệnh tạo ra cơ sở vật chất cho một thế giới mới ; một mặt phát triển những sự giao dịch thế giới dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả loài người, cũng như phát triển những phương tiện của sự giao dịch đó ; mặt khác, phát triển các lực lượng sản xuất của con người và đảm bảo biến nên sản xuất vật chất thành sự thống trị đối với các lực lượng của thiên nhiên nhờ vào khoa học.

Công nghiệp và thương nghiệp tư sản đang tạo ra những điều kiện vật chất ấy của thế giới mới, cũng giống như cuộc đảo lộn về địa chất đã tạo ra bề mặt của trái đất. Chỉ sau khi cuộc cách mạng xã hội vĩ đại nắm được những thành tựu của thời đại tư sản, nắm được thị trường thế giới và các lực lượng sản xuất hiện đại, và làm cho những cái ấy phải chịu sự kiểm soát chung của những dân tộc tiên tiến nhất—thì chỉ khi ấy, sự tiến bộ của loài người mới không còn giống như cái tượng thần đáng ghê tởm của dị giáo, không muốn uống rượu thần một cách nào khác hơn là uống từ những chiếc sọ người bị giết.

CÁC MÁC

(Tuyên tập Mác-Ăngghen  
tập II trang 51)

PHẦN BA.

TRUY NIỆM.

MỘT ĐỜI GƯƠNG

GIỮ GÌN TÁNH ĐẠO  
TÌM RA ĐƯỢC ĐỜI

# Mấy chiều băng khuôn...

Thoạt vào đầu, tôi đã ngỡ lời cảm ơn quá khứ. Bây giờ đặt nó ấm áp vào lòng bè bạn, những Anciens du Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký.

Dịu mát quá ! Nỗi nhớ bạn, nhớ trường.

\*

\* \*

Trường này....có từ 1927

Hồi mới, nó tên là Collège de Cochinchine.

Đến năm học 1929-1930, cái *collège* ấy được nâng lên là *lycée*. Mặt trường được thếp chữ vàng

**Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký**

và làm lễ lạc thành cùng ngày, với lễ phát phần thưởng bài trường.

\*

\* \*

Hôm ấy, 12 Juillet 1930, để càng tôn vinh Trương Sĩ Tải, người ta đã chọn ông giáo sư sử địa, một cựu chiến binh được Méday điều, Gilbert Léon Rousset, đọc diễn văn. Và Ông đã nói :

«*Petrus Ký cet illustre enfant de la Cochinchine ...* »

Học giả Nguyễn Văn Tố đã dịch lời đó, và mấy lời tiếp theo :

«Petrus Ký, vị quý tử ấy của Nam Kỳ, người đã hiến đời mình cho sự giáo dục của thanh niên đáng được cả THANH NIÊN truy niệm và tìm thấy ở công việc của ông một bài học quý giá»

Tôi lấy câu này, làm lý do chung cho anh chị em học trò Lycée Petrus Ký chúng mình, làm một «bữa giỗ ... » được chớ ?

Riêng về phần tôi sự thôi thúc còn là :

Bạn tôi, anh Trần Mai, khi viết tựa cho «Chợ Đèm quê tôi» có thuận tay viết bài «Phan Thanh Giản» (mà chúng ta vừa đọc) và ở giấy rời, nói mấy lời khích tướng :

«Ai có giỏi thì viết luôn Trương Vĩnh Ký nữa đi»

Dạ thưa, tôi viết đây, mà anh lại đi rồi. May sao có Tư văn Hà Nội viết lời giới thiệu thay Anh. Ôi ! Sướng. Tôi khỏi vì Trương Vĩnh Ký mà thọ tội chủ nghĩa Nam kỳ.

Lại có cái cố này thì mới thiệt là.

Năm 1987, tôi nằm nhà thương Nguyễn Trãi. Chạng vạng, dường đã lên đèn. Cô y tá đưa đến một chú trai. Chàng vào đưa ra một cái gói nhỏ và nhỏ nhỏ :

— Ông nội tôi, biểu tôi ... đem gói này cho Ông.

Nói có vậy, rồi quay ra cửa, vi hành.

Tôi làm theo tục ngữ «được gói thì mở». Một cọc giấy bạc, trăm ngàn đồng. Gói trong giấy rách. Sang trọng mà «chơi bời». Như vị hoàng tử kia, lấy cái kèn đựng đậu phộng



rang của trẻ con bán, bỏ vào đó một chiếc cà rá hột xoàn, rồi đưa tặng tình nơn.

Một trăm ngàn đồng (của năm 87), một miếng giấy nhỏ, cái rẻo bìa của tờ báo nào đó, có nguệch ngoạc mấy chữ :

«Ăn hủ tiú chệch chơi đi, rồi viết Trương Vĩnh Ký» Ký tên : «Chương Dương tứ quái» .

Ma quái này tôi biết n्हn. Đây là những tay ở Cầu Ông Lãnh ngày xưa, thương Trương Vĩnh Ký như Phan Thanh Giản, mà nhớ trực lại tôi, bèn chịu «tiền nước» cho tôi, viết lời gì nghe phải phải.

Tôi ra nhà thương, ủ ê lời gởi gắm của giới giang hồ. Vưng lời là kính trọng. Cũng tức cười. Bắt tôi làm sử gia ! Ừ thì làm. Ở cái Nam kỳ này làm gì thì làm «ăn thua mình gan» và chẳng đã được Anatole France chỉ phép : «Cứ noi theo sách người ta đã viết, mà chép tới ! »

Hèn chi mấy bực sử gia đều lưng khòm, vì già và cũng vì suốt đời khòm lưng chép.

Thôi, để tôi đi tìm sách.

Mình làm việc phải, thì thiên hạ vừa vào.

Ông Tám B. ở cách tôi ba cái ngã tư, đã viết giấy dán ở tủ kiếng đựng sách ; kiên quyết không cho mượn sách mang đi. Vậy mà ông phá lệ, cho tôi mượn mang về : «*Trương Vĩnh Ký*» của Lê Thanh, viết trong một số Phổ thông bán nguyệt san. Ứng hòe Nguyễn Văn Tố đề tựa.

Ông Cụ Nguyễn Tấn Tài, tuổi «Mậu thân trước» người Thiên chúa giáo, ở hông chợ Thới Bình, lụm cùm lục chông sách cũ, lấy ra đập bụi cho tôi mượn «*Trương Vĩnh Ký*» của Khổng Xuân Thu, và của Phạm Đình Tân.

Ông Ba Sóc, cũng người có đạo ở tận Đà Lạt, sai người đem đến cho luôn, tập chuyên san «Famous men of Vietnam»

Tôi vào Thư viện Khoa học xã hội. Máy cô, cô giám đốc và các cô nhân viên, tựu lại quanh ông già Chợ Đệm, họ đã bung hộp đựng Trương Vĩnh Ký ra, mà còn lấy mắt trẻ đọc dùm những trang di cảo nát.

Xin đừng rầy tôi nói năng bẽ bộn. Tôi trải đệm mà phơi sự nhớ ơn.

Tôi đã thấy ra những người viết tiểu sử Trương Vĩnh Ký đều ôm góc cây bàn (bàn là nghèo, thiệt) là tác phẩm «*Trương Vĩnh Ký, người bác học Nam kỳ*» (Trương Vĩnh Ký, L'érudit cochinchinois) của J. Bouchot, ông quan Tây cùng thời, làm chức «Nam kỳ hàn lâm viện tu thơ»

Công việc sưu tầm tài liệu coi như xong, để xây nên.

Còn cái việc «cất nhà, quay hướng»

Tôi chạy đi hỏi.

Ba anh, anh Ba Hưởng, anh Tư Lái, anh Ba Kính, họ chẳng thông đồng mà đều trả lời như một :

«*Vấn đề Trương Vĩnh Ký là một vấn đề nhưn vấn*»

Họ như đã ra đề bài, cho tôi làm một luận văn.

Keo này, làm một sử gia bất đắc dĩ, tôi nguyện cóp nhật, để làm cho được một cóp nhật biết điều (une compilation cohérente) .

Như trẻ tập đi, tôi đã được cũng chính Trương Vĩnh Ký dắt dìu :

« ... Sử gia trung thực và tận tụy, chúng tôi hằng tôn trọng quá khứ và công minh đối với nó».

Bây giờ, xin đọc, sau đây bài luận văn của đứa học trò Lycée Petrus Ký, kể như là mới học lớp 10, trung học phổ thông ngày nay.

## **LUẬN VỀ LỊCH SỬ MỘT CON NGƯỜI.**

Dựng tiêu đề theo lời Các Mác :

«Chúng ta có hai lịch sử, lịch sử bí ẩn và lịch sử công khai»

Hiểu thế nào là lịch sử bí ẩn ?

Có thể nói đó là vực thẳm của suy tư. Đó là cái sâu kín trong lòng, chỉ đạo hành vi của mỗi một con người. Lịch sử bí ẩn của Trương Vĩnh Ký, đó là tâm hồn, hoài bão, là chí hướng của Ông.

Chúng ta sẽ dò theo những lời của Ông tâm tình với bạn hữu mà thấy ra.

Lời tâm tình là lời nói thiệt tình ! Tin được.

Sau đây là những bức thư, Trương Vĩnh Ký gửi bạn văn học, chánh trị gia Pháp, lúc ông về già, sống ở Chợ Quán, cuộc đời của một triết nhơn»



1. PETRUS KÝ GỎI BÁC SĨ CHAVANNE  
NGHỊ SĨ PARIS

Tháng Hai, 1887.

Kính Ngài,

Quả tôi đã quá lạm dụng tên Ngài, khi tôi viết thư gửi cho bạn tôi là ông Siefert. Nhưng tôi vẫn tin cần ở Ngài, tôi sẽ không nhầm lẫn như trước nữa. Đó cũng là luật bằng hữu. Tôi không bao giờ trình bày cùng Ngài trên mặt thư này, chúng tôi được sức khỏe luôn, sức khỏe về vật chất chớ không phải về linh hồn. Trong khi chạy đua trên con đường tiên tài, tôi đã thấy rõ những bước thăng trầm của vạn vật, tôi đã chán ngán cuộc đời, hơn nữa cũng vì trong người đã suy yếu cho nên tôi đã nhọc mệt hơn là vui thú.

JOB đã nói rất đúng :

Đời sống của con người trên quả đất là một cuộc chiến đấu về quân sự. Những đợt sóng ty hiêm vỗ khắp bốn bề, tôi chỉ là con thuyền nhỏ bé quá. Nhưng còn phải tin tưởng dù phải gặp những cuộc đắm tàu đi nữa. Énée bị đắm tàu ở Ý Đại Lợi, nhưng đã lập được sự nghiệp. Hoa hường nào mà chẳng có gai, hạnh phúc nào mà chẳng nhọc nhằn. Nhưng nhờ tình bằng hữu đã khuyên dỗ tôi, cũng đỡ cho tôi càng thêm hy vọng, là neo thuyền giữa cơn sóng cả.

Tôi chờ đợi những tin lành hay dữ của P. Siefert, người bạn mà tôi sùng kính. Ông đó đã xuất hiện ở đây một thời gian ngắn ngủi, nào có khác Phoebus nhưng nào có được lâu dài đâu. Tôi không hiểu rồi mình sẽ ra sao, cả những điều mình đã hiểu rõ, vì rằng đời tôi còn kéo dài.

Kính tạm biệt người bạn đáng kính và đáng yêu.

Thân ái,

P. Trương Vĩnh Ký.

## 2. BÁC SĨ CHAVANNE GỬI P. KÝ :

Paris, 1 tháng Ba 1887.

Hạ Nghị viện.

Hiền hữu,

Bức thư khả ái khiến tôi phải dùng danh từ này để đáp lại. Tôi vô cùng cảm ơn hiền hữu.

Bấy lâu này xa xuôi nhau, hiền hữu, một nhà bác học danh tiếng, muốn gởi thư từ cùng tôi, bấy lâu nay trong tâm hồn, trong tình cảm của tôi vẫn thắt chặt tình huynh đệ đó. Khoa học không biết gì biên giới các dân tộc.

Cuộc điện ở tại Bắc kỳ đã thay đổi khả quan, nhờ sự giúp đỡ và những lời khuyên răn của thân hữu Pène bên cạnh các nhà cầm quyền địa phương. Một vài điều bất công xảy ra sau cái chết của Toàn quyền Paul Bert cũng đã được sửa đổi rồi.

Thân hữu Pène đã sửa soạn lên đường từ hôm 13 tháng Hai rồi. Đến Saigon ông ta sẽ phò tá đức Vua sang Pháp, và lãnh nhiệm vụ hệ trọng khác.

Ở đây ai cũng tin tưởng rằng hiền hữu sẽ trở lại Pháp giúp đỡ cho nhà vua. Như vậy là hiền hữu vừa phụng sự cho nhà vua vừa giúp cho chúng tôi. Niềm tin đó khiến cho chúng tôi vui mừng vô cùng. Tôi cũng đã suy ngẫm nhiều dự định tốt đẹp.

Hiền hữu sẽ là người đáng kính trọng, rất đáng trọng vọng của những nhà bác học nước Pháp, nhất là đối với tôi. Luôn luôn tôi xin gởi những cảm tình trọn thành.

Alexis Chavanne.

Tôi đã chuyển tay những bức thư của thân hữu ; i cho ông Pène. Ông ta rất cảm ơn hiền hữu.

Bức thư này chỉ chú trọng đến nội dung, tôi xin phép hiên hữu tha thứ cho tôi lỗi viết thư rắc rối (bằng chữ la tinh này) vì đó là thói quen của tôi.

### 3. PETRUS KÝ GỎI B. S. CHAVANNE

Ngày 8 tháng Tư, 1887.

Kính Ngài,

Thư của Ngài khiến cho tôi vui mừng vô cùng vì nội dung chứa đựng nỗi niềm của một con tim thành thật, không còn gì quý giá bằng như thế nữa. Nhờ lá thư mà tôi hiểu rõ được tin tức mới về bạn tôi, nhất là cuộc hành trình trở lại đất nước này để mang lại nhiều ơn phước cho Chánh phủ Nam triều.

Có như thế họa chẳng cứu vãn được con thuyền dân tộc. Ai cũng tin rằng đó là ơn phước của Vua nước tôi. Riêng về phần tôi điều đáng quý báu nhất là được tháp tùng nhà vua sang Pháp, cơ hội này đã mang lại cho tôi nhiều niềm vui sướng vô cùng tận.

Vì trong dịp đó tôi sẽ thấy lại thành phố Paris với nguồn sung sướng bất tận, thành phố uy nghi nhất thế giới mà vào năm 1863 tôi đã tiếp xúc với nhiều nhà bác học, danh sĩ về văn chương và khoa học.

Sau khi trở ra khỏi trường học quý báu đó, tôi đã thân nhật được nhiều kinh nghiệm và nhiều kiến thức tốt đẹp. Còn về danh vọng bây giờ nó không còn cám dỗ con sư tử đã già dặn và mất hết sức mạnh.

Một cuộc đời cô đơn chỉ sống với sách vở là điều thích thú nhất của tôi để thưởng ngoạn vạn vật khi tuổi đã già nua.

Nhưng «người dự định mà trời quyết định» người mong thế này, trời định thế khác. Như nguyện như thử như thử, thiên lý dị, nhiên dị, nhiên.

Từ cốc rượu đến môi còn xa. Còn có khoảng cách giữa miệng và miếng ăn. Không ai có thể thành vương giàu sang mãi ... nhưng hình vuông không thể nào xoay đi xoay lại được. Thành thử không có công việc gì là không làm được ! Cho nên tôi vẫn tin tưởng sẽ gặp lại Ngài, một ngày gần đây.

Xin già từ Ngài và gửi cả lòng chơn thành.

P. Trương Vĩnh Ký.

#### 4. B.S CHAVANNE GỬI P. KÝ :

Ngày 20 tháng Năm, 1887.

Kính gửi Ông Trương Vĩnh Ký, nhà bác học thân mến của tôi.

Trước hết xin Ông nhận nơi đây tình bạn khăng khít và đồng thời những lời chúc mừng của tôi đối với phẩm hạnh, tư cách của Ông mà Chánh phủ Pháp đã ca ngợi ... Tôi rất vui mừng và nguồn hy vọng của tôi nào có kém thái độ của Chánh phủ.

Điều đó đủ chứng minh những thái độ thiện hảo của Chánh phủ tôi đối với Ông.

Tình trạng hiện tại của Chánh phủ Nam triều không thể đem lại cho tôi niềm vui như thế được. có nhiều sự gián đoạn trong tình bang giao mà tôi chẳng hiểu được. Nhưng tôi vẫn hy vọng rằng tình trạng đó sẽ biến mất một ngày gần đây. Lại nữa, sự thay đổi những viên chức cai trị hiện nay chắc là còn mang lại nhiều chướng ngại mới khác nữa. Chẳng ngờ rằng ông Pène Siefert đã trình bày minh xác

từng vấn đề cho Ông hay rồi. Chuyện đã lỡ thì thôi, dự định của chúng ta cứ đợi một thời gian khác vậy.

Tôi rất bực mình trước tình trạng đó vô cùng. Không hiểu Ông có nghĩ như thế không ? Nhưng đâu sao đi chăng nữa, tôi vẫn tin tưởng vào sự giúp đỡ của Ông.

Quả thế, một đời sống với sách vở là một việc hay vô cùng. Tôi cũng tin như thế và cũng có thói quen ấy. Nhà thơ Ovide đã có câu châm ngôn như sau đây :

« ... ai sống ân dật là biết sống.

Và mỗi người phải ở vào số phận của mình»

Nhưng nếu nguyên nhân chung đã cần nhờ đến những lời khuyên bảo và sự giúp đỡ của Ông lại vượt cao hơn, vượt ra khỏi địa hạt tình cảm, Tổ quốc và nhất là Nhân loại phải đi trước tất cả. Rồi khi làm xong nhiệm vụ đó rồi, kẻ trí thức mới quay trở về với cuộc sống ân dật và học tập.

Đó là điều đáng lo. Những quan niệm không hợp thời đó xin xóa bỏ ngay đi !

Kính chúc Ông thành đạt, với tất cả tâm hồn  
chơn thành,

Al, Chavanne.

##### 5. PETRUS KÝ GỬI B. S CHAVANNE :

Ngày 6 tháng Tám, 1887.

Kính Bác sĩ,

Nhận được thư của Ngài vừa rồi, với những lời khuyên hiền dịu, tôi rất vui mừng và xin chơn thành cảm tạ. Tôi xin gửi ít chữ để đáp tình bằng hữu cao quý đó.



Tôi không thể nào quên được lòng biết ơn với Chánh phủ chàng những đã chiếu cố đến đứa con dương tử, mà lại đem đến nguồn hạnh phúc tràn trề, nhất là lòng tin cậy. Người Pháp đã đem lại rất nhiều hạnh phúc cho bán đảo Đông Dương này. Nhưng dường như họ không rõ là đã hưởng điều gì và như thế nào nữa .

Nhiệm vụ đáng quý trọng nhất của Chánh phủ Pháp là phải có một cơ quan làm việc hi sinh về việc giáo dục và che chở trong những công việc của chánh phủ Nam triều cho đúng với danh nghĩa «bảo hộ» hay nói một cách khác là theo Thiên mạng.

De Lancessan có nói :

« ... phải cùng dắt tay nhau, phải thật tâm che chở để bảo vệ nền độc lập cho An nam. Nếu chúng ta biết cách hạn định phạm vi của mình và nhiệm vụ của kẻ giữ vai trò cố vấn và bảo vệ thật sự, chúng ta sẽ tìm thấy nhiều kết quả tốt đẹp trong công việc của mình làm ... »

Nếu biết những định luật về sự thăng trầm của cuộc sống con người thì thật chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Phải noi chiều hướng của vạn vật mà theo. Đó là định luật nhất thiết. Chúng ta sống đầy tin tưởng. Nhờ sự giúp đỡ và lời khuyên răn của bạn hữu, nhất là các nhà văn hóa, và với một tinh thần cao thượng (của Ngài và của kẻ khác), số phận những công việc làm của chúng tôi sẽ xán lạn lên trong tương lai, đúng như câu «nhiều tay vỗ nên kêu» .

Tôi tin tưởng thế và thật ra chẳng có gì là hảo huyền cả. Ra khỏi mây che thì sẽ sáng rõ.

Giá trị vô giá của tình bằng hữu là : «Trong lúc túng quân mới rõ tình nhau». Dầu trong một hành động sâu xa

vẫn thấy rõ là người bạn tốt. Dầu đến nơi đến chốn, ta cũng còn rơi xuống nữa. Đi lâu mới biết đường dài. Ở lâu mới biết con người phải chăng.

*Thả neo thì đứng vững.*

Tôi chỉ nói về cuộc đời ẩn dật của tôi cho Ngài hay, vì tôi chán ghét cuộc đời bên ngoài ở xã hội này, để gạt bỏ lời tiên đoán trong kinh nghiệm giàu có của Ngài.

Phải sống theo cuộc đời đã vạch sẵn. Chỉ nên giúp ích cho chúng ta, cho đồng bào, cho mọi vật trong thiên nhiên

Phải làm tròn cái cứu cánh đầu tiên .

Đối với Ngài, tôi xin Thượng đế ban ơn cho được sức khỏe và vô sự đối với bạn bè và xã hội như quân. Phải giúp ích trong phạm vi quyền hành và năng lực của mình đối với Chánh phủ Pháp và sau cùng đối với Ngài, để khi nào Ngài đã làm tròn nhiệm vụ vinh quang đã đảm đang thì Ngài đã lưu lại cho như loại một danh tiếng theo ý tưởng của mình.

*Kính gửi Ngài tình khăng khít của  
người bạn đường,  
P. Trương Vĩnh Ký.*

## 6. PETRUS KÝ GỬI B. S CHAVANNE :

*Tháng Mười 1887.*

*Kính Bác sĩ,*

Được tin Ngài lại bắt tay với công việc ; Ngài đã có nhiều hứng thú để làm việc nhiều hơn. Vì cũng nhờ công việc của Ngài và của những người học trò của Ngài mà chánh phủ đã tiến bộ thêm mãi và chúng tôi đâu ở xa xăm chẳng

nữa cũng được hưởng nền hòa bình và an ninh đó. Riêng tôi bây giờ đã an phận mình, tôi xin đem tất cả tâm hồn cầu chúc cho các bạn tôi được nhận định rõ sự cải thiện đó. Vì rằng kẻ nào hưởng thụ một mình sẽ không thấy thích thú như khi cùng hưởng với những kẻ khác.

Sách Minh Tâm có câu :

«Học một mình không bằng làm việc với kẻ khác»

Bạn tôi ông P. S có lẽ không muốn sự bất dịch của cuộc đời cho nên đã đi sang Tân Gia Ba và đã sống chuỗi ngày êm đềm bên cạnh ông B. Gatcher. Trong thư ông P. S có nói rõ cho tôi điều đó. Tôi tin lời nói chơn thật của ông ta là hoàn toàn đúng.

Về phương diện chánh trị tôi không có thể nói điều gì hơn nữa cho Ngài rõ được. Cầu trông cho những viên cai trị của chúng tôi sẽ phóng tâm mắt riêng của họ để nhìn rõ phạm vi đáng quý trọng đó. Tục ngữ Pháp có câu «Những kẻ văng mắt hường lâm lãn» Nên tin tưởng rằng một ngày kia ánh sáng sẽ chiếu rõ.

Tôi lấy làm sung sướng khi thấy có nhiều người Pháp cương cường. Điều độc nhất mà tôi tiên đến là làm sao giúp ích, làm sao để thực hành câu «theo họ, nhưng không lệ thuộc họ» (Sic vos non vobis). Đó là số phận của tôi, là điều an ủi cho tôi.

Cầu Thương để cho Ngài luôn luôn bảo tồn quyền hạn mà Ngài sẽ luôn luôn giúp ích cho bản thân, cho bằng hữu, cho xã hội, và Ngài sẽ giúp ích có hiệu quả cho chánh phủ mà một ngày kia ngài sẽ tự hào : «Tôi đã làm tròn nhiệm vụ của mình»

Cầu chúc Ngài sức khỏe và hưởng hạnh phúc để ca bài chiến thắng.

P. Trương Vĩnh Ký.

## 7. PETRUS KÝ GỎI B. S CHAVANNE :

Ngày 9 tháng Tám 1888.

Kính gửi Bác sĩ đáng kính và đáng trọng,

Tháng Mười một vừa qua cho đến nay tôi chưa nhận được một lá thư nào cả ; tôi cũng không hiểu rằng bức thư của tôi có đến tận tay của Bác sĩ không.

Tháng tư vừa qua tôi có qua thăm Vọng Các, bây giờ đã trở về rồi và hiện nay tôi dạy Ngôn ngữ và Văn học Trung Hoa, Cao Miên cho người Tây phương. Hiện nay tôi chỉ có đảm nhận một nhiệm vụ duy nhất đó mà thôi. Tôi đã ngậm miệng và bưng tai trước vấn đề đó. Không một chút tham vọng hiển hách gì có thể lôi kéo tôi được nữa. Tôi đã chán ghét những thứ đó đâu rằng nó lôi kéo mạnh mẽ vô cùng, nó không có mùi vị của con heo đã làm thịt.

Và tôi đã dự định vào cuộc đời ẩn dật cũng chẳng khác nào là xa lánh sao Mộc tinh cùng các vì sao lân cận.

Đối với tôi thì với nhiệm vụ cao đẹp của Ngài có thể giúp cho chánh phủ rất tích cực mà Thượng đế đã ban sức khỏe và may mắn cho Ngài. Đồng thời Ngài cũng đã giúp ích cho các bạn bè trong số đó có cả tôi nữa.

Xin luôn luôn giữ tinh chơn thành,

P. Trương Vĩnh Ký.

## 8. PETRUS KÝ GỎI M. KAEMPFEN

DIRECTEUR DES BEAUX ARTS, PARIS.

Tôi được bạn P. S. cho biết rằng Ngài hết lòng giúp đỡ tôi và làm việc cho tôi với chơn tình bằng hữu. Điều đó khiến cho tôi vui sướng vô cùng. Vì vậy tôi xin có mấy lời sau đây để tỏ lòng biết ơn những việc mà Ngài đã giúp đỡ cho tôi.

Ôi ! Êm dịu thay dây liên lạc bạn bè. Nó đã nối tâm hồn người ở Đông phương với Tây phương và kết thành tình huynh đệ. Lành vực khoa học thật không còn biết đâu là giới hạn cả, đâu cách trở núi cao, biển rộng đến ngàn nào đi nữa cũng vẫn gặp gỡ nhau được cả.

Ở bốn phương trời khoa học đã kết trên những người cùng chung một nhiệm vụ lao nhọc đó, chỉ công nhận một xã hội : xã hội cộng đồng mà thôi. Đó là nhiệm vụ chơn chánh cần thiết của những người tham bác, phải giúp ích cho các xã hội khác nữa .

Đối với những ai muốn hướng về những nước ở Viễn Đông, điều đó không có gì đáng lo ngại cả, tôi sẽ im lặng trở về đó .

Nếu các nước đã trở nên cần cỗi vì ở xa quá và cô đơn quá, thời gian này phải tái tạo và canh tân lại.

Nhưng đối với ân huệ đó ai đã trao cho nó ?

Nước Pháp đã giúp đỡ và tôi vui mừng vì Thượng đế đã ban ơn đức cho. Nhưng hỏi đến động lực nào để giúp cho nền hòa bình đó, tôi không đủ thẩm quyền để bàn đến. Nếu sự thành công được thấu hoạch được nhờ đường lối chơn chánh, tôi xin chúc mừng và trông đợi.

Xin chào vĩnh biệt và xin gửi Ngài tất cả tình quyến luyến mà Ngài đã quan niệm như đối với bản thân Ngài.

P. Trương Vĩnh Ký.

Mấy bức thơ trên đó lấy trong sách của Khổng Xuân Thu, đây lòng tôn trọng sự dịch thuật ... Đọc nghe «the — the» . Nhưng không dám «chõ miệng» Bụng cũng muốn «gạch dưới» vài chỗ thánh thót, thú vị. Hóa ra hạn chế tự do suy nghĩ của đọc giả đi chăng ?

Chúng ta còn đi vào «lịch sử bí ẩn» của Trương Vĩnh Ký nữa, với tác giả Phạm Đình Tân, trong cuốn sách «*Trương Vĩnh Ký. Người là ai ?*»

Cũng những bức thơ ...

### 1. VÌ SAO TÔI KHÔNG VÀO DÂN TÂY ?

(Trích thơ gửi Đốc phủ Ca, Hóc Môn).

*Kính thăm Ông bình an sức khỏe. Tôi có được thơ Ông hỏi tôi về việc vào dân Tây. Vậy tôi xin viết thơ lại ít chữ mà trả lời về điều ấy cho Ông rõ ý tôi.*

*Nhà nước Phang sa có ý muốn cho dân phục cho mau càng tỏ ra ơn Nhà nước rộng rãi muốn hóa thân hoán tục. Ý nhà nước thời tốt thật, nhưng mà tôi tưởng vội quá đi chưa phải thời chưa nhàm thế. Xin kể sơ qua sự tiện cùng bất tiện, sự lợi hại trong việc ấy cho Ông nghe thì Ông hiểu tức thì vì làm sao tôi không chịu vào dân Tây :*

1. Tôi lấy sự ấy làm trái lý tự nhiên không ăn thua vào đâu cũng như là chuyện đời xưa bên Tây nói con kên kên lượm lông con công giắt vào mình rồi nháy vào bầy công, Xênh xang lấy làm vênh vang hãnh diện. Cách ít lâu, công khi đầu không dè, liền cắt rút nhổ lông công đi, đánh cò bơ cò bắt xo xác đuổi đi. Túng mới lộn về bầy cũ của mình. Bọn nó biết vì kiêu ngạo muốn đánh bầy với công là giống sang, giống trọng hơn mình, nên khi nó lòn lèn trở về thì phân nó ra xua đuổi căn xé tơ bơ tất bắt ... Chuyện thêm rằng : in tua telle propria quiesce, mây hãy ở yên trong cái da của mây, nghĩa là trời sanh ra mây làm sao thì cứ phận riêng mây mà ở mà thôi.

Thật như vậy : không lý trời sanh tôi ra là con quạ bây giờ biểu tôi thì một hai nói tôi là con cò làm sao dặng ? Nên là điều trái sự tự nhiên hết sức.

2. Dặng một bên, mất một bên, lợi thì ít mà hại thì nhiều.

## 2. TẠI SAO TÔI KHÔNG RA LÀM QUAN ?

Tôi có được thơ Anh nói sao tôi không làm chức chi ... như phủ, huyện, đốc phủ với người ta lấy danh chơi. Nhơn Anh có hỏi tôi mới xin thưa dõ lời Anh.

Trước hết cảm ơn Anh có lòng tử tế nghĩ tình mà nhắc biểu. Song tôi trộm xét theo ý riêng tôi, tôi tưởng chẳng cần chi. Vì tôi nghĩ rằng làm huyện, làm phủ mặc dầu, cũng ở dưới tay người ta, người ta sai cật hành hạ, tánh tôi không chịu được. Lại dầu có làm thì nay phủ huyện tràn đồng ại nấy làm qua, buổi mà mình có làm thì muốn phụng chức cho trọn theo chức phận thì chới cho ông ấy, mình riêng mình một thế cũng khó, mà làm buông xuôi theo mọi người thì lại hổ phận mình lãnh chức mà chẳng có làm theo chức phận. Chi bằng mình sẵn làm ông thầy dạy học, lại dạy là dạy Tây các quan. Sao sao cũng là ông thầy các quan. Không phải từng phục ai ... Kỳ trung làm được ông thầy như tôi vậy là vinh hết sức

(những ... là chỗ nguyên cáo bị mối ăn) .

## 3. TÔI CAM CHỊU THIẾU CỦA CÁI.

Các ông hỏi tôi ý làm sao không lo về phần của cái ? Sao không mua đất sắm ruộng kiếm tiền bạc mà tiêu dùng ? Tôi xin cảm ơn cách riêng vì các ông thật có lòng thương mà nhắc bảo, kéo việc trời đất về sau nắng mưa thuận nghịch thế nào chưa biết mà lâm vấp rủi ro thì cực khổ.

Thật thì ai cũng phải lo về sau nhưng mà xét cho cùng mà coi thì cũng chẳng nên lo cho quá lắm làm chi. Vì vạn sự bất do nhơn kế giáo, nhứt sanh đô thị mạng an bài. Chi bằng y thực tùy duyên, tự nhiên khoái lạc ; có nhiều ăn nhiều có ít ăn ít thì được vui vẻ, yên lòng yên trí. Nhơn vì vậy cho nên ... Tri mạng chi nhơn kiến lợi bất động, lâm tử bất oán, là vì làm vậy.

Tuy rằng sự ấy thật là như vậy mà tôi cũng biết ai ai phàm sống ở đời cũng phải lo, không ai khỏi ...

Thật sách ... tự nhiên trời phú cho như vậy ... vô tâm không có lòng ham tiền ...

Điều hay sấm của dùng của chơi cho thỏa ý mình không tiếc tiền, còn ruộng nương đất cát thì ít muốn mua, sợ thêm mối lo nhọc lòng nhọc xác. Cái chi cũng ra sức có với người ta một chút dính cho có mà thôi.

Lại tôi xét ơn trên đã cho mình con cái cháu chắt nhiều danh tiếng chức quờn cũng phủ phê mọi bề, mà vì nhơn vô thập toàn không ai cho trọn vẹn cả mười phần hết cho được, thì mình cũng phải có một cái thiếu là dằng tiền của. Phòng như Trời có cho được dễ dàng tiền của nữa thì tôi hư đi chẳng sai, phải bị sắc tư phong mới được. Vì vậy nên tôi không dám đem lòng mơ ước cho được tiền của cho nhiều. Cao bay xa chạy cũng không qua khỏi trời : duyên phận chừng ấy thôi chẳng dám cượng cầu. Trong bụng nghĩ sao nói ra ngay làm vậy cho các ông biết.

#### 4. TÔI KHÔNG QUEN NỊNH HÓT.

Tôi cũng biết có quen lón thì đến dịp cũng được nhờ, vì ở đời người ta phải nhờ nhau, khi người này khi người khác, ấy là thói thường trong đời. Ai cũng có bạn hữu tri âm, ai cũng có kẻ ganh gổ ghen ghét chẳng ai khỏi.



Tôi lại có tánh trời sanh cũng dị là chúng ngay thẳng thật thà, không ngoa mị dãi búa được, cứ mục thốc, trong lòng làm sao ngoài miệng làm vậy, nên kẻ không biết ý thì có khi lấy làm con người lù khù không được mau mắn, dãi búi, làm rộn làng xăng. Trời sanh tôi ra như vậy, cái đó làm ra khác không dễ được. Vì tôi cứ lòng ngay tình thiệt mà ở như vậy, biết làm sao? Giả sử như các quan ... biết, thiết nghĩ lâu nay, bây giờ lên chức quan lớn trong quận hạt thì... gặp thì chào hỏi vậy ... thì tới nói chuyện ... vì tôi ngại người ta có nói mình ... hay là tới lui kẻ nhè xin sự này sự nọ chẳng.

Cũng không mời mọc người quờn quí cho lắm, cũng vì ý ấy. Ai thom thảo tới thăm thì mừng cảm ơn lắm mà thết đãi, lấy lòng lấy bề thì không.

Tôi lại thấy mình không đoan trang việc giao du là vì bởi cái mạng mình là «Sơn hạ chi hòa» nên hay mắc nghi nan, mình nói lảnh ra dũ, làm phải ra quấy, người ta cũng cắt nghĩa trái cái việc mình làm phải, mà tuy chẳng can hệ gì cho lắm mặc lòng, cũng khó cho người ta thật lòng với mình. Cái mạng nó khiến nó bắt phải mắc phải chịu lời ăn tiếng nói người ta mãi : tin rồi lại không tin, yêu rồi lại lạt lòng yêu đi ... ấy là thường hay mắc. Nên biết mạng mình như vậy thì chẳng dám làm quan, làm lớn cho lắm, sợ e hay nó ... nhưng mà tôi hay giữ một lòng thủy chung như nhút, dầu làm mất lòng mình đi, cũng cứ ở một ... trở lòng ở chẳng phải với tôi... trước sau như vậy mà ở phải ... không đem lòng giận hờn oán trách... thói giao thiệp tôi với người ta thì như vậy.

Còn về sự tới lui với anh em đồng liêu hay là người hào phú chơi bởi thì tôi cũng không hay làm, là vì tôi nghĩ cũng có người tử tế giao du được mà thà giữ mục thường thì hay hơn, vì hoặc quan trên có nghi, có hỏi thăm cái cá nhân ông này ông kia, bà nọ bà tê thế nào, thì dễ trả lời rằng vì không hay lân cận tới lui cho nên không rõ việc tư của các ông các bà được. Lại nghĩ thế

thời đời nay thì nó bất buồn, vì «nhơn tâm bất cố» , ai lo phận nấy, ai cũng lo bươn chải kiếm đồng tiền, đồng bạc, (cái cần) , là hơn, cang thường luân lý cũng truy văn ; sự thật tình thân thiết chẳng mấy người giữ, tính nhung qua mắt qua buổi vậy thôi ; tri âm thì ít, mà mị mộng thì nhiều ... Vì vậy nên buồn, cứ phận mà ở, cứ việc mình mà làm ... coi sách coi vở, học môt chút dinh ... không muốn đua bơi tranh hùng ... Đâu rầy rà tranh cạnh ...

##### 5. TẠI SAO TÔI ĐẮC THỜI MÀ KHÔNG Ở LẠI LÀM QUAN TẠI TRIỀU :

« ... Ông đã có viết thơ mà hỏi tôi sao vùng vẫy đường danh lợi, từ dám công danh đi mà không chịu làm nữa ... ? Giữa chỗ dám tiệc tôi không dám nói cho hết tiếng mà đáp lại cho hết ý. Nên nay có thiệp các ông gọi mừng ngày lễ bốn mạng tôi xin tạm ít chữ trần tình cho các ông hay, kẻo các ông có lòng thương, muốn cho người đồng châu, đồng liêu được hiểu lấy tiếng quê hương đất nước là điều đáng cũng phải lẽ lắm.

Ở đời xử dám công danh là khó làm, đua đường danh lợi là hiếm nghèo lắm ; một là nên hai là hư, mà hư thì thường thường nhiều hơn, hễ mê, hễ đắm ham hố quá thì làm sao cũng phải mắc chằng sai. Vì vậy tôi bắt chước Trương Lương dụng khí MINH TRIẾT BẢO THÂN, là lo xét coi vội nhằm chừng cho biết đường tấn thoái mới rút mình ra khỏi bẫy được.

Tôi nguyện ... toàn quyền Paul Bert ở bên Tây ... rằng có biết chút chi ... bởi nhờ có coi sách vở ... này mà biết, nên rằng... nên theo mà giúp người trong mọi ... an nam tại Vua cùng triều đình nước Nam mà lo dọn dàng sẵn còn để cho người ta xử trí việc vua việc nước ... Nên tôi mới lãnh đi ra điều đình việc cả hai nước. Ấy là cái phận cái chức khó nhứt trong đời : vì làm việc như mai dong, đứng giữa gánh cả hai vai nặng nề hết sức. Vua nghe tiếng, bàn

cùng triều đình cho vùi vào diên tấu. Từ ấy về sau vua biết cùng đem lòng trông cậy sẽ ra sức hoàng tế lúc gian nan trong nước. Tâu xin lãnh ý, làm hết sức mà dỡ nghiêng chống xiêu, chu lại được quốc thể nghi thống, lần lần gỡ rối được. Ở Cơ Mật sau có dây thép triệu ra rồi đi theo đạo ngự hầu cận Vua cho đến Quảng Bình ... Tính đi tính lại hơn sáu tháng trời ... về kinh rồi quan Toàn quyền ở Bắc vào ... Vua xuất chinh trừ bạo an dân về ... Nam ít phán rằng phải khuất mặt ... vua ban thưởng trọng hậu ... Về Cửa Hàn, quan Toàn quyền ... luôn ra Bắc chơi, thăm bà phu nhân người rồi hãy về theo tàu ấy. Về Nam chưa được bao lâu dây thép đánh vô rằng quan Toàn quyền mất đi rồi, thì tôi nghĩ việc sẽ ra khó vì tân quan tân chế độ, việc mình làm sẽ ra khó lắm, nên tôi đánh dây thép ra rằng tôi không ra nữa ...

Ấy thời thế trời đã đổi dời, không dám chen vai vào đám chánh sự nữa, vì hiềm nghèo là một, sau nữa là có mình nữa cũng chẳng làm thêm được việc chi cho vua cùng triều đình nhờ, nên dứt đi một cái cho xong, tránh đường danh nêo lợi về xứ an phận tùy duyên cho khỏi lòng ràng buộc.

## 6. TẠI SAO NGƯỜI TA NGHI NAN TÔI ?

Tôi có được cái thơ của anh, anh nhắc cho tôi nhớ cùng hỏi tôi làm gì cho người ta ganh ghét, nghi nan làm vậy ?

Nào tôi có làm gì đâu ! Tôi cứ an thường thủ phận, lo học hành, tìm sách vở, biên chép in ra cho con trẻ đời nay nó học cho mau cho tiện. Vậy đó thôi chớ có làm gì đâu ? Lo dạy bằng miệng bằng sách, phong hóa càng thường càng ngày càng kém đi vì đời nay trẻ nhỏ ít học ... Tôi nghe anh nói, tôi xét mình tôi hoài, mà nhon có dành một chút vì hay tìm hay học, rộng biết việc kia việc nọ ... thì người ta có khi tưởng cùng nghĩ rằng người thạo đời hoặc có khai nhân mình từng biết mà sanh sự mống lòng chồm ố công

danh lợi lộc, cướp đàng danh nò lợi người ta đi chãng, nên người ta sanh lòng nghi nan mà thôi.

.....

.....

.....

thấy mình nổi danh nổi tiếng thiên hạ đều biết, có khi mình có đức nũa thì người ta cũng phục nũa, nên sợ có biến tâm việc chi thì người ta từng phục theo, sanh bè đảng lớn ra chãng. Chớ không dè tôi nhờ ăn học mà biết thức thời thức thế, coi đạo đời biết việc thường biến cái, đường nó đi như vậy rồi, là việc trời làm, là việc đấng tạo hóa đã sắp nó xây vắn ra như thế, ai mà chống nổi trời, mà hòng nghi có bụng quấy phá, muốn khuấy đời làm chi. Việc riêng mình lo không hết, ai công không đâu mà đi làm những việc phi phận sự làm chi.

Nói sơ một chút vậy thì anh hiểu được rồi. Còn lời ăn tiếng nói người ta thì có lo chi ? Ai có khòì mà lo ? Hễ sự thiệt thì sẽ ra sự thiệt ... »

★

★ ★

Trích lục mấy bức thơ kia rồi, tác giả Phạm Đình Tân nói :

«Chỉ mấy bức thơ trên đã đủ biểu lộ lòng ngay thẳng và cao quý của Trương Tiên sanh ;  
Mấy bức thơ trên đã chứng minh một tâm hồn thông thái, khôn ngoan, đạo đức không cầu kỳ cách điệu, không oán hận ghét ghen, chỉ biết an phận thủ thường, chăm lo chu toàn phận sự»

Cũng nên nói thêm. Về chuyện vô dân Tây, Trương Vĩnh Ký có nói trong thư gửi bạn P. SIEFERT như vậy :

«Người ta, những bằng hữu sẵn sóc đến phần mạng của tôi, viết cho tôi ba kỳ thơ liên để bảo tôi vào dân Tây. Tôi nhứt quyết từ chối :

1. Tôi không đổi ý :

2. Làm như vậy là tôi làm trái với những huấn tắc trong bức thư viết cho Ông nghị của xứ Nam kỳ (député de la Cochinchine) để bày tỏ và giảng giải sự bất hợp thời của việc ấy ;

3. Tôi sẽ bị người ta cho tôi là nhu nhược nhứt nhất ; tôi đã làm như vậy vì tôi sợ, muốn thoát thân ra khỏi một hoàn cảnh khó khăn ;

4. Tôi sẽ không thể nào giúp ích cho nước Pháp mà tôi là một thành viên và tôi phục sự từ bấy lâu. Vì lẽ vào dân Tây tôi sẽ mất hết uy tín, uy lực của tôi, vì đã mất hết tín nhiệm của Vua, của triều đình và của đồng bào tôi !

★

★ ★

Cho tới đây, dưới mắt chúng ta đã có ba dạng tâm thư, mà «lịch sử bí ẩn» của người quân tử trên bến Nhơn Giang *BIỂU HIỆN* ra giải phóng cho mặc cảm ...

Mặc cảm của ai vậy ?

Đáp :...

## MẶC CẢM CỦA NHIỀU VỊ HÁO HIỀN

Như ông cụ Nguyễn Tấn Tài đây, là một ...

Nhớ một buổi chiều mưa, tôi đến nhà cụ để cảm ơn cho mượn sách. Tôi cũng có nghe, cụ là một trí thức Tây học, nên khi định đi đến gặp, tôi có chuẩn bị trong đầu ... Câu khởi đầu, sau một hớp nước trà ngon, là câu nói ướm :

— «Ông Trương Vĩnh Ký là một nhà chánh trị ...»  
Vừa nghe tới đó ông cụ đưa bàn tay xòe lên thiếu điều bụm miệng tôi :

«Không, không ! Petrus Ký không hề là nhà chánh trị. Ông là một đại văn hào ái quốc, đã hiến đời mình, làm việc văn học, văn hóa, để đời» !

Đôi mắt ông cụ rưng rưng. Mà đây không phải trường hợp người già mắt yếu, dễ cảm động mà chảy nước mắt. Tôi thấy cụ Tài khóc thiệt.

Thương ông cụ quá, nên không dỡ ra được sách của cụ cho mượn mà đọc cho cụ nghe chính lời của Petrus Kỳ của cụ:

« ... Vua biết, cùng đem lòng trông cậy sẽ ra sức hoàng tế lúc gian nan trong nước. Tôi xin lãnh ý, làm hết sức mà đỡ nghiêng chổng xiêu, chu lại được quốc thể nghi thống, dân dân gỡ rối».

để mà phân bua, đó là những lời tự hào chánh đáng và khiêm tốn về sự nghiệp chánh trị của mình, đối với quốc thổ, trong cơn như «của đã đổ» mà hốt lại.

Tôi cũng không dám nói tới cái ít nhất của chánh trị, là chánh trị hiểu với nghĩa đen : làm chánh trị là thông qua hoạt động trên con đường nhà nước, để thực hiện chương trình, ý nguyện trị nước cứu dân, của mình.

Nói tới Trương Vĩnh Ký làm chính trị, mấy người chơn chất thương ông, họ «sợ» lắm !

Nên nói đó là mặc cảm.



Chúng ta xem những mặc cảm khác.

Này là trong lời đẹp đẽ, trau chuốt của nhà báo Huyền Mặc đạo nhân.

« ... bao nhiêu đức nghiệp đã từng thấy, nghe, tại nơi tai mắt người ta, không cần phải tường thuật làm chi nữa.

Nhưng nghĩa «háo hiên» là lòng chung của con người, hàng năm trải qua thời đổi thay mà ta vượt sông Đông Nai cảm tình lưu thủy, lên núi Châu Thới cảnh ngưỡng cao sơn, thấy nước xuân nao nao, gió xuân hây hây, mà chạnh nhớ đến triết nhưn đã xa từng mây bạc, khuất dưới suối vàng thì một mối thiện căn chẳng khởi động lòng hoài cảm»

Sau khi đã theo sách xưa, «Trí giả nhạo sơn, nhưn giả nhạo thủy» mà tỏ nỗi cảm hoài, như vậy, đạo nhưn nói tiếp, nói là «lược thuật mấy nơi yếu điểm của Trương Tiên sanh» :

«Cha Lefebvre cử Tiên sanh ra giúp việc thông ngôn, Tiên sanh khi ấy, nghĩ mình có tài thì lụy về tài, mà bởi mạng thầy, không thể từ đặng, phải ra ứng cử, cái đó là miễn cưỡng tòng mạng, chớ không phải bản tâm. Cho nên lúc giao thiệp thì chỉ làm hết chức phận thông ngôn mà thôi, còn khi rảnh thì lại chăm về sách vở học hành, chớ chẳng hề can dự «mưu dư chiến thủ»

Tiên sanh bình sanh chỉ chí về đạo học, những

muốn ẩn dật thích tu. Nhưng muốn nhàn mà đời chẳng cho nhàn, nên chi hễ chánh phủ ép ra làm quan, thì Tiên sanh hẳn từ chánh chức mà xin làm giáo chức».

Mấy lời đó, in trên báo Đông Nai, số Tết năm Quý Dậu (1933) Trời ơi, ngó xuống mà coi ! Nói như vậy (ngọt ngào như vậy) thì làm sao nói lại những cái ông «làm thầy» mà ông Mác nói đây :

«Đối với một người biết suy nghĩ và yêu chân lý, đứng trước cơn bùng nổ đầu tiên của cuộc nổi dậy, của công nhân Schlesien thì nhiệm vụ của người đó không phải là đóng vai ông thầy lên lớp sự kiện đó, mà ngược lại phải nghiên cứu tánh cách độc đáo của nó.

Muốn làm như vậy, đương nhiên là phải có một sự sáng suốt khoa học nào đó, còn để làm thầy lên lớp thì chỉ cần biết những thành ngữ ít nhiều khéo léo, đây tính ích kỷ, rộng tuếch là đủ lắm rồi»

Chính có những bức «thầy đời» , «qui déchirent Petrus Ký à belles dents» làm cho những người «háo hiên» như Huyền Mặc đạo nhưn đây mặc cảm.

Xin đọc tiếp theo.

Mười năm sau tờ Đông Nai, tức năm 1943 ngày 2 tháng Chín, tờ Nam Kỳ tuần báo cũng nhưn giỗ Trương Vĩnh Ký mà viết rằng :

«Làm sao nói cho hết thân thế và sự nghiệp trước tác của Trương Vĩnh Ký cùng ảnh hưởng của cụ và của sự nghiệp cụ đối với người và văn hóa Việt Nam.

Làm sao biết rõ tư tưởng và tâm chí của Trương Vĩnh Ký trong khi còn nhiều tài liệu chưa đưa ra ánh sáng.



Vả lại, cụ Trương Vĩnh Ký là một nhân vật lịch sử mà các lớp người sau không quên lãng quên được»

Cùng trên chiếu cõ này có tiếng «cụng ly»

«Cái công lớn của Trương đóng góp vào lâu đài văn học Việt Nam bằng một số sách vừa xuất bản vừa trứ thuật mà từ xưa tới nay chưa có ai theo kịp cái công lớn đó ta không quên quên.

Đứng về phương diện quốc gia thì tên tuổi Trương Vĩnh Ký bay khắp Đông Tây đã làm rạng vẻ non sông Nam Việt.

Xét về tư tưởng và tâm chí của Trương, thì hỏi ai dám cho rằng hiểu rõ, Trương mất chưa đầy năm chục năm trời thì đời công cũng như đời tư của Trương chưa thuộc về phạm vi lịch sử, đã vậy còn biết bao nhiêu tài liệu đang nằm trong bóng tối.

Vậy nên ta thận trọng trong việc xét đoán là hơn»

Ai ! cùng trên một tờ báo, ông thì «phò tá» , người thì «tá phò» khác nhau được mấy chút ? Nhưng người nói sau là tác gia Khuông Việt. Cái anh Lý Vĩnh Khuông, học trò cùng lứa với tụi mình đây (cho nên mình mới dám nói). Mà chê khen làm chi, anh đã chết rồi. Xin cúng anh một câu của Chateaubriand :

«Trong con người có hai người : một người của thế kỷ đương tiền, và một người của trăm thế kỷ»

Các vị háo hiên nhà ta một niềm mến yêu Trương Vĩnh Ký nhưng mắng áy náy, mặc cảm mà chẻ Trương Vĩnh Ký ra làm đôi, rồi chỉ nói có một nửa người ông, chỉ nói đến con người «của lịch sử» vĩnh cửu mà không dám nói đến cái nửa người kia, nói đến Trương Vĩnh Ký, con người vừa là

vạn đọi vinh quang với sự nghiệp văn hóa, văn học, văn chương, vừa là một người nhứt sanh làm chánh trị, tròn đạo nghĩa với đời ! (Chỉ chánh trị hiểu theo nghĩa rộng như vừa nói).

Tiếc cho Khuông Việt quá ! Giả đò làm như mình chơn chất về trí tuệ lẫm (probité intellectuelle) đâm ra thua thấ. Thấ là thấ danh một ancien du Lycée Petrus Ký. Và thua...

Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố, đề tựa cho tác phẩm của Lê Thanh :

*«Đời có ba hạng người bất hủ.  
Trên có bậc lập đức, dưới có bậc lập công, sau có  
bậc lập ngôn, tuy mất đã lâu mà tiếng vẫn còn :  
toàn là những nhà bất hủ.*

*Hạng người làm sách để dạy đời là một hạng trong  
ba hạng người bất hủ ấy.*

*Ông Trương Vĩnh Ký có thể liệt vào hạng người  
đó, vì ông viết biết bao nhiêu là sách. Những sách  
ấy hiện vẫn còn có giá trị, quyển nào cũng có ý đủ,  
văn hay, không phải là người có thiên tài học vấn  
thì không sao viết nổi. Thật là một nhà bác ngữ  
uân súc, nước ta chưa từng có bao giờ».*

Khen như vậy kể ra khen đã hết lời. Nhưng cũng cứ là : lập ngôn bất hủ, cự phách trên văn đàn, sư phạm sáng giá ...

Còn cái đảng chánh trị ? Rón rén mấy lời :

«Không những làm sách, dịch sách, Ông Trương Vĩnh Ký lại còn giúp việc triều đình, hợp tác với Paul Bert»

Tôi nghĩ, đề tựa như vậy ... chắc là còn để trao lời cho tác giả. Quả nhiên tác giả Lê Thanh viết :

*«Người học giả uyên bác, người đầu tiên ra giúp việc cho Phang sa, Ông Trương Vĩnh Ký muốn nhờ ở sự văn minh của người Pháp mà gây cuộc phục hưng cho nước mình, mà trước hết là giải phóng cho người mình về mặt tinh thần đang bị tời túng trong xã hội lạc hậu, thua người ta, hay phải được như người ta, một xã hội không còn hợp thời nữa về chánh trị, tư tưởng và văn hóa.*

Bình sanh Trương Vĩnh Ký chỉ muốn được như người xưa, làm cái việc «minh đức, tân dân» trong phạm vi một nhà giáo dục.

Và hình như ông chỉ sống về sự nghiệp chánh trị ấy. Sống vào thời đại độc nhất của lịch sử, người thức thời và có nhiệt tâm còn ít, ông một mình đã gánh công việc của bao nhiêu người. Ông làm việc say đắm và thống khổ, mong góp sức vào sự xuất hiện một loại người mới, có kiến thức và khả năng tiếp xúc văn minh phương Tây và nắm lấy khoa học vạn vật».

Ông Lê Thanh liền dùng chữ vàng khắc mấy chữ «*Văn quốc Ngữ*» lên trên sự nghiệp chánh trị ấy.

Ông lấy câu nói của P. Vial trong thư gửi cho Tây quan bố nào đó mới đáo nhậm Sài gòn :

«*Những ngày đầu, chúng tôi đã nhận ra rằng từ ngữ Trung Hoa là một cái hàng rào nữa ngăn chúng tôi với người bốn xứ. Dùng thứ chữ tượng hình làm phương tiện học vấn, ngoài sức chúng tôi, thứ chữ này truyền dạy cho dân chúng*

điều cần thiết, hợp với cái trình độ mới về chánh trị và thương mại ... thì cũng là việc rất khó khăn».

Ông Lê Thanh ghi chú : «đáng cho ta ghi chép lấy, để sau này làm tài liệu cho cuốn lịch sử về học vấn của ta» Và ông viết :

«Chúng ta đã có một nền văn hóa lâu đời, nay phải có một nền học vấn và những phương tiện học vấn mới ; chữ Pháp và chữ quốc ngữ dĩ nhiên được đem thay dân vào chỗ chữ nho.

Chữ quốc ngữ của ta đã có hơn hai trăm năm sống, nhưng từ trước vì nó chỉ là một phương tiện truyền giáo của mấy cố đạo nên nó chỉ được coi là một thứ tiếng có cái công dụng của những xe tạm thời đóng để chở tư tưởng, xong rồi bỏ đi. Chưa bao giờ người ta nghĩ đến, đem gậy nó thành một nền văn chương Việt Nam.

Đang ở địa vị một con a huờn bị dày đọa trong cái gia đình trí thức, nó được Trương Tiên Sanh đem đặt ngang hàng với chữ nho và chữ Pháp trong sự học vấn.

Trương Vĩnh Ký đã soạn ra cuốn Văn Quốc Ngữ

Ông dịch ra quốc ngữ sách chữ Pháp và chữ nho, diễn ra quốc ngữ những văn nôm để phổ thông trong dân gian.

Ông đã soạn từ quyển sách rất mỏng có 15 trang cho học trò ở thôn quê, cho đến sách khảo cứu vấn đề uyên bác đáng mang tên ký của những bậc học giả có danh vị nhất thế giới»

Tác giả Lê Thanh sôi nổi :

«Công lao của Trương Vĩnh Ký là khởi động một cuộc cách mạng về học vấn.

Và ông đã mãn nguyện.

Ngày nay nếu ông được trông thấy nền văn chương có thể gọi là phong phú của ta, chắc Ông phải mừng, đó là một kết quả cái công việc của Ông»

Và Lê Thanh kết luận :

«Trương Vĩnh Ký nhà chánh trị, nhà cổ học, nhà sử phạm, nhà khoa học, nhà từ ngữ học.

Hãy đem con mắt tổng hợp ra mà ngắm.

Đời kiêu mẫu xây trên cần lao, lòng tin tưởng và lòng kiên nhẫn.

Người ta nghi ngờ ... mà lòng ông trong trắng.

Ông lặng lẽ nhìn thời thế xem phải làm thế nào để lợi cho nhà cho nước. Khi nhận thấy ra rồi lại lặng lẽ phụng sự quốc gia, mặc cho đời dị nghị».

Sau đây, Trúc viên Đặng Thúc Liêng có lời. Với Ông, cái khái niệm «sự nghiệp chánh trị» được nói «trắng» hơn :

«Việc Huế vừa yên Paul Bert thẳng ra Bắc Kỳ để Vĩnh Ký ở lại Huế giúp vua Đồng Khánh sắp đặt việc chánh trị và dạy vua học chữ Pháp. Vua Đồng Khánh đặt tứ Vĩnh Ký làm chức «Hàn Lâm viện Thị Giảng» sung «Ngự diên giảng quan».

Từ ấy nước Nam ta mới sửa lại có triều đình thể thống, lại có quyền tự chủ vinh diệu hơn xưa, thật là rất may ! Nhờ có Vĩnh Ký cùng Toàn quyền Paul Bert ngoại giao tương đắc, vua Đồng Khánh lại biết dùng Vĩnh Ký liên lạc tình thân, mà Vĩnh Ký có lòng ái quốc nên mới bày ra nhiều chức thi thố làm nên đại cuộc chuyển nguy vi an, cơ hội tốt vậy thay».



# LUẬN VỀ NGƯỜI TRÍ THỨC CỦA XỨ THUỘC ĐỊA

Luận đề này được đặt ra là vì Trương Vĩnh Ký là người dân thuộc địa.

Mà cũng là bởi :

Đọc «*Trương Vĩnh Ký*» của Khổng Xuân Thu thấy có một ông bác sĩ, tên Gautier. Ông này tiếp xúc, luận đàm với Petrus Ký ở Paris mà quý mến và kết bạn.

Ông Gautier đã có viết về người bạn này và khen đậm đặc.

Nhưng ông nói đến : «*Sự nghiệp chánh trị*» dính dáng đến chuyện chúng ta đang nói, đối với Trương Vĩnh Ký, nên anh em ta cũng cần xét xem.

Ông Gautier nói :

*«Trương Vĩnh Ký đã qua đời rồi !*

*Tiếc thương thay mỗi tình văn hữu, mỗi tình quăng đại và chân thành hơn hết.*

*Viết bài này mục đích của tôi là trình bày những mẩu chuyện có tính chất hoàn toàn về văn hóa, và chúng tôi cũng chỉ muốn thế mà thôi».*

*Về sau tôi nhận được tin Trương Vĩnh Ký trải qua nhiều cơn khủng hoảng tinh thần vì có nhiều kẻ gièm pha ghét bỏ mình.*

*Tôi cũng tiên đoán điều này, vì hoàn cảnh một quốc gia nhược tiểu thường xảy ra như vậy.*

Ấu đó cũng là tâm trạng chung của những con người đem tất cả tâm hồn chí khí, năng lực vào việc bảo tồn cơ sở tinh thần của nước nhà, nhưng không được mấy ai doái hoài đến, đã vậy mà còn đứng ra tìm đủ cơ mưu để chống đối nữa.

Con người chuyên về văn học khó lòng mà bước sang địa hạt chánh trị được, dẫu rằng chỉ coi đó là một phương tiện, một giai đoạn lâm thời mà thôi cũng vậy».

Vì Ông Gautier là bạn của Trương Vĩnh Ký, nên chúng ta mới dám lễ phép thưa.

Thưa, ông được tin của ai nói bạn ông hoảng loạn tinh thần ? Mà ông đã nói có kẻ gièm pha sao ông lại đi tin ?

Anh em chúng tôi đang nói Trương Vĩnh Ký là một người quân tử, một triết nhơn.

Trong cuộc sống hàng ngày, người ấy nếu quả là có gặp điều gì phiền muộn thì cũng «úi chà» một tiếng, như Lô Tấn nói, một tiếng kêu đau của người, bị người ta đạp giày trên chun mình.

Ông chưa rõ được bạn ông, bằng nhiều người Tây qua đây đã bắt mùi nước mắm. Họ thường khi nói đến Trương Vĩnh Ký, là hay nói kèm theo «với tánh chất người Nam kỳ» tức là đại khí và ngạo nghễ.

Đại khí như : ông có lần đã nói với Paul Bert (tuy là bạn thân, chỗ người ta cũng là quan toàn quyền) : «Lẽ nào Ngài là một nhà tâm-sanh-ly học đại danh mà lại đi dùng một tên phản thân Trương Vĩnh Ký ?

Và ngạo nghễ trong việc Trương Vĩnh Ký nói mĩa mai với viên quan lại phát lương : «Tôi làm tôi tớ thì cũng mong

được lên lương, chớ có đâu lại chịu cho các ông sứt lương, cho đồng bào tôi, họ cười tôi, «vậy cho đáng đời»

Nói qua cho vui vậy thôi chớ cái đáng nói trong bài viết của ông Gautier là quan điểm :

«Ở vào hoàn cảnh một quốc gia nhược tiểu, con người chuyên về văn học khó lòng mà bước sang địa hạt chánh trị được».

Rõ ràng là nói vậy, ông đã làm suy giảm ni tắc (les dimensions) của bạn Trương Vĩnh Ký của ông.

Nguồn cơn là ông không thấy lý tính chánh trị của một người trí thức dân thuộc địa (Trương Vĩnh Ký) có khác hơn, có mạnh hơn nhiều so với người trí thức dân của «chánh quốc» (như ông).

Để thấy ra cái phân biệt ấy, ta đọc lại Các Mác.

«Sự giả dối thậm tệ và tính dã man vốn có của nền văn minh tư sản sẽ lộ ra trần truồng trước mắt chúng ta, khi chúng ta không quan sát nền văn minh ấy ngay ở chánh quốc, là nơi mà nó mang những hình thức đáng kính, mà quan sát nó ở các thuộc địa, nơi mà nó lộ rõ một cách không che đậy».

Chỉ cần nghĩ đến người dân của thuộc địa bị dày vò làm nhục và bị khoét đẻo tận xương, mà từ đó thấy trong lịch sử giai cấp tư sản đi tìm đất mới để bán hàng, đã xảy ra cái gì đó kiểu như sự trừng phạt trở lại, người ta nói đó là «gậy ông đập lưng ông».

«Gậy ông» tức là võ khí mà «ông đi cướp nước» rèn và đặt vào tay chúng dân bị cướp nước để có ngày phục thù, trừng phạt lại ông.»

Võ khí ấy là HỌC THỨC



Tôi nhớ trong tiểu thuyết «Con đường sấm sét» (của người dân da đen Phi châu bị trị) tác giả viết lời của một chị da đen nghèo nàn.

Ngày nọ có một thanh niên đi học đổ đạt, từ thành thị về làng. Chị ấy ra đón mà nói : em ơi, em học giỏi, chị mừng cho em lắm nhưng chị khuyên em đừng về làng bày xúi cho dân làng học. Bấy lâu nay họ làm thình cùi đầu quen kiếp nô lệ khổ nhục rồi. Họ mà có học thì họ sẽ không cam tâm làm người mà sống chẳng ra người ! rồi họ đòi này đòi nọ, làm này làm nọ thì khổ thân cho họ.

Trương Vĩnh Ký không nghe lời hờn mát của chị ấy. Ông ngồi trông nước mắt, để cuộc đời cho học vấn của đàn sau. Ông là một mô hình người trí thức, của một quốc gia nhược tiểu yêu nước.

Nói về mô hình hay điển phạm thì thử nhìn qua Ấn độ. Có nhà trí thức Mohandas Karamchand Gandhi (1869-1948), một mình chống lại sự thống trị của Anh, bằng nhịn đói và bất hợp tác. Năm 1922 bị kêu tù vì tội cổ võ việc đòi đập lập dân tộc. Ông đã trở thành ông Thánh — ông Thánh Cam Địa.

Trong người chúng ta đều có cái gì của tiên hiền.

Thuở 1922, thánh Gandhi vào tù, thì trên vòm trời nước Nam kỳ thuộc địa, mọc một cái móng (arc-en-ciel) Nguyễn An Ninh (1900-1943)

Trong người thông thái Nguyễn An Ninh nhưt định là có Gandhi và có Petrus Ký của mình.

Đó là những mô hình người trí thức giác ngộ sớm, tùy cảnh ngộ mà biểu thị lòng yêu nước một cách độc đáo, ai chẳng giống ai.

Mô hình Nguyễn An Ninh. Một thanh niên Nam kỳ, đi học bên Tây, cũng luật la mã, cũng lôgich hy lạp, cũng những nguyên tắc như văn, Tự do, Bình đẳng, Bác ái của 1789 Pháp, năm 1922 về Sài Gòn, đi ngay vào địa hạt chánh trị. Làm báo, báo bị không cho ra, xách túi cù là đi rao bán, đi gieo trong gió, trên ruộng đồng bát ngát Nam kỳ cái thái độ trí tuệ của người chơn thật có trí tuệ là kêu gọi đồng bang chung sức cứu nước.

Ta có thể dùng chữ «mô hình» mà nói đến Nguyễn Văn Thinh, cái ông đốc tưa mà dân gian đã ca ngợi : bịnh nào mà ông Thinh cứu không nổi thì chỉ còn trời cứu.

Ở Saigon, năm 1944, bác sĩ Nguyễn Văn Thinh là người trí thức thứ hai đã đọc «chương trình Việt Minh», của tôi trao, trao cho được sĩ Trần Văn Lắm (cũng ancien du Lycée Petrus Ký) đọc rồi chuyển lại cho ông Nguyễn Văn Thinh. (là cậu của anh)

Ông Thinh trả lời qua Trần Văn Lắm : «rất đồng ý về cứu cánh chứ không về phương pháp».

Năm 1945, quân Pháp chiếm lại Saigon. Năm 1946 ông Thinh đứng ra tổ chức «Chánh phủ Nam kỳ tự trị». Một lúc, ông thấy ra, ông sai lầm về phương pháp nên treo cổ tự vận.

(Người thân cận Chủ tịch Hồ Chí Minh thuật lại rằng :

«Ông cụ đọc tin ấy, lấy khăn chặm mắt, không nói gì hết»

Đã dùng chữ «mô hình» để nói cá biệt, thì sao không nói tới Phan Văn Chương ? Đang xôn xôn Đốc lý xã tây Saigon-Cholon, ông đốc phủ Phan Văn Chương ngang nhiên treo chìa khóa phòng làm việc của mình, ung dung đi vào

Đồng Tháp, cũng tức là (thưa ông Gautier) bước chân vào địa hạt chánh trị, không thấy khó lòng gì ! Mà chỉ thấy toại lòng với nước non.

Còn như mô hình, nói về phong trào đồng đảo.

Trên cái «địa linh» Nam kỳ này, người trí thức được tiếng yêu nước đôn xa. Bằng một cuộc hành hương đi sâu vào lòng Tổ Quốc, người trí thức, công chức, sinh viên Saigon-Cholon chào nhận cuộc «kháng chiến thần thánh», tự lúc bắt đầu. Họ ôm gói, nói nói cười cười thẳng xông bưng biên. Nếu nói cho có hình ảnh, Tổ quốc là cái bàn thờ, thì người trí thức Nam kỳ họp lại thành một bình bông. Họ đã lấy họ mà trang trí, mà giương uy tín của cái Ủy ban kháng chiến hành chánh Nam bộ. Được tạo ra bởi giai cấp tư sản «đi tìm đất mới để bán hàng» họ là những vật tư cần thiết trong việc điều hành bộ máy đánh giặc giữ nước và dựng nước của ta lúc bấy giờ. Bây giờ, giềng cạn nên nhớ nước, nhớ lại mà thêm những vật tư tư sản đó (nói chữ éléments bourgeois của Lê-nin)

Nhớ lại những Ca văn Thỉnh, Đặng Minh Trứ, Trần văn Nguyên, Phạm Thiêu, Phạm văn Bạch, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Ngọc Thuần, Kha Vạn Cân, Nguyễn Thành Vĩnh, Nguyễn Văn Chi, Hoàng Xuân Nhị, Lê văn Thiêm, Nguyễn Thiện Thành, Trần Hữu Nghiệp, Đốc phủ Chương, Đốc phủ Viễn, Trương Tấn Phát, Tạ Như Khuê, Tạ Nhứt Tứ, Trần Bửu Kiếm, Huỳnh văn Tiểng...

(Trời ơi ! Tình dài nói tới sáng ... nhưng đừng tha lỗi cho tôi nếu tôi quên ở các đâu tỉnh đều có người trí thức, học trò Lycée Petrus Ký như Chương, Đồi ở Thủ Dầu Một và Tây Ninh có Thanh và hiền hách Dương Minh Châu ... -un élève très brillant au palmarès).

Và tôi thật đáng chê mà quên rằng, Lê Duẩn (hồi còn chất phác và chịu nghe) nhờ có sống trong lòng Nam bộ, ngồi giữa anh em trí thức Saigon và đồng chí cũ, nên mới một lúc khôn ra) .

Chữ «toàn dân» không đồng nghĩa với «tất cả». Thi thuật ngữ «trí thức» đâu phải tất cả anh em trí thức ! Nói đại mà nghe, nếu họ bằng lòng kéo vô bưng hết thì chỗ đâu mà ở. Cho nên có người ra đi, kẻ ở lại. Mà có người vì không ưa cộng sản mà không ra bưng biên, thì có phải là người không yêu nước đâu ! Năm trăm trí thức sống trong Saigon bị chiếm, họ có cách đấu tranh của họ, cũng oai dũng vô cùng. Họ nhóm họp, thảo «*Tuyên ngôn của người trí thức Saigon*», cử đại diện Nguyễn Văn Hưởng, Đặng Minh Trứ, Lưu Văn Lang, cầm đi trao cho cao ủy Pháp, *Bollaert* đề nghị Chánh phủ Pháp hãy thương lượng với Cụ Hồ (1946).

Cái hoạt động chánh trị này nữa, của người trí thức Sài Gòn mới là độc đáo.

Hồi Mỹ chiếm đóng Sài Gòn. Khí thế còn đồ của nó đang hưng hực. Vậy mà cái danh xưng «Trí thức Sài Gòn» được làm rạn vỡ với phong trào Văn Bút, «ký giả ăn mày» (1974)

Tôi muốn giải thích thái độ chánh trị của Trương Vĩnh Ký cho thêm óng ánh, bằng câu chuyện sau đây :

Cái Lycée Petrus Ký, ngày xưa có cho học trò trường khác vừa thi đậu diplôme, vào đó học lớp tú tài. Dịp đó cho tôi một thằng bạn un bon chrétien. Nó học trò trường Taberd. Nhà nó ở tại chợ Tân An. Tên nó là Trần Văn Lộc, có thêm Paul. Nó ngồi cùng bàn với tôi. Nó cười khà khà dễ thương lắm. Chị Liễu, chị Vàng, chị Ngà ngồi bàn trên phải dạy lại nhìn.

Hồi đó tôi thôi học tất ngang. Ở Chợ Đệm đã có cuộc «biểu tình An Lạc» rồi. Và chủ nghĩa Công sản đang bỏ vôi, bò lan từ dòng họ. Mà bên ngoài tôi có giáo Tiếp, bên nội có Một Thế nên tôi đã hấp bẹ được ba cái *cách mạng tư sản dân quyền, cách mạng vô sản, cách mạng thường trực*.

Một hôm chủ nhật, bè bạn Petrus Ký, có Paul Lộc, kéo xuống Chợ Đệm thăm tôi. Ngổm ngoảm mồm sống thịt luộc, trên chục đứa trai «mười bảy» hồng học nói về sự lập thành cái khối tinh hoa (une élite) họa theo tiếng của Nguyễn An Ninh đã vang khắp lục tỉnh.

Paul Lộc có tham gia như vậy :

«Đức Giám mục Nguyễn Bá Tông dạy chúng tôi. Dân ta phải một lòng đoàn tụ, lấy cố đạo mà đi đến «xã hội cộng đồng» rồi mới cứu được nước An nam ta».

Bạn nói dài, nay nhắc lại, chỉ nhắc cái «xã hội cộng đồng» cái trùng tiếp với chuyện nói về Petrus Ký mà thôi.

Ít lâu sau được thư của Lộc. Nó nói sắp được đi Penang. Tôi đến địa chỉ, École des Séminaires, để từ giã. Nó đang quét lá cây, liền xách chổi, bước dài đi đến bắt tay. Và khà khà ... Hai đứa nín lặng như thâm hện nhau gặp lại ... Ở đâu ? Ở cái xã hội cộng đồng của nó. Hay ở thế giới đại đồng cộng sản của tôi ?

Từ đó đến nay không còn gặp mặt nhau nữa. Lộc ơi ! Bây giờ Cha ở nơi nào ?

Chuyện Monseigneur Tông, chuyện Penang và xã hội cộng đồng kể ra đó, cũng là toan nói về cái bước bước sang địa hạt chánh trị của Trương Vĩnh Ký, có chi mà phải «khó lòng» .

Trong khi cùng các vị «háo hiên» , nói về Trương Vĩnh Ký, coi như một danh nhơn, lại phải đi biện bạch với ông Gautier, nên dám ra nói năng lòng thông. Mà không sao ! Cũng chung minh được ông Lê Thanh, không mặc cảm

«*Trương Vĩnh Ký đã khơi động một cuộc cách mạng học vấn*» Người trí thức Nam kỳ 1945 là kết quả của cuộc vận động bên bí lớn lao, diên niên ấy.

★

★ ★

## LUẬN VỀ NGƯỜI KHỔNG LỒ.

Người khổng lồ ! Ở đâu ra vậy ?

Thật là khi đã cầm mà đọc Phri-đrich Ăng-ghen thì thật khó rời :

«Trong những bản cáo đã được cứu thoát khi thành Byzance bị tiêu vong, trong những bức tượng cổ đào được từ đồng đổ nát của thành Rome, một thế giới mới đã hiện ra trước mắt phương Tây kinh ngạc : đó là thời cổ Hy Lạp. Trước những hình ảnh tươi sáng của nó những bóng ma thời Trung cổ đã biến mất. Ở Ý bắt đầu một thời kỳ phồn vinh chưa từng có về nghệ thuật, nó xuất hiện giống như một ánh sáng phản chiếu của thời cổ cổ điển và người ta không bao giờ thấy lại thời kỳ ấy nữa. Ở Ý, ở Pháp, ở Đức, một nền văn học mới, nền văn học hiện đại đầu tiên đã xuất hiện ; sau đó ít lâu, Anh và Tây Ban Nha cũng có thời kỳ văn học cổ điển của mình. Ranh giới của Orbis terrarum (vùng đất) cũ bị phá vỡ, giờ đây lân đầu tiên người ta thật sự phát hiện ra trái đất và đặt nền móng cho nền thương

nghiệp thế giới sau này và để chuyển nền sản xuất thủ công sang công trường thủ công, công trường thủ công này đến lượt nó lại hình thành điểm xuất phát cho nền đại công nghiệp hiện đại. Chuyên chính tinh thần của giáo hội bị đập tan ; đa số các dân Giéc manh đã trực tiếp vứt bỏ nền chuyên chính đó và theo đạo Tin Lành, còn ở dân tộc nói tiếng Rôman thì một luồng tư tưởng tự do yêu đời thừa hưởng được của người Á rập và được nuôi dưỡng bởi nền triết học Hy Lạp vừa mới được phát hiện, ngày càng ăn sâu mọc rễ và chuẩn bị cho chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII.

Đó là một cuộc đảo lộn tiến bộ lớn nhất mà từ xưa đến nay nhân loại chưa từng thấy, là một thời đại cần có những con người khổng lồ ; khổng lồ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách, về tính chất đa diện và về mặt uyên bác. Những người đã đặt cơ sở cho nền thống trị hiện đại của giai cấp tư sản có thể được coi bất cứ là những người như thế nào cũng được, nhưng quyết không phải là những người có tinh hạn chế tư sản. Trái lại, ít nhiều họ đều có cái tinh thần phiêu lưu của thời đại họ. Hồi bấy giờ hầu như không có nhân vật quan trọng nào mà lại không từng đi chu du xa, không biết nói bốn năm thứ tiếng, và không nổi bật trong nhiều lĩnh vực. Leonardo de Vinci không những là nhà hội họa lớn mà còn là một nhà toán học, một nhà cơ học và một kỹ sư lớn đóng góp được nhiều phát hiện quan trọng vào những ngành rất khác nhau của khoa học vật lý ; Albracht Durer là một nhà hội họa, một người thợ khắc, một nhà điêu khắc, một kiến trúc sư ngoài ra lại còn phát minh ra một hệ thống xây dựng công sự, trong đó có rất nhiều ý kiến mà mãi sau này Montalembert và học thuyết về xây dựng công sự hiện đại ở Đức vẫn còn theo Machiavelli là một nhà chánh trị, nhà sử học, nhà thơ, và đồng thời là một tác gia

đâu tiên viết về những vấn đề quân sự đáng được nêu tên của thời cận đại. Luther không những đã quét dọn những chuồng ngựa Augias của giáo hội mà còn quét dọn rác rưởi của tiếng Đức nữa ; ông đã sáng lập ra văn xuôi hiện đại Đức và đã soạn ra lời và nhạc của cái bài thánh ca đầy lòng tin tưởng vào thắng lợi, sau này đã trở thành bài Marseillaise của thế kỷ XVI. Những anh hùng thời ấy còn chưa bị nô dịch bởi sự phân công lao động mà tác động gây ra tính chất hạn chế, phiến diện, như chúng ta rất thường thấy ở những người kế tục họ. Nhưng nét đặc biệt đặc trưng của họ là họ hầu hết đều sống và hoạt động trong phong trào của thời họ, trong cuộc đấu tranh thực tiễn tham gia các chính đảng và đấu tranh, người thì dùng lời nói và cây bút, người thì dùng lưỡi kiếm và nhiều người dùng cả hai cách. Do đó mà họ có một tính cách phong phú và kiên cường khiến cho họ trở thành những con người toàn diện. Những nhà bác học bàn giấy là những ngoại lệ, hoặc giả đó là những nhân vật hạng hai hay hạng ba hoặc giả đó là những tên Philixtanh khôn ngoan, không muốn mình bị bồng tay».

*(Phép biện chứng của tự nhiên. Lời nói đầu)*

Thì độ thử !

Dẫu «khiêm tốn bất buộc» mà phải nói như Gandhi : «ao nào thì cá ấy» thì người An nam mình cũng hãnh diện mà nói, ít nhất là :

Petrus Ký được phong vào hàng «thế giới thập bát văn hào». Thế giới văn học phương Tây, hay hẹp lại ở Paris, người ta biết Petrus Ký từ khi «anh chàng Ba-tư» này, theo đoàn của Phan Thanh Giản mà đến Pháp năm 1863, mới có 26 tuổi, trẻ măng. Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố nói : «Thật là



một nhà bác ngữ uẩn súc, nước ta chưa từng có bao giờ» .  
Cũng là Khổng lô chớ bộ !

Tôi thấy lại trong đâu, những đợt sóng người, ở cái đất Nam kỳ cam tâm làm thuộc địa này, từ cuối thế kỷ XIX, đã hăm hở học chữ Tây. Những người học giỏi nảy sinh ra, cỡ như kỹ sư Nguyễn Văn Xuân, bác vật Lưu Văn Lang, thầy thuốc Nguyễn Văn Thịnh thì làm sao kể ra cho xiết ! Và nhan nhân bây giờ chưa chịu chết, cái lứa học trò Lycée Petrus Ký tụi mình đã cần mẫn học chữ Tây đã đi kháng chiến, nhưn danh *Tuyên ngôn nhân quyền* mà Tây đã dạy rồi đánh Tây chơi !

Tôi có thấy Voltaire nói với Chamfort :

«Cái dân tộc nào mà thoát ra khỏi được cảnh dã man, thì đó cũng là nhờ bởi thiên nhiên đãi thọ cho có được ba bốn kẻ có tài ba (*Du génie*) và phong thượng (*et du goût*).

Nói vậy về một Trương Vĩnh Ký, có được không hè ?

Bây giờ trở lại với Gautier. Coi ông tô điểm bạn ông.

«Từ trước đến nay, ít có những nhà giáo dục, văn hóa Đông phương đặt chân lên đất Pháp và gieo tư tưởng Đông phương. Quả là một điều đáng tiếc, nhưt là đối với công việc tìm tòi, tham khảo của chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã thỏa mãn ngay : một dịp may, tôi đã gặp ông Trương Vĩnh Ký, một nhà bác học An nam.

Con người ấy, phong độ ấy đã thu hút được chúng tôi ngay sau khi gặp gỡ chuyện trò ban đầu. Ông Trương Vĩnh Ký nói tiếng Pháp đã khéo và lại am tường sâu rộng văn hóa của Tây phương. Ông nhớ từng nhưn danh, địa danh một, và nhớ đúng vô cùng.

Lời nói của nhà văn hào Rudyard Kipling rằng :

«Đông phương là Đông phương, Tây phương là Tây phương. Đông phương và Tây phương không bao giờ gặp nhau» .

Điều này trước kia tôi cũng vẫn cho là một chân lý bất biến. Vì rằng trong khi nghiên cứu kỹ càng tất cả những điều sai biệt về :

*nhận thức quan,  
nhân sinh quan,  
vũ trụ quan,  
xã hội quan,*

tôi vẫn thấy dường như có một bức tường cao lêu nghêu phân cách không thể nào thâm thấu qua nhau được. Chẳng riêng gì tôi, một số đông văn hữu ở đây cũng thấy thế. Máy cuộc tiếp xúc với Trương Vĩnh Ký đã mang lại cho chúng tôi nhiều ý kiến mới lạ. Thì ra lúc đó tôi mới hay rằng :

«Kìa kìa lữ trước giòng sau.  
Trăm sông rồi cũng chung đầu đại dương»

(của Thâm Tâm -- ND)

Tôi bắt đầu quen biết Trương Vĩnh Ký nhân trong cuộc họp mặt hứng thú và nhiều hảo ý của các nhà văn hóa qui tụ tại kinh thành Ba Lê phong phú này.

Trước kia một vài bạn bè cũng có trình bày qua cho tôi được hiểu cá tính của con người đó. Tôi chờ đợi.

Thì quả, sau nhiều lời bàn qua tiếng lại, tôi đã gần gũi được và bắt đầu từ đó chúng tôi giao kết cùng nhau. Càng chiêm nghiệm, tôi càng thấy rõ rằng, trên địa hạt văn hóa, mọi người ở tại muôn phương đều dễ dàng trở về gặp gỡ và hòa chung nhịp sống với nhau.

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)

Họ Trương quả là một nhà văn hóa Đông phương với tất cả cốt cách, phong thái của tiên sanh.

Ưu điểm đầu tiên mà chúng tôi nhận thấy là Trương Vĩnh Ký biết nhận những sự sút kém của mình, rồi thẳng thắn tìm học, không một chút ngại ngùng e lệ, bần khoản gì cả.

Con đường tiến thủ trường cửu nào cũng đòi ở mỗi chúng ta đức tính đó cả. Vì vậy cho nên tôi cũng tin tưởng ở vai trò văn hóa của tiên sanh rất nhiều triển vọng.

Con người ấy thật ham học, ham biết, tượng trưng cho đức tánh cần mẫn, yêu chuộng văn hóa của người Đông phương.

Đó là một thái độ cần thiết của con người trí thức, nhất là đối với Trương Vĩnh Ký, vì tiên sanh tự gán cho mình một trọng trách vĩ đại là thâm nhập văn hóa ngoại bang.

Bất cứ thấy một sự kiện gì, một tài liệu nào mới lạ tiên sanh cũng dò hỏi cho đến ngọn đến nguồn, không hời hợt và cũng không bao giờ hà tiện thời giờ cho những công việc đó.

Con người ấy ...

Bất cứ ở đâu đâu cũng giữ đúng thái độ, tác phong của con nhà Nho Đông phương : kính cẩn, tín nhiệm và lễ độ đối với tất cả mọi người. Tiên sanh đã gây được nhiều cảm mến với các văn sĩ bác học danh như của Pháp, cũng như các anh tài thế giới đến trú ngụ hay viếng thăm kinh đô Paris lúc bấy giờ. Nhờ vậy mà tiên sanh gây được nhiều tình thân hữu đậm thắm, nồng nhiệt có ảnh hưởng đến con đường tiến thủ của mình trong mọi địa vực» .

Ông Gautier viết cho bạn như vậy. Ai hay; đó cũng là lời giới thiệu Trương Vĩnh Ký vào hàng «thế giới thập bát văn hào»

Ông Gautier đâu có rập với chúng ta để luận không lô theo khuôn của Ăng-ghen !

Thì cứ để đó ! Chúng ta coi, nói sao đây để với tới tâm cao của Trương Vĩnh Ký ?



## LUẬN VỀ BA PHONG TRÀO CỦA THỜI ĐẠI

Ba phong trào ấy, Ăng-ghen vừa nói bên trên.

Còn thời đại này ?

Petrus Ký sanh vào thế kỷ XIX.

Trên xứ Cái Mơn, đêm nằm ủ ê trong ngực mẹ, tim đập theo tiếng chân lính lệ, cầm đuốc soi chiếu chỉ sát đạo, đi quanh hè. Được thầy dòng ôm ấp, ấm tới Penang.

Ở đó, các giám mục học rộng đã vun bồi cho, một học vấn phổ thông (culture générale) bát ngát, cho xâm nhập văn hóa Hy Lạp, La mã, bồi dưỡng cho nhận thức lý luận về toàn bộ cuộc vận động lịch sử của các nước chung quanh Địa Trung Hải, và cho thấy được những thành tựu của khoa học đang buổi bình minh.

Cái khoa học mới nảy sinh này, là một sự hứa hẹn khai hóa toàn thể loài người, trong đó đang còn có những bộ tộc dã man. Nếu điều đó còn lâu mới tới, thì ngay trước mắt, khoa học đã đem đến rồi, một cái này đây, nó đánh dấu một giai đoạn quyết định của lịch sử văn minh nhưn loại.

Đó là cái gì ?

— Là *PHƯƠNG PHÁP LUẬN*.

Nói gì về cái phương pháp luận, cái «méthode» này ?

— Nói rằng :

«Chừng nào mà đầu óc con người cứ lấy những lực lượng, những hiện tượng mà không ai hiểu được là gì cả, hoặc là lấy ý định của thần linh để cắt nghĩa sự đời, thì con người chỉ có sống trong sợ sệt, sống đây niềm kính cẩn, vậy mà cứ nơm nớp sợ, không biết mình có lẽ làm điều gì cho thần linh họ giận hay không. Để chấm dứt sự sợ hãi ấy, trường phái vĩ đại Epicure đã ra công mạnh dạn cắt nghĩa vũ trụ, bằng *QUAN SÁT* và bằng *LÝ TRÍ* rồi dùng *DỰ ĐOÁN* mà thiết lập kỷ nguyên của sự sống an lạc. Đồng thời, trường phái này phát huy sự mê say những điều về trí tuệ, phát huy sự ham thích chinh phục cái mới, làm cho con người đối với sự vật, luôn luôn có được một sự hiểu biết ngày càng phong phú, càng chính xác, càng ưng ý hơn. Chính những nguyên tắc của tư duy khoa học của thế giới Hy Lạp-La mã là chất men làm dậy thế giới phương Tây» .

(Trích trong *Histoire de France* , của A. Bayet) .

Cái thời đại này ...

Nó có ba phong trào mà Ăng-ghe-ni diễn tả :

«Vào thế kỷ XVIII tư tưởng của đạo Cơ đốc nhường chỗ cho những tư tưởng tiến bộ. Chuyên chính tinh thần của giáo hội bị đập tan, đa số các dân Giéc-manh đã trực tiếp

vứt bỏ nền chuyên chính đó, còn ở dân tộc nói tiếng rôman thì một luồng tư tưởng tự do yêu đời thừa hưởng được của người Á-rập và được nuôi dưỡng bởi nền triết học Hy Lạp vừa mới được phát hiện, ngày càng ăn sâu mọc rễ và chuẩn bị cho chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII»

Chủ nghĩa duy vật thế kỷ XVIII soi sáng đầu óc mọi người để chuẩn bị cho cách mạng của thế kỷ XIX.

Trong thời đại «ánh sáng của lý tính», nổi lên ba phong trào như vậy thì đầu óc của người Thiên chúa giáo E. Renan đã xoay chuyển ra sao? (Petrus Ký «chơi» với Renan, nói Renan để hiểu ra Petrus Ký).

Ta nghe Renan nói :

«Chúng ta tiếp nhận di sản của ba phong trào lớn hiện đại, đạo Tin lành, Triết học và Cách mạng, mà không hề muốn trở lại với những giáo lý của thế kỷ XVI, muốn làm như những Voltaire, hoặc muốn làm lại 1793 và 1848. Cần gì làm lại những cái mà ông cha ta đã làm kia !

Vì sự nghiệp của họ chung qui cũng là chủ nghĩa tự do» (le libéralisme).

Công lao của thế kỷ XIX sẽ là sự chinh phục cái hạnh phúc về vật chất mà mới nghĩ, thì có thể coi là phạm tặc, ấy vậy mà, nó trở thành một sự vật thiêng liêng, nếu người ta nghĩ đến nó và coi nó là điều kiện tiên quyết cho sự giải phóng tinh thần».

Coi như là sự tiếp thu «di sản của ba phong trào lớn» Renan có cái đạo lý của riêng ông.

Trước hết là trong tác phẩm «Nhớ về thời thơ ấu và tuổi thanh niên» Ông viết :

«Xét về đại thể thì đạo Cơ đốc còn khả dĩ chấp nhận được, nhưng nếu xét về chi tiết, thì không. Cái đó là cái lẽ tại sao môn thần học là có tánh chất hủy phá tột bực»

Và ông ca ngợi lý trí :

«Lịch sử đâu phải là một cuộc náo loạn vô tích sự. Một ngày kia trí tuệ sẽ dẫn dắt thế giới. Mà cuộc cách mạng 1789 là sự nỗ lực đầu tiên của con người lấy lý trí mà xử sự cuộc đời» .

Và ông làm «giáo chủ» một cái đạo (không phải như ba mươi sáu thứ đạo của Nam kỳ ta) . Ông gọi đó là «Đạo của trí tuệ hiện đại» . Và ông cổ xúy :

«Không phải là không có dụng ý mà tôi gọi bằng cái tên «khoa học» cái mà thông thường người ta kêu là «triết học» . Triết học là một chữ tôi thích để tóm tắt cuộc đời tôi, song trong thông dụng, chữ này chỉ liên tả một hình thức không hoàn toàn của sự sống nội tâm, và chỉ dính liú đến một kẻ suy-tư cô độc.

Vậy khi người ta hướng sang quan điểm như văn thì phải dùng cái chữ khác quan hơn, là chữ «hiểu biết» (savoir) .

Phải ! Một ngày sẽ đến, ngày ấy như loại không còn huyền tín nữa (croire) mà đích thực là hiểu biết, ngày mà như loại hiểu biết thế giới siêu hình và đạo đức cũng như nó biết thế giới hữu hình, ngày mà sự quản lý như loại không còn phó thác cho may rủi và mưu mô, ngày dân thân vào cuộc đối thoại hợp lý về cái «thiện» và về những biện pháp hữu hiệu nhất để đạt cho được. Nếu đó là



mục đích của khoa học, nếu khoa học có mục đích dạy cho con người cứu cánh và qui luật của nó, làm cho con người nắm được ý nghĩa chơn thật của sự sống, nếu mục đích của nó là lấy nghệ thuật, thi ca và đạo nghĩa mà điều chế cái lý tưởng thiêng liêng, chỉ có cái đó mới đem giá trị cho đời sống con người, thì khoa học làm gì lại để cho những người nghiêm chỉnh họ gièm pha» .

Renan còn có nói : «Đạo Cơ đốc có một quan niệm quá hẹp hòi về cái thiên phẩm (le sacré) mà hủy hoại cái nhơn tính (la nature humaine) . Rồi trần tình :

«Từ lâu rồi tôi có thể suy nghĩ và viết, coi như trên đời không có tôn giáo nào cả, tôi làm như nhiều triết gia duy lý, họ đã viết hàng đống sách mà không có chữ nào nói đến đạo Cơ đốc. Nhưng tôi cũng kịp thấy ra rằng, hắt hủi như vậy là một điều bất kính đối với lịch sử, là rất không đầy đủ, rất tiêu cực đối với các cái gì là huy hoàng nhất trong nhơn tính».

Tôi đọc cũng kỹ của cả hai người.

Giữa hai bạn tương tri, tâm đắc, lại là đồng đạo ấy, có những quan điểm về đạo giáo và về khoa học triết học cặp kè với nhau mà thọ lãnh «di sản của ba phong trào thời đại»

E. Renan giống giả cái chủ nghĩa «khoa học vạn năng» (le scientisme)

Trương Vĩnh Ký lấy trong cái vốn đạo Nho cái «đại học chi đạo» mà cân với cái «Đạo của trí tuệ tân thời» và làm cho Đông phương gặp Tây phương.

Cái Đại học chi đạo là :

« ... tại minh minh đức, tại tân dân, tại chí ư chí thiện» .

Để đạt được «chí thiện» là đỉnh cao vọi vọi của «hiểu biết » (savoir) thì phải nhờ «cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm» !

À mà đằng trước có nói rồi. Nơi đây cần nói thêm chẳng ? Là nói Trương Vĩnh Ký cũng lấy cái triết lý đại học chi đạo của Trung Hoa cổ đại mà làm khoa học để dạy cho đàn con em mình học. Là nói thêm sự Đông phương gặp Tây phương vào cái tính khoa học :

«Cái khoa học rộng rãi và tự do, không bị dây rợ nào ràng buộc ngoài cái dây rợ của lý trí, không có vòng khép kín của tín điều, không đên thờ, không cha cố, sống thoải mái trong cái mà người đời gọi là thế gian trần tục, cái đó đó, là hình thức duy nhất của tín ngưỡng, từ rày về sau sẽ lòi cuốn nhờn loại»

(E. Renan).

Họ cũng có cùng một «điều bất kính».

Trương Vĩnh Ký—officiellement là Thiên chúa giáo, mà trong trên trăm cuốn sách ông viết, ông không có dành phần truyền bá đạo Cơ đốc. Nếu chỗ này chỗ nọ, ông dùng chữ Chúa, chữ Thượng đế thì cũng là như Descartes nói về Tạo hóa tối thượng mà thôi. Và Trương Vĩnh Ký dùng chữ Trời thì cũng có dụng tâm biểu lộ sự mình cung kính đức tin của đồng bào.

Chúng ta đọc lại mấy câu trong «chấp lời hịch thiếu».

Đứa Da-tô khác lòng xưa.

Biết chuyện thiên đàng là dối thế.

Phường chệch khách dành cho đất cũ.

Con người dị vực chớ nên thân.

và đoạn sau đây trong tác phẩm «*Kiếp phong trần*» .

«Trương — Người ta ở đời Trời sanh ra đều có cho nó một cái vai tuồng nào mà làm, không ai không, mỗi người đều có một nghề riêng hết thấy. Lấy việc hát bội mà ví : từ bầu gánh chí nhân chú nhưng, hoặc làm tướng, vua, đào kép sắp đến kẻ chạy hiệu, mỗi người đều có, phiên, thứ, vai tuồng riêng cả.

Con người ta ở đời là một bọn con hát, ai có vai nấy mà làm, ấy là, mỗi người riêng mỗi kiếp là làm vậy.»

Trên đây là Tôn giáo và Triết học.

Dưới này, nói Cách mạng cho đủ với ba phong trào.

Mà trên vấn đề cách mạng, chúng ta lại cũng tách hai người bạn với nhau ra. Vì rằng đối với Renan, cách mạng thì như búng cơm đang nhai trong miệng, còn đối với Trương Vĩnh Ký thì như hột lúa đang dãi nắng dầm mưa ngoài đồng.

Cách mạng nha.

Chúng ta không nói cái cách mạng mà sự thông dụng cổ điển đã dành cho nó, hàm ý những biến đổi đột nhiên và bạo liệt.

Chúng mình nói chữ cách mạng này theo nghĩa đầy đủ, là một sự biến đổi sâu sắc đến tất cả các hình thức của sự sống công cộng và sự sống riêng tư.

Trương Vĩnh Ký tiếp nhận di sản cách mạng. Cuộc cách mạng này bắt đầu từ sự chiếm nhà ngục Bastille.

«Sự chiếm nhà ngục Bastille là huân nghiệp của một dân tộc tự do. Nếu La Renaissance (cuộc Văn nghệ phục hưng) đã giải phóng trí tuệ, thì La Révolution (cách mạng) đã giải phóng nước Pháp. Chủ nghĩa nhân văn đã bén rễ được với một dân tộc, đã tuyên bố những quyền tối thượng của con người và của các dân tộc, đã hò vui với thế giới *TỰ DO, BÌNH ĐẲNG, BÁC ÁI*.

Nước Pháp trong con mắt của thế giới, là một dân tộc lý tưởng.

Một ngàn năm trăm năm về trước, những nhà luật học khắc kỷ đã nói rằng, về quyền thiên nhiên, cũng có nghĩa là về công lý lý tưởng tất cả mọi người đều sanh ra tự do và bình đẳng. Và nay đây, những con người của 89 lại còn dưng cảm tuyên bố, con người sanh ra có thân thể tự do và bình đẳng trước pháp luật !

Sự xác nhận về tư tưởng của cá nhân và về phẩm chất nhân vị, đã có quyền lực về mặt pháp luật, đó là cách mạng. Lòng nhân ái Cơ đốc chỉ hiểu sự bình đẳng là bình đẳng trước Chúa. Còn ở thế tục thì nó hằng khuyên : *đưa cái gò má bên kia nữa* . Sự khôn ngoan Hy Lạp, La mã thì hiểu sự bình đẳng là cho đẳng cấp người tự do, còn thì, nó chịu cúi đầu trước chế độ nô lệ. Đối với Tuyên ngôn nhân quyền, con người coi đó chính là quyền lực của mình. Quyền lực đó, cũng là bốn phận đó ! Bốn phận vất óc, kiếm tìm phần đầu vì một đô thành (cité) có sự sống công bằng hơn. Cái đó phải tạo ra trong lòng người cái phẩm chất đại đồng là cùng chung sức thực hành cái đạo đức tối thượng ấy !»

(Trích sách của A. Bayet).

Mời ông Gautier.

(Theo sách của Khổng Xuân Thu) .

«Ông Gautier nói lại quan điểm chánh trị mà Trương Vĩnh Ký đã tỏ bày trong một buổi tiếp chuyện ở nơi trú quán của phái bộ An nam.

Có người hỏi :

-Ngài nhận định chánh trị nơi đây như thế nào ?

Lúc đó Tiên sanh đã chơn thành trình bày cho chúng tôi được hiểu rõ ràng :

-Tiến bộ về sanh hoạt chánh trị của Tây phương thật quá rõ rệt và mạnh mẽ về đường thực dụng.

Công trình của các nhà văn hóa có công trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền ở Pháp 1789—có thể bảo là của châu Âu — như là.

Montesquieu (1689—1755)

Jean Jacques Rousseau (1712—1778)

Diderot (1713—1784)

Voltaire (1694—1778)

thật tiến bộ và đáng nêu gương sáng.

Tôi cũng đã từng đọc những bộ sách quý, như là :

*Vạn pháp tinh lý* (Esprit des lois) của Montesquieu, in vào năm 1748, *Dân ước* (Contrat social) của J. J. Rousseau, in vào năm 1762, *Thư Ba tư* (Lettres persanes) của Montesquieu xuất bản vào năm 1721, *Thư triết học* (Lettres philosophiques) của Voltaire, in năm 1733, hay một vài chương ở bộ tự điển Diderot (soạn trong 21 năm trời, từ 1751 đến 1772) . Chẳng những họ đã sống một cuộc đời gian khổ, cực nhọc, vào tù ra tội, đầy ải hiểm nghèo, mà điều đáng cho

chúng ta khâm phục hơn là trình bày thẳng thắn giá trị tự do, bình đẳng của con người, của người dân, của kẻ dưới được có một địa vị rõ rệt. Chánh trị của thầy Mạnh Tử cũng có nhiều điểm rất tiến bộ như thế.

Xin trình bày một vài đoạn điển hình ra sau đây để các ông được rõ ràng hơn.

*Dân vi quý.*

*Xã tắc thứ chi.*

*Quân vi khinh.*

Có nghĩa là.

*Dân thật đáng quý.*

*Rồi mới đến nước nhà thứ nhì.*

*Vua chỉ nên coi nhẹ mà thôi.*

hoặc là những đoạn như sau đây :

*Chưa thấy kẻ có lòng nhơn mà bỏ cha mẹ mình bao giờ.*

*Chưa thấy kẻ có nghĩa mà lại trễ nãi công việc của nhà vua bao giờ.*

*Vua chỉ nên nói đến việc nhơn nghĩa mà thôi, hà tất phải nói lợi lộc gì.*

Nói đến đây thì tiên sanh xoa đôi tay với nhau, cười mà rằng :

*« Công việc khai hóa dân tộc cũng phải nhắm vào việc nâng cao dân trí mới được » .*

Ông Gautier còn đang nói. Nhưng ông đã cho vào đầu tôi hình ảnh Trương Vĩnh Ký xoa tay.

Xoa tay là cử chỉ tự bằng lòng ; .

Mà cũng là vừa mới bốc cái gì đó nóng, mà xoa tay.

Tôi nói xen vào kéo quên chuyện người «khôn ngoan không muốn mình bị phỏng tay» (F. Engels).



## TRƯƠNG VINH KÝ KHÔNG SỢ PHỎNG TAY

Tôi đã dám nghĩ Trương Vinh Ký là người không lờ. Đã sợ rồi. Bây giờ sợ lại. Thì cũng «không lờ về năng lực suy nghĩ, về nhiệt tình và tính cách, về tinh chất đa diện và về mặt uyên bác» đó chứ !

Về cái biết «bốn năm thứ tiếng» thì khỏi nói.

Nói đây chẳng là : Trương Vinh Ký «ít nhiều cũng có tinh thần phiêu lưu» Ông là người uyên bác khôn ngoan không sợ phỏng tay. (Chúng ta đọc thơ tâm tình của ông gửi bạn thì đủ thấy) .

Trưởng thành với thế kỷ XIX, người như Trương Vinh Ký ắt phải thấy (và như Nguyễn Trường Tộ đã thấy) :

«Vì luôn luôn bị thúc đẩy bởi nhu cầu về những nơi tiêu thụ mới, giai cấp tư sản xâm lấn khắp hoàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, khai thác khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi»

Ắt phải nhìn sang Ấn độ :

«Một nước mà ở đó sự thù nghịch không những xảy ra giữa người Hồi giáo và người Ấn độ, mà còn xảy ra giữa bộ lạc này với bộ lạc kia, một xã hội mà toàn bộ cơ cấu của nó dựa trên một loại thế quân bình, do sự bài xích lẫn nhau một cách phổ biến và do sự cách biệt cố hữu của mọi thành viên của nó quyết định, lẽ nào một nước như vậy lại không trở thành miếng mồi của kẻ chinh phục ? »

Không khéo nước An nam mình sẽ sa vào ách vận ấy mà thôi. Sự đời đã vậy. Trương Vĩnh Ký đâu có lòng nào mà dám nói ra, (như cái ông bạn Paul Bert) rằng may cho mình mà được thực dân Pháp đè đầu, sướng hơn bị đè bởi quân Nhật nhĩ mãn. Nhưng dù sao, đối với mọi người, cái nước Pháp 1789 cũng là mô hình hấp dẫn.

Xét thật ra, Trương Vĩnh Ký đã hoan nghinh cuộc cách mạng tư sản dân quyền 1789 ở Pháp với bản tuyên ngôn dân quyền như là sự báo tin văn minh sẽ tỏa ra khắp «xã hội cộng đồng». Ngôn từ An nam còn hạn hẹp, chớ thế nào những tư tưởng này không vo ve trong đầu ông :

«Thời kỳ tư sản của lịch sử có sứ mệnh tạo ra cơ sở vật chất cho một thế giới mới. Một mặt phát triển sự giao dịch thế giới dựa trên sự phụ thuộc lẫn nhau của tất cả loài người cũng như phát triển những phương tiện của sự giao dịch đó. Mặt khác, phát triển các lực lượng sản xuất của con người và đảm bảo biến nền sản xuất vật chất thành sự thống trị đối với các lực lượng của thiên nhiên, nhờ vào khoa học.

Công nghiệp và thương nghiệp tư sản tạo ra những điều kiện vật chất ấy của thế giới mới, cũng giống



như đảo lộn về địa chất đã tạo ra bề mặt của trái đất».

Tu viện Penang đã xây dựng cho Petrus Ký cái thế giới quan xã hội cộng đồng, mà ông đã viết trong thư gửi Kaempfen:

*«Đó là nhiệm vụ chơn chánh cần thiết của những người tham bác phải giúp ích cho các xã hội khác nữa».*

Mà phàm, ai nói «giúp ích cho các xã hội khác» thì tức là đã nghĩ, trong đó, trước hết đến xã hội nước mình rồi. Vậy nên, cũng trong thư đó, Petrus Ký viết :

*«Đối với những ai muốn hướng về những nước Viễn Đông điều đó không có gì đáng lo ngại cả, tôi đã im lặng trở về đó» .*

Làm vậy, đâu nói là «ít nhiều phiêu lưu» thì cũng là nói quá, vì đây cũng là có phần thương nhớ mẹ mà về quê nhà. Không sợ phông tay.

Phông bởi lửa gì ?

Dân tộc ta có mấy ( ? ) ngàn năm lịch sử, ôm cả ngàn năm chống ngoại xâm. Giặc đến nhà bà già cũng đánh. Lý trí chánh trị ở một dân tộc phát triển như vậy, làm cho gặp giặc Phang sa, tầng lớp người lao động cùng khổ lập tức ném sức lực của mình vào cuộc đứng lên «hơn thua cho biết đó cùng đây». Nhưng xét ra là liều lĩnh cần thiết mà vô ích.

Sao là cần thiết ?

Không phải là cần thiết cho lớp sanh sau và các bề lịch sử hát vang và hô vang : dân tộc ta đệ nhất anh hùng ! Mà cần thiết, vì rằng, khi giặc mới tới mà các lớp cư dân bình thường, lớp chạy vát giò lên cổ, lớp đứng sừng xin thua, thì

dân tộc ấy mất nước là chuyện rõ, chỉ có không rõ là mang số phận nô lệ đến kiếp nào !

Còn sao là vô ích ?

Xin đọc những bài văn tế Nguyễn Đình Chiểu khóc nghĩa quân Cần Giuộc.

Petrus Ký vào đời rõ thấu cái mâu thuẫn ấy và tiếp nhận im lặng, làm thinh. Ấy thế mà nổi lòng cũng giữ không nhem nổi. Chớ cứ chi, đang nói Mạnh Đức Tư Cưu sang Mạnh Tử, ông liền hạ xuống một câu nghe chùng lạng lọng:

*«Chưa thấy kẻ nào có lòng như mà bỏ cha mẹ mình bao giờ» .*

Câu nói ấy vì chút mặc cảm mà phân bua vậy thôi, cho cái sự trung trinh của mình.

Rồi lại xoa đôi tay với nhau, như vừa bị phỏng, cười mà khẳng định lẽ sống của mình :

*«Công việc khai hóa dân tộc cũng phải nhắm vào việc nâng cao dân trí mới được»*

Cái lẽ sống của ông xây dựng với sự dốc lòng : giúp ích cho xã hội mà trước nhất là cho nước nhà mình. Và nước nhà mình nó cần cỗi quá, vì ở xa quá và cô đơn quá, cho nên thời gian này cần phải tái tạo và canh tân. Và như trong lời thơ gửi bác sĩ Chavanne, ông đã đưa ra lẽ sống :

*«Phải sống theo cuộc đời đã vạch sẵn. Chỉ nên giúp ích cho chúng ta, cho đồng bào, cho mọi việc trong thiên nhiên. Phải làm trọn cái cứu cánh đầu tiên»*

(Cứu cánh đầu tiên hay là khởi đầu của cứu cánh — hỏi người dịch — ? Thường nghe nói le commencement de la fin, mà) .

Pascal có nói :

«Con người, một khi nó đã làm điều đê tiện, thì nó đã xa rời cứu cánh của nó rồi»

Cái cứu cánh đầu tiên của Trương Vĩnh Ký là giúp ích cho công việc khai hóa đồng bào, nhằm việc nâng cao dân trí. Và trong khi làm việc cho Phang sa, ông đã lấy tinh thần trầm tĩnh (lặng lẽ) và cao thượng để làm thẳng bằng sự thuần phục, và cũng mặc nhiên nói với đồng bào, hãy nhưn việc thần phục mà tỉnh giấc. Ảnh hưởng này lớn lắm. Từ nhiều lớp môn sinh của ông như Gilbert Trần Chánh Chiêu, Đặng Thúc Liêng, Diệp Văn Cương ... dấy lên phong trào học lấy chữ Tây, lan rộng, kéo dài đến bọn collégiens tại mình. Khắp đất Nam Kỳ lan tỏa không khí *KHUYẾN HỌC*.

Trong khi làm việc cho Phang sa, có dịp là ông nói chẳng ngại ngùng :

«Tôi phục vụ cả hai, đất nước đẻ ra tôi và tổ quốc lớn là nước Pháp»

Có chỗ ông nói : Tổ quốc của tôi là đại gia đình phương Tây (la grande famille d'Occident).

Khi nói chẻ hai như vậy, vẫn không để mất cái gì. Mà mất cái gì kia chớ !

Tại mình đọc thử câu này của sử gia Michelet coi :

«Người ta tự hỏi, sự mất mát tổ quốc, làng quê, mảnh đất chôn rau, những kỷ niệm, những thành kiến cũ. Sự mất mát đó có thể xảy ra như thế nào ... thì có gì đâu, cái tổ quốc lớn xuất hiện ra trên điện thờ và nó đưa vòng tay ra đón lấy những cái đó ... Tất cả ngã mình vào và tất cả đều quên chính

minh, ngày ấy chúng sẽ không còn biết quê của chúng là ở nơi đâu ... »

Âu cũng là tư tưởng «xã hội cộng đồng».

Như người Gaulois tổ tiên của người Pháp, ngày xưa có nói không e lệ : «Tôi yêu Bordeaux của tôi và tôi thờ phụng Rome» . Thi xem nước Pháp hậu hối, có mất mát cái gì, còn đã được lại cái gì ? Để tượng trưng cho sự so đo được mất. Trương Vĩnh Ký, bản thân không để mất gì hết, từ quốc tịch đến quốc hôn, bộ khăn đóng áo dài. Trương Vĩnh Ký thành thật đưa tay ra nắm lấy tay người Pháp, ông muốn nhờ ở sự gắn gũ với châu Âu, đem lại văn minh tiến bộ. Mà văn minh, tiến bộ chỉ tồn tại trong sự đồng song phát triển của trí tuệ, đạo đức và hạnh phúc.

Cụ thể là sự gắn gũ với nước Pháp, nước của người dân đã từng hô hào, nước của mình là nước của TỰ DO. Mà đã chịu bắt tay (hay nói là hàng phục cũng vậy thôi) với người Pháp, thì tất nhiên trong dạ cũng dần do theo lời của Michel Chevalier (mà C. Mác đã có nói tới) .

*«Vào năm 1789, khi giai cấp tư sản vùng dậy thì đối với nó, để được tự do, chỉ thiếu có việc tham gia vào việc quản lý nhà nước. Đối với nó, giải phóng bao hàm ở chỗ làm làm sao giành được quyền lãnh đạo những công việc xã hội, những chức vụ tối cao về dân sự, quân sự và tôn giáo, từ những bàn tay đặc quyền chiếm những chức vụ này. GIÀU CÓ và CÓ VĂN HÓA có khả năng tồn tại hoàn toàn độc lập và tự quản lý công việc của mình, giai cấp tư sản muốn thoát khỏi régime du bon plaisir (chế độ độc đoán).*

Trương Vĩnh Ký muốn nhờ ở cơ sở vật chất mà xã hội tư sản phương Tây sẽ đặt ở châu Á mà *GIÀU CÓ*, muốn dựa vào Phú lang sa mà gây cuộc Phục hưng cho nước mình mà trước hết là giải phóng con người mình về mặt tinh thần, cho *CÓ VĂN HÓA* để ra khỏi cảnh tù túng trong xã hội lạc hậu, thua người, một xã hội không còn hợp thời nữa về chánh trị kinh tế và về tư tưởng văn hóa.

Trong việc «bắt tay»... cầm bằng tự mình cắt đứt liên hệ với truyền thống quê hương, việc ấy ở người triết gia Trương Vĩnh Ký không khỏi gây xót xa, ray rứt. Ray rứt là, hiến thân, cam chịu mất mát-mất mát danh dự-mà chắc chắn rằng trọn đời mình không thấy được kết quả, chưa lấy lại được cái đèn bù. Cái câu ông nói «cái cốc xa môi quá» là lời thở than nổi bức xúc đó.

Ông thấy trước mắt, người Pháp sẽ đem lại rất nhiều hạnh phúc cho bán đảo In-đo-si-na. Nhưng dường như trong hàng ngũ quân binh chinh phục không ai nhận ra điều đó. Cho nên ông nói :

«Tôi cầu mong cho những viên cai trị của chúng tôi sẽ phóng tầm mắt riêng của họ để nhìn rõ phạm vi đáng quý trọng đó» .

«Tôi lấy làm sung sướng khi thấy có nhiều người Pháp cương cường. Điều độc nhứt mà tôi tiến đến với họ là làm sao giúp ích, làm sao để thực hành câu «theo họ, nhưng không lệ thuộc họ» (Sic vos non vobis) .

Nên tin tưởng rằng một ngày kia, ánh sáng sẽ chiếu rõ.

Thủy chung với thế giới quan của mình, Petrus Ký đã nói những câu tựa tựa triết gia Joubert : «Thay vì than thở

sao hoa hường có gai, tôi lại thích thú vì gai đã đơm ra với bông hường và vui mừng vì bụi cây có gai lại trở ra bông hường». Petrus Ký nói : *hường nào mà chẳng có gai, hạnh phúc nào mà chẳng nhọc nhằn*. Thiệt y như C. Mác trả lời con gái mình : «Hạnh phúc là đấu tranh !»

Trương Vĩnh Ký an bê, trầm tĩnh, cao thượng trong chí cả. Ông thường nói, vẫn biết từ cái cốc đến môi là xa, nhưng rồi trời cũng rạng. Chắc ông cũng toại lòng mà lâm thâm câu nói của Renan :

*«Trong tình thế cuối cùng của nơon loại, khoa học sẽ là niềm hạnh phúc, nhưng trong trạng thái chưa hoàn thiện mà chúng ta đang trải qua đây, thì sự hiểu biết sớm, có thể là một điều nguy hiểm»*

Niềm hạnh phúc sanh tiền của ông là hiến thân cho sự học vấn của mai sau. Niềm vui ấy là sức mạnh làm ra một công trình trước tác khổng lồ, coi như lễ vật mà cái «cứu cánh đầu tiên» của ông đặt lên đền thờ, tổ quốc.

Xin nghiêng mình muôn đội ơn lòng !

Chúng ta nghe tiếp theo đây, ông Gautier nói :

## **TRƯƠNG VĨNH KÝ LÀ NHÀ GIÁO DỤC HỌC**

Một hôm trong thư viện, chúng tôi, một số lớn nơon viên ở tại Á châu hội đã đàm luận sôi nổi cùng với Trương Tiên sanh về vấn đề giáo dục, hai chơn trời, đã tìm những giải pháp dung hòa làm sao cho hai phương pháp được thích ứng.

Cuộc họp mặt có Trương Tiên sanh đã tỏ rõ tài bác học của mình. Tôi hỏi :

-Tôi vẫn nghe rằng suốt trong lịch sử Đông phương có nhiều thiên chuyện bàn về giáo dục rất thâm thúy và cao sâu. Ngài có thể trình bày cho tôi rõ phương pháp và tài liệu giáo huấn như thế nào ?

Ông tươi cười, mắt đầy tin tưởng và hứng khởi mà đáp lại lời ấy rằng :

-Đúng thế ! Đúng thế đấy !

Trong phương pháp giáo dục thiếu nhi của Đông Phương luôn luôn chú trọng đến *HÙNG KHỞI*.

Chẳng hạn như những đoạn thơ ngắn sau đây của ông Bá Thuần-Trình Hiệu, trong tập Minh đạo gia huấn, đã được phổ thông trong các trường học ở Trung Hoa và Việt Nam từ xưa, thì cũng đã rõ :

Bần nhi vô xiêm Phú nhi vô kiêu.  
Nhơn tham tài tử Điều tham thực vong.  
Cơ hàn thiết thân Bất cố liêm sĩ.  
Tự tiên trách kỷ Nhi hậu trách nhân.  
Hàm huyết phún nhơn Tiên ô ngã khẩu.  
Tích thiện phùng thiện Tích ác phùng ác.  
Cận châu giả xích Cận mặc giả hắc.  
Đản hoạn vô tài Bất hoạn vô dụng.

Dịch nghĩa như sau :

Nghèo mà không nịnh Giàu mà không kiêu.  
Người tham của thì chết Chim tham ăn thì mất.  
Đói rét thiết đến thân Không doái tới liêm sĩ.  
Trước tự trách mình Rồi sau trách người.  
Ngậm máu phun người Trước dơ miệng mình.

Trữ thiện gặp thiện Trữ ác gặp ác.

Gân son thì đỏ Gân mực thì đen.

Chỉ lo không có tài Chẳng lo không được dùng.

Những câu văn đối đáp nhau chặt chẽ, vận dụng âm điệu và nhứt là nhờ cú pháp ngắn, cho nên ai ai cũng ham học, ham hiểu. Tuy rằng nó không hoàn toàn giống như những lối thơ của La Fontaine (Fables de la Fontaine) nhưng nó vẫn giữ được những tính chất khéo léo và độc đáo (original) của nó.

Mỗi loại có một tánh chất riêng biệt.

Thơ ngụ ngôn của thi hào La Fontaine thì nhắm về lối hứng thú hoạt kê (farce) cùng những mâu sanh hoạt của loài vật để nhơn cách hóa lên.

Còn như tập Minh đạo gia huấn của ông Bá Thuần-Trình Hiệu thì có tánh chất cách ngôn (maxime) và cơ trí (esprit) hơn, đầu khô khan nguyên tắc thật đấy nhưng vẫn được con em học sanh thích thú vô cùng, vì âm điệu, bút pháp đẹp đẽ và êm đềm linh động, uyển chuyển đặc biệt của nó. Cũng đừng nên so sánh quá gò bó hai tác phẩm có hai dụng ý không giống nhau.

Trình bày đến đây thì đôi mắt của Tiên sanh tươi sáng hẳn lên đây về tin tưởng và hàm hồ vô cùng !

Ông Gautier nói đến đó là hết phần ông. Sau đây là phần của Khổng Xuân Thu, giới thiệu cuốn TAM TỰ KINH, bằng một trích đoạn.

«Tam tự kinh là quyển sách viết từ câu, ba chữ, con em học sanh học dễ nhớ. Đây là một cuốn sách dạy lễ nghĩa Trung Hoa, Trương Vĩnh Ký dịch và cho gọi là «Tam Tự kinh quốc ngữ điển ca»

Kinh dạy ba chữ rõ ràng.

Đây khuyên con nít biết phương học hành.



(Nhơn chi sơ, tánh bốn thiện).

...

Người sanh xưa tánh vốn lành.  
Tánh cùng gần Tập tành xa.  
Nếu chẳng dạy tánh bèn đời.  
Quý chơn đạo dạy Chớ lười phải chuyên.  
Xưa Mạnh mầu Chơn lánh giêng.  
Giận con chẳng học Giứt liên cử đi.  
Nghĩa phương Đâu Có thành qui.  
Dạy năm con học Đông thì đặng khoa.  
Nuôi chẳng dạy Lỗi vì cha.  
Dạy không nghiêm ấy kể ra bởi thầy.  
Con chẳng học Ấy không hay.  
Trẻ mà chẳng học Nửa ngày già sao ?  
Ngọc chẳng giũa Nên giống gì.  
Người mà chẳng học Lê sao biết gì ?  
Làm người vừa thuở thiếu thì.  
Gân thầy gân bạn Lễ nghi tập lân.  
Chàng Hương ấm chiếu thờ thân  
Hiếu tâm nên biết Nhơn luân thường lê.  
Dung bốn tuổi Biết nhường lê.  
Kính anh trước hết Mọi bề là sau.  
Thảo thuận nghe Thầy gồm bao.  
Số này phải biết tên nào phải chăm.  
Một mà mười Mười mà trăm.  
Mà ngàn, mà vạn phải nhằm cho thông.  
Thái cực một Khi phù không.  
Âm dương hắc bạch Đôi vòng rõ phân.  
Tam tài là Thiên, địa, nhơn.  
Tam quang Nhật, Nguyệt, Tinh vân chuyển soi.  
Tam cang Trước nghĩa vua tôi.

Thân trong phụ tử Thuận đôi vợ chồng.

...

Bây giờ thì, như khi nãy có hẹn, chúng ta nói về :

Chuyện chữ Quốc Ngữ

Và chuyện Cuốn vần.

Chữ quốc ngữ mà có a ! Ấy là nhờ công lao của Alexandre de Rhodes và một số giáo sĩ Bồ Đào Nha. Nó đã có từ thế kỷ XVII. Nhưng nó đã trải qua hai trăm năm sinh tồn chỉ làm con thuyền tải đạo, làm phương tiện truyền giáo của đạo Cơ đốc trên đất nước An nam. Cái chữ Quốc ngữ, «cái chữ cong queo của các ông cố đạo» (lời Đồ Chiểu) đã bị rề rúng trong gia đình nho thâm, cho rằng có biết cũng chẳng để làm gì ! Đời xưa nói rứa, thuở ấy nghe cũng được ! Đời thuở nay, mấy cô đi cấy mà còn biết, thằng Tây nó giăng dây thép giữa trời là để cho trai, gái nhớ nhau quá, đánh dây thép cho nhau. Vậy mà có bè thông thái, đã nói dơ rằng cái chữ quốc ngữ là công cụ cướp nước ...

Tôi xin xốt bớt công lớn của A. de RHÔDES đem chia cho Trương Vĩnh Ký.

Trương Vĩnh Ký đã giải phóng chữ quốc ngữ khỏi kiếp a huờn, rửa mặt mày cho nó, và đặt nó ngòì nhìn ngang chữ Pháp, khơi dậy một cuộc cách mạng về học vấn trong đồng bào, thế hệ đi sau.

Trong khi ông còn đi học, ở trường đạo, người ta dạy học theo phương pháp châu Âu, thì đồng bào ông, trong nước theo học chữ Nho học theo lối thuộc sách để đi thi, cái chữ

Nho, loại chữ tượng hình khó học, không đọc thẳng ra bằng tiếng thông dụng của ta, nó làm khó cho mở mang học vấn.

Dân tộc ta cũng có quyền tự hào là đã đúc ra được cái chữ «nôm» . Nhưng cái thứ chữ này nữa, thông thạo như Petrus Ký mà đọc còn bị chê là đọc trật. Quả nhiên là cái thể của chữ nôm rất yếu. Nó không bảo vệ và phát triển nổi cái kho tàng văn học cổ truyền cũng khá giàu của nước ta.

Petrus Ký soạn cuốn *VĂN QUỐC NGỮ* làm phương tiện học vấn và truyền bá tư tưởng ; và hy vọng một mai một chiều nó thành quốc văn cho người An nam ta khỏi phải cái tội học nhờ, học lóm bằng chữ của «người ta».

Làm ra cuốn Văn Quốc Ngữ, Trương Vĩnh Ký đã viết sách dạy học trò, trực tiếp gây ảnh hưởng rất lớn đến nhiều nhà giáo dục học, môn đệ của mình. Họ đã theo kiểu cách của Petrus Ký mà ra sức viết, viết để giáo dục thiếu nhi, nhi đồng bằng lối nói có vần, câu ngắn, cho trẻ em dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ.

Vậy nên, những đứa như tụi mình sanh ra từ đầu thế kỷ XX, đâu cạo chừa ba vá, đi học đọc nghêu ngao : «nơn chi sơ tay sờ cơm nguội, tánh bốn thiện, cái miệng đòi ăn» mà nhớ tới bây giờ, cũng ngót tám mươi năm.

Nhớ, cũng là nhớ ơn thầy. Những ông Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký, Đỗ Quang Đẩu, Nguyễn Văn Mai, Cao Đình Nam ... Ngày xưa ấy mấy bậc thầy này đã noi theo Trương Vĩnh Ký mà viết những cuốn văn tập đọc. Trong đó lại có những bài, có văn vần, cũng có văn xuôi, dạy bảo ân cần, *BA ĐIỀU* trong vầng hào quang của Trương Sĩ Tải.

*HAM HỌC,  
THỜ MẸ KÍNH CHA,  
TRAU DÒI CƠ TRÍ*

Để đáng ơn thầy, tôi nhớ lại với trí nhớ còn tươi những bài sau đây, mà không biết của trong sáu ông trên hay của ông khác ? Ông nào tác giả bài nào.

### KHUYẾN HỌC

*Ngon là mật mớ tốt vàng son.  
Vi học mà nên ở các con.  
Kinh sử kệ ca là cửa tốt.  
Văn chương chữ nghĩa ấy mùi ngon.  
Cơm cha áo mẹ sâu tà biển.  
Nợ nước ơn nhà nặng tợ non.  
Hai chữ công danh tua gắng chí.  
Tôi ngay con thảo nước nhà còn.*

### ĂN THÌ VÓC HỌC THÌ HAY

*Ăn thì vóc học thì hay.  
Chớ ngủ ngày quen con mắt.  
Chớ chơi ác rách áo quần.  
Phải ăn cần lo học tập.  
Bực cao thấp chốn công đàng.  
Khó lấy vàng mua quyền chức.  
Nhỏ chịu cực lớn thành thân.  
Thuần hiếu nhân đời khen ngợi.  
Quang Trung ngơi, thế thượng thờ.  
Trẻ bây giờ lo mà học.*

### KHUYẾN HIẾU ĐỂ

*Cha sanh mẹ dưỡng đức cù lao.  
Lấy lượng nào đong ?  
Thờ cha mẹ phải hết lòng.  
Ấy là chữ hiếu dạy trong luân thường.*

*Chữ để nghĩa là nhường.*

*Nhường anh, nhường chị, lại nhường người trên.*

*Ghi lòng tạc dạ chớ quên.*

*Con em hãy giữ lấy nền con em*

### LÚC ĐI HỌC VỀ

*Học tan trông thúc một hồi.*

*Trò nhỏ đi thẳng một hơi về nhà.*

*Dọc đường nghĩ nỗi gần xa.*

*Tới trường như vậy về nhà làm sao ?*

*Đến nơi vừa bước chươn vào.*

*Mẹ ra đón rước xiết bao ái tình.*

*Hỏi con mọi việc phân minh.*

*Thầy và chúng bạn có tình yêu thương ?*

*Thưa rằng được đủ mọi đường.*

*Mẹ nghe con nói mẹ dường lên tiên*

### THỎ THẺ VỚI MẸ

*Trẻ kia nói với mẹ rằng.*

*Bây giờ con nhỏ mẹ hằng dẫu yêu.*

*Khi hun hít lúc nưng niu.*

*Sóc chẵn buổi giỡn dặt diu hồi chơi.*

*Con cười mẹ cũng vui cười.*

*Con buồn mẹ cũng bồi hồi buồn theo.*

*Mẹ ơi lòng mẹ bao nhiêu.*

*Dành thương con cả chẳng hồi nào không.*

*Chừng nào con đặng lớn khôn.*

*Công ơn của mẹ con mong đền bồi*

### THƠ NGỤ NGÔN

*Con khỉ với trái chanh.*

*Con khi hái một trái chanh.*

*Tưởng đâu trái chín trên cành là ngon.*

*Ruột chua lét, vỏ bòn hòn.*

*Cắn rồi liền nhả lăn tròn trái chanh.*

*Ghê rần khi mới dọn mình.*

*Phải dò trong ruột chó tin bề ngoài.*

**Tục điều :** *Dò sông dò biển dễ dò.*

*Nào ai bẻ thước mà đo lòng người.*

## *Chuyện ngụ ngôn*

### CHÓ GÀ NÓI CHUYỆN

Sáng nay, gà trống thức dậy đứng trên chuồng, thấy chó, liền bắt chuyện :

— Anh Vện à ! Tôi là gà, có linh tánh. Trời sắp sáng, cổ tôi sao nó ngứa, bắt tôi gáy. Mà tôi gáy lên mấy tiếng là mặt trời mọc. Còn anh, đêm khuya trời tối như mực, làm sao anh thấy được có người đi mà sữa hủ anh ?

Vện đáp :

— Trái tim là thuộc thổ. Thổ là đất. Tôi nằm dưới đất. Chưn người bước, động đất, đất chuyển đến tim tôi, tôi biết có người tới sữa.

Gà nghe nói vậy gà cười :

— Có đêm tôi thấy, ông chủ đi khỏi, anh tót lên ván giữa mà nằm, thì còn có tiếng gì chuyển đến tim anh ?

Vện cũng cười rè mà đáp :

— Thì nghe chó dăng xóm nọ sữa mình sữa theo.

Những chuyện trên đây là viết trong sách học đánh vần. Trẻ con chưa đọc được, Người Mẹ đã thuộc rồi mà hằng ngày dạy lại con Thầy giáo và bà Mẹ, ngày xưa toa rập nhau mà «be bờ» cái khuôn luân lý, tâm trí, cho con em mình, theo khuôn vàng thước ngọc mà lớn lên. Những chuyện đó, bây giờ mà kể thì không cùng.

Để chúng ta còn xem.

## TRƯỜNG VĨNH KÝ LÚC VỀ GIÀ

Ở đằng trước, chúng ta đã thấy ông dùng mấy điển tích Hy Lạp để thổ lộ nỗi lòng.

Ông đã nói đến Énée. Énée là nhưn vật gì ?

Énée là trong thần thoại, hoàng tử của thành Troie, con của Anchise và Vénus.

Lúc quân Hy Lạp nhờ cơ mưu của Ulysse mà vào cướp được thành Troie, Énée nhờ mẹ báo tin, nên tụ tập kịp một số bạn bè, và tự mình công cha già Anchise xuống thuyền theo lệnh của thần linh, đi xây dựng một thành thị mới ở Italie.

Trải qua bao gian nan thử thách, Énée bị bão hất lên bờ xứ Carthage. Nơi đây hoàng hậu Didon lại phải lòng Énée. Nhưng tin theo số phận. Énée dứt tình Didon mà ra đi, và đến được Italie được vua Latinus gả công chúa, và cho có quyền dựng lên một tổ quốc mới.

Còn về Job ?

Job là một nhân vật trong kinh thánh (La Bible) , nổi danh bởi những tai nạn và cũng bởi tánh nhẫn nhục của ông ta. Ông ra đời 1500 năm trước J. C. Quỷ Satan ganh hiềm đạo hạnh và phước đức của Job, đã xin được phép Chúa, để thử thách Job. Làm cho Job đã mất hết gia tài của cải mà còn vương mang một thứ bệnh hiểm nghèo. Sống trên một cái hố phân, bị bạn bè chế nhạo. Nhưng không vì đó mà Job lơ lửng việc cầu nguyện Chúa. Và Job đã được Chúa trả lại bội phần những gì mà Job mất. Câu chuyện về Job đã làm ra những thành ngữ : nghèo như Job, bạn bè của Job — nói sự trở mặt khi thấy bạn xưa sa sút.

Petrus Ký có sánh mình với Cincinnatus.

Cincinnatus, một người thuộc quý tộc La mã, có hời làm chức Chấp chính tối cao (Consul) hai đợt làm thống lãnh (dictateur) Ông về vườn. Một lần người mang hưu bổng đến cho ông thì người nhà ông chỉ tay ra đồng, ông đang đi cày.

( «Cái cày của Cincinnatus» đã thành thành ngữ, tượng trưng sự sống thanh bạch của những danh nhưn La mã) .

Nhưng Cincinnatus cũng bất quá là một người về hưu.

Petrus ký là con người tham bác dấn thân. Ông đã nói :

*«Đã sống ở đời như hoa nở, sương sa, vạn sự chóng qua chóng hết. Nên phải tùy sức tùy thời, tùy phận mà làm vai tuồng mình cho xong»*

Từ thuở còn là học trò, Petrus Ký đã dùng thời giờ một cách cân kiệm. Về già, đến lúc thấy không còn sống bao lâu nữa, người ta thì ai cũng vui vẻ xuôi tay «Xác vùi rồi ai còn vinh nhục, hỏi khách đời hạm hực làm chi» (Nguyễn Trãi).



Ông Petrus ký vẫn làm việc với cái nếp cần cù, ung dung, thư nhàn, và liến xáo.

Cho xin nói rõ ý tôi.

Tôi được thăm Trương Vĩnh Ký, trong hai cái hộp, ở thư viện Khoa học xã hội. Cô giám đốc Trà Ngọc Anh tự tay bưng ra. Kính cẩn mở hộp, thấy ... uy lực của thời gian ... làm cho nhiều tác phẩm còn ở trong dạng viết tay, bị mối nhấm nát bấy.

Cái còn đọc được là bảng kê khai của Trương Vĩnh Tống kê khai những tài liệu mà gia đình còn giữ của tiên hiên, nay đem tặng Viện khảo cổ Sài Gòn.

Tài liệu được kê tựa thành 12 mục :

Địa lý, Sử Ký, Ngôn ngữ học, Khoa học.

Giáo dục, Chánh trị kinh tế, Phật học, Nghiên cứu.

Văn chương, Văn Học sử, tiểu sử.

Việc tặng tài liệu này, vào tháng bảy năm 1958, đón dịp Sài Gòn làm lễ lục thập châu niên, ngày mất của «nhà văn hào Trương Vĩnh Ký»

Cũng nên biết qua, chánh quyền Sài Gòn họ đối với Trương Vĩnh Ký như thế nào.

Người ta chuẩn bị lễ kỷ niệm. Giám đốc Viện khảo cổ nhận lễ vật của Trương Vĩnh Tống, liền gửi sang Nha văn hóa, có kèm công văn phân trần, Nha văn hóa chủ trì kỷ niệm là hợp lý hơn. Vì :

«Cụ Trương Vĩnh Ký không phải là một nhơn vật chuyên trách về khảo cổ hay sử học. Phải coi cụ là một nhà văn học toàn diện, làm tự điển, làm báo (Gia Định công báo, An nam politique et social) sưu

tâm văn thơ (Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên, Phan Trần, Nữ Tặc, Huấn Nữ ca, Lục súc tranh công v.v... ) phổ biến Nho học (Tam tự kinh, Sơ học vấn tân, Minh tâm, Tam thiên tự, Đại học, Trung dung, Mạnh tử, Mẹo chữ Nho) phổ biến khoa học, sử học, địa dư học, phong tục học, ngôn ngữ học, nhà văn du ký (chuyến đi Bắc kỳ, năm 1876) văn tiểu thuyết (chuyện khôi hài, chuyện đời xưa) Thi sĩ, nhà giáo khoa»

Lễ vật của Trương Vĩnh Tống, đó là 39 tài liệu, phân làm 12 mục như vừa nói.

Đây chỉ kể ra một số, đủ thấy sự hoạt động trí óc của Trương Vĩnh Ký tận cuối đời mình.

Địa danh Nam kỳ.

Địa danh Việt Nam và lân bang.

Địa chỉ các tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Bình, Bình Thuận.

Phong cảnh đất nước An nam.

Etat languissant de la Cochinchine — Causes et remèdes.

Mémoires sur les droits de l'Annam dans la vallée du Mékong.

Sử ký Việt Nam.

Nhơn vật lịch sử nước An nam.

Nam quốc tự thoại tổng giản.

Hán tự thoại kim cổ nguyên lưu giảng tập.

Prosodie et versification annamite.

Trái (101 thứ trái, đặc tính công dụng, tên có chú thích chữ nho và chữ la tinh).

Canh nông Việt Nam.

Ý kiến về giáo dục.

Hôn thú và ly dị.

Tài liệu về Lâm, Quy, Phượng.

Vê truyện Kiều.

Sưu tập ca dao tục ngữ (bút tích 17 tờ).

Văn thơ Việt Nam (bút tích 21 tờ).

Phép đối, câu đối, câu thai.

Hữu nhân cuộc — Thông loại giáo trình —  
Miscellanées.

Thư giao dịch với Bác sĩ Calmette, Henal ...

Thư bằng tiếng la tinh.

Tài liệu số 38 (Trương Vĩnh Ký trừ tính làm một chuyến đi Bắc kỳ khi xây xong sanh phần).

Tài liệu số 39 (nhặt kỳ, đề từ ngày 23 tháng Tám 1886 đến 1898, viết trên 30 tờ giấy tập học trò).

Loáng qua những nhan đề. Không kịp thắc mắc sao cái vị tiên sanh này nghiên cứu chi mà lăm thứ vậy. Mất tôi bị thu hút bởi :

«Mémoire sur... Tràn tình về quyền của nước An nam trên lưu vực sông Mékong»

«Etat languissant de la Cochinchine — Tình hình suy đốn của Nam kỳ «Nguyên nhơn và phương trị»

Tiếc quá, tài liệu cái thì mất, cái còn không đọc được.

Nhưng cũng may, cái tài liệu (Tràn tình ... ) thì còn, dưới dạng một bức thư, đề ngày 18 tháng Năm 1888. , gửi cho Quyền Thống đốc Nam Kỳ. Nội dung bức thư này, không tiện nói ra đây. Thôi thì đành lòng nghe Petrus Ký nói vài câu :

«Tôi sẽ cố gắng nói rõ lịch sử của lưu vực sông Mékong những dân tộc đã nối tiếp nhau sống trên hai bờ sông, những quan hệ giữa những dân tộc ấy

cho đến ngày nay và cuối cùng là những quyền hiện thời của nước An nam cũng tức là của nước Pháp, trên những vùng đất ấy»

Chính trong thư này ta thấy :

«Vấn biết những vấn đề ấy thuộc sự lý chánh trị, nhưng tôi thấy cần phải trình bày với Ngài, bởi vì tôi thiết thân tin tưởng rằng làm như vậy, tôi phục vụ đồng thời đất nước chôn nhau cắt rốn của tôi và tổ quốc Pháp vĩ đại».

Lại thêm tiếc ! Về tài liệu «Sự suy đốn của Nam Kỳ, Nguyên nhân và phương trị».

Ở trong tộp chỉ còn một miếng giấy nháp, bút tích của Trương Vĩnh Ký, viết bằng chữ Pháp, năm sáu hàng, gạch đầu dòng dưới cái tiêu đề «canevas» (đại ý, mới phác qua) . Tuy là còn trong trứng, nhưng đã thấy cái «ngòi» tâm tư của Trương Vĩnh Ký đối với sự phát triển kinh tế có màu sắc, có bước đi riêng biệt của ba vùng đất nước, xác thực là hai miền : Nam kỳ và Bắc kỳ. Trên giấy nháp không có đề ngày. Nhưng đọc rồi có thể suy ra là định viết cho Paul Bert, vào 1886 Trương Vĩnh Ký có ý khuyên nhà nước Lang sa kêu gọi người Trung Hoa và người Chetty (Ấn độ) bỏ tiền vào khai thác xứ Bắc kỳ giàu có, người đông, đất màu mỡ. Chớ có mà rút rĩa Nam kỳ, làm cho nó khô cạn máu mà ốm yếu. Tư tưởng của Petrus Ký là hãy để cho Nam Kỳ *NO ÆN* và *GIAU CỐ* trước một bước đi đã, rồi thì nó lo cho người anh em trong nhà, «cùng máu huyết, chung tổ tiên».

Đọc thấy hạp ý. Nên tôi nói vậy coi như là đủ ...

Đọc lại những mục đề mà Trương Vĩnh Ký nghiên cứu vào khi bóng xế, chúng ta thấy sức sáng tác của ông không suy giảm, biểu hiện trong trước tác mới, trong công lao sưu

tâm, trong việc thơ từ với bạn (Thơ từ qua lại là một nguồn thông tin mà người học thức không ai dễ cạn) . Đã nói hỏi còn trẻ Petrus dùng thời giờ một cách cần kiệm, thì p hải nói là về già, ông lại càng cần mật hơn, có tính toán hơn nữa trong việc sử dụng thời gian và sức lực.

Trong tệp tài liệu số 38 có một miếng giấy nhỏ, Trương Vĩnh Tống viết : năm 1887, phụ thân đang ở Chợ Quán, đi đi lại lại trông coi thợ hồ xây cất sanh phần, vừa suy nghĩ câu đối để chạm trên cửa mộ, có nói sau đó sẽ làm một chuyến đi Bắc Kỳ (Để học hỏi thêm cái gì nữa đó chăng ?).

Trương Vĩnh Ký là người *am hiểu*

Ông đã gắn toàn bộ tâm hồn mình vào cuộc sống. Chính vì vậy mà từng lúc ông không quên làm việc cho cái chết. Nói nghe kỳ. Chớ mà, người sống đó, đứng coi xây phần mộ, không phải là triết lý đó, hay sao ?

Người ta đang sống, ai ai cũng luôn nghĩ đến sự sống trong mối liên quan với kết quả đương nhiên của nó là sự chết. Sự chết, cái kết quả này, luôn luôn nằm trong sự sống dưới hình thức phôi thai. Triết như Trương Vĩnh Ký, càng về chiều càng đắm say trong việc làm cho tròn, cho đời sống của mình được ngó thấy, cái gọi là «cứu cánh đầu tiên» Cũng chính vì lẽ, từng lúc sống, nghĩ về lúc «sau cái sống» mà ông đề ra, từ 1886 về sau (đến 1898) mười hai năm ông chết) thời giờ biên ghi «*những sự xảy ra trong đời tôi* » làm một tập mà ông đề nhan « *CUỐN SỔ BÌNH SANH* »

«*Cuốn sổ bình sanh*» vào đầu bằng «*người đời sanh ký tử quy*», Ông viết những lời khuyên cháu con : «*trai trung hiếu, tam cương ngũ thường, gái, tam tông tứ đức, vạn toàn tử tế ; dĩ hiển phụ mẫu chi danh*»

Đó là nằm trong tệp cuối, số đề 39.

Trong di bút rách nát ấy, còn y nguyên một bài thơ.  
Thơ rằng :

*Quanh quanh quẩn quẩn lối đường quai.  
Xô đẩy người vô giữa cuộc đời.  
Học thức gởi tên con sách nát.  
Công danh rớt cuộc cái quan tài.  
Đạo hòn lữ kiến men chun bước.  
Bò sồi côn trùng chắc lưới hoài.  
Cuốn sổ bình sanh công với tội.  
Tim nơi thâm phán để thừa khai*

Tôi chép ra đây, cẩn thận. Các chị, các anh đọc kỹ rồi nghe tôi.

Tôi biết, bài thơ này, trước tôi có ba người đọc. Một là người không biết nhơn danh cái gì mà hiềm khích. Hai là người «háo hiên» coi đó là những vần thơ đau, tỏ ý thương cái thương tình «nhơn vô thập toàn» nên xin đời sau hãy có lòng cởi nới. Ba là, người nói «Trương Vĩnh Ký kêu oan» rồi ngậm ngùi :

«Bất tri tam bách dư niên hậu.  
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như»

Thiệt tình bài thơ bát cú này đã quyết định phong cách ngòi bút của tôi. Tôi đã nói rồi. Tôi viết không phải để minh oan và phục hồi cái gì hết. Mà là làm cái việc giải thích, giải thích nghiêm trang.

Viết vào trang cuối của «cuốn sổ bình sanh»,

Viết ngay ở «cửa mộ phần».

Bài thơ này là một tự xét. Un examen de conscience.

«Et l'examen est bon» , đó là lời của Gabriel Péri tự xét  
đêm trước ngày bị hành hình. Tôi mượn, Và nói Trương  
Vĩnh Ký làm bài thơ tự xét, với sự BẰNG LÒNG mình.

Tôi định nói, Trương Vĩnh Ký KIÊU HÃNH mà tự xét.  
Nhưng thôi vì sợ bị hiểu ra sai chạy. Chớ tôi đã nhớ rồi,  
Ăng ghen nói về Hêghen :

«Hêghen đã kiêu hãnh về lý trí đến nỗi tuyên bố  
thẳng, lý trí là vị thượng đế của ông ta, khi ông ta  
nhìn thấy rằng với lý trí, ông ta không thể đi đến  
một vị thượng đế khác, chân chính đứng trên con  
người».

Để nói rằng Trương Vĩnh Ký, cũng kiêu hãnh, coi lý trí  
là Thượng đế, là «nơi thẩm phán» , là nơi cỡi nói cõi lòng  
mình.

Vả chẳng, cùng với E. Renan là bạn tâm đắc thì ông có  
cùng một tư tưởng này, nghĩ chẳng lạ gì.

«Người tham bác là một mục sư» (Le savant est un  
prêtre).

«Khoa học là một đạo giáo» (La science est une  
religion).

«Nhân loại, khi nó hiểu biết, thì nó sẽ là Chúa, đó  
là ngày mà mọi việc sẽ rõ ra» (E. Renan. — *Tương  
lai của khoa học* ) .

Đang trong mục «kiêu hãnh» xin cho vào luôn một câu  
dân gian Ấn Độ.

«Kẻ nào không có kiêu hãnh thì giống như loài cỏ,  
nó sẽ hạ mình xuống vì thiếu sức lực, vì yếu ớt ;  
nó rất mảnh mai»

Cái đồng sách ngùn ngụt mà ông viết đủ nói cái sức mạnh của ông, đặt trong sự nghiệp chánh trị xã hội yêu nước của ông, chớ !

Và ông Gautier à ! bạn ông, triết như ấy đâu có hoảng loạn tinh thần.

Nằm lẫn lộn trong đồng di cỏ của ông, có bài thơ này viết sạch và rõ.

Ai khiến thằng Tây tới vậy ha.  
Đất bằng bồng chốc nổi phong ba.  
Hắn hỏi ít mặt đèn non nước.  
Nháo nhác nhiều tay bận việc nhà.  
Đá sắt cam lòng ôm với trẻ.  
Nước non có mắt thấy cho già.  
Nam kỳ chi thiếu người trung nghĩa.  
Báo quốc cần vương dễ một ta.

Bài này, nghe nói là của Bùi Hữu Nghĩa. Như phiên âm ra quốc ngữ Trương Vĩnh Ký viết trang trọng như cười, bài thơ cũng được lòng mình.

Tuy nhiên, ai người có lòng như ái đều thấy qua cặp kết:

Cuốn sổ binh sanh công với tội.  
Tìm nơi thăm phán để thừa khai.

nỗi đau khổ của Trương Vĩnh Ký.

Người «có lương tâm» bình thường hướng chi người có lý sống cao đẹp, ai lại không thăm đau khi đời mình tách rời quê hương, đất nước.

Quê hương đất nước, đó là cụ thể. Đó là cuộc sống thể xác và tinh thần của nhân dân, cuộc sống đấu tranh và làm lụng của nhân dân trên mảnh đất đó.



Cái đau khổ của Petrus Ký ở trong sự làm việc với Tây. Trong đó tuy có chí hướng cao đẹp rõ ràng. Nhưng đó là một sự tách rời bất hạnh với quê hương, tách rời sự hoạt động của những người với mình là cùng máu huyết chung tổ tiên. Ngặt có điều là mình không thể nói cho đồng bào nghe là họ đang lãng phí sức mạnh vào một cuộc đấu tranh không cân sức, chỉ có một mất ...

Ông đã có nghe Phan Thanh Giản nói :

*«Thật thân chi nữ hà dĩ vi trính »*

Ông đã biết có hai anh em ruột kia, cam lòng chịu chết chứ không đầu giặc đi bắt đảng mình.

Ông Trương Vĩnh Ký dành ôm lòng theo tôi nghĩ là tự thán bằng cái câu của Giám mục Fénelon, mà cổ kim ai cũng khen là rất mạnh về sức nén lòng :

*«Je souffre, Dieu le sait»*

Xin cho tôi dịch : «Tôi đau khổ, Chúa biết»

Tôi nói đây là ông Trương Vĩnh Ký đang ở trên bến Nhơn Giang cặm cụi, không hề lãng xao cái «cứu cánh đầu tiên» của mình. Trong thâm đau, ông làm việc, ông học môt tục ngữ, ca dao, sáng tác thơ văn ngọt ngào, liến xáo (của người chánh gốc Nam kỳ) , nuôi lòng thương đàn con trẻ và quê hương.

Ông có quyền kiêu hãnh, với sức mạnh làm việc phi thường.

Tôi ứng cong lưng chép những tài liệu sau đây, bất kể tác giả của mỗi thứ là ai, chỉ để biết Trương Vĩnh Ký là người tới già vẫn còn «ham học, ham biết» và ông ghi để đó những điều nghe học ở dân gian.

## MIẾNG SÀNH THƠ

(Ba chữ này là đề, chữ «sành» là vận).

- (Câu mở) Sa tay một phút hóa tan tành (vận).  
(Câu thừa) Để tiếng người kêu thứ sỏi sành (vận cái).  
trạng. Sắc lêm đường gươm đều gồm mặt.  
Rán sao giữ mỡ chẳng thương tình (vận).  
luận Che chi lỗ mũi nằm trong cát.  
Có thở làm chông đứng trước thành.  
kết Chuông khánh mặc ai đâu dám sánh.  
Gõ chơi cũng có tiếng canh canh.

### ĐẠI HẠN (của ông Quỳnh) .

Ông trời mù đất khuấy nhau dây.  
Nắng cực làm cho nổi nước này.  
Tróc đất thành than chơn khó bước.  
Nhắc cày Y Doãn gót không đời.  
Sông khô biển cạn còn le lười.  
Cây thắm lá vàng sóc đứt hơi.  
Một mai dã vụ đây thiên hạ.  
Thỏa chí nông phu vếch dốc chơi.

### Gái lơ thì

Gái lớn không chồng cực bấy ơi.  
Đêm nằm chẳng ngủ thức mà ngồi.  
Van vái ông tơ cùng nguyệt lão.  
Xui khiến cho người đến nói tôi.  
Chẳng luận bạc tiền trâu rượu cậy.  
Miễn cho có phước được thành đôi.  
Đôi ba bữa nữa mà không thấy.  
Nứt mộng mình này chết, chết ôi.

### Gái chữa hoang

Trước mắt sờ sờ chẳng phải xa.  
Không chồng mà ghen chướng thay là.  
Cười cheo chi đó kẻ khu lại.  
Chùng vụng bao giờ lớn ruột ra.  
Khôn cấm miệng người cười hỉ hả.  
Khó ngăn con trẻ khóc hu hoa.  
Nhờ trời phò hộ con khôn lớn.  
Chớ điểm mèo dàng nói nghiệp cha.

### Gái đi tiểu

*Liếc mắt trông dòm vắng kẻ qua  
Hai tay sẽ lên trật quần là.  
Gành nghề lém đẽm sương dâm tuyết.  
Dòng nước lao xao sóng bủa hoa.  
Kiến ngõ mưa dâm tha trứng chạy.  
Cóc ngõ lục ói công con ra.  
Tướng hình méo mó tua che dầy.  
Trân trọng xem gìn của mẹ cha.*

### Cối xay

(Của Hồ Xuân Hương, vua Lê đổi dạy trong cung)

*Khen ai thủ đoạn khéo nên tay.  
Đặt cái tên em gọi cối xay.  
Một trụ bắc thân trông giữa cối.  
Hai vầng nhật nguyệt nắm trong tay.  
Đất bằng sấm nổi âm âm dầy.  
Trời hạn mưa tuôn phới phới bay.  
Hỏi đó lấy ai làm bạn tác.  
Thưa rằng ngành cổ bạn cùng tay.*

## Trông chồng

Bữa bữa ban mai đến tối mò.  
Trông chồng khoản khoái mặt buồn xo.  
Trướng loan sáu khắc mơ rồi tỉnh.  
Gối phụng năm canh đuổi lại co.  
Đoạn thâm vì chàng xui vắn vít.  
Mối sâu để thiếp gỡ mẩn mo.  
Cớ sao quân tử chầy ngày bấy.  
Hay nổi ngao kia kẹp lấy cò.

## Trọt lớt thơ

Trong nhà hết gạo bữa hôm qua.  
Các cớ ai xui khách tới nhà.  
Bí nọ khô dây đã hết trái.  
Bầu kia héo lá chẳng ra hoa.  
Ao sâu lai láng khôn lùa cá.  
Vườn rộng mênh mông khó đuổi gà.  
Vắng mặt đã lâu chào lấy thảo.  
Tiền thì không có chợ thì xa

## Chị vợ, em rể

Chị là chị vợ, kẻ bề trên.  
Mây dăm lãng loạn góc cổ lên.  
Muốn tốt muốn lành thun cổ lại.  
Lung lãng thói dữ ắt không nên.

Ưa gương mây là kẻ trượng phu.  
Nếu phân điều ấy ắt còn ngu.  
Thang bước có tầng tầng nấc bước.  
Chị là chị vợ chị chi cu.

## Ba bực bộ hành

Nhứt quân tử ăn mứt gừng, uống nước trà tàu, ngồi chiếu bông nằm nhà trong, đánh cờ tiên.

Nhì quân tử ăn thịt trâu, uống nước chè Huế, ngồi chiếu kẻ, nằm nhà giữa, đánh cờ tướng.

Tam quân tử ăn cơm nguội, uống nước lạnh, ngồi chiếu tranh, nằm nhà ngoài, đánh cờ chó.

### Ăn trộm trâu cung rằng :

*Trộm trâu tôi không biết, tôi không biết trộm trâu.  
Vốn nhà tôi trông một đám bầu.  
Nhơn đói khó không tiền mua đặng bánh dâu.  
Coi nhà nào lớn ruộng nhiều trâu.  
Tôi tháo cổng đất về cho nó yá.  
Bấm thật tình tôi kiếm cứt trâu.*

### Nói ngược

*Người nằm đống rơm.  
Để giường cho chó.  
Quan sang thì khó.  
Thất nghiệp thì giàu ...*

(Tờ giấy nát vụn, nhiều bài chỉ còn có vài câu như :

*Trả xôi cho thần.  
Trả bản cho khi.  
Trả chỉ cho thơm.*

*Khéo thay cho mẹ Nữ hoa.  
Lỗ mình không vá, vá qua lỗ trời.*

## ĐỐ

Nàng đi chợ, anh gởi một tiền.  
Mua cam cùng quít, chẳng ít thì nhiều.  
Mua lấy một trăm.  
Cam ba đồng một, quít một đồng năm.  
Thanh yên cho tốt, một trái năm đồng.

## CU CU CHẰNG CHẰNG

Cu cu chằng chằng, mẹ rằng đi chợ, mẹ vợ ở nhà.  
Bắt gà làm thịt, bắt vịt mà nuôi.  
Con ruồi có cánh, đôn gánh có mấu.  
Con sấu có tai, con nai có gạc.  
Thợ giác có bầu.  
Hàng trầu hàng cau là hàng con gái.  
Hàng bánh hàng trái là hàng bà già.  
Hàng hương, hàng hoa là hàng Nhựt bốn.  
Nấu cơm sơn sơn, đi chợ Cánh Dương.  
Đội nói hai sườn là con kẻ Huế.  
Bắt ngựa mà tế là quân Phú Yên.  
Chăn trâu, hái dâu, để làm là quân dệt cử.

## Hát bội và người cầm chầu

Hai thằng hát bội, ra giả một thằng làm chủ, một thằng làm đây tớ.

Đây tớ đi cày về, chủ nhà hỏi cày được bao nhiêu. Nó thưa, được ít đàng gì đó, chủ nhà mới nổi thân hung, nhiếc nó dở, làm biếng làm nhác thì nó nói :

— Cày ít có phải tại tôi sao ? Con trâu nó đi tới đâu, thì tôi tới đó ! Chớ ghép tôi vào nó đi được sao ?

— Vậy sao mày không đánh cho nó đi cho mau ? Cái da trâu là ông là cha gì mày mà hòng sợ mà không dám đánh nó ?

## TÊN HOA

Tháng giêng nắng lấm nước biển mặn mòi.

Vác mai đi soi	là bông.	Hoa giếng.
Hay bay hay liệng	là hoa	Chim chim.
Xuống biển mà chìm	là bông	hoa đá.
Bầu bạn cùng cá	là	đá san hô.
Hỏi Hán qua Hồ	là hoa	nàng sứ.
Thìn lòng nắm giữ	là hoa	từ bi.
Ăn ở theo thì	là hoa	bầu ngọt.
Thương ai chua xót	là hoa	sầu đầu.
Có sông không cầu	là hoa	nàng cách.
Đi mà đụng vách	là hoa	mù u.
Cạo đầu đi tu	là hoa	bông bụt.
Khói lên nghi ngút	là hoa	hắc hương.
Nước chảy dầm đường	là hoa	mùi tươi.
Rủ nhau ăn cưới	là hoa	bông dâu.
Nước chảy rạch sâu	là hoa	muống biển.
Rủ nhau đi kiện	là hoa	mít nài.
Gái mà theo trai	là hoa	phát dũ.
Đêm nằm không ngủ	là hoa	nở ngày.
Bạn chẳng lià cây	là bông	hoa cúc.
Nhập giang tùy khúc	là bông	hoa chiu.
Ở mà lo nghèo	là hoa	đu đủ.
Đi theo cậu Thủ	là hoa	mông quân.
Đánh bạc cố quân	là bông	hoa ngô.
Ngồi mà choáng chỗ	là hoa	dành dành.
Giận chẳng đua tranh	là bông	hoa ngãi.
Bắt đi tha lại	là hoa	phù dung.

Ăn ở theo chồng  
Theo mẹ bán bí

là bông  
là hoa

hoa thị.  
thanh hao.

### TÊN BÁNH

Tròn như mặt trăng nó là bánh xèo.  
Có cưỡi có cheo nó là bánh hỏi.  
Đi không đặng giỏi nó là bánh bò.  
Ăn không kịp no nó là bánh ít.  
Giống nhau như hịch nó là bánh in.  
Mắc cỡ không nhìn là bánh khổ qua.  
Nấu nếp cần ra nó là bánh phồng.  
Trôi nổi dưới sông là bánh trôi nước.  
Biết đi biết bước nó là bánh chưng.  
Có nùm trên lưng là bánh ngũ đệ.  
Mật đường mà chế là bánh da trời.  
Đẽ đĩa có ngời bánh trong bánh lọc.  
Giống nó hay mọc chỉ thiệt bánh gừng.  
Lạt cột trên lưng nó là bánh tét.  
Bốn cạnh hay quét nó là bánh qui.  
Hay kiên hay vị là bánh xôi vị.  
Bỏ vô trong bị nó là bánh bao.  
Sáng sáng như sao là bánh bột báng.  
Tròn như viên đạn nó là bánh cam.  
Ăn ở chậm bàm thiệt là bánh ổ.  
Tròn mà lỗ đờ nó là bánh cẳng.  
Cái mình có rần là bánh da lợn.  
Có giống lợn cợn chỉ thiệt chề khoai.  
Ăn nó ngựa hoài nó là bánh giữa.  
Lấy trai có chứa nó là bánh bầu.  
Xe nhợ mà câu là bánh bao chỉ.  
Muốn ăn cho kỹ thì ních tàu thưng.



Thiên hạ không ưng nó là bánh còng.  
Xe nhợ mà vòng nó là bánh nghệ.  
Mật đường mà chế chỉ thiệt xu xa.  
Tưởng ông tưởng bà nó là bánh cúng.  
Hấp ra nó núng là bánh ít trần.  
Phơi để ngoài sân nó là bánh trắng.  
Hai mùa sáu tháng là bánh trung thu.  
Đi lộng đi dù nó là xôi rượu.

### Vỗ tay vỗ tay

Vỗ tay vỗ tay.  
Vỗ tay bà cho ăn bánh.  
Không vỗ bà đánh trên tay.  
Vỗ tay vỗ tay.  
Vỗ tay bà cho ăn xôi.  
Không vỗ bà lôi xuống bầu.  
Lêu lêu mắc cỡ, chạy lờ vòng khoai.  
Kêu bố anh hai tôi còn mắc cỡ.

Đó chắc là những món để nấu những «Miscellanées» mà tư văn cả nước đã gửi gắm cho Trương Vĩnh Ký ?

Sau đây, chúng ta hãy chiêm ngưỡng cái sự nghiệp đồ sộ.





- \* Mạnh thương tạp chí, trang 1877
- \* Sơ học vấn tân (vững tự cho những học trò mới học chữ nho) 1877
- \* Cours d'histoire annamite à l'usage des élèves de la Basse — Cochinchine.  
Cuốn I từ Hồng Bàng (2784 trước J. C) đến Hậu Lê (1428)  
Cuốn II từ Hậu Lê (1428) đến Nguyễn (1775) 1877
- \* Trương Lương tông Xích tông Tử du phú 1881
- \* Voyage au Tonkin en 1876 — Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất Hợi 1881
- \* Bất cương, Chớ cương làm chi.  
Fais ce que dois advienne que pourra  
In lần thứ hai 1885 1882
- \* Kiếp phong trần. Évènement de la vie (in lần thứ ba) 1882
- \* Huấn nữ ca. Đặng Huỳnh và Trương Vĩnh Ký cùng làm thơ dạy làm dâu — La Bru.  
Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải 1882
- \* Chuyện khôi hài — Passe — temps 1882
- \* Gia Định phong cảnh Vịnh. Gia Định thất thủ Vịnh.  
Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ diễn giải 1882
- \* Thơ mẹ dạy con — Une mère à sa fille 1882
- \* NỮ TẮC — Devoirs des filles et des femmes 1882
- \* Guide de la conversation annamite.  
Sách tập nói chuyện tiếng an nam và tiếng lang sa  
In lần thứ hai 1885. 1882

- \* Gia huân ca — École domestique — Un père à ses enfants 1883  
     Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải.
- \* Học trò khó phú — Un lettré pauvre. 1883  
     Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải
- \* Thạnh suy bỉ thối — Caprices de la fortune 1883
- \* Phép lịch sự an nam. 1883  
     Les convenances et les civilités annamites
- \* Chuyện đời xưa lựa nhón lấy chuyện hay và có ích in lần thứ ba 1883
- \* Thầy trò về mọo léo lắt tiếng Phang sa 1883
- \* Grammaire de la langue annamite 1883
- \* Huân mông khúc ca — Sách dạy trẻ nhỏ học chữ nhu. 1884  
     Trương Vĩnh Ký âm ra quốc ngữ giải nghĩa tiếng An nam và tiếng Phang sa
- \* Tam tự kinh quốc ngữ diễn ca 1884
- \* Petit dictionnaire français — annamite 1884
- \* Sơ học vấn tân quốc ngữ diễn ca 1884
- \* Bài hịch con quạ. 1885  
     Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ, dẫn giải cắt nghĩa
- \* Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs Conférence faite au Collège des interprètes 1885
- \* Ngư tiêu trường điệu — Pêcheur et Bûcheron 1885
- \* Cờ bạc nha phiến (bằng tiếng thường và vần thơ) 1885
- \* Mắc bệnh cúm từ — La dingue 1885

- \* Cours d'annamite sur élèves européens  
Giải nghĩa Lục Vân Tiên 1886
- \* Lục súc — Les six animaux domestiques  
Trương Vĩnh Ký biên ra quốc ngữ  
cùng chú giải 1887
- \* Dư đồ thuyết lược — Précis de géographie 1887
- \* VẦN QUỐC NGỮ en 12 tableaux avec  
des exercices de lecture  
(năm 1895 in lại với 13 tableaux)
- \* Vocabulaire annamite — français Mots usuels,  
mots techniques et termes administratifs 1887
- \* Ước lược chuyện tích nước An nam — Résumé  
sommaire de la chronologie de l'histoire et des  
productions de l'An nam avec des tableaux  
synoptiques 1887
- \* Tam thiên tự giải âm — Tự học toát yếu.  
Chép ra quốc ngữ và dịch ra tiếng phang sa 1887
- MISCELLANÉES ou lectures instructives  
pour les élèves des écoles primaires,  
communales et cantonales.
- SỐ I 1888
- \* Chuyện đời xưa in lần thứ tư 1888
- \* Lục Vân Tiên truyện 1889
- \* TƯ THƠ — Cuốn I : Đại học  
Cuốn II : Trung Dung. 1889
- \* Phan Trần truyện 1891
- \* Minh tâm bửu giám — Tập I.  
Tập II 1893
- \* Lục Vân Tiên truyện — In lần thứ 4 1897

- \* KIM VÂN KIỀU truyện, in lần thứ hai có sửa  
và thêm dẫn giải và diễn tích 1898
- \* Cờ bạc Nha phiến, in lần thứ hai 1898  
    Năm này ông qua đời Qui Nhơn in.
- \* Chuyện đời xưa nhón lấy những chuyện hay  
và có ích và Sài gòn tái bản 1909
- \* Petit dictionnaire francais — annamite.  
    Tái bản có tiêu tượng của tác giả  
    và 1250 tranh ảnh minh họa,  
    trích trong Petit Larousse illustré 1911

# NIỀM CUNG KÍNH BIẾT ƠN.

Đây là phút tiệc tàn.

Bản khoản, nghĩ coi phải nói thêm cái gì cho lòng được thỏa.

Trúc Viên Đặng Thúc Liêng có một tiếng khen đơn giản, rất đẹp :

«Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam tốt»

Chúng ta cũng đã ca ngợi : «Trương Vĩnh Ký là người AM HIẾU» (lấy cái tiếng người ta ca ngợi F. Engels) Thiết cũng élégant. Song tôi còn muốn tìm một cái gì như thể «vật lễ» để kính Ông.

Ngồi dưới chân núi cao vòi vọi, ngược nhìn trước tác khổng lồ của Trương Vĩnh Ký, tôi có liên tưởng đến ARISTOTE (384 — 322 trước công nguyên) nhà tư tưởng vĩ đại nhất, thời cổ đại, khối óc toàn diện nhất trong số triết gia cổ Hy Lạp và nghĩ về «thế giới thập bát vạn hào chi nhất» của chúng ta.

Nhưng chẳng dám so.

Aristote viết rất nhiều. Trương Vĩnh Ký của chúng ta không khéo còn viết nhiều hơn. Song le không phải cách nhìn, về hướng đó.

Aristote là một thiên tài quan sát trực tiếp và độc đáo. Ông phân tích đối tượng, kinh qua thực nghiệm của Ông. Ông đọc sách và phê phán (Sách đã viết về đối tượng ấy) , rồi chính mình đề ra quy luật đích xác.

Trương Vĩnh Ký đâu được vậy. Chúng ta nghe ông nói khiêm tốn mà thương «Học thức giữ tên con một sách»

Nhưng thế giới coi ông là một học giả uyên bác ... Còn chúng ta thì nói như vậy, chắc không sao : Ông là một digest một bộ sưu tập mệnh mông.

Ông là một encyclopedie một bộ sách bách khoa gồm TRÊN TRĂM tập Dở ra trang nào cũng nức hơi thở cố gắng của tài ba, cũng lộng gió mát của một tâm hồn cao thượng với những lời khuyên dạy con em *THẢO NGAY VÀ CẦN HỌC* .

Tôi có đọc thấy một ông PLINE. Nhà văn la tinh Pline l'Ancien này sanh vào năm 30 của công nguyên. Ông đã viết 37 tác phẩm, được đời khen ngợi và tặng cho danh vị : «*Người thầy giáo của nhân loại*» (L'instituteur du genre humain).

Aristote được tôn là :

«*Le Maitre de ceux qui savent*» *Thầy của những người có hiểu biết.*

Bình sinh, Trương Vĩnh Ký có nói :

«*Tôi an thường thủ phận lo học hành, tìm sách vở biên chép in ra cho con trẻ đời nay nó học cho mau, cho tiện, làm được ông thầy như tôi vậy, thiệt là vinh hơn hết*»

Thương mến Ông lắm, bây con trẻ, hiện nay đều trên dưới tám mươi tuổi đầu, tựu lại ở buổi truy niệm này và xin cúng món vật lễ. Chắc Ông toại nguyện :

«*P. J. B. Trương Vĩnh Ký là người thầy giáo của Nam kỳ*»

Tức nhiên, nói vậy thì đâu được trọn với sự biết ơn,



Trương Vĩnh Ký là người uyên bác, cái nét uyên bác của người châu Âu vào thời trước cho đến thời Descartes, là dùng chữ la tinh mở đầu sự nghiệp viết văn (trừ Descartes) .

Trương Vĩnh Ký là một triết gia duy lý. Triết học thế giới của thế kỷ XVIII và triết học Hy La đã xâm nhập vào ông và biểu hiện ra với ba tánh cách :

Một là nguyện vọng «*trí tri*» sự hiểu thấu của lý trí khôn ngoan.

Hai là ca ngợi «*khoa học toàn năng*» bằng «*cách vật*»

Ba là nắm giữ nguyên tắc hài hòa giữa các xã hội, ước mơ lập nên *xã hội cộng đồng*.

Cái nguyên tắc xã hội cộng đồng làm cho Trương Vĩnh Ký trở thành một người yêu nước mà làm chánh trị. Và chẳng yên nước là một tiêu chuẩn của triết gia (Đâu có ai danh xưng là triết gia mà không yêu nước) Mà yêu nước, ở vào cảnh ngộ đất nước của Ông là nhân nại phát động một cuộc cách mạng học vấn, là kiên trì, ra sức làm ra sách vở «cho con trẻ đời nay nó học cho mau»

Làm lễ truy niệm này, mát dạ biết ơn. Mà cũng bởi trong không trung, nghe có lời biểu :

«Maintenant que le genre humain grandit. il est temps de lui parler raison».

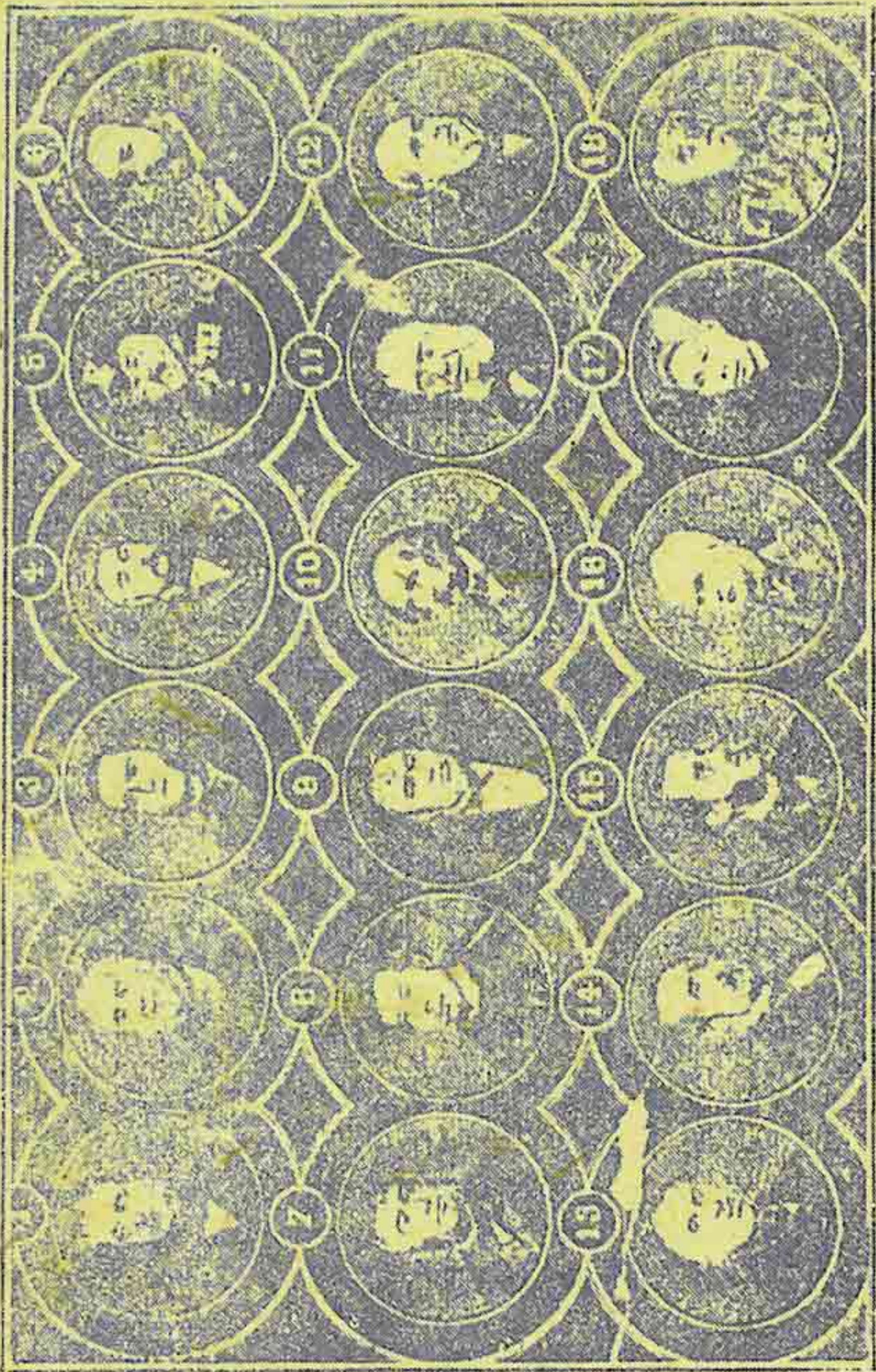
Volney. (1757 — 1820).

*Bây giờ con người đã lớn khôn rồi, há không phải lúc phân trái phải với nó hay sao ?*

Viết xong, tại Thành phố Hồ Chí Minh,  
ngày Một tháng Chín 1986.

Thế giới thập bát văn hào di tượng

(1873 - 1874)



TRƯƠNG VINH KÝ TIÊN SINH HÌNH SỐ 17

- |    |                      |     |                           |
|----|----------------------|-----|---------------------------|
| 1e | Allemand (docteur)   | 10e | Duprat (Pascal)           |
| 2e | Banadona d'Ambrun    | 11e | Dupuy (Charles)           |
| 3e | Bonhomme (Honoré)    | 12e | Garnier-Pages.            |
| 4e | Cazol (Jules)        | 13e | Guizol                    |
| 5e | Chambon (général de) | 14e | Lafayette (Oscar de)      |
| 6e | Chambord (comte de)  | 15e | Lefèvre-pontalis (Amedée) |
| 7e | Christophie (Albert) | 16e | Marcou                    |
| 8e | Conte (Casimir)      | 17e | Petrus Ký                 |
| 9e | Desmaz (Charles)     | 18e | Saldonha maréchal         |

## ★ Phụ lục

Coi như gói bánh của chủ nhà tặng người ăn giỗ  
cầm về đường.

Cái «phụ lục» này gồm :

1. Cuộc Cách mạng nhân văn.

Dương Văn Diêu dịch,

cúng Thầy

2. Thư của Vua Đồng Khánh gửi

P. J. B Trương Vĩnh Ký.

Nicolas Trương Vĩnh Tống dịch.

giỗ Cha

### *CUỘC CÁCH MẠNG NHÂN VĂN.*

Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX, đã xảy ra trên nước Pháp cũng như trên khắp phương Tây, một biến cố lớn nhất mà lịch sử từng trải. Đó là con người phá vỡ khuôn sáo cũ về trí tuệ, chánh trị, đạo đức, xã hội, bấy lâu nay câu thúc tư tưởng, hành động và ước mơ của con người. Con người đã

dùng khoa học mà thay đổi ý niệm về vũ trụ và về nhân thân. Con người quyết tự mình xây đắp lấy sự tiến bộ vô bờ bến của mình. Con người dũng cảm mưu toan tạo dựng một thế giới ngày càng nhân đạo, nghĩa là càng công bằng, hạnh phúc, cao thượng hơn. Toàn bộ sự nỗ lực ấy luôn bị những thế lực cũ cản trở hoặc quyết liệt, hoặc ngấm ngầm. Đó là tấn kịch của thời đại : *cuộc cách mạng nhân văn*.

Chợt không khỏi ngạc nhiên mà thấy, những thế kỷ dung mạo khác nhau rõ rệt lại được xếp vào một cái tên chung. Chúng ta quen gọi thế kỷ XVI, thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII, thế kỷ XIX, và chúng nó gợi cho chúng ta biết bao sự kiện, biết bao hình ảnh khác nhau đến nỗi, khi thoáng nghĩ, ta nghĩ rằng, gom chúng chung lại với nhau, chúng ta làm hư hỏng chúng. Mặt khác, chúng ta rất khó chấp nhận là « một cuộc cách mạng » mở đầu cách đây 400 năm, giờ đây lại hãy còn tiếp diễn. Bởi vì môn sử dạy ở nhà trường dành cái tên « cách mạng » cho mỗi thời kỳ có xảy ra những đột biến chánh trị : 1789, 1830, 1848. Còn như thế kỷ XVI thì lịch sử cho nó cái tên là thời kỳ Phục Hưng. Cũng cần đề phòng cái thói quen đó nhiệm phải trên ghế nhà trường, nó làm cho ta không nhìn thấy sự thật.

Ý nghĩ muốn gom lại trong cùng một thời kỳ, bốn thế kỷ sau cùng làm cho chúng ta hơi chối, bởi vì đây là thời kỳ gần gũi với chúng ta. Nhưng nói về một quá khứ xa xưa hơn thì chúng ta hoàn toàn không bắt buộc phải cắt lịch sử ra từng đoạn, một trăm năm hoặc trên dưới một trăm năm. Chúng ta nói thông thường nào là thời galô-la mã, thời dã man, thời phong kiến và chúng ta có lý. Vì trên những khác nhau thứ yếu, có những đường nét chủ đạo giống nhau, vì những khúc sông cong không che khuất được sự thống nhất của dòng sông. Điều gì đã đúng với quá khứ xa xưa cũng có

thể đúng với quá khứ gần gũi. Thế kỷ XVI và các thế kỷ tiếp theo đều có những nét riêng biệt mà lịch sử phải vạch ra cho được. Nhưng dù thế nào chăng nữa, có những cách khác nhau chăng nữa, các thế kỷ này đều có chung một đà khởi vọt (élan) . Đó là đà khởi vọt nhân văn. Do đó chúng hợp thành một thời kỳ thống nhất, dễ thấy.

Người ta do dự khi gọi thời kỳ này là «cách mạng» , vì sách giáo khoa đã dành cái tên gọi này cho các biến đổi dữ dội và đột ngột. Cái thói dùng quen, nó cũng hay lừa dối. Sự biến chuyển của nền quân chủ buộc-bong sang nền quân chủ óoclêăng dù có tự xưng là «cách mạng của 1830» , thì đó cũng chỉ là một biến cố nhỏ bé bên cạnh sự phát hiện ra châu Mỹ, bên cạnh sự Cải cách (La Réforme) , bên cạnh bản «Luận về Phương pháp» (Discours de la Méthode) , bên cạnh sự phát minh ra xe hơi và máy bay. Một cuộc cách mạng, theo nghĩa đầy đủ của chữ này, là một cuộc biến đổi sâu xa, đụng chạm đến tất cả các hình thức của cuộc sống công cộng và riêng lẻ. Những biến đổi loại này không thể tiến hành trong «vài ngày» , cũng không thể trong «vài năm», chắc chắn những biến đổi này tiến triển nhanh chóng và khi vấp phải chướng ngại, chúng gây ra một cuộc đảo lộn đột ngột, dù có bị chống trả cũng không thể không mang tính chất quyết định. Đó là điều đã xảy ra ở nước Pháp vào cuối thế kỷ XVIII. Nhưng cuộc cách mạng Pháp sở dĩ cách mạng là vì nó chấp chứa trong mình nó thân sắc của chủ nghĩa nhân văn, vì nó là kết quả của sự cố gắng bền gan hàng thế kỷ. Cuộc Cách mạng là sâu sắc chính vì nó là sự cố gắng như vậy, mà người của Hội nghị lập hiến (la Constituante) và Quốc ước (La Convention) tiếp tục cố gắng ấy, không ngơi.

Buổi đầu cách mạng, nếu người ta giữ tên gọi nó là Phục Hưng thì cũng chánh đáng thôi. Hối thế kỷ XVI, cũng như dưới thời Charlemagne, cũng như thời đại Trung cổ, đã xảy ra một sự thức tỉnh của ảnh hưởng thời cổ và sự thức tỉnh này là nguồn gốc của phần lớn những biến chuyển lớn tiếp theo sau. Một lần nữa, nhờ dựa vào quá khứ Hy Lạp — latin mà điều này đã làm cho cái tên gọi «phục hưng» không đầy đủ, dù là lần này người ta quay về thời cổ (l'Antiquité) chính là để vượt qua nó.

Thế kỷ XVI mà vĩ đại là bởi cái mà nó làm sống lại. Nó còn vĩ đại hơn nữa là bởi cái mà nó báo trước và chuẩn bị. Đó chính là màn đầu, và người ta không thể tách nó ra khỏi toàn bộ tấn kịch lớn, diễn ra ở vào thời cận đại. Dù về bất cứ mặt nào, khoa học hay tín ngưỡng, triết học, chánh trị hay nghệ thuật, đạo đức, xã hội, màn đầu này ra dấu hiệu, và phóng ra những tư tưởng lôi cuốn tất cả. Và có sự tiếp nối từ nó đến chúng ta.

Chính sự nối tiếp cách mạng mà ta phải nêu lên những đường nét lớn của nó, sau đó chúng ta sẽ nhấn mạnh các giai đoạn tạo nên bởi các thế kỷ kế tiếp.

Điều mới mẻ thứ nhất, chi phối tất cả, là sự giải phóng của tinh thần khoa học, đó là tư tưởng cho rằng trong sự tìm tòi chân lý, phải tiến lên phía trước, tiến lên nữa, tiến lên mãi.

Cái tín hiệu căn bản của chủ nghĩa kinh viện cổ điển cho rằng, nói về cơ bản thì khoa học đã hoàn thành rồi. Anh muốn biết Chúa là gì, con người là gì ư ? — Hãy đọc kinh thánh. Anh muốn biết lôgich học là gì ư ? — Hãy đọc Aristôte ! Chân lý của đức tin và chân lý của lý trí khó dung hòa. Nhưng dù sao đó là những chân lý mà con người

đã có. Vậy thì đi tìm chân lý chỉ cho vô ích, điều cốt yếu là đã tìm ra rồi mà ! Khoa học, hoạt động khoa học làm chỉ cho mệt ! Nó đã hoàn thành rồi kia mà !

Trong khi, biết bao nhiêu đầu óc đang tin như vậy, thì có hai sự kiện nổ ra : sự phát kiến ra châu Mỹ, sự phát kiến ra Cổ Hy Lạp. Một đoàn thám hiểm mách cho phương Tây trở mắt nhìn một thế giới chưa từng biết, một đoàn bác học lại chỉ ra cho phương Tây một thế giới bị lãng quên.

Chính hai điều phát hiện ấy đã giáng một đòn chí tử vào chủ nghĩa tín điều trung cổ mà cổ vũ tinh thần tự do tìm tòi—cái linh hồn của khoa học.

Đối với những học giả ra công tra cứu những sách kinh, đối với chúng sinh khâm phục những vị docteurs ấy, cái điều đáng ngạc nhiên không phải là châu Mỹ có thật, mà đó là cái ông Aristôte chẳng biết gì về chuyện này, mà đó là chuyện những người tiên tri lẫn cả Chúa đều không ai đã từng nói đến châu Mỹ cả, mà đó là các giáo sĩ, các giáo hoàng, các bậc Thầy hoặc «thiên thần» hoặc «bất kham» đều không ngờ đến sự tồn tại của châu Mỹ. Trong một lúc nào đó, hai cột trụ của khoa học hoàn bị đã bị tổn thương. Bằng chứng rõ ràng, những phái này tưởng cho rằng gì họ cũng biết. Nhưng thật ra chỉ ít là họ không biết điều cốt tử. Điều ấy là, người ta phát hiện cái gì ra, là không phải bằng cách giải thích lời Chúa hoặc lời Thầy, mà bằng cách quan sát sự kiện.

Chính trong lúc mà việc tìm ra châu Mỹ gây nên sự chấn động tinh thần, việc tiếp xúc với thời Cổ Hy Lạp cuối cùng đã được phát kiến cũng không phải trong những khái luận nào đó của Aristôte, mà được phát giác trong đa dạng tự do và sáng tạo. Điều đó tạo ra cho các nhà tư tưởng một sự táo bạo mới, mà cuộc cách mạng Copernic nổ ra, trái đất



không còn là trung tâm bất động của vũ trụ nữa, nó quay theo trục của bản thân nó và quay xung quanh mặt trời.

Một lần nữa, đây là một đòn giáng vào Aristôte, vào kinh thánh. Nếu cả hai đều có một khiếm khuyết về một vấn đề có tầm quan trọng như vậy—vì đó là vị trí con người trong vũ trụ—thì nền khoa học sao chép ấy còn có giá trị gì ? Nên khoa học mà chủ nghĩa kinh viện đã từng tự hào ấy ! Nhưng không dừng lại ở kết quả cách mạng ấy, thời Phục hưng tiếp tục tiến lên phía trước ! Cái giả thuyết mà Aristarque ở Hy Lạp hay Orasme thế kỷ XIV không thể chứng minh «hết chối cãi» , thì bây giờ đã tìm được bạn, được người hưởng ứng nhiệt thành.

Lần này, chủ nghĩa giáo điều càng thấy lâm nguy mà chống trả kịch liệt, Galilée bị ra tòa, bị buộc tội «cuồng nhiệt tà giáo». Ông bị bắt qui thề chối bỏ điều mà nhà thờ gọi là là nguy thuyết «trái ngược với Kinh thánh» , «một sai lầm nghiêm trọng và nguy hiểm» . Tuy nhiên điều sai lầm nguy hiểm này đã sớm trở thành chân lý được chấp nhận làm điểm xuất phát của vô số những phát minh khoa học.

Đương nhiên cái chiến thắng không phải chỉ là một luận thuyết nào đó. Sự chiến thắng còn là của tư tưởng xét thấy cái gọi là khoa học hoàn bị đã tỏ ra dối trá, nên cho rằng khoa học chân chính còn phải gắng sức. Và nếu cái khoa học hoàn bị kia là dựa vào thiên khải, truyền thống và quyền uy thì cái khoa học chân chính là cái dựa vào lý trí và thực nghiệm.

Từ đó đi đến kết luận : đây không phải là phục tôn cái khoa học Hy Lạp mà chỉ là một sự đuổi theo kịp nó để rồi vượt nó mà thôi. Đó là toàn bộ nền khoa học hiện đại. Từ Copernic đến Galilée, từ Galilée đến Newton, từ Newton đến Einstein, không gián đoạn, con người và các thế kỷ liên nhau

làm thành một sợi dây chuyền. Cách mạng không gián đoạn bởi vì nó chạy dài trên bốn thế kỷ và không ngừng mở rộng : Cách mạng nhân văn. Vì trên một điểm cơ bản, nó biến đổi để đề cao vai trò con người ... ngày hôm qua con người khúm núm, ngừng lại ở vạch cửa của các chân lý áp đặt. Từ rày về sau, nó tiến lên phía trước không sợ hãi, nể vì. Ngày hôm trước con người chấp nhận phán truyền của Chúa, thì nay, chính con người chủ động phát giác, hôm qua họ tin ngưỡng, hôm nay họ sáng tạo.

Chính khoa học được giải thoát như vậy khỏi nạn giáo điều từ bốn trăm năm nay, mà trở thành lực lượng cách mạng. Nhưng nếu tinh thần tự do và lý trí của lực lượng cách mạng ấy mà chiến thắng khá nhanh trong nghiên cứu các sự kiện vật lý và sinh vật thì khi thâm nhập vào các sự kiện nhân sinh thì nó đụng phải rất nhiều trở lực. Nếu thế quyền cuối cùng phải chấp nhận, thậm chí còn tạo dễ dàng cho công việc tìm tòi về vật chất thì trái lại họ quyết kèm giữ khoa học trong lãnh vực ấy mà thôi. Nhà bác học được tự do nêu lên các giả thuyết cho dù táo bạo về cấu trúc vũ trụ, miễn y là một tín đồ chính thống, một tín đồ trung thành trong các lãnh vực còn lại. Nhưng con người chỉ trọn vẹn là người khi nó được hướng vào các sự kiện liên quan đến con người. Do vậy mặt thứ hai của cuộc cách mạng nhân văn : cuộc đấu tranh cho sự giải phóng về mặt triết học, chánh trị và đạo đức.

Đến thế kỷ XVI, sự nghiên cứu kỹ hơn về quá khứ Hy Lạp — La mã, sự thức tỉnh của trí thông minh, thói quen nhai kinh sách, để sắp xếp chúng lại, để từ đó rút ra ý nghĩa đúng đắn, gây ra trong lãnh vực tôn giáo một đợt sóng giải phóng đầu tiên : *Cuộc Cải Cách*.

Về một ý nghĩa nào đó, trong phong trào này không có gì mới. Bởi vì như chúng ta đã thấy, thời Trung cổ và trong

cuộc «đại khủng hoảng» đã có nhiều cố gắng để đạt được cuộc cải cách Nhà thờ. Nhưng chúng còn hỗn độn và vô bổ vì thiếu một nguyên tắc chỉ đạo. Nguyên tắc ấy Luther và Calvin đã đem vào. Đó là sự viện dẫn kinh sách : người giáo đồ cơ-đốc không còn tìm hiểu qui tắc đức tin qua nhà thờ nữa, họ trực tiếp tìm kiếm nó trong LA BIBLE (Thánh thư).

Điều làm cho quần chúng chú ý hơn hết, điều nổi lên hàng đầu hiện nay đối với tín đồ, đó là hậu quả thực tế mà các giáo đồ tin lành rút ra từ nguyên tắc của họ : xóa bỏ giáo hội La mã, chế độ tăng viện, lễ misa, sự thờ cúng nữ thánh đồng trinh và các thánh, phần lớn các thánh lễ, niềm tin ở cứu khổ, việc bán Chúa xá tội, việc đọc thân của mục sư, tài sản của nhà thờ, sự xa hoa của lễ bái, các thánh tích, v.v... Thực thể nhiều chủ trương đó là cách mạng vì nó bãi bỏ các tục lệ lâu đời. Nhưng linh hồn của Cải cách không phải nằm trong các kết quả trên. Bởi vì các kết quả này thay đổi tùy theo người chủ trương, thời gian và địa điểm. Linh hồn đó nằm trong tư tưởng chỉ đạo sau đây : Xin hãy đọc Thánh thư (Lisez la Bible) .

Theo nghĩa nào đó, không gì phản động hơn cái thứ nguyên tắc gắn tư tưởng hiện đại với các sách thánh xưa hàng bao thế kỷ, đem kinh Cựu ước đối chiếu với Copernic và Galilée, như vậy là chạm trán với tư tưởng tiến bộ, nguyên tắc của chủ nghĩa nhân văn khoa học ! Những điều làm cho cái phản động thành cái cách mạng, đó là hệ nơi nào mà Rome đòi hỏi sự hàng phục của tín đồ thì nơi đó Cải cách lại nêu cao quyền của độc giả. Nhà thờ nói : «Tôi đảm bảo những gì chứa đựng trong các sách kinh, hãy tin và nghe theo». Cải cách nói : «Các người hãy tự mình nhìn vào các sách đó, đọc đi và suy nghĩ». Trong lãnh vực của tôn giáo, các quyền thiêng liêng của việc nghiên cứu cá nhân, của sự suy nghĩ cá nhân đã tuyên bố lên như vậy.

Cả ở đây nữa, ta chớ nên giải thích các sự biến bởi thiên tài của vài bậc vĩ nhân : cả Luther, Calvin đều không hiểu điều họ làm. Khi họ hướng con người về Thánh thư, thì họ thật thà tin tưởng rằng mọi người cũng sẽ tìm thấy trong đó những gì chính họ đã thấy. Họ dựng lên giáo lý mới và nhơn danh giáo lý đó Luther khuyên các ông hoàng hãy trông vào thầy «Jean» , Calvin thì ngược đãi những người tự do tín ngưỡng và thiêu sống nhà bác học Servet. Nhưng trước hết, lại có những người tân giáo (tin lành) như Castellion cả tiếng kêu án sự cố chấp, hẹp hòi trong tôn giáo. Và chẳng sự tình các tín đồ tin lành là một thiểu số ở Pháp và là một thiểu số bị ngược đãi, đã đưa đến yêu sách «tự do tín ngưỡng». Năm 1789, khi họ đạt được tự do tín ngưỡng, thì chủ nghĩa giáo phái cũ như bị một nhát dao vào tim.

Thế nhưng đây cũng chưa phải là đòn nghiêm trọng nhứt, vì những tín đồ tân giáo vẫn là tín đồ Cơ-đốc. Chính sự thán phục đối với thời cổ vô tín ngưỡng đã đưa số đông người có đầu óc tìm một thỏa hiệp (compromis) giữa Jésus và Socrate, giữa Cicéron và thánh Auguste. Có những người bạo dạn hơn, gán các vấn đề tín ngưỡng với chủ nghĩa duy lý khoa học và lạnh lùng gạt bỏ các phép mầu, các điều huyền bí, các siêu nhiên. Cuối cùng theo lời khuyên của Luther và Calvin, một số người cầm đầu đọc Thánh thư, nhưng với tinh thần phê phán được phát huy lên nhờ các tiến bộ của sự thông thái mới nảy sanh.

Họ ghi chú cẩn thận của sách những chỗ mâu thuẫn nhau, những chỗ sai sót rõ ràng, những điều huyền hoặc, những đoạn chướng tai. Kết quả : sự hoài nghi bắt đầu nảy nở, gay gắt, với Rabelais, từ tốn với Montaigne và những nhà tư tưởng tự do, có sức thuyết phục ở Voltaire và những nhà triết học. Chủ nghĩa hoài nghi, tự nhiên thân giáo, chủ

nghĩa vô thân tới tấp tiến công cái «lòng tin» . Khi Hội nghị lập hiến họp, chẳng những nó tuyên bố quyền của những tín đồ tin lành, mà cả nhân quyền. Pháp luật cho phép người ta không làm tín đồ Cơ đốc. Thắng lợi tốt đỉnh của chủ nghĩa nhân văn, nền khoa học của các sự kiện có liên quan đến con người mà nhà thờ muốn vùi dập, nền khoa học đó xâm chiếm cả đạo Cơ đốc cũng như toàn bộ những công việc tín ngưỡng ; những tín điều mà người ta cho rằng cao xa, ngoài tầm của tinh thần phê phán đối với nhà xã hội học đã trở thành những sự thật đơn giản của con người ; và Auguste COMTE thông báo sự thống trị của thời đại tích cực, trong khi đó Renan cung kính mai táng những vị thần đã chết và ngợi ca Tương lai của Khoa học ; nước Pháp quyết định : nền giáo dục của Nhà nước sẽ là thế tục (enseignement laïque) .

Cuộc chiến đấu lâu dài của lý trí chống lại lòng tin ở siêu nhân và lời sấm là mặt thứ hai của cuộc cách mạng nhân văn. Theo từng thế kỷ nó mang những dáng dấp khác nhau. Nhưng nó đi qua các thế kỷ với một đà tiến không ngừng. Nó đánh dấu thời hiện đại.

Mặt thứ ba : *Sự giải phóng chính trị.*

Người Pháp như ta đã biết, không chờ đến thế kỷ XVI mới phân đối kịch liệt, khi thì chống lại sự áp bức phong kiến, khi thì chống lại những lỗi lầm hoặc bất lực của nền quân chủ. Nhưng các đợt sóng này và các đợt sóng khác chống lại sự «lộng quyền» của nhà thờ thì đều vô hiệu. Chỉ vì thiếu nguyên tắc trong sáng và năng động. Bọn tư sản thế kỷ XV, lúc thì đi với Vua, lúc thì chống lại. Trong bất cứ trường hợp nào, họ cũng là người của một nhân vật nào đó, và trong đầu óc họ, không hề có ý nghĩ là họ có thể

khác đi. Với cuộc Phục Hưng Văn nghệ (la Renaissance) có nhiều tư tưởng mới xuất hiện. Ai đến trường trung học để nghiên lại lịch sử ROME thì không khỏi bị trùng phạt. Những mâu chuyện của Tite-Live mô tả cuộc chiến đấu chống Tarquin, hành động của tiện dân không ngớt chống lại quý tộc, đã dạy cho thanh niên yêu chuộng tự do, bình đẳng. Những trang viết đượm tinh thần phục thù của Tacite gieo oán hận đối với chế độ chuyên chế, những lời hô hào cháy bỏng của Canuleius và của Marius kết tội bọn quý tộc kiêu căng. Sau cùng hai chữ lặp đi lặp lại mãi trong văn chương học đường là : tổ quốc, công dân. Rome không phải là vật riêng của người cầm đầu, nó là «của chung» và tất cả những người tự do đều có quyền điều khiển nó, cũng như có bổn phận phải yêu nó. Những chữ ấy, những tư tưởng ấy, những tình cảm lưu truyền từ thời cổ, lúc đầu là của riêng của một số ít những nhà thông thái. Nhưng ít lâu sau nhà hát và sách truyện cũng đều đã dùng được chúng. Corneille làm sống lại trước công chúng tinh thần của Cộng hòa La mã. Rồi ngày lại ngày, hình thành trong chế độ chuyên chế ý niệm về tổ quốc là «Nước Pháp» được điều khiển bởi những người công dân tự do. Trong lúc mà trên thực tế, vua chúa coi tổ quốc là sở hữu riêng của chúng, lúc mà có một ông Bossuet xác nhận tổ quốc của Chúa là quyền thiêng liêng, thì quan niệm từ trong các sách vở len lỏi vào tâm trí mọi người. Quan niệm này hiện ra mơ hồ trong những giờ phút hỗn độn, trong cuộc chiến tranh tôn giáo, trong thời La Fronde. Đến thế kỷ XVIII nó tự khẳng định mạnh mẽ hơn. Cách mạng Pháp nổ ra nó công bố quyền của người công dân cùng với quyền của con người. Nó ca tụng tình yêu «tổ quốc» với văn khí Corneille. Giọng điệu La mã của các bài diễn văn đọc trước Hội nghị lập hiến và quốc ước có vẻ cầu kỳ đối với chúng ta ngày nay, nhưng vào thời kỳ đó nó gây xúc động, bởi vì nó thể hiện tính liên tục sâu sắc của phong

trào từ thế kỷ XVI muốn biến «vương quốc Pháp» thành một «nước Pháp» tự do, điều khiển bởi những công dân của mình.

Mặt thứ tư của cuộc cách mạng nhân văn :

*Sự giải phóng đạo đức.*

Suốt thời Trung cổ, sống với ý nghĩ rằng, chỉ có một thứ đạo đức là «chân thật», đó là đạo đức Cơ đốc. Ngoài nó ra không có sự cứu rỗi : tất cả đều xấu xa, hay ít ra cũng tâm thường không đáng để tâm. Nội cái mong tìm một cái gì mới, cái gì tiến bộ trong lĩnh vực đạo đức cũng đã là phạm tội lỗi rồi. Cái dị giáo là cái đáng ghét. Và chẳng trong khi nhà thờ cố duy trì tâm trạng này thì số người ưu tú ngày càng đông, tìm nhiệm thời suy nghĩ theo La mã và Hy Lạp. Không những các đạo lý lớn của Hy Lạp : học thuyết Platon, học thuyết Aristôte, chủ nghĩa khắc kỷ, chủ nghĩa khoái lạc được nghiên cứu say mê, mà trong văn chương, trong chuyện trò, trong tư tưởng và trong giấc mơ, những anh hùng «tà giáo» lần lần thay thế các «anh hùng» cơ đốc. Đối lại với thánh AUGUSTE giáo phụ của nhà thờ, thì có Socrate của chủ nghĩa nhân văn. Những Roland, Olivier, Lancelot, Perceval bị lu mờ bởi Achille, Thésée, Enée, Caton, Brutus. Auguste hạ bệ Charlemagne. Người đẹp Aude, Iseut, nữ hoàng Genièvre nhường chỗ cho Andromaque, Phèdre, Éphigénie, Antigone. Sự thay đổi thói thượng có những ảnh hưởng đến trật tự đạo đức. Sống đọc sách và coi hát, chung đụng với những người dị giáo, người đạo giả lần lần tìm nhiệm luân lý của giới người này. Với một nhà nghiên cứu trừu tượng thì dễ khẳng định «tất cả hành động của người dị giáo Gentils đều là tội lỗi» và nàng trinh nữ Lucrèce cũng đi xuống địa ngục như Messaline. Nhưng với ông thầy giảng

dạy các tác phẩm cổ cho đứa học trò đang lắng nghe, thì cũng có thể đặt ngang hàng Marc-Aurèle và Néron, Narcisse và Burrhus, Antigone và Pasiphaé. Không cần được rửa tội, Léonidas đã chết cho tổ quốc, Aristide làm người chánh trực, Lucrèce liêm khiết, Régulus anh hùng. Caton cao thượng. Như vậy có nghĩa là, vượt lên trên những khác biệt về tín ngưỡng, lên trên nền đạo đức cơ đốc duy nhất, còn có những hình thức đạo đức, mà qua đó, phàm ai là người, đều có thể gặp nhau, ở đỉnh cao. Vì là điều THIÊN không hề bị cột chặt vào một tín điều nào và đức hạnh cũng không phụ thuộc vào đức tin. Tư tưởng cách mạng này, ban đầu chỉ có những nhà uyên bác nhất, bạo dạn nhất cảm nhận mà thôi. Nhưng về sau nó lan truyền qua Montaigne. Những tín đồ dòng Tên dung hợp với tư tưởng đó. Những nhà triết học thế kỷ XVIII tôn vinh và bình vực nó. Voltaire hô hào tình huynh đệ đại đồng. Vào cuối thế kỷ XIX, nước Pháp quyết định các trường công sẽ được dạy môn đạo đức «thế tục» nghĩa là đạo đức nhân bản.

Trong quá trình xảy ra sự canh tân đạo đức như vậy thì có nhiều tiếng lên án những lễ thói ghê tởm, như là : cực hình đối với các bị can, những điều tàn bạo làm nặng thêm bản án tử hình, các cuộc truy tố những «thầy đông thầy pháp», các vụ khởi tố xác chết. Và những sự phản kháng này, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII đã làm dịu bớt bản hình luật của những người của Cách mạng. Nhưng một biến đổi khác xuất hiện, chi phối tất cả : chính bản thân nguyên lý đạo đức cũ chạm trán phải một nguyên lý đối nghịch.

Đối với đạo Cơ đốc cũng như đối với các môn đồ của các tông giáo cứu thế cũ, bản chất con người bại hoại bởi «tội tổ tông», là xấu xa và hướng con người đến cái ác. Như



vậy đạo đức chủ yếu là cuộc đấu tranh chống lại dục vọng của chúng ta. Trải qua thử thách của cuộc đời, người anh hùng là người khổ hạnh tiến hành cuộc đấu tranh chống lại dục vọng ngay cả các thú vui chánh đáng, là người tu sĩ ưng chịu nghèo khổ, sống độc thân, chịu đau đớn thể xác và tâm hồn. Dĩ nhiên người ta không đòi hỏi mọi người phải tiến đến mức đó. Người ta đành chịu cho những bậc đại nhân, tăng lữ hay thế tục, được sống trong phú túc. Nhưng với quần chúng, người ta dạy biểu phải chịu đựng, người ta nhắc đi nhắc lại, nghèo khổ là con đường đi đến thiên đường. Người ta hùng biện ca ngợi cái nghèo.

Rabelais đứng lên đương đầu với quan niệm này và ném ra những công thức cách mạng : bản chất con người là tốt, con người sống theo khuynh hướng của mình và tự do đi theo cái THIỆN. Nên đạo đức chân chính gói gọn trong công thức : «Hãy làm cái gì anh muốn» (Fais que voudras) .

Niềm lạc quan này không khỏi làm kinh ngạc. Nhưng muốn hiểu rõ thì phải coi Rabelais quan niệm cái Thiện như thế nào. Theo ông, TỐT nghĩa là khỏe và mạnh, là đẹp, là có học thức thông minh, là giàu có và nhờ giàu có mà được dự phần vào tất cả các hình thức nghệ thuật của sự giàu sang.

Khi người ta nắm được cái định nghĩa ấy thì nên đạo đức Rabelais tự nó đã rõ. Rõ ràng là người ta không cần đấu tranh chống lại bản thân mình để tìm sức khỏe, vẻ đẹp, trí thông minh, sự giàu có, sang trọng trang nhã. Nhưng sự táo bạo phi thường, sự táo bạo cách mạng chính là làm cho bao nhiêu điều đó trở thành bao nhiêu đức tánh tốt. Đối nghịch với người khác kỹ hành thân hoại thể mình, khinh thường vẻ đẹp nhân thân, miệt thị sự khôn ngoan thời thượng, tôn sùng sự nghèo khổ tác giả của Gargantua can đảm hóm hình dựng lên một kẻ «khoái lạc» chú ý chăm sóc

thân xác mình, trau tía, tô điểm nó, kẻ sống trong lâu đài tráng lệ, giữa các thứ kiêu diêm nhất mà nền công nghiệp và nghệ thuật có thể tạo ra, kẻ nhờ học hỏi và mở mang trí tuệ mình, tiếp thu các điều kỳ ảo. Dưới bức màn hợp thời của một quyển sách trào lộng, tư tưởng đã bán ra và sẽ làm sống động thế giới cận đại. Đã lui về dĩ vãng rồi, cái quan niệm cổ lỗ cho rằng trái đất là «thung lũng nước mắt», là chón trần ai, nơi đây con người trông chờ công bằng và hạnh phúc ở một thế giới khác, nơi đây có lệnh cho con người là phải căm ghét bản thân mình. Từ rày về sau bài toán lớn là đảm bảo cho tất cả, trên trái đất này, một cuộc sống phong phú, hạnh phúc và cao thượng, là tiêu diệt sự thù hằn và tham lam, làm thế nào để mỗi con người đều được hưởng phần trong sự dồi dào của cái, trong sự học thức, trong sự khôn ngoan tự tại.

Định hướng mới này của những ước vọng nhân tính không chỉ thể hiện trong sự tiên đoán táo bạo như Gargantua. Định hướng mới này cổ vũ phong trào kỳ diệu chính là sự Phục hưng Nghệ thuật (La Renaissance). Ngay cuối thế kỷ XV, các nhà họa sĩ và điêu khắc tìm thấy trong gia tài cổ, ý nghĩa của cái đẹp thân thể. Cái «thể xác» từ bấy đến giờ bị khinh miệt, bị tố giác như một nguồn tội lỗi nay trở lại thành thơ ca và niềm lạc thú trong những Apollon, những Mars, những Bacchus, những Venus, những Dianes. Tất cả những thánh nhân sáng chói của văn minh Hy Lạp đã hồi sinh và hát ca sự cao thượng của cuộc sống hạnh phúc và huy hoàng. Nghệ thuật cao đẳng, nền kiến trúc lập tức bác bỏ cái gì là vẩn đục, là sợ hãi và bệnh hoạn ra khỏi giáo đường.

Ngày mà Brunellesco hãnh diện và có lôgich dựng lên giáo đường Florence thi đi đời các lâu đài bí mật và khép

khiêng của thời đại trước. các giáo đường phi-lôgich dường như đứng được là nhờ có phép màu, mà thực ra có đứng vững được đâu trong cái mớ hỗn tạp kỳ quặc đó. Với cái cố là tung cánh cho ước mơ, cái mớ tạp nham đó lại là sự khiêu khích triền miên đối với cái nhìn và cái nghĩ của con người. Cái thị hiếu trở lại với những đường nét giản dị, những cái hài hòa hợp lý, vừa đảm bảo cho sự vững chắc vừa thỏa mãn trí tuệ. Từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, những lâu đài «nhân văn» mọc lên : các đền đài hai bên bờ sông Loire, đền Louvre, đền Versailles, các biệt thự thế kỷ XVIII, các tòa nhà rực rỡ ánh sáng thế kỷ XIX muốn tìm cách trở thành những khung cảnh trẻ trung của một đời sống cao thượng, thoải mái và tươi mát.

Được nghệ thuật và sự phát triển của cuộc sống thời lưu nâng cao lên, tư tưởng của Rabelais thẳng đường tiến tới. Cố nhiên nó vấp phải sự chống trả quyết liệt ; thần học tiếp tục muốn đè nén con người cận đại dưới sức nặng của tội lỗi Adam, giáo phái Calvin, giáo phái Janséniste phụ họa vào, giữa thế kỷ XVII Bossuet đề cao sự nghèo khổ, Pascal tuyên bố khoa học là hư ảo, giữa thế kỷ XVIII Rousseau kết tội sự tiến bộ tai hại của kiến thức, của văn học nghệ thuật. Thế kỷ XVIII cất lên những tiếng xin, hãy hãm bớt đà tiến của vật lý học, xin nhân loại hãy xưng tội và trở lại «cuộc sống bình thường». Nhưng nên đạo đức nhân văn đã được phóng ra rồi, không gì ngăn cản nổi : các tin đô dòng Tền mở cửa cho nó, các bậc thời lưu chấp nhận nó, các «nhà triết học» ca tụng nó, các lê thói của nhà cầm quyền dung nạp nó. Người ta ca ngợi sự nghèo khổ trong các nhà thờ lộng lẫy, kiêu sa một cách vô ích. Cũng vô ích như vậy khi người ta cáo giác nên văn học đã canh tân trong các bài viết của mình : từ thế kỷ XVI đến thời đại chúng ta ngày nay, theo đuổi sự hiểu biết, sức khỏe, vẻ đẹp, cuộc sống giàu có hơn, hạnh phúc hơn, cao thượng hơn đang trở thành

nguyên tắc của nền văn minh. Đương nhiên, vấn đề kinh tế lớn đặt ra, chi phối cả thời đại. Nhưng vấn đề này nữa cũng chỉ là kết quả của sự đảo ngược về đạo đức gây ra bởi chủ nghĩa nhân văn ; cuộc sống giàu sang hơn và cao thượng trở thành một lý tưởng, vậy quyền gì mà cự tuyệt nó đối với quần chúng, đối với nhân dân, đối với người nghèo !

Đối diện với sự xa hoa của vua chúa hoặc lãnh chúa, công hầu trước kia, Nhà thờ có thể nói với người dân đen, người nông nô rằng : «Nghèo khó là một điều tốt lành, vì nó mở cửa nhà trời cho mi» . Nhưng mà sự nghèo khó không còn là một điều tốt lành nữa, thì sự cùng khổ của quần chúng trở thành một điều ô nhục. Cuộc chiến đấu chống nổi ô nhục này là mặt sau cùng của cuộc cách mạng nhân văn.

Trong toàn bộ cuộc chiến đấu, đây là trận dữ dội nhất. Bọn giàu có chúng nó tự vệ còn khốc liệt hơn bọn chính thống tôn giáo hay chính trị. Chắc rằng trong suốt những thế kỷ XVI, XVII, XVIII có một cuộc biến đổi lớn về gia sản ở nước Pháp. Nhưng tư sản lớn lợi dụng cái mà người ta gọi ép là buổi đầu của thời đại tư bản, nghĩa là lợi dụng những hoạt động thương trường sau khi tìm thấy châu Mỹ, lợi dụng tâm quan trọng mà các hoạt động này đem về cho đám thao túng đồng tiền. Chúng tước đoạt chủ quyền kinh tế trong tay quý tộc. Và khi chúng giàu lên, chúng càng chống quần chúng nghèo khổ ác liệt hơn để giành quyền thao túng đồng tiền. Sự phát triển đi lên của giai cấp tư sản gây hậu quả lớn lao về phương diện chính trị, đồng thời cũng không cải thiện chút nào hoàn cảnh kinh tế của nhân dân. Ở vào thời điểm nào đó, nó lại còn làm cho hoàn cảnh ấy khó khăn hơn. Nhưng kiếp sống khốn cùng của nông dân đã làm nổ ra những lời phản kháng nổi tiếng của d'Aubigné, của La Bruyère, của Rousseau. Ngay từ thế kỷ XVI, trong một cuộc

bãi công, những người thợ in tố cáo những kẻ mà lúc bấy giờ người ta gọi là bọn «chủ» đã sống bằng mồ hôi và máu của họ. Thomas Morus và Campanella mô tả một xã hội lý tưởng, trong đó tài sản sẽ là của chung, ngày làm việc sáu giờ, thậm chí bốn giờ. Trong cách mạng, Robespierre và Saint Just yêu sách một thế giới không có kẻ giàu người nghèo. Sau cùng đến thế kỷ XIX, chủ nghĩa xã hội giương cao ngọn cờ đạo đức nhân văn, dũng cảm phản đối sự bất bình đẳng về kinh tế, dưới nhiều hình thức khác, đòi hỏi cuộc sống hạnh phúc cho tất cả mọi người.

Giải phóng trí tuệ, giải phóng chính trị, giải phóng đạo đức và kinh tế, chính sự nỗ lực đó vừa đa dạng vừa thống nhất là cuộc cách mạng nhân văn. Chúng ta hãy theo dõi các giai đoạn của nó :

Bộ khởi đầu tiên và có tính quyết định vào thế kỷ XVI ;  
thất bại của phản cách mạng, thế kỷ XVII ;  
bộ khởi thứ hai, thế kỷ XVIII ;

bước nhảy vọt tới trước, tiếp đó một bước thụt lùi với cuộc Cách Mạng và Đế chế ; cuối cùng thời hiện đại, cách mạng tiếp tục, từ đó nảy sinh cuộc bộ khởi cuối cùng ; thời đại máy móc và chủ nghĩa xã hội. Sự kế tục của các giai đoạn này không may may che lấp lại sự liên tục của phong trào đã lôi cuốn bốn thế kỷ gần đây ; không có sự đứt đoạn giữa sự can đảm của Copernic, Galilée, Descartes với sự can đảm của nền vật lý hiện đại ; không có sự đứt đoạn giữa MONTAIGNE, VOLTAIRE, AUGUSTE COMTE, RENAN và nền xã hội học hiện đại ; không có sự đứt đoạn giữa sắc lệnh thành Nantes với hiệp ước về sự khoan dung với bản Tuyên ngôn Nhân quyền và nhà trường thế tục ; không có đứt đoạn giữa Rabelais, những môn đồ của Saint Simon và Jaurès, giữa thư viện Thélème và đô thị hạnh phúc mà chủ

nghĩa xã hội hiện đại mong xây dựng. Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX, một sự khởi phát không đồng đều, nhưng không gì bẻ gãy được đã cuốn hút các thế hệ, con người nhận thức được quyền của mình và nhờ tự do quyết đi tới sự tiến bộ vô giới hạn.

«*Histoire de France*» — Albert Bayet 1938.  
Dương Văn Diêu dịch.

## II

Thư của vua Đồng Khánh gửi  
J. B. P. Trương Vĩnh Ký.  
(Nicolas Trương Vĩnh Tống dịch)

Trời Nam mở vận thái hòa,  
Châu kỳ phong vức Lang sa biên thùy.  
Lên ngôi Hoàng đế chánh vị,  
Cải nguyên Đồng Khánh ứng kỳ trung hưng.  
Hông đê truyền kế đã ưng,  
Quan giai mấy vực đều xứng can thành.<sup>(1)</sup>  
Núi sông trời khéo khéo danh,  
Xui lòng thành tin rạng danh thuận hòa.  
Ông Trương Sĩ tái vãng ra,  
Chánh chung việc nước vốn là người Nam.  
Cũng niêm kinh tế an bang,  
Tri đưa tấc lưởi giúp an kinh kỳ,  
Ốn trên đức phủ nhân tuy<sup>(2)</sup>  
Dụng tình cố kết làm ghi công người.

---

(1) Can thành : kẻ chống đỡ cho vua, cũng như giáo, như thành.

(2) Đức phủ nhân tuy : đức vỗ lòng nhân ra yêu bốn phương.

Hoa xuân nhuộm được màu tươi.  
Vinh quang sùng mịch<sup>(1)</sup> thật người thơ đường.  
Cho người ẩn sĩ họ Trương,  
Hàn lâm thị giảng mông đường vân ban.  
Thổ âm các nước luận bàn.  
Dịch lời tiếng chữ hàng quan triều thân.  
Lại đồ một phủ báu trân.  
Huỳnh đằng ngự bút cũng nhân một lần.  
Trọng thu tháng ấy vừa cân,  
Ngày hai mươi bảy nhạc quân tiên hành.  
Rõ ràng sự ấy đã thanh.  
Nam trung nước biếc, non xanh từng ngày.  
Ớn trên tướng lại bấy nay,  
Vâng đem ý chỉ diên bài quốc âm.  
Ấy ai đứng bậc sĩ lâm.  
Phải toan nhất đức, nhất tâm cân quyền.  
Lời rằng quân tử, sĩ hiền.  
Cương thường là trọng kinh quyền rất sang.  
Kìa xưa Y Doãn ngôi quan,  
Cũng người sẵn đã chí toan học hành.  
Dường như vui trọn đời mình,  
Một mai Trưng Triệu cũng dành nghĩa tôi.  
Nay Trương Sĩ tái là người.  
Sinh trong Nam thổ thật tài lâu thông.  
Âu-Á mọi nước núi sông,  
Dấu chơn cũng khắp, chẳng không nước nào.  
Tiếng tăm chữ nghĩa làm sao.  
Người hay thói lạ đều vào mắt tai.

---

(1) Vinh quang sùng (mịch : gọi nhân ơn vua mà được vinh hiển sáng danh.

Tiếc thay chưa chút quan giai,  
Nước mình cha mẹ để ai trái tình.  
Những toan rảnh việc giấu mình,  
Về nhà dạy học làm thình chuyện đời.  
Liên nghe kinh báo sự người,  
Có lòng vượt bể, vượt vời tới nơi.  
Ra tài vì nước đua bơi,  
Tư gia những việc bỏ khơi tấm lòng.  
Lấy lời lân hảo lễ công,  
Ép niềm thành tín, gỡ vòng tham ngoan.  
Đương nay vận nước nhiều nàn,  
Vì ta giúp đỡ lo toan những điều.  
Việc kia mỗi nọ cũng nhiều.  
Vừa trong tháng Sáu thấy đều đặn an.  
Thật tài tế thế kinh bang.  
Bậc người thứ nhất khôn ngoan ai tày ?  
Trong Nam cũng tưởng lâu nay,  
Quốc triều, văn giáo ít hay gọi nhuần.  
Nay người Trương thị xuất trần.  
Tài xem hạc lập kê quân với ưng.  
E hay non nước không chừng.  
Khí linh sớm đức nên lưng anh hào.  
Hay khi công đức dưỡng sao.  
Tiên triều dành để thế nào mà hay.  
Ta mừng gặp đặn ngày nay,  
Người Trương nghĩ cũng cảm thay tấm lòng.  
Lại tặng thẳng chức gia phong.  
Hàn lâm thị giảng ngôi trong ngự tiên.  
Thổ âm các nước ghi biên,  
Tiếng tăm chữ nghĩa trao truyền truyện xưa.  
Đêm ngày tai mắt lòng ưa.



Đường bằng chẳng mới vui đưa tháng ngày.  
Có lòng trông cậy một tay.  
Hết bài trí lự đỡ ngày gian nan.  
Mãn vui nghe chuyện luận bàn.  
Không dè từ tạ vội vàng hồi hương.  
Nghĩ tình khôn xiết phân tương.  
Ngày vui chưa mấy dặm đường đã xa.  
Lòng ta một tấm thật thà,  
Nỗi tình nào xiết lại là có hơn.  
Của này gọi chút riêng ơn,  
Lại ban cho đó tu như ghi tình.  
Một hình như ý ngọc lành.  
Vàng điều mười lượng, của dành lâu nay,  
Sừng tây một cái báu này.  
Hàng tàu, hàng đoạn kể rày tám cây.  
Xa cừ tử cần tốt thay.  
Cũng là một cái ngày nay lưu tình.  
Chân dung một tấm dò hình.  
Của ta cho đó dấu hình tương thân.  
Ngày xưa hoàng khảo tiên quân.  
Ban cho ngọc khánh sanh thân thuở ta.  
Để đời làm báu ấy là.  
Nay ta cho đó để mà gương tin.  
Ơn kia ngài nợ giữ gìn.  
Một niềm ta chọn sĩ hiền bấy nay.  
Ngũ ngôn trường luật thi này.  
Bày tình gập gỡ những ngày trông mong.  
Xiết bao ngàn dặm tác lòng.  
Con người nên cũng như lòng với người.  
Biết ta có ý với người.  
Đo lòng mình cũng vâng lời xét coi.

Người xưa lời dễ rạch ròi,  
Thiên Tướng đời Tống là người tôi ngay<sup>(1)</sup>.  
Cũng rằng làm bậc tôi rày,  
Nghĩa vua sau trước ngàn ngày lo toan.  
Trong ngoài gắn dạ keo sơn.  
Trung quân ái quốc chớ sờn ngai ngay.  
Những lời vàng đá tỏ bày.  
Ta trông mong đó như ngày người xưa.  
Chớ quên một hạt ơn mưa,  
Nước nguồn cây cội lọc lừa lòng riêng.  
Tấc gan lời nói cũng già.  
Năm chầy tháng lụn cũng xin ghi lòng.  
Thủ công báo đức nơi trong.  
Thì ta cũng dạng trông mong người hiền.  
Một lòng thiết đãi cần quyền,  
Một yêu yêu chuộng nối biên thi này.  
Nhớ ngày sóng biển gió gay.  
Kinh kỳ một ngọn khói bay, mây tàn.  
Thương ta gặp cảnh cháy gan.  
Một niềm uất ức muốn toan thành nhân.  
Lấy ai nhớ nỗi cơ quan.  
Vì ta tính cuộc giải khoan tấc lòng.  
Gạo cơm vận nước long đong.  
Người tài muốn sẵn để phòng cậy tay.  
Gấm ơn công đức lâu nay.  
Thảo lai cũng gặp có ngày mà hay.  
Đồng nai cả đất nước này.  
Của tiên liệt để những ngày phân cương.

---

(1) Thơ dương ân : người học trò ở chốn thơ dương ở ân mà có tài làm tướng.

Gò mai ai biết thơ dương.  
Cũng nhà xử sĩ Long cương<sup>(1)</sup> mà rằng.  
Trải bao ngóng gió ngó trăng.  
Phút đâu người đến đã bằng lòng trông.  
Vẫn nghe danh sĩ chẳng không,  
Nay xem biết chắc lâu thông thật tài.  
Siêu quân nay có mấy ai.  
Xa thơ<sup>(2)</sup> uyên súc<sup>(3)</sup> ví người tài xưa.  
Phương Tây chót lưỡi tiếng đưa,  
Dịch làm chủ nghĩa đã thừa mây nơi.  
Lại khi các nước chơi bời,  
Dấu giày đã khắp các lời thố âm.  
Tới nay kết nghĩa đoạn cầm<sup>(4)</sup>.  
Màn sen về chôn cơ tâm giúp bàn.  
Đã tinh trải mấy niềm đơn.  
Trước nơi thêm ngọc thiên nhan châu gân.  
Gặp đây lựa phải mấy lần.  
Chớ phân rằng muộn, chớ cần rằng trưa.  
Hãy xin ngài mền tình ưa,  
Hết bày cạn nỗi sau xưa tâm lòng.  
Một câu hiểu dễ, tin trung.  
Lo đến ơn nợ đất trong nước nhà.  
Những niềm riêng tưởng vinh hoa.  
Phù vân nghĩ lại nên chê tác lòng.  
Chước chi bạc lãng đông mông<sup>(5)</sup>,

---

(1) Long cương : chỉ ông Không Minh Gia Cát Lượng.

(2) Xa thơ : do câu ; Học phú ngữ xa thơ, học sách đề qua năm xe.

(3) Uyên súc : Vực sâu nuôi cá (chỗ chứa những kẻ tài ba, học giỏi).

(4) Đoạn cầm : do câu, nhân đồng tâm kỳ nghĩa đoạn kim. Hai người đồng lòng thì cái nghĩa nó qui như nên vàng chặt hai, đồng đều nhau.

Nước giàu binh mạnh cũng trông đó bày.  
Đâu khi cách núi xa vời.  
Trương Nghi nổi tập dăng lời biểu tiên.  
Đời xưa cũng có Trương Khiên.  
Cỡi bè vâng mạng sứ miền Hung nô.  
Ấy là vi nước viên đô.  
Cũng mong chi đó Việt Hồ dậm khơi.  
Trương Lương xưa cũng là người.  
Vua ăn mượn đũa tính lời thiệt hơn.  
Ấy là cạm tấm lòng đơn.  
Đó toan mưu chước chớ dôn nghĩa ngay.  
Tiếc thay Da luật những ngày.  
Trung thơ chức chưởng nên tay danh hầu.  
Cứu dân khen cũng nhiệm màu.  
Khéo bề cơ biến găm âu có tài.  
Phải chi ta dụng dặng ai,  
Can chi một cuộc lâu dài chẳng nên.  
Phải chi đá cũng lòng bên.  
Can chi nhà Tấn ra nên thử ly.<sup>(1)</sup>  
Mắt xanh mấy bạc kỹ tri.  
Mấy trang tài đức mấy khi ai tưởng.  
Tiếng thơm danh lạ một đường.  
Tài kia có một dễ nhường cho ai.  
Tiếng chim hay cũng êm tai.  
Mến rừng phải biết mến hoài lòng trông.  
Khéo khen con cá giữa sông.

---

(5) Bạc lạng đồng mông : Có câu : bi thuyền lạc lạng chiến đồng mông.  
Nghĩa là : Thuyền da cưỡi sông có mông xung dờ dạn. (Kể đánh giặc).

(1) Thử ly : Kinh thi có câu : Thử tác ly ly (Nhà Chu thua rồi, suy vi, nên xả tác cơ mọc, lúa lên).

Chắc rằng đặng nước mới mong vẫy vùng.  
Sở xưa Ngô Ngụy bắc đông.  
Đặng ông Gia Cát mới trông vững vàng.  
Việc chi mà có khó toan.  
Khiến ai luống những rộn ràng lòng lo.  
Lẽ kia ta cũng đã dò.  
Trời xanh nghĩ cũng in đo tác lòng.  
Khiến nên gặp gỡ đèo bông.  
Tình cờ mà lại một lòng chúa tôi.  
Đêm ngày châu chực bên ngôi.  
Sơn vi<sup>(1)</sup> người nhớ chỗ ngôi thảo lư.  
Vội vàng lời biểu tạ từ.  
Qui thiêu<sup>(2)</sup> một gánh đã xa dặm ngàn.  
Xiết bao non nước Nam quan.  
Đào Tiềm người nhớ lời làm qui lai.  
Tình ta khôn nỗi quan hoài.  
Cũng trong lòng đó lâu dài niềm son.  
Xin cho trời đất vuông tròn.  
Bể êm sóng lặng, mát mơn ta trông.  
Kẻo người chịu những lạnh lùng.  
Gió thu năm tháng chổi dong đêm ngày.  
Ngày nay một cánh buồm bay,  
Tấm lòng phơi phới ai tày như người ?  
Tình ta khôn nỗi vui cười.  
Nhớ ai vôi vọi như người vọng phu.  
Người về chốn cũ thảo lư,  
Đất xa nên phải cũng như lòng gàn.  
Tâm thân nghĩ cũng tương thân,

---

(1) Sơn vi : Rau vi ở chỗ đất cũ của mình (ý nói nhớ nhà, nhớ chốn cũ của mình)

(2) Qui thiêu : xe chơ đồ mà đi về.

Chớ xa tình nọ như gần với nhau.  
Tiệc đưa chén cúc ruồi mau.  
Dương quan mấy nổi quận đau chín chiều.  
Chút tình dễ đó dặt diều.  
Ngô sơn, Sở thủy quạnh hiu bước đường.  
Dần dừ tình nhớ nổi thương.  
Ngũ ngôn trường luật dễ trượng huỳnh dàng.  
Chữ phê ngự bút cũng rằng :  
Lời vàng tiếng ngọc hồ mong sĩ hiền.  
Ngay tin cùng lấy kinh quyền.  
Một niềm trông đó cần quyền sau xưa.  
Đêm ngày gìn giữ lo lừa.  
Danh thơm tiếng tốt mới vừa lòng ta.  
Người xưa áu cũng thế mà.  
Người nay nên sánh mới ra bậc hiền.  
Tiếng khen ngàn thuở lưu truyền.  
Nay ta gặp đó xin duyên để đời.



Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

**THƯ VIỆN HUỆ QUANG**

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: [thuvienhuequang.vn](http://thuvienhuequang.vn)